

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

ĐIỀU-TRA VỀ VIỆC NỘI-LOAN NƯỚC TÀU (1)

Nếu có một trường học dạy về nghề làm báo, thì chúng tôi xin bàn với hội-dồng chấm thi tốt-nghiệp nên ra cho các thí-sinh cái đầu bài như sau này : « Nói về tình-hình nước Tàu, sao cho rõ-ràng để cho các độc-giả nước Pháp có thể hiểu được. » Thiết-tưởng cứ một cái đầu bài ấy cũng đủ cho các thí-sinh phải khó-nhọc, và người nào làm được mới thật là người tài. Chúng tôi còn nhớ thừa nhỏ thường những buổi đêm đông, cả nhà họp lại, đặt ra những câu đố kỳ-khởi để mà thách lẫn nhau, gọi là « đố kiểu tàu, đố võ đầu » (*casse-têtes chinois*), nghĩa là khó quá, nghĩ đến võ đầu không ra. Nay tôi đi quan-sát việc Tàu, mới biết câu nói đó là đúng. Chúng tôi đến Bắc-kinh phải đi xe lửa luôn trong 14 ngày 15 đêm không dừng, tới nơi kẻ đã được một tuần-lễ này, có ý muốn dò xét cho biết tình-hình ở đây thế nào, thấy khó-khẩn rắc-rối quá, nhiều lúc đã lấy làm chán lăm, muốn lại lên xe lửa trở về chứ không ở lâu mà mất thì-giờ nữa. Đương lúc đã hầu thất-vọng như thế, thời bỗng thấy cái cảnh Bắc-kinh, có vẻ sáng-sủa ấm-áp, nghe người Tàu nói năm nay có khác mọi năm, trời nắng khi chậm, — nhưng chúng tôi đi lăm đã quen, phàm đến

xứ nào lạ, gặp nóng hay gặp lạnh, cũng thấy người dân nói năm ấy là năm khác thường, năm đặc-biệt ! Vây mặt trời đã lên cao chói-lọi, những tường thành cổ, cung-diện xưa, mái cong vất lên như cái mũ lính tuần canh đồng (*gardes champêtres*) bên nước Pháp, mái xanh, mái đỏ, mái vàng, lấp-lánh dưới ánh mặt trời chiếu sáng. Tuyết trắng vườn Thượng-uyên đã tan hết cả, nên cái lòng phân-vân do dự chúng tôi cũng tiêu-tán đi hết, bấy giờ mới quyết thử dụng-tâm nghiên-cứu việc Tàu, xem có khám-phá được điều gì không, cứ lấy cái tư cách một « người Pháp bình-thường » (*Français moyen*) mà xét, chứ không dám lên mặt nhà ngoại-giao, nhà chính-trị hay tay chuyên-môn gì.

Muốn quan-sát những việc xảy ra cách Paris tới hai vạn cây-lô-mét, như ảnh-hưởng sâu-xa, đủ làm nguy cho cuộc hòa-bình thế-giới, muốn quan-sát cho khám-phá được, thì chỉ có một phương-pháp như sau này.

Phương-pháp ấy là phải xét tình-hình nước Tàu ra bốn phương-diện, bề ngoài tuy khác nhau, mà tựu-trung cũng là liên-lạc với nhau cả: Một là xét về phương-diện người đứng, thấy việc là thì xem chơi; hai là xét về

(1) Ông ROGER POULAIN là đặc-phái của nhà báo lớn ở Paris, *Le Temps*, năm 1927 sang Tàu, đi khắp miền Nam miền Bắc, p ông vẫn n ững yếu-nhân trong các giới, để điều-tra về việc nội-loan nước Tàu. Ông có viết về báo *Le Temps* mấy bài đề-thất về những sự kiện-vấn quan-sát của ông. Lời phán-đoán xem ra cũng bình-tiêu, vậy hầu-cái lược-dịch ra đây để công-đồng lăm.

phương-diện người nước Pháp ; ba là xét về phương-diện người Âu-châu ; bốn là xét về phương-diện thế-giới.

Đứng về phương-diện người đứng mà xét việc nước Tàu, cũng đã thú lắm rồi. Đứng trên núi, xa nơi canh-trà-h, mà quan-sát cách hành-dộng của bọn quân-nhân, bọn chính-khách nước Tàu, bên nào cũng nói rằng muốn đặt cho nước một cái chính-thể vững-vàng thống-nhất, nhưng theo bên nọ hay theo bên kia, thì dân-dân thắng hay quân-dân thắng, những chế-độ cộng-sản của nước Nga thắng, hay là những chế-độ dân-chủ của Tây-phương thắng; nước Tàu ngày nay thực là một chốn kịch-trường lạ-lùng, khách quan-sát, tùy tính-chất người, có thể đem cái thái-độ nghiêm-ngộ hay cái thái-độ hoạt-kê mà xét, nhưng xét thế nào cũng là có thú-vị vô-cùng.

Tuy-nhiên, nếu lấy con mắt người Pháp mà xét, thì cái về hoạt-kê tuy có giảm đi, nhưng cái thú-vị thì lại càng thêm lên nữa, vì việc nước Tàu này, không phải là không quan-hệ cho nước Pháp, quan-hệ cho thanh-thể nước Pháp ở Á-Đông, quan-hệ cho thuộc-địa nước Pháp ở liên-dây, quan-hệ cho sinh-mệnh tài-sản của mấy trăm nghìn người Pháp trú-ngụ ở nước Tàu. Tuy người Pháp đã từng đem tư-bản sang kinh-doanh ở nước Tàu nhiều lắm, nhưng cái phương-diện lợi-quyền ở nước Tàu đó không đáng cho ta chú-ý lắm bằng cái vấn-đề bảo-an cho thuộc-địa Đông-Pháp, bởi cội liên-cây-lô-mét, tuy hiện nay không có nguy-hiểm gì, nhưng vì ảnh-hưởng việc Tàu mà cũng phải phòng-bị cẩn-mật.

Nói về phương-diện Âu-châu, thì các Liệt-cường Tây-phương, quyền-lợi ở Á-Đông cũng như quyền-lợi ở Âu-châu, có mối liên-lạc mật-thiết với nhau, lẽ phải hiệp-lực để giữ lấy thuộc-địa của nhau, giữ lấy các đường giao-

thông sang thuộc-địa, giữ lấy cái chế-độ tư-bản đối với chế-độ cộng-sản, giữ lấy trật-tự đối với cái phong-trào cách-mệnh, đang gặp lúc nguy-hiểm phải hiệp nhau thành đoàn-thể vững-vàng, nhưng vì không có chương-trình nhất-định, không có đồng-tâm với nhau, sợ đến tiêu-tán thế-lực đi mất. Ấy đứng về phương-diện Âu-châu mà xét, cũng có cái quan-hệ to như thế.

Sau hết đứng về phương-diện thế-giới, cũng nên xét xem việc Tàu có ảnh-hưởng đến cuộc hòa-bình thế-giới thế nào và thứ nhất là nên xét xem trong các nước ngày nay có nước đương bị thế-giới nghi-kỵ xem chừng khao-khát muốn chiến-tranh để báo-thù lại, có sẽ thừa-cơ việc nội-loan nước Tàu này mà kiếm chuyện khôi-hiến với một nước nào chăng, điều đó cũng quan-hệ lắm.

Sau này chúng tôi sẽ nói về cái cách chúng tôi phán-đoán nước Tàu người Tàu ra thế nào; chúng tôi sẽ dự-đoán về cùn-cánh cuộc nội-loan thế nào; chúng tôi sẽ bình-phẩm về cái thuyết của mấy ông giáo cho người Tàu ngày nay đã duy-tân rồi, thật là trái với sự thực; chúng tôi sẽ phân-biệt phần nào là phần có tiến-bộ, phần nào là phần còn hủ-bại; nghĩa là chúng tôi sẽ nói tường về lịch-sử, về chính-trị riêng của nước Tàu.

Nay có mấy câu hỏi cần, chúng tôi phải trả lời trước đã. Mấy câu hỏi ấy như sau này: Thứ nhất: có gì nguy-hiểm cho sinh-mệnh người Pháp ở Tàu không; thứ nhì: các Liệt-cường Âu-Tây có nên cùng nhau thi-hành một cái chính-sách bảo-thủ ở Tàu không; thứ ba: các liệt-cường thế-giới, dù Âu, dù Mỹ, dù Á, muốn giữ lấy trật-tự trong thiên-hạ, có nên hiệp-lực nhau để đối với đảng quá-kích của Tàu không, đảng này thực là chủ-trương một cái chủ-nghĩa cộng-sản « mùi da cam » (*un bolchevisme orange*) nửa pha sắc đỏ

của Nga, nửa pha màu vàng của Tàu, không phải là không nguy-hiểm vậy.

Trong hai đảng đương tranh quyền ở Tàu bây giờ, bản-tâm chúng tôi không phải là muốn thiên-vị một bên nào, vì hai bên chúng tôi cũng có người quen biết, có người vi-nễ cả, nhưng chúng tôi thấy ở Pháp có người tưởng rằng nước Pháp cứ giữ trung-lập thì sẽ khỏi phải chịu thiệt-hại về việc nội-loạn nước Tàu, chúng tôi xét ra tưởng như thế là tưởng lầm. Xem việc giết-hại ở Nam-kinh vừa rồi, thì biết rằng người Tàu đã bị cái phong-trào bài-ngoại nó xô-dẩy, thì đối với người ngoại-quốc trú-ngụ ở Tàu, không còn có phân-biệt gì nữa, bất-cứ là người Anh, người Mỹ hay là người Pháp, cứ là người ngoại-quốc là không ưa, chỉ biết cái sắc da khác với mình mà thôi, thực là sự chủng-tộc-cạnh-tranh như xưa vậy.

Tình-hình như thế, hoặc có người bảo rằng thà bỏ quách cả mà đi, chứ người ta đã có ác-cảm với mình như thế, thì ở mà làm gì, nhược-bằng ai có muốn cứ miễn-cưỡng mà ở thì nguy-hiểm hay thiệt-hại mặc mình, không nên trách chính - phủ mình không bênh-vực. Cái thuyết đó là cái thuyết phóng-khi cả các lợi-quyền về vật-chất và tinh-thần do điều-ước phân-minh mà được hưởng từ xưa đến nay, lợi-quyền ấy không phải là nhỏ, sau này sẽ nói tường; thuyết đó được cái hay, là giản-dị lắm, cứ việc thoái-bộ, không khó-nhọc gì. Nhưng được cái yên-ôn nhất-thời mà di-hại về sau này biết bao nhiêu! Cho rằng cách giải-quyết như thế có công-biệu, thì thật là không hiểu tâm-lý người Đông-phương lắm. Thấy sự nguy-hiểm mà tháo-lui như thế, tức là làm mất quốc-thê, khiến cho họ được đảng chân lân đảng đầu, lại khiến cho người bản-dân ở Đông-Pháp thấy thế lại càng thêm yêu-cầu mỗi ngày một nhiều, tức

là mắc phải cái lầm như ở các xứ Hồi-giáo, nước Pháp mới rồi ở Ma-lac-kha và ở Tây-lợi-à đã quả-quyết mới có thể tránh khỏi được. Vậy thì nước Pháp cũng phải phòng-bị để bảo-hộ cho người Pháp kiều-cư ở Tàu, người Anh người Nhật phòng-bị thế nào thì người Pháp cũng phải làm như thế.

Trái với cái thu ết tuyệt-dịch trung-lập, có điều bất-tiện, có điều thiệt-hại như trên vừa nói, còn có cái thuyết can-thiệp bằng võ-lực, nhưng phải tổn quân tổn của nhiều lắm, nước Pháp hiện nay không thể đương được, mà người Pháp ở Tàu cũng hiểu lẽ đó lắm. Và cái cách giải-quyết bằng võ-lực như thế cũng không phải là trong ý-nguyên chúng tôi. Hai thuyết như trên là hai thuyết cực-đoan, ở khoảng giữa hai thuyết ấy còn có một cái thuyết trung-bình, có lẽ thích-hợp hơn, là nên dùng một cái chính-sách cương-ng nghị, chọn lấy mấy nơi làm chỗ trú-ngụ cho các kiều-dân Pháp ở Tàu, trong khi nội-loạn thì đến hợp cả đấy mà ở, phòng-bị cho kỹ và tuyên-bố rõ lên rằng những nơi ấy, hễ đảng nào xâm-phạm vào mà làm thiệt-hại đến sinh-mệnh tài-sản các kiều-dân, thì cả nước Tàu sẽ phải trách-nhiệm vào đó, còn như những vấn-đề sửa lại điều-ước hay là đổi chế-độ tò-giới, thì khi nào nước Tàu có chính-phủ hẳn-hoi, bấy giờ nước Pháp sẽ điều-định thương-thuyết.

Ấy cứ lấy con mắt bình-tĩnh của một người dân Pháp, quan-sát việc nước Tàu, không thiên-vị về bên nào, thì đại-khai nước Pháp đối với việc nội-loạn Tàu phải xử-trí như thế là hơn cả.

Lại còn một phương-diện nữa cũng nên chú-ý, là phương-diện chủ-nghĩa cộng-sản ở nước Tàu. Tháng trước chúng tôi còn ở Paris, hồi bấy giờ chủ-nghĩa cộng-sản chưa lan rộng ra ở Tàu, chúng tôi có nói chuyện với mấy người biết việc Tàu, tỏ ý ngờ rằng Nga

có ý muốn lợi-dụng Tàu để gây nên một cái phong-trào phản-đối các nước tư-bản trong thế-giới, các nhà ấy bảo chúng tôi rằng: «Chủ-nghĩa cộng-sản không có lẽ truyền ra ở Tàu được, vì cái tình-hình kinh-tế ở Tàu trái hẳn với chủ-nghĩa ấy.»

Ngày nay chúng tôi đã kinh-nghiệm rồi, thì chúng tôi nói rằng: «Chủ-nghĩa cộng-sản theo như học-thuyết Mã-khắc-ti (KARL MARX) thì ở Tàu không có thật, nhưng mà chủ-nghĩa quá-kích về chính-trị cùng những phương-pháp hành-dộng của đảng cách-mệnh thì xem ra có ý muốn thịnh-hành lắm.» Đảng cách-mệnh Nga, từ việc phục-hưng nước Thổ-nhĩ-kỳ, việc dấy loạn ở Ma-lac-kha, ở Tây-lợi-á, việc bãi-công của bọn thợ mỏ nước Anh, đều có can-thiệp vào cả, muốn lợi-dụng để phản-đối các nước tư-bản Âu-Tây, nhưng mấy việc đó đều hỏng cả, nay lại xoay ra lợi-dụng việc nội-loạn nước Tàu, cũng là cùng một cái dã-tâm như thế, đã rõ-ràng lắm rồi, người nào cố-ý bịt mắt không trông thì mới có thể cãi được vậy. Chúng tôi đi lượt qua nước Nga, nghiệm thấy dân-gian thì khổ-sở mà bọn quân-linh thì ngênh-ngang, chúng tôi dám quyết rằng đảng cách-mệnh Nga là đảng «đệ-tam Quốc-tế», ngày nay đương chú-trọng thứ nhất là nước Tàu, cuộc thế-giới cách-mệnh được hay thua là giải-quyết ở nước Tàu này vậy. Đảng cách-mệnh đó, bày ra cái hiềm-tượng cho thế-giới như thế, đắc-thắng ra thì được danh-giá, được thế-lực, để vay tiền ở ngoài, mà thất-bại ra, thì cái chính-thể cộng-sản sẽ đến đồ-địa, mà các nước sẽ nổi lên phản-kháng lại. Bởi thế nên bọn BORODINE hết sức xui-giục các đồ-đệ ở Quảng-dông làm những cái thủ-đoạn phá-hoại rất dã-man, nếu không phải vì lẽ vừa nói, thì có chi mà háng-hái nhiệt-thành như thế. Đã biết vậy, thì có lẽ nước Tàu bây giờ là nơi

chiến-trường cho hai cái chủ-nghĩa đương quyết-đấu nhau trong thế-giới ngày nay, là chủ-nghĩa hòa-bình và chủ-nghĩa cách-mệnh, mà có lẽ nếu các Liệt-cường biết hiệp-lực nhau mà thi-hành một cái chính-sách đàn-áp ở chỗ khác chứ không phải ở ngay nước Tàu này, thì lại bảo-hộ được cho các kiều-dân ở Tàu có công-hiệu hơn là dẽ-bình sang để can-thiệp vậy.

Sau nữa, ở Âu-châu cũng có ít nhiều người có bụng rộng-rãi muốn nhờ Hội Vạn-quốc can-thiệp vào để giải-quyết cho việc nội-loạn Tàu. Cứ như ý chúng tôi thì cách giải-quyết ấy không có công-hiệu gì, mà có lẽ cũng không thi-hành được nữa. Tuy chính-phủ Tàu vẫn có một người đại-biểu ở Hội Vạn-quốc đấy, nhưng chính-phủ ấy có cũng như không, còn những tay lãnh-tự đương chủ-trương việc nước Tàu ngày nay, dù là thuộc về Nam-phương hay thuộc về Bắc-phương, không có ai là biết đến Hội Vạn-quốc, không có ai là công-nhận Hội Vạn-quốc cả. Lại tay lãnh-tự Nga, đứng trong âm-mạc mà chủ-trương việc Tàu là BORODINE họ, cũng không từng biết Hội Vạn-quốc là gì. Như vậy mà hội-dồng quản-trị Hội Vạn-quốc can-thiệp vào để can ngăn họ, thì còn có công-hiệu gì, chỉ đủ khiến cho họ cười cho mà thôi..., trừ Hội Vạn-quốc dám cả quyết cảnh-cáo sự nguy-hiểm cho thế-giới và thúc-giục các nước phải hiệp-lực để đối-phó thì không kể.

Ngày mồng 5 tháng 3 năm 1927, tôi rời thành Paris, đi chuyển xe lửa "cấp-tốc" Berlin - Varsovie - Moscou để sang Tàu, đi suốt 14 ngày 14 đêm không dừng, đến ngày 19, 11 giờ sáng thì đến Bắc-kinh. Bấy giờ đối với người Tàu việc Tàu, tôi chưa biết gì cả, mới đọc qua rầm ba quyển sách, gọi là thiệp-liệp ít nhiều mà

thời. Còn thì đọc những điện-tín của các báo, đọc mấy tờ báo-cáo của các lãnh-sự, nghe chuyện những người ở Tàu về, cũng biết đại-khái việc nội-loạn ở Tàu xảy ra thế nào, và cái hiềm-tượng về sau này thế nào. Tuy-nhiên cuộc lữ-hành trong 14 ngày đêm ấy tưởng không khỏi có chuyện lỏi-thối nguy-hiểm, vì xe lửa chạy suốt cả nước Nga từ đầu nọ đến đầu kia, vậy mà thủy-chung vô-sự cả, không gặp sự khó-khẩn gì, không phải chậm trễ một giờ nào, không phải ai hành-hạ bất-bể gì, đúng ngày đúng giờ tới kinh-đô nước Tàu, gặp giữa tiết xuân ấm-áp. Cách một giờ sau thì đã ngồi trong khách-sạn Bắc-kinh, nhìn ra ngoài thấy cái phong-cảnh kinh-thành như bức tranh trước mắt, bên nước-nôm khen các đường xe lửa đại-lục ngày nay, sắp đặt chính-dồn mà chạy rất mau, chỉ có hai tuần-lễ đi từ Paris tới Bắc-kinh được. Ngắm phong-cảnh các đền chùa ở xa xa, rồi lại ngắm đến cảnh-tượng ở gần ngay cạnh mình, thấy những giai-nhân tài-tử các nước cưỡi ngựa đi chơi chung-quanh xóm Sứ-quán, ra dáng ung-dung nhàn-hạ lắm. Nào các quan Công-sứ các nước, nào các viên thư-ký các Sứ-quán, các quân-quan coi các đội quân ngoại-quốc trụ-trát ở Bắc-kinh, nào các bậc thiếu-phụ thiếu-nữ, cho đến con trẻ nữa, thì nhau mà cưỡi ngựa giông chơi; ấy là người ngoại-quốc, còn người Tàu thì cũng dáng diêm-nhiên vô-sự cả, người nào người nấy mặc toàn một thứ áo mùi xanh, trong nhõm bông đề ngự-hàn, mà đeo ở đầu ngón tay trỏ có một cái gì như cái trống bằng giạ, hỏi ra mới biết là một cái lồng chim bọc giạ ở ngoài cho chim khỏi rét. Mới đầu mùa xuân, mặt trời dương trưa đã có ý nóng, người Tây tui giắt ngựa đi chơi, người Tàu thì đem chim sưởi nắng, cái cảnh-tượng ấy há phải là cái cảnh-tượng

nội-loạn dư? Mà tôi đây tự phương xa lại đề kiểm chuyện lạ, há còn có chuyện gì lạ mà thuật nữa dư?

Nhưng đó là cái cảm-giác lúc đầu mà thôi, cảm-giác ấy đến khi tiếp-xúc đến sự thực mới biết là không đúng. Đương thường cái cảnh xuân ấm-áp ấy, mà đem con mắt nhìn kỹ đến thời-cực, khác nào như có người đem nước lạnh mà rội vào mình. Thời-cực nước Tàu này, về đường chính-sự, về đường quân-sự, thật là bối-rối vô-cùng. Một nước lớn tới 20 lần nước Pháp, trong đó có bốn trăm triệu người bản-dân cùng với mấy ngàn người thuộc về khắp các nước trong thế-giới, họp nhau ở đây mà châu-tuần hoạt-dộng, rối-rít phản-vân cả, xét cho ra manh-mối, thật cũng khó lắm thay.

Có người bảo tôi rằng: « Bắc-kinh tuy là kinh-đô nước Tàu, nhưng thực không phải hình-ảnh nước Tàu hiện ra đây. Bắc-kinh có một cái chính-phủ lập-hiến, là chỉ đề đối với ngoài mà thôi. Trong kinh-thành được yên-đàn như thế này là nhờ được một người cầm quyền, không phải là ông vua, nhưng oai-quyền có lẽ hơn vua nhiều nước. Người ấy là tướng Trương Tác-Lâm, hiện đương đóng quân ở Bắc-kinh này. Trương tướng-quân rời đất Đông-tam-tĩnh là nơi ông vừa đi xe lửa qua, vượt Vạn-lý trường-thành xuống đây, để kết-liên với các đốc-quân mấy tỉnh. Trục-lệ, Sơn-dông, Thiểm-tây, quân đội của mấy tướng ấy hiệp lại với nhau, giữ cả miền nước Tàu này, coi việc canh-sát, giữ lấy trật-tự, bởi thế nên xem ra bề ngoài có cái vẻ bình-tĩnh như thế này; nhưng ở phía nam sông Dương-tử, thì đương loạn tứ-tung cả; những quân-linh theo về đảng quá-khích, đương tàn-phá các nơi kể chợ nhà quê, giết người lấy của, gặp người Âu-Tây nào thì bắt cóc, không thì giết chết, đương hăng-hăng muốn tràn ra khắp

cả nước Tàu. Hiện đã chiếm được Thượng-hải; các đồng-bào ta ở đây bây giờ đương nguy-hiểm lắm. Chúng ta ở đây, giá không có Trương tướng-quân bảo-hộ cho, thì cũng đến xếp hòm-rương mà đi cả thôi. »

Ấy trong một buổi thư nhất đó tôi gặp có đến mấy chục người Âu-Tây, người Pháp, người Anh, người Ý, ai cũng nói như thế, đều có cái giọng bi-quan hết cả; đến các công-sứ, các lãnh-sự đi ngựa chơi về, tiếp tôi ở các sứ-quán, tuy ý-kiến có khác nhau một chút, nhưng đại-khái cũng như thế cả. Mà tòa Sứ nào cũng phòng-bị như nơi thành-quách vậy.

Người thì nói rằng : « Bây giờ đâu đâu cũng cách-mệnh cả. Ở Bắc-kinh cũng nguy-hiểm như ở Thiên-tân. Chỉ trong 8 ngày nữa, quân Quảng-dông sẽ đến đây. Chúng ta rồi phải theo cái chế-độ quá-khích cả, ông cứ ở đây, sẽ được xem lắm chuyện hay. »

Người thì nói : « Quân của Trương tướng-quân là vô-dịch. Chúng ta cũng nhờ đó mà được yên-ổn, vì Liệt-cường Âu-châu không muốn hành-động gì để bênh-vực cho ta cả. Hiện nay quân Trương chưa ra đối-dịch với quan Nam-phương, nhưng lúc nào tướng-quân quyết đánh, thì tất lấy lại được Thượng-hải, Hán-khẩu, cả Quảng-dông nữa, ông cứ đi theo quân Bắc-phương, sẽ được mục-kích nhiều chuyện lạ. »

Người thứ ba nói rằng : « Ở Tàu này có bên nào thực đánh nhau với bên nào bao giờ. Chỉ thấy bên thì hối-lộ quân địch, bên thì phản lại tướng mình mà thôi. Quân-lính là thằng cu-li, cho lương-gần với cho cái súng, súng thì không biết bắn, chỉ dùng để nạt dân nhà quê mà bóc-lột cho dễ. Còn những tướng lớn tướng nhỏ, nào đảng quốc-dân, nào đảng cộng-hòa, nào đảng đế-quốc, nào đảng cộng-sản,

chẳng qua là một lũ tham-lam chỉ mong cướp lấy quyền để để kiếm tiền mà thôi. Ấy lịch-sử nước Tàu từ 15 năm nay, nghĩa là từ khi khuy-nh-đạo để-cho đến giờ, chỉ có thế mà thôi. »

Người thứ tư nữa nói rằng : « Đối với người Tàu chỉ có thể dùng một cái chính-sách võ-lực mà thôi, để quân sang đây cho nhiều, đoán-sương đại-bác, dợt cho họ một mẻ, cứ 10 năm một lần như thế, thế là yên-ổn vô-cùng, tôi đã biết. »

Sau hết tôi lại tiếp chuyện một nhà ngoại-giao thứ năm nữa, mấy nhà trên tôi đã không nói tên, thì ông này tôi cũng không kể tên làm gì; ông nói chuyện bình-tĩnh, không có cái bụng thiên yêu ghét gì ai, có lẽ vì ông là đại-biêu một nước nhỏ, không có điều-ước gì với Tàu không có tô-giới gì ở Tàu, không có một tên lính nào đóng ở địa-hạt Tàu cả. Ông vẽ cái tình-hình nội-loạn ở nước Tàu, bằng một nét bút có điều-độ, không đậm không nhạt, sau này tôi lấy đây làm như cái khuôn cho cuộc điều-tra của tôi, trong ba tháng tôi kinh-nghiệm mới biết lời ông nói là bình-tĩnh và đích-xác.

Ông nói rằng : « Người ngoại-quốc ở Tàu từ năm 1911 đến giờ, mắt trông cái cảnh nội-loạn nước Tàu đã chán đi rồi, vậy mà từ bấy đến nay không có hồi nào thật nguy-hiểm đến sinh-mệnh tài-sản bằng hồi này. Nếu chỉ thiệt-hại đến tài-sản mà thôi, thì cũng không nguy lắm, nhưng gần đây có cái luồng ác-phong từ Tây-phương đưa lại, là cái phong bài-ngoại, nó thổi vào trong đám dân Tàu này, là một dân đương sẵn có bệnh thần-kinh, làm cho cuồng đại lên, sẵn lòng làm những thủ-doan dã-man ác-liệt vô-cùng. Từ trước đến nay cuộc nội-loạn là hai cái chủ-nghĩa, hai cái khuy-nh-hướng cạnh-tranh nhau, một bên là chủ-nghĩa bảo-thủ, một bên là chủ-nghĩa tiến-hóa; nay thì thành ra cử-quốc nổi lên để chống

lại với ngoại-quốc. Ông dùng có xét
 lầm, người Tàu Bắc-phương cũng như
 người Tàu Nam-phương, tuy phương-
 pháp ứng-dụng ra khác nhau, nhưng
 mục-dịch cũng là một. Phà các điều-
 ước của Liệt-cường bắt kỳ từ trước,
 thu phục lại những đất đã phải nhường
 cho Liệt-cường cùng cả các tô - giới,
 thoát hẳn cái quyền giám - đốc của
 người ngoại-quốc, nói tóm lại là đuổi
 hết những người ngoại-quốc ở Tàu đi,
 ấy đại-khái cái chương-trình của các
 đảng là như thế, và đảng nào muốn
 cho giữ được quyền-thế cũng lại làm
 cho quá cái chương-trình ấy đi. Các
 quan đồng-sự với tôi trong ngoại-giao-
 đoàn hằng ngày tiếp được thư của
 ngoại-vụ-trưởng Cố Duy-Quân, toàn-
 thị một giọng như thế cả. Ở phương
 nam thì lãnh-sự ở các tô-giới nhất-diện
 bị cái nguy quân Quảng-dông tràn đến,
 nhất-diện cũng hằng ngày bị những thư-
 trát của Trần Hữu-Nhân biện-bách hạch-
 lạc như thế. »

Tôi nói rằng: «Thế thì ra cái quốc-gia-
 chủ-nghĩa ở Tàu là có thật, chứ không
 phải là chuyện hảo-huynh như các
 bộ ngoại-giao các nước thường tưởng
 thế. Có phải thế không thưa ngài? »

Ông trả lời rằng: «Quyết không phải
 là chuyện hảo-huynh, ông cứ tự-nghị-
 rồi biết. Từ khi ở Tàu có các giáo-hội
 cùng học-hội mỗi năm gửi sang các
 trường Đại-học ở Tokyo, ở Boston, ở New-
 York, ở Oxford, ở Cambridge, ở Berlin,
 ở Lyon, ở Paris, và ở Moscou, hàng
 nghìn học-sinh Tàu, bọn này tốt-nghiep
 được văn-bằng rồi về nước (những
 văn-bằng ấy nhiều khi cũng là được dễ
 quá), chắc là muốn đem thi - hành ở
 nước mình những phương-pháp chính-
 trị đã được trông thấy dùng ở các nơi
 khác. Lại thêm cuộc Âu-chiến vừa rồi
 làm điên-đảo cả cái tình-thế quốc-tế;
 ấy ông có muốn điều-tra về việc Tàu,
 thì phải lấy hai điều đó làm căn-bản.
 Phải nhớ đến trong khi chiến-tranh

biết bao nhiêu là công-nhân Tàu sang
 làm ở Âu - châu, hoặc làm ở các
 xưởng thợ, hoặc làm ở các bến
 tàu, thường-thường giao-tiếp với các
 đoàn-thể lao - động ở Tây-phương; lại
 các nhà ngoại-giao Tàu được tham-dự
 vào các hội-nghị quốc-tế, thảo-luận về
 cái quyền dân-tộc tự-quyết; lại các
 quân-quan Tàu theo học ở các trường
 võ-bị Âu-châu, Á-châu, Mĩ-châu, các
 khi-giới đời nay đã biết dùng thông-
 thạo cả. Bọn học-sinh, bọn lao-động,
 bọn ngoại-giao, bọn quân-nhân, đó là
 bốn phái làm cho nước Tàu rối loạn
 ngày nay, kể sánh với tổng-số dân
 trong nước thì không đầy hai phần
 trăm, nhưng là hai phần trăm rất hoạt-
 động. Những bọn đó là học trò của
 Tây-phương cả, nay lại đem cái học
 của Tây-phương dạy cho mà phản-đối
 lại Tây-phương đó. »

Tôi nói rằng: «Tôi cũng hiểu như
 thế, nhưng thiết-tưởng Tây-phương
 cũng dạy cả cho họ biết công-pháp của
 Vạn-quốc là trọng, điều-ước đã ký thì
 phải tuân, và sinh-mệnh người ta là
 đáng quý.»

Ông trả lời rằng: «Chính thế. Ông
 đừng tưởng rằng tôi có ý bênh họ đâu.
 Nhưng chỉ tiếc rằng Tây-phương đã có
 công dạy bọn học-trò, đến khi
 thả cho về nước thì không hề đoái
 nhìn đến nữa, để cho mặc sức hành-
 động, khiến cho bờ-ngõ chứa được sành
 công việc, bị có kẻ đã-tám nó lợi-dụng.»

Tôi hỏi: «Kẻ đã-tám ấy là ai? »

Ông nói: «Kẻ đã-tám ấy là nước Nga,
 nước Nga của đảng Sô-viết. Nước Nga
 ngày nay đương lợi-dụng cái chủ-nghĩa
 quốc-gia của người Tàu, chủ-nghĩa này
 chính là Tây-phương đã gây dău-ơm cho
 người Tàu, khác nào như gà ấp trứng
 ngỗng vậy, đến khi nó nở ra con thì
 không biết trông nom nhìn nhận đến
 nữa. Bao nhiêu điều tệ-hại cho ta ngày
 nay là kết-quả sáu năm sai-lầm đó.»

Tôi hỏi : « Sự sai-lầm ấy có thể chữa lại được nữa không ? »

Ông nói : « Nếu Liệt-cường đã biết sự nguy-hiểm như thế, đồng-tâm hiệp-lực, cùng trừ một cái chương - trình hành-dộng để phản-đối lại cái dã-tâm của đảng cách-mệnh Nga, thì có lẽ còn được. Ông phải hiểu rõ rằng việc nội-loạn nước Tàu ngày nay đã ra ngoài phạm-vi một nước Tàu rồi, mà thành như cái khí-cụ ở trong tay đảng cách-mệnh Nga dùng để gây loạn trong thế-giới, và sau này nếu đến lưu-huyết rộng ra nữa, thời kẻ có trách-cứu vào đó thực không phải là ở nước Tàu vậy. Tuy-nhiên nếu biết quả-quyết mà cố-dộng để phản-kháng lại, thì cũng còn có thể bài-trừ được cái ảnh-hưởng của nước Nga đi, ảnh-hưởng ấy từ năm 1919 đã lan khắp ra cả, thậm-chi đến cái xóm Sứ-quán này, trước kia vẫn không ai cho nước Nga vào đâu, thế mà ảnh - hưởng ấy cũng đã ngấm tới rồi. Cứ như ý-kiến tôi thì người Âu-Tây nếu khôn - khéo ra có thể khuyên - bảo các tay lĩnh-tự Tàu được, hết-thảy bọn đó là người học Tây cả, cốt là đừng tỏ ra thiên-vị một bè nào, một đảng nào; vả xét cho kỹ, các bè các đảng ấy cũng không phải là không có cách điều-đinh cho hòa-hợp được. Ấy là tôi nói chuyện qua với ông như thế, còn thì ông phải thân-hành đến tận nơi, giao-tiếp với các người trong đảng Nam-phương, đảng Bắc-phương, tự quan-sát lấy thì mới rõ-ràng. Nhưng tôi chỉ khuyên ông một điều, là hãy chưa quan-sát được kỹ thì đừng nên phán-đoán vội. »

Tôi là một nhà báo, không quản nghìn dặm đi đến đây để tìm kiếm tin-tức hay, được tiếp chuyện với nhà ngoại-giao có trí-thức đó, khác nào như trong tay nải thêm được một lạng vàng, tôi vui mừng lắm, nhưng trong bụng lại vẫn phân-vấn khó nghĩ. Cái nghĩa-vụ của nhà làm báo là phải

báo-cáo cho mau cho chóng, thế mà ông lại khuyên rằng nên xem-xét cho cẩn-thận rồi hãy nói, thì sự cẩn-thận với sự mau-chóng làm sao mà điều-hòa cho được. Bấy giờ tôi mới đem tay nải tôi ra kiểm-diểm lại, thì xét ra nên theo cách-thức như sau này là hơn cả. Trước hết, điều cần-cấp hơn nhất là phải cảnh-cáo cho dư-luận Tây-phương biết cái hiểm-tượng quá-khích, bày tỏ các lẽ cần phải làm thế nào để bài-trừ nó đi cho được, nói rõ cái chán-tượng, cái phạm-vi cuộc nội-loạn Tàu thế nào, rồi bấy giờ mới đi theo để quan-sát các việc, việc xảy ra thế nào cứ thế mà thuật lại, cũng có bàn thêm một đôi chút, nhưng không hề dự-đoán gì về tương-lai, còn thì đồng-thời sẽ chú-ý điều-tra nghiên-cứ kỹ về nước Tàu. Trong mấy tháng tôi ở qua Bắc-kinh, Thiên-tân, Thượng-hải, Nam-kinh, Quảng-châu, chỗ nào xảy ra việc gì tôi cũng thân-hành đến quan-sát, mà hằng ngày gửi điện về. Nay tôi làm bài ký-thuật này là để bổ-khuyết cho các tin điện-báo đó, tả rõ về các đảng đương-cạnh-tranh nhau, bày tỏ cái mưu-mô của mỗi đảng thế nào, lại cái mưu-mô của Liệt-cường can-thiệp đến việc Á-Đông thế nào và tự-trung thì quyền-lợi của nước Pháp quan-hệ là thế nào; lại du-lịch qua cả các nơi đô-hội tỉnh-thành có quan-hệ đến thời-cực nước Tàu ngày nay.

★ ★

Tàu ngày nay chia ra Nam-phương Bắc-phương đương đánh lộn nhau, nhưng người phương Nam phương Bắc không phải là khác giống nhau, tức cũng như người nước Pháp về đời Trung-cổ thường vẫn phân-lia cạnh-tranh nhau, rồi mới hòa-hợp nhất-thống. Nước Tàu ngày nay tức như cái chế-độ phong - kiến nước Pháp đời Trung-cổ, cũng có các tướng mỗi người chiếm-cử một địa-phương,

quân thì là quân cổ - binh, ai thuê tiền thì đánh cho người ấy, không có chủ - nghĩa gì cả, dân nhà quê thì hề bị áp - ức quá nổi loạn lên giết hại rất dữ, các tỉnh thì tỉnh nọ tỉnh kia cạnh-tranh nhau, nhưng tự-trung vẫn có cái ý muốn thống-nhất. Duy có khác là cái chế-độ phong-kiến ấy ở vào giữa đời điện-khi, hơi nước, các tướng đều có tàu bay cả, quân lính có súng-đồng kiêu mới, dân nhà quê có hội liên-đoàn, tỉnh nào cũng có đường xe lửa cả, mà đảng thống - nhất thì muốn theo về chính-thể cộng-hòa. Cứ cái tình-hình nước Tàu như thế thì cũng là thuộc về lẽ tự-nhiên của lịch-sử, không khác gì các nước, duy sự biến-hóa có chậm hơn mà thôi, vậy thời nếu cứ để mặc tất dần dần cũng đến cho ngày phải kết-cục theo lẽ tự-nhiên; số-định thành ra phiền-phức khó giải chỉ là bởi ảnh - hưởng ở ngoài thường thường can-thiệp vào. Nhưng nay ta hãy không xét đến sự ảnh-hưởng ấy, chỉ xét cái khuynh-hướng của các đảng đương cạnh-tranh nhau, và lấy tâm-lý riêng của người Tàu mà giải-thích những sự thắng-phụ trong cuộc cạnh-tranh ấy. Cái tâm-lý riêng của người Tàu thường lộ ra trong cuộc nội-loạn này là những tín hiệu ghen-ghét, lừa-dảo, phản-bội, những thói tàn-nhẫn, hiềm-dộc, hối-lộ. Người Tàu lại còn cái đặc-tính nữa, là phỏng-chép của người, bắt-chước những thói cách của Âu-Mỹ thì được, chứ tự mình sáng-tạo ra cái gì không được, thậm-chí cái gì đã được người ngoài làm cho, mà tự mình bảo-tồn lấy cũng không xong.

Tuy-nhiên, phán-đoán người Tàu cũng không nên nhất-thiết khái-luận. Trong khi tôi du-lich ở Tàu thường nghe thấy nhiều người Âu-châu bình-phẩm giống da vàng cho là giống hèn-hạ không thể giao-hóa được, nói thế thật là nói quá. Lại có người thấy các học-trò Đông - phương chịu khó học,

dễ dạy dễ bảo, tưởng rằng thế là đã hóa được hẳn theo Tây rồi, tưởng thế cũng lại là lầm. Người Đông-phương người Tây-phương, tính-tình khác nhau hẳn, không bao giờ hóa nhau được, chỉ có thể xem xét cho biết tâm-lý nhau, cho khỏi ngộ-nhận mà sinh ra ác-cảm. Nay muốn hiểu thời-cục nước Tàu, tất phải biết mấy cái đặc-tính của người Tàu.

Có nhiều cái người Âu-châu cho là tính xấu, người Tàu lại cho là đức hay. Như một người ti - tưởng ăn hối-lộ của quân dịch, bỏ chủ-tướng mình mà sang với giặc, rồi sau lại về với chủ cũ, ở Tàu cho làm một sự thưởng. Lại ở làm lính bọn thổ-phỉ lập thành đoàn-thể, hầu như được Nhà nước công-nhận. Chính-phủ nhiều khi cấp tiền cho giặc, cho là còn rẻ hơn nuôi quân lính để dẹp giặc. Đến việc buôn bán, là việc người Tàu sở-trường lắm, thì có nhiều cái thói người Âu-châu phải lấy làm lạ. Như cái thói bóp nặn nhau, người Mỹ gọi là *Squeeze*, tiếng này đã thông-dụng lắm. *Squeeze* không phải là tiền hoa hồng, không phải là tiền xách - bèo, không phải là đồ lễ-vật tặng kẻ có công trong một việc giao-dịch nào, tức là gồm cả bấy nhiêu tính-cách. Thí dụ như trong một nhà hàng cơm, anh cai bàn « ăn » vào tiền lương của bọn bồi bàn, bọn bồi bàn lại « ăn » vào tiền công của bọn bồi phụ, v. v.. Một bữa ở Bắc-kinh tôi có mua mấy cái đồ chơi, mặc-cả mãi, người bán chịu hạ giá xuống một nửa, tôi bảo đem về khách-sạn cho tôi, người ấy không chịu, nói rằng: « Ông trả cái giá ấy thôi tôi không đem về nhà trọ cho ông được, vì phải đút tiền cho người canh cửa, tôi không còn được lờ-lãi gì nữa. »

Các nhà buôn ngoại-quốc ở Tàu, bất-cứ là công-ti to, cửa hàng nhỏ, hay thương-diểm thương, đều phải dùng một người « mồi-biến » (*compradore*)

để giao-thiệp với khách Tàu. Mãi-bien thường thường là một người Tàu lai, vừa làm môi-giới, vừa làm đảm-bảo cho chủ. Thay mặt chủ mà giao-thiệp với khách Tàu, lại có trách-nhiệm trong việc thu tiền. Lương người mãi-bien toàn là tiền « ăn » vào các khách mua khách bán Tàu cả. Có người mãi-bien một nhà ngân-hàng mỗi năm được tới 20 vạn đồng, toàn là bằng cách ăn béo như thế cả.

Cái thói ăn tiền dút tiền này, thật là cái đặc-tính của người Tàu, lưu-hành khắp trong xã-hội, từ quan Thượng-thư cho đến thằng cu-li.

Kề những cái tính lạ thói kỳ của người Tàu thì không sao nói cho xiết được. Nay có thể nói đại-khái nước Tàu là một nước dân đông như kiến cỏ, mà trong số dân đó thì chín mươi phần trăm là một lũ vô-tri vô-giác, ăn, làm, để, không biết vệ-sinh là gì, không biết khoái-lạc là gì, không biết phương-pháp là gì, thậm-chí đến ù-li không biết tức giận là gì nữa; còn thì chín phần trăm là bọn lợi-dụng, lợi-dụng cả cái tốt cái xấu của đồng-bào, những kẻ chủ-trương trong bọn này thì chỉ biết thoả cái lòng dục-vọng riêng của mình, ít khi đề tâm đến lợi chung cả nước; còn một phần trăm thì là những người có tư-tưởng cao, không có lòng tư-kỷ, thường giao-tiếp với Âu-Tây, muốn ra tay đảm-đương để cải-tạo nước Tàu, làm thành một quốc-gia giống như các nước Tây-phương. Cái chi đó có thể làm được không? Khách lạc-quan cũng phải nói rằng đến 50 năm nữa mới làm được. Dân Tàu là một dân có cái bệnh thần-kinh, khiến cho lúc hăng-hái thì hăng-hái quá, mà đến lúc ù-rũ thì lại ù-rũ quá, tính-khí bất-thường; nhưng lại có ba cái tính tốt sau này để lại, là cái tính yên phận, tính nhẫn-nại, tính không sợ chết.

Đem một cái dân-tộc có cái tâm-lý đặc-biệt như thế, mà cho ra hành-dộng

trên trường chính-trị, ấy cái bài kịch diễn ra ở nước Tàu từ 16 năm nay là thế.

...

Việc nội-loạn ở Tàu ngày nay không phải là một vấn-đề chủng-tộc cạnh-tranh, vì như trên kia đã nói người Tàu ở Nam-phương hay ở Bắc-phương cũng là người một giống cả, không có khác gì nhau; chính là một vấn-đề chính-kiến mâu-thuẫn, một bên là cái chủ-nghĩa đế-quốc bảo-thủ, một bên là cái chủ-nghĩa dân-chủ cộng-hòa, hai bên chống lẫn nhau vậy. Nhiều người nói rằng các tay lãnh-tự Tàu ngày nay không phải thiết gì cho chủ-nghĩa họ thắng chủ-nghĩa kia đâu, chỉ cốt chiếm lấy quyền-lợi cho mình mà thôi, và nước Tàu tuy nhiên không có dư-luận gì cả. Tôi cũng biết rằng cái tính vô-tư-kỷ không phải là một đức-tính phổ-thông của người Tàu và công-chúng ở Tàu thường là chỉ nhắm mắt theo những kẻ xướng-suất mà thôi, chứ vị-tất đã rõ cái mục-dịch của họ thế nào. Tuy-nhiên, cổ cãi rằng người Tàu không có lòng ái-quốc, ở Tàu không có một cái phong-trào quốc-gia nhóm lên đã mạnh, thì thật là không biết quan-sát lắm và cũng tỏ ra có bụng thiên quá. Muốn giải-quyết điều đó, không gì bằng thuật lại duyên-do việc Tàu từ trước đến giờ.

Không phải xét đến xa-xôi gì, cứ lược-thuật những việc xảy ra ở Tàu trong khoảng 15 năm nay. Năm 1911, quốc-dân-dảng nguyên là một hội bí-mật, sau thành một đảng chính-trị, khởi lên cuộc cách-mệnh ở miền nam sông Dương-tử, người đứng đầu chủ-trương là bác-sĩ Tôn Dật-Tiên, nay đã chết rồi. Có trong mấy tháng, quân Nam-phương đi tự Quảng-đông lên đánh lấy Hán-khẩu, Thượng-hải, Nam-kinh, rồi tuyên-bố Dân-quốc ở Nam-kinh. Ở Bắc-phương thì nhà vua

không đủ sức chống lại, đem vận-mệnh phó-thác cho thủ-tướng Viên Thế-Khải. Viên là người có ý-kiến rộng, biết rằng chế-độ cũ không thể giữ được nữa. Bấy giờ Bắc-kinh Nam-kinh mới điều-định với nhau, Viên công-nhiên theo về dân-quốc, khuyên được nhà vua thoái-vị, rồi vận-dộng lên làm Tổng-thống. Từ 1912 đến 1916, là thời-kỳ tổ-chức, cũng được bình-tĩnh; hồi ấy bầu một hội lập-pháp, thảo một bản hiến-pháp, v. v. . Năm 1916 Viên Thế-Khải vận-dộng khôi-phục đế-chế đề lên làm vua, không xong rồi chết, hoặc-giả nói sự chết đó cũng có điều ám-muội. Cách đấy ít lâu, nước Tàu tham-dự vào cuộc Âu-chiến, về bề với bên Đồng-minh để đánh nước Đức và nước Áo; nhân việc tham-chiến đó mà nước Tàu mới bắt đầu can-thiệp đến việc ngoại-giao thế-giới. Ở trong nước thì từ khi Viên chết, chính-quyền hỗn-độn, gây ra việc nội-loạn mãi đến bây giờ là hồi kịch-liệt nhất cả.

Cuộc cách-mệnh năm 1911 phần nhiều là công những bọn tri-thức đã từng đi du-học ở Thái-Tây về, sùng-trọng cái chủ-nghĩa tự-do và quyết phản-đối lối chính - trị chuyên - chế tự bốn nghìn năm đến giờ. Nhưng mà giữa khi bọn học - thức xoay về mặt duy-tân như thế, thì lại gây nên một bọn người nữa, là hạng quân-nhân, phạm chính - phủ nào cũng phải cần dùng đến. Trong 10 năm, từ trận Trung-Nhật cho đến trận Nhật-Nga, bọn ấy mục-kích đã biết những phép võ-bị ngày nay tinh-xảo dường nào, phần nhiều lại đi sang các trường võ các nước học nữa. Nhân đó trong nước gây nên hai đảng thượng-lưu, một đảng văn - nhân, một đảng võ - nhân, biết khéo hiệp-lực nhau thì làm ích-lợi cho nước, mà xoay ra cạnh-tranh nhau thì tai-hại vô-cùng. Bọn dân - đảng mới thiên-trọng dân-quyền, bọn võ-tướng thì có cái khuynh-hướng tự-nhiên về

lối chuyên-chế, hai đảng tất phải đến xung-đột nhau. Có thể nói việc nội-loạn Tàu ngày nay là duyên-do từ sự xung-đột bọn cầm bút với bọn đeo gươm đó.

Trong khi Viên Thế-Khải làm Tổng-thống thì vẫn giữ được yên-ổn, vì Viên có võ mà lại có văn nữa, nên dễ điều-hòa được cả hai bên. Tính nào bọn quan-liêu cũ mất đi, thì đặt một viên tỉnh-trưởng mới. Nhưng toàn-hạt lại chia ra làm chín quân-khu, mỗi quân-khu đặt một viên đô-đốc, sau đổi ra đốc-biên, rồi lại đổi ra đốc-quân, kiêm hai ba tỉnh, thành ra viên tỉnh-trưởng thực là ở dưới quyền viên đốc-quân.

Nhân đây cũng nên biết qua bọn quân - nhân Tàu, nhỏ từ tên lính thường, lớn đến quan Đại-tướng thế nào. Ở Tàu không có lệ binh-dịch-cưỡng-bách, ấy cũng là may, vì một nước bốn trăm triệu người mà có một quân-đội thường-trục, thì nguy-hiểm cho các nước láng-giềng thế nào. Vậy quân-lính toàn là người tình-nguyên nhập-ngũ cả, thường là bọn hạ-lưu vô-học, bọn du-thủ du-thực, bọn đầu trộm đuôi cướp cả. Già trẻ lớn bé có cả, có đừa còn trẻ con, có người đã đầu bạc. Kể tráng-niên thì cho vào súng đeo gươm làm lính thật, kẻ già yếu thì làm quân hầu. Cứ lệ thì lương lính mỗi tháng chừng mười đồng, nhưng thường không bao giờ trả lương được sòng-phẳng, nên phải dung-túng cho quân-lính đi ăn cướp, cho đến khi làm bậy quá không thể dung được nữa thì đem chém phăng đi một lượt. Những hạng tá-úy là bọn thanh-niên, phần nhiều cũng có học; độ già nữa thì tốt-nghiep ở các trường võ-bị ra; còn thì hoặc có văn-bằng ở ngoại-quốc về, không có chỗ dùng làm các chức-nghiep khác nên phải làm quân-quan. Bậc tướng-súy thì là do các bậc dưới thăng lên, hay là cũng có ít nhiều người vốn là quan to về bên văn đội

sang bên võ, những chức cao nhất như chức tướng-quân hay đại-tướng-quân, thì ít khi là bởi tài-cán mà được, thường thường là dùng cách hối-lộ với kẻ cầm quyền trung-ương mà được, cũng có khi là cưỡng - bách quyền trung-ương phải cho. Gián-hoặc là tự tằng lấy mình cũng được, không cần phải chính-phủ nào ban-cấp cho nữa. Như Trương Tác-Lâm, Ngô Bội-Phu, Phùng Ngọc-Tường, là những bậc đại-tướng-quân tự ủy-nhiệm như thế; bọn đó tự xưng là đại-tướng-quân, rồi thông-lục cử gọi như thế thành quen đi. Ở Bắc-kinh thì viên đốc-binh là tướng-quân Lý có lẽ cả đời không cầm đến cái súng bao giờ. Ở Thượng-hải có một nhà buôn cũ có công nhiệt-thành phá-diệt bọn cộng-sản, Tưởng Giới-Thạch cũng tặng cho chức tướng-quân. Con Trương Tác-Lâm là Trương Học-Lương thiên-hạ cũng tặng cho là tiền-tướng-quân, tưởng không có tài-cán gì về việc binh, nhưng được thừa cái thế-lực của cha.

Viên đốc-quân ở tỉnh nào được tự-do chiêu-binh mộ-tướng, tự-do hành-dộng tùy-ý, chẳng bao lâu đoạt cả quyền quan văn đi. Rồi mỗi tướng coi cái khu của mình như một thái-ấp riêng, tự cai-trị lấy dân, tự thu-liễm lấy thuế, hầu như không biết đến chính-phủ trung-ương. Viên nào có thế-lực thời lại thường can-thiệp đến chính-phủ, nay bắt-bẻ điều này, mai hạch-lạc điều khác, thậm-chí đến đòi cất đặt cả các quan Nội-các nữa. Chính-phủ muốn kiểm-chế bọn đốc-quân lòng-quyền đó, bèn đặt ra một chức thượng-dăng-dốc-quân, gọi là tuần-duyet-sứ, để giám-dốc từng miền to hàng mấy tỉnh một. Nhưng bọn tuần-duyet-sứ này dần dần cũng lại lòng-hành hơn nữa. Người nào cũng muốn thu lấy chính-phủ vào trong tay mình, tranh nhau đem quân lên chiếm Bắc-kinh, đến khi thất-thế phải chạy, thì xách cả

Tổng-thống Nội-các đi theo. Trương lên chiếm Bắc-kinh một lần đầu, rồi đến Ngô lại thay, sau Trương lại chiếm một lần thứ hai nữa, bị Phùng đuổi đi, cho đến bảy giờ Trương lại giữ Bắc-kinh một lần thứ ba nữa. Lần này thì Trương đứng chủ-trương một đảng các đốc-quân Bắc-phương, gọi là An-quốc-quân, để chống lại với Quốc-dân-quân ở Nam-phương. Quốc-dân-quân này vốn mục-đích là diệt bọn quân-phiệt Bắc-phương để mưu đặt chính-thể dân-chủ, nhưng trung-gian bị đảng cách-mệnh Nga quyền-dụ, đã sai-lạc mất cái chủ-nghĩa cũ đi rồi.

Ở Bắc-kinh ngày nay là trung-tâm-diểm của đảng An-quốc-quân. Trương Tác-Lâm làm chúa-tể cả. Chính-sách của đảng này là chính-sách thuần chuyên-chế, dùng sự sát-lục làm thủ-doan chính-trị. Đối với viên ti-tướng ngờ là có nhitâm muốn phản-bội, đối với nhà tư-bản không sẵn lòng nộp tiền tống-dôi, đối với bọn tri-thức hay hăng-hái truyền-bá tự-do, chỉ có một cách diệt phăng đi mà thôi. Ở Bắc-kinh không có ngày nào là không bắn không giết đến mấy người như thế. Mắt tôi đã từng trông thấy nhiều lần. Mà mỗi khi xử-tử như thế, không hề có tòa án tra-xét và kết-án gì cả. Trong dân-gian ai ai cũng lấy làm khủng-khiếp cả. Ấy đảng quân-phiệt chính là dùng sự khủng-khiếp làm cái chính-sách để đàn-áp nhân-tâm.

Xét ra trong Quốc-dân-quân là quân Nam-phương tuy không phải là tuyệt-nhiên không có những sự sát-lục dữ-dội như thế, nhưng mỗi khi xử án người nào, thường có đặt tòa-án phân-minh, chứ không dùng cách võ-doan như Bắc-phương. Là bởi Quốc-dân-dăng là một đảng chính-trị gồm hàng vạn con người, chứ đảng An-quốc-quân chỉ là một đảng riêng của mấy viên đốc-quân chuyên-chế mà thôi. Cho nên tính-cách hai bên có khác nhau xa

như thế. Người đứng đầu An-quốc-quân là Trương Tác-Lâm, là Tuần-duyet-sứ Đông-tam-tĩnh, thiên-hạ thường gọi là vua đất Mãn-châu, mà quyền-thế to hơn ông vua thật. Trương là tiêu-biểu cái chủ-nghĩa chuyên-chế của bọn quân-phiệt Bắc-phương. Trương vốn là một anh tướng giặc, bị triều-dinh nhà Thanh làm tội, sau về hồi Nhật-Nga chiến-tranh có công giúp cho quân Nhật, từ đấy được người Nhật âm-trợ, thế-lực mỗi ngày một to lên, bây giờ thì nghiễm-nhiên là ông vua Mãn-châu thực, mà kinh-đô là thành Phụng-thiên, có xưởng chế binh-khí, có nhà ngân-hàng phát-hành giấy bạc, có đủ các cơ-quan hành-chính kinh-tế. Hồi tháng giêng năm 1927, Trương đem mười vạn quân qua Vạn-lý-trường-thành xuống chiếm Bắc-kinh, Cổ-Duy-Quân đương làm Tổng-lý Nội-các, Trương cử đề cho giữ chức, nhưng bắt phải thỉnh-hành mệnh-lệnh. Trương bấy giờ mới mưu kết-liên với các tướng Bắc-phương khác để lập ra đảng An-quốc-quân. Hai viên đốc-quân Sơn-tây và Trục-lệ là Diêm với Triệu, một người có tám vạn quân, một người có mười vạn quân, về bệ với Trương trước nhất. Rồi đến Trương Tôn-Xương, đốc-quân Sơn-đông, thật là một tay tướng giặc liều-linh, có hai mươi vạn quân bản-bộ với sáu nghìn quân Nga về hạch-đăng do tướng NETCHAIEFF thống-lĩnh, dùng-đăng mặc-cả mãi, rồi mới chịu hiệp-đăng. Sau đến đốc-quân Chiết-giang là Tôn Truyền-Phương thì còn do dự mãi, kịp đến khi mất Thượng-hải rồi mới chịu về với Trương. Nhưng trong đảng An-quốc-quân, thì lòn này cũng không phải là tay chắc-chắn gì. Tướng giá Quốc-dân-quân khéo hối-lộ, hứa lại sẽ cho về coi Thượng-hải, thì cũng sẵn lòng quay về với Nam-phương ngay được. An-quốc-quân toàn dùng những khi-giới tối-tân cả: súng cối-xay, súng

đại-bác, xe «tăng», tàu-bay, không thiếu gì cả. Luyện-lập quân-linh thì dùng các quân-quan Âu-châu hoặc về hưu, hoặc tại-ngoại. Hiện nay, bảy tỉnh trong 22 tỉnh nước Tàu là thuộc quyền An-quốc-quân, trừ ở tỉnh Hà-nam bọn dân quê biáp-ức quá, kết-lập thành đảng gọi là đảng « Hồng-sang » để chống lại, còn các tỉnh khác thì quân-linh ở đâu người dân phải nuôi cả, thật là hại cho dân lắm. Vì trong quân-đội không có tiền, bao nhiêu đồ vào túi tham của các tướng hết cả, quân-linh phải ăn báo vào dân, hay cướp-bóc người dân mà ăn.

Quân-sĩ không có lương mà quan-lại cũng không có lương, đã hai năm nay chỉ được lĩnh không đầy sáu phần trăm mà thôi. Bởi thế nên Chính-phủ phải nuôi các quan-lại mỗi ngày hai bữa. Chính mắt tôi trông thấy người nhà của các quan bộ-trưởng sai đi phá các cửa cũ trong thành, phá tường thành, phá những bức tường cũ trong từ-cấm-thành, tháo những cánh cửa các đền-đài cung-diện trong thành, công-nhiên khuân những đồ cổ trong cung đem ra bán để lấy tiền chợ cho các nhà bếp của các quan. Mười-lăm năm chiến-tranh, công-khố đã kiệt hết cả, các khoản thu-nhập ngày nay, như các tiền thuế trực-tiếp, đánh một thu lên mười, thuế thương-chính đã được hội-nghị Hoa-thịnh-dốn cho phép tăng lên hai phần ruỡi trăm, chỉ về phần các tướng thu lấy, để làm tiền kinh-phí chiến-tranh mà thôi. Ừ thì mấy tháng trước kia, giữa lúc Quốc-dân-quân công-nhiên bị đảng quá-khích Nga lung-lạc, các tướng Bắc-phương đem quân xuống đánh, còn có lẽ chánh-đang, chứ như bây giờ Quốc-dân-quân đã tuyệt-giao hẳn với đảng công-sản, thì cuộc Nam-phật không còn có cơ gì nữa. Đảng hai bên phải điều-dinh hòa-giải với nhau là phải. Và cứ

như lời Trương Tác-Lâm đã tuyên-bố chính - kiến cho Liệt - quốc biết, thì chương-trình của Trương cũng chẳng khác gì chương-trình của Quốc-dân-dảng, cũng mưu chấn chỉnh thời-cục, khôi-phục quốc-quyền, đề dặt ra một cái chính - phủ dân-chủ đích - đáng. Tuy-nhiên, ngoài miệng thì nói như thế, mà trong lòng bọn Quân-phiệt thật không vì chủ-nghĩa gì cả, chỉ vì tư-lợi mà thôi. Cho nên vẫn cứ đánh nhau lung-tung, mà làm cho nước đến khổn-dốn. Đối với dân thì tuyệt-dịch chuyên-chế, đối với ngoại-quốc thì ngấm chịu ảnh-hưởng các hành-chính cơ-quan bị đình-dốn hết cả, kẻ học-thức thì bách-hại giết tróc, các đường xe lửa vay tiền của ngoại-quốc đề làm không những không trả được tiền nợ, thậm - chí không tu-bổ đề cho hư-hỏng hết cả. Tôi nói đây là kinh-nghiệm sự thực, chứ không phải là thiên lòng phán-đoán. Vả có lẽ xét về phe Quốc-dân-quân sau này, vị-tất đã không có điều đáng chê. Cao nên tôi không dám tự-y bình-phẩm, chỉ xin thuật lại lời một ông giáo-sĩ rất thông tỏ về miền bắc nước Tàu vì trong mười năm ông đã đi tới ba vạn năm nghìn cây-lô-mét khảo-sát về địa-chất-học. Ông nói rằng: «Bọn vô-biễn này chỉ làm cho người ta khùng-khiếp mà có thể-lực, không biết đạo khoan-nhân là gì, cho nên sự-nghệp họ không được bền mà vô-bổ cho quốc-gia.»

...

Tôi được biết sự bí-mật của Quốc-dân-dảng là chính ở ngay Bắc-kinh. Cách dinh Trương tướng-quân một cái đường phố hẹp, gần đấy có một cái nhà nhỏ là nơi hội-sở của hội bí-mật của Quốc-dân-dảng. Tôi được cái hân-hạnh mời kín đến dự một bữa tiệc dọn theo lối tây. Liếc có chừng 15 người họp, đều biết nói tiếng Pháp cả, người nào có lẽ cũng đã có văn - bằng cử - nhân

tiến-sĩ các trường Đại - học bên Pháp. Người thì làm giáo-học, người thì làm thầy thuốc, người thì làm kiến-trúc-sư, người thì làm thầy kiện, làm kỹ-sư, làm quan-lại, chức-nghiep có khác nhau, mà chủ-nghĩa cũng là một. Vì tôi là người Pháp, bấy nhiêu người đều có bụng tin, lòng tin ấy không phải là không có nguy-hiểm cho họ Về phần tôi thật cảm ơn họ đã cho tôi được dự vào hội kín của họ mà nói rõ chủ-y cho biết ; tôi cảm ơn nhất là nhân dịp này được nói chuyện tiếng Pháp với người Tàu. Vì ở Tàu cũng như ở khắp cõi Á-Đông, tiếng thông-dụng nhất là tiếng Anh. Tiếng Pháp vẫn coi là một thứ tiếng cao-thượng, chỉ có kẻ học-thức mới biết mà thôi. Nay tôi nghiệm ra những người chủ-trương trong Quốc - dân - đảng phần nhiều biết nói tiếng Pháp cả. Tôi đi đến đâu được gặp những tay có thể-lực trong Quốc-dân - đảng, dù ở Bắc - kinh, ở Thượng-hải, ở Nam-kinh hay ở Quảng-đông, xét ra đến chín phần mười là tốt-nghiep ở các trường học Pháp, hoặc là các trường Đại-học tự bên Pháp, hoặc là những trường của các giáo-hội học-hội Pháp ở Á-Đông, hoặc cũng có người bắt đầu học bên này rồi về tốt-nghiep ở bên Pháp. Như vậy thì những tay lãnh-tự của Quốc-dân-dảng ở bên Tàu há chẳng phải phần nhiều là học-trò của nước Pháp đấy dư ? Nghiệm một điều đó cũng đủ biết được cái trách - nhiệm của nhà cầm quyền bên Pháp phải đối-phó với thời-cục Tàu thế nào. Vì muốn xét về Quốc - dân - đảng, không nên xét một Quốc-dân-dảng về năm 1927 này, phải suy-nguyên lên tự năm 1911, hồi mới thành-lập thế nào, lúc bấy giờ Quốc-dân-dảng còn là một hội bí-mật, sau thành đảng chính-phủ, sau lại thành đảng phản-đối, rồi đến sau cùng lại hoàn cái tình-cách là hội bí-mật.

Dân Tàu là một dân rất giàu cái tính hợp-quần. Các hội-dã ở Tàu không biết bao nhiêu mà kể, hội công, hội kín, hội chính-trị, hội tôn-giáo, hội kinh-tế, hội làm giặc ăn cướp nữa cũng có. Đảng « Thái-bình thiên-quốc », tức là một hội bí-mật lớn, dư-dãng về sau là giặc Cờ-đen. Lại giặc Quyền-phỉ năm 1900 cũng là một hội bí-mật.

Quốc-dân-dãng hồi đầu chính là một hội bí-mật, một đảng chủ-trương cái chính-thể dân-chủ ở về giữa đời quân-chủ. Người trong đảng này là những người làm các chức-nghị-tự-do, đã từng đi học ở Âu Mỹ về, có cái tư-tưởng rộng-rãi, nhưng thường bị triều-dinh, bị bọn quan-liên, bọn quân-phiệt đem lòng nghi-kỵ mà bạc-dãi. Bấy giờ mới hợp-tập nhau lại thành một hội bí-mật, bắt đầu ở Quảng-đông trước, rồi sau lan dần ra cả các tỉnh khác. Trước còn những người tri-thức đã từng du-học ở ngoại-quốc về, sau đến cả bọn làm thợ, bọn buôn bán ở các tỉnh-thành, rồi đến cả dân nhà quê cũng vào hội đông lắm. Hội đã thấy có sức mạnh mới nổi lên phản-đối nhà Mãn-Thanh, cổ phá đổ cái triều-dinh áp-chế dân. Xét lịch-sử trong thế-giới, chỉ có nước Pháp là năm 1789 nổi cách-mệnh lên phá được quyền quân-chủ mà đặt ra chính-thể dân-chủ. Quốc-dân-dãng bèn quyết-chí theo gương nước Pháp, ấy cũng là lẽ tự-nhiên vậy. Chương-trình của họ lúc bấy giờ là khuynh-đảo để-chính để tuyên-bố dân-quốc cải-tạo lại các cơ-quan hành-chính đã quá cũ rồi, lập ra hiến-pháp giống như các nước văn-minh bên Thái-Tây.

Tuy-nhiên, Quốc-dân-dãng ở Tàu năm 1911 cũng như đảng *Jacobins* ở Pháp năm 1793, vừa có cái chí muốn đổi chính-thể trong nước, lại muốn giữ quốc-thể đối với ngoài, muốn cho nước mình được hoàn-toàn độc-lập, không phải tùy-thuộc nước nào, và

được đứng bằng-dẳng với các Liệt-cường; thứ nhất là muốn yêu-cầu với Liệt-cường sửa-đổi lại, các điều-ước bất-bình - dẳng mà triều - đình nhà Thanh đã phải cưỡng-ép ký từ trước đến giờ. Nói tóm lại chủ-nghĩa của Quốc-dân-dãng vừa là chủ-nghĩa dân-chủ, chủ-nghĩa ái - quốc, chủ - nghĩa quốc-gia nữa. Đó cũng là lẽ tự-nhiên, không lấy gì làm lạ vậy.

Chương-trình ấy đã thi-hành được một phần, vì như trên kia đã nói vua Mãn-Thanh phải cưỡng-bách thoái-vị, thế là cái chính-thể quân-chủ chuyên-chế cũ thật là tuyệt-tích ở Tàu vậy. Nhưng không thi - hành được hoàn-toàn, là bởi cái lẽ đã nói trên đó, là lẽ bọn quân-nhân với bọn tri-thức xung-đột nhau, mà bọn quân-nhân được phần hơn, lại dùng cái lối chuyên-chế tệ hơn trước. Song chương-trình Quốc-dân-dãng số-dĩ không thi-hành được hết cũng là bởi lỗi tại Quốc-dân-dãng nhiều. Những người trong Quốc-dân-dãng phần nhiều là người trai-trẻ hăng-hái, có học-thức rộng có chí-khí cao, nhưng ít kinh-lịch, kém thực-hành, chỉ biết phá-hoại các chế-độ cũ mà không biết kiến-thiết ra chế-độ mới. Lại cũng không có người lĩnh-tụ đích-dáng nữa. Tôn Dật-Tiên làm tay truyền-bá cổ-dộng thì thật giỏi, nhưng làm tay thực-hành kiến-thiết thì rất vụng. Tuy - nhiên, về phương-diện ngoại-giao, cái chương-trình yêu-cầu của đảng Quốc-dân, ngày nay đã thành cái chương-trình chung của cả các đảng ở Tàu, dù là đảng Nam-phương hay đảng Bắc-phương cũng vậy. Về đường ngoại-giao thời kể từ hội nghị-hòa *Versailles*, rồi cách ba năm sau lại có hội-nghị Thái-bình-dương ở Hoa-thịnh-đốn, nước Tàu thật đã được thắng-lợi nhiều lắm.

Nước Tàu nhờ trận Âu-chiến mà chiếm được địa-vị trên trường ngoại-giao như thế, nhưng cũng vì đó mà

về đường nội-chính sinh ra lắm nỗi khó-khăn, và cái phương-châm của các đảng cấp-tiến bị thay đổi nhiều. Từ năm 1920, Tôn Dật-Tiên cùng những tay phù-tá của ông thấy chính-phủ Bắc-kinh bị lung-lạc vào trong tay bọn quân-phiệt, chỉ có hình là chính-phủ mà thực không có thể-lực gì nữa, bèn cử-tập các đồ-dăng lại ở Quảng-châu, mưu tiến quân lên phía bắc đánh bọn quân - phiệt chuyên-chế. Cuộc cách-mệnh năm 1911, tuy nhất-dân thay đổi cả chính-thể trong nước, nhưng nước vẫn thống-nhất, vẫn có chính-phủ có trách - nhiệm, nên Liệt - cường vẫn điềm-nhiên không dă-dộng gì cả. Đến năm 1920, thì tình-thế khác trước nhiều. Trong Liệt-cường thì tuy Pháp với Anh vẫn liên-hiệp với nhau, nhưng Anh với Nhật thời đã sắp tiêu-diệt cái ước đồng-minh rồi, thành ra Nhật thế cô, một bên phải đối với nước Nga thuộc quyền dăng-quá-khích, một bên thì đối với nước Mỹ đương hăng-hái bành-trướng ra phía tây.

Nhân đó nước Tàu thành ra cái cơ cho Liệt-cường tranh-quyền nhau, tình-thế ấy vừa phương-hại cho cuộc tiến-hóa trong nước, lại vừa khó-khăn cho việc giao-thiệp của Liệt-cường ở Tàu.

Tôn Dật-liên cùng các đảng-viên trong Quốc-dân-dăng không phải là không hiểu cái tình-thế khó-khăn đó. Và nước Nga đối với Quốc-dân-dăng Tàu cũng đã hết sức vận-dộng từ trước rồi. Tôi nói là nước Nga, chứ không nói dăng quá-khích Nga mà thôi, là vì cái chính-sách ngoại-giao của chính-phủ Xô-viết ngày nay cũng không khác gì chính-sách ngoại-giao của chính-phủ Nga-hoàng cũ, nghĩa là vẫn có cái chí muốn bành-trướng ra cõi Á-châu, mà bành-trướng ra cõi Á-châu thì ở Thổ-nhĩ-kỳ, ở Ba-tư, ở A-phu-hãn (*Afghanistan*), ở Tân-cương, đâu đâu cũng là xung đột với người Anh cả. Tuy dăng Xô-viết đã hết sức cõ-

động để khuyến-dụ bọn cách - mệnh Tàu về bên với mình, nhưng mà trong Quốc - dân - dăng phần nhiều vẫn có lòng ái-mộ nước Pháp như trên kia đã nói, nên không dễ cho người Nga lung-lạc được. Đương khi ấy thì Tôn Dật - liên tổ - chức một chính-phủ lâm-thời của Nam-phương ở Quảng-dông, dự-hì lên đánh Bắc-kinh, bèn công - nhiên yêu-cầu nước Anh và nước Pháp công-nhận cho chính-phủ của mình, vì hai nước ấy có trực-tiếp lợi-hại đến việc Tàu, nước Pháp thì vì thuộc-địa Đông-Pháp giáp-giới với Tàu, nước Anh thì vì lợi-quyền buôn - bán ở Tàu to lắm. Tôn xin Pháp với Anh công - nhận cho chính-phủ Nam-phương, là có cái ý ngầm muốn nhờ hai nước ấy ám-trợ cho trong việc bắc-phạt. Lời yêu-cầu ấy, hai nước đối-phó thế nào, chúng ta không được rõ. Chỉ biết rằng chính-phủ Quảng - đông nói không dă lời, liền xoay về theo Nga. Từ đấy Quốc-dân-dăng được người bạn đồng-minh sẵn lòng giúp tiền của, giúp khi-giới đạn dược, lật sẵn lòng khuyến-làm bấy nữa. Đương là dăng cấp-tiến thành ra dăng quá-khích, đương giữ chủ - nghĩa quốc - gia, xoay ra theo chính-sách bài - ngoại. Người Nga lại dùng cách khôn-khéo ám-chỉ cho các dăng-nhân trong Quốc-dân-dăng ngộ-nhận rằng dăng quân-phiệt Bắc-phương cùng với cái đế-quốc-chủ-nghĩa của ngoại-quốc cũng là một, mà tiêu-biểu cho cái chủ-nghĩa ấy rõ-rệt nhất là nước Anh và nước Pháp vậy.

Ấy duyên-do các việc xảy ra ở Tàu về khoảng mùa xuân năm 1927 là tự đó; tôi thuật ra đây là nói lược-lược dă - khái mà thôi, trụ-trung còn những vấn-đề cá-nhân, vấn-đề tiền-tài nữa, phạm việc Tàu bao giờ cũng có những chuyện lời-thói như thế, không sao kể cho hết được. Quốc-dân-dăng kết-liên với nước Nga như thế, chẳng qua

cũng là để đạt cái mục-dịch cố-hữu từ trước đến giờ, nghĩa là hợp-nhất nước Tàu và đặt ra một cái chính-thể dân-quốc hoàn-toàn. Nhưng về phần Nga mà kết-liên với Tàu, thì nhất-diện là để tiếp-tục thi-hành cái chính-sách đế-quốc của Nga từ xưa đến nay, nhất - diện thi-hành cái dã-tâm cách-mệnh của đảng Sô-viết Nga ngày này vậy. Cái mưu của hai bên đó đều không thành cả. Bởi sao mà không thành? mà sự thất-bại này đã là quyết hẳn chưa? Dưới đây thuật chuyện tôi tiếp-kiến các đại-biêu Quốc-dân-đảng ở Bắc-kinh và chuyện tôi đến thăm chính-phủ Nam-kinh, sẽ trả lời được câu hỏi đó.

..

Nay ai cũng đã rõ rằng cái chính-sách cách-mệnh của chính-phủ Sô-viết Nga ở Tàu đã thất-bại rồi, và chúng ta cũng nên mong rằng sẽ thất-bại hẳn, không còn khôi-phục lại được nữa. Cái dã-tâm của người Nga đó, làm sao mà phá được như thế? Đầu đuôi việc này xét ra có bổ-ích được điều gì cho cái chính - sách Liệt - cường ở Á - Đông không? Đó là cái vấn-đề tôi định nghiên-cứu ở sau đây, vừa bàn-xét về vấn-đề ấy, tôi lại sẽ thuật cả mấy việc riêng nữa, xin độc-giả cũng lượng-thứ cho, vì tôi cũng tình-cờ mà hai lần được mục-kích mấy việc quan-trọng về thời-cực nước-Tàu.

Vào khoảng cuối tháng ba năm 1927, là hồi bắt đầu bài kỹ-thuật này, thì ở Tàu và ở khắp thế-giới, thiên-hạ như có ý nơm-nớp lo sợ việc gì. Quân Nam-phương vừa đánh lấy được Thượng-hải, Nam-kinh cũng đương bị nguy-hiểm; người Nga thì ra dáng vui-vẻ tự-dắc-lâm, ở kinh-đô Nga cấm-cờ ăn mừng; người Âu-châu ở Tàu, thấy cái ác-cảm của người Tàu đối với người ngoại-quốc, nhờ những tay cò-dộng của chính-phủ Sô-viết xui-gục thêm

lên lại càng kịch-liệt lắm, lấy làm lo sợ lắm. Đối với một cái công-chúng như mắc bệnh điên-cuồng, chỉ chực làm bậy, thì không thể không phòng-bị được; bởi thế nên liệt - cường đem quân sang đóng các tô-giới để giữ cho tài-sản sinh-mệnh những kiều-dân của mình, cũng là một cách phòng-bị tất-nhiên vậy. Việc nội-loạn Tàu trong khoảng 15 năm vẫn là việc riêng của nước Tàu, đến bấy giờ thì theo cái chính - sách cách - mệnh của Nga có cái cơ biến thành ra một cuộc quốc-tế chiến-tranh vậy. Nga xem cái cơ-hội ấy đã thật lợi cho mình rồi, bấy giờ các công-sứ cùng lãnh-sự Nga ở suốt nước Tàu mới công-nhiên hành-dộng, không còn giấu-giếm gì nữa. Cái mục-dịch của họ không phải là giúp cho Quốc-dân-đảng đạt được cái tôn-chỉ đặt thành chính-thể dân-chủ tự-do ở nước Tàu thực, nhưng chính là muốn phản-gián nước nọ với nước kia, gây nên một cuộc đại-chiến-tranh trong các Liệt-cường ở Á-Đông, lại cò-dộng trong các nước cho bọn binh-dân lao-dộng thừa-cơ nổi lên phản-đối kẻ cầm quyền, để thực-hành cái chủ-nghĩa cộng-sản. Bọn Borodine đã hết sức vận-dộng trong 5 năm, bấy giờ là sắp đến lúc được hưởng kết-quả vậy. Bọn này trước còn làm cò-văn cho Quốc-dân-đảng, sau dần dần dụ người theo về chủ-nghĩa cộng-sản, lập thành hẳn một đảng cộng-sản ở ngoài đảng quốc-dân, chương - trình cùng cách hành-dộng là do tự đảng chính bên Nga chỉ-dịnh cho cả. Cách hành-dộng đại-khai như thế này: phải lợi-dụng cái lòng ghen-ghét của bọn công-chúng Tàu: phải cò-dộng trong bọn phu-phen ở các nơi tỉnh-thành, bọn học-sinh, bọn dờ-dang không có nghề-nghiệp gì, cùng những kẻ phần-chi không làm nên, để dụ lấy người vào đảng; phải xui-gục cái lòng ác-cảm của người Tàu đối với các giống người da trắng

vu cho người da trắng dù các tội-ác để công-chúng sâu lòng ghét mà nổi lên công-kích hết cả. Mệnh-lệnh của đảng chính ở Nga đã phân-minh lắm. Phải dùng hết cách xui-giục cho công-chúng Tàu làm bậy, giết người lấy của, để cho Liệt-cường bách phải đem quân can-thiệp sang Tàu. Việc sát-lực ở Nam-kinh tức là duyên-do tự do. Nhưng Nga làm cách ấy, còn có thể tự-phụ là giúp cho các phái tân-tiến ở Tàu phản-đối với các phái thủ-cự nữa không? Quyết rằng không vậy.

Tuy-nhiên, cái mưu của Nga muốn thi-hành cho được, thì tất phải có Quốc-dân-dảng bằng lòng hiệp-tác mới được, mà cái chí của Quốc-dân-dảng thủy chung chỉ là muốn hợp-nhất nước Tàu để đặt thành chính-thể dân-chủ mà thôi, bởi thế nên các tay chủ-trương trong đảng cộng-sản Nga vẫn giữ kín, đợi cho đến khi cái quyền thống-nhiếp việc bắc-phạt về hẳn tay mình, rồi mới lộ cái mưu ấy ra. Vì đảng Quốc-dân và đảng Cộng-sản kết-liên với nhau là chỉ vì một cái mục-dịch bắc-phạt đó mà thôi, khi đã kết-liên rồi, thì bọn cộng-sản sành-sỏi và hăng-hái hơn, liền chiếm lấy quyền chủ-trương các quân-sự. Điều đó có lẽ thiên-hạ không mấy người biết rõ: là đảng Quốc-dân có kết-liên với đảng Cộng-sản để thực-hành cái chương-trình bắc-phạt, nhưng đến khi cuộc đồng-minh ấy bị phá thì cái mưu của Nga cũng liền đổ ngay; cho nên nói rằng Quốc-dân-dảng hóa theo về chủ-nghĩa cộng-sản của Nga là nói sai, chỉ có tam-thời kết-liên vì một cái mục-dịch nhất-định, rồi lia tan ngay, vì Quốc-dân-dảng tuy cũng có một tá-dực một hữu-dực như các chính-đảng khác, nhưng mà dẫn những kẻ rất hăng-hái thuộc về tá-dực, cũng không hề theo về chủ-nghĩa cộng-sản hoàn-toàn như người Nga bao giờ.

Nay vì cơ gì mà cuộc đồng-minh

đảng quốc-dân với đảng cộng-sản lại bị tan như thế?

Các đảng-nhân của Quốc-dân-dảng, không những ở Nam-phương mới có nhiều, khắp nước Tàu đâu cũng có, vì như tôi đã thuật ở trên kia, tôi được tiếp mấy người lãnh-tụ đảng ấy, là ở ngay Bắc-kinh, mà trong bọn đó có người đã có công trong cuộc cách-mệnh thứ nhất năm 1911.

Vậy những người thuộc về Quốc-dân-dảng ở miền Bắc thấy quân Nam-phương càng ngày càng tiến lên mau, lấy làm mừng lắm, vì mong rằng nếu đánh lấy được Bắc-kinh thì tất phá hẳn được cái chính chuyên-chế của bọn đốc-quân. Nhưng lại trông thấy cái thái-độ của các Liệt-cường quả-quyết phản-đối bọn cộng-sản, nên mừng mà lại lo, lo rằng không biết cái hi-vọng ấy có thành được không. Bấy giờ ai là người thuộc về Quốc-dân-dảng, Liệt-cường cũng ngờ cho là nhiệm phải chủ-nghĩa cộng-sản rồi, và cho đến công-sứ các nước ở Bắc-kinh cũng không hề phân-biệt trong Quốc-dân-dảng phái nào là phái ôn-hòa, phái nào là phái cực-đoan nữa. Đó là một cái hiểm-tượng to cho Quốc-dân-dảng, các nhà chủ-trương trong đảng cũng hiểu thế, và biết rằng nếu để cho Liệt-cường ngờ-vực thì cái sự-nghiệp cải-tạo nước Tàu là mục-dịch của Quốc-dân-dảng sẽ không mong được cảm-tình của liệt-cường nữa. Lại có người cũng khuyên các nhà ấy nên tuyệt với Nga đi thì mới mong cho Liệt-cường giữ trung-lập được, nếu không thì tất có việc can-thiệp lồi-thời.

Tôi được may-mắn dự một buổi hội-đồng có mấy người cổ-vấn Pháp khuyên cho mấy tay lãnh-tụ Quốc-dân-dảng như thế, tôi không nói tên mấy người cổ-vấn ấy ra đây là phòng cho họ khỏi có kẻ thù vậy.

Hội-đồng bàn-bạc nhiều điều hay lắm, không thể thuật ra đây được, duy

bàn xong có quyết-nghị một điều như sau này : là cử một phái-bộ mấy người ngay ngày hôm sau đi đến đại-bản-doanh của quân Nam-phương để yêu-cầu cho Quốc-dân-dảng phải hoàn-toàn tuyệt-giao với Nga ngay lập-tức. Nếu không thì cả các đảng-nhân ở Bắc-phương không hiệp-lực với Nam-phương nữa. Phái-bộ ấy trước khi khởi-hành có giao-tiếp với mấy người yếu-nhân của Trương Tác-Lâm, được lời hứa rằng nếu Quốc-dân-dảng đoạn-tuyệt với Nga thì chính-phủ Bắc-kinh sẽ sẵn lòng điều-định, không đánh nhau nữa. Bấy giờ tưởng rằng cái nạn cộng-sản chẳng bao lâu sẽ trừ được hẳn, không ngờ đột-nhiên xảy ra việc sát-lực ở Nam-kinh. Nguyên các tướng trong sư-doàn thứ 18 là theo về đảng cộng-sản cả, nhất-thiết tuân-hành mệnh-lệnh của đảng chính ở Nga. Bọn cố-vấn Nga trong Quốc-dân-quân bấy giờ nghe chùng phần nhiều các tay chủ-trương trong Quốc-dân-dảng muốn tuyệt-giao với Nga, bèn lập mưu làm hại cái danh-giá của Tướng Giới-Thạch đối với Liệt-cường, bèn truyền lệnh cho quân-lính sư-doàn thứ 18 đóng ở Nam-kinh ra phá các phố-phường người Tây ở, phá các tòa lãnh-sự ngoại-quốc, tha-hồ cho giết cho cướp. Cái thảm-kịch ấy lại càng lộ âm-mưu của bọn cách-mệnh Nga. Hội-đồng trị-sự Quốc-dân-dảng liền truyền lệnh cho các tướng giết hết những tay thù-xưởng cộng-sản, và lập lên chính-phủ Nam-kinh để đối lại với chính-phủ Hán-khẩu bị đảng cộng-sản lung-lạc. Những việc đó thiên-hạ đều biết cả rồi, nhưng có kẻ cố-động nói sai đi, cho nên cũng nên thuật lại cho rõ-ràng như thế.

Có thể nói rằng tự khi lập ra chính-phủ Nam-kinh thời việc nội-loạn Tàu lại phục-hồi cái tình-cách cũ và chỉ là một cuộc cạnh-tranh trong hai ba

đảng định cướp lấy quyền chúa-tể trong nước mà thôi.

Trong mấy tuần-lễ sau những việc xảy ra ở trên đó, tôi dời Bắc-kinh xuống Thiên-tân, rồi xuống Thượng-hải và Nam-kinh. Ở Nam-kinh bấy giờ duy có một mình tôi là người Âu-châu được phép ở, tôi được mục-kích trông thấy cái công-phu của chính-phủ mới đương hăng-hái thực-hành sự chấn-chỉnh các việc nội-chính. Tôi được tiếp-kiến tướng-quân Tưởng Giới-Thạch, tôi có chất-vấn mấy điều, đều-trả lời phân-minh cả, hồi bấy giờ tôi đã đánh điện về nhà báo ở Pháp. Tôi có hỏi tướng-quân về sự-giao-thiệp với nước Nga, thì tướng-quân nói quả-quyết rằng : « Hiện trong đảng chúng tôi không còn một người Nga nào nữa. » Ông lại muốn chứng cho tôi biết rằng lời ông nói là thành-thực, trong tám ngày luôn cho phép tôi được xem các cuộc hành-chiến, dự các cuộc công-hội cùng mật-hội của Quốc-dân-dảng. Tôi dám cam-doan rằng trong mấy nhiều ngày tôi chỉ thấy ở Cao-dăng-hội-nghị đảng Quốc-dân toàn là người Tàu cả, mà lại hầu hết biết nói tiếng Pháp cả. Những người trong Cao-dăng-hội-nghị ấy, người ngoài không ai biết được, mà thật là chủ-trương mọi việc, truyền mệnh-lệnh cho các quan quốc-vụ cùng các chức tướng-quân, những quan-chức ấy chỉ là tay thừa-hành mà thôi. Vận-mệnh Quốc-dân-dảng là ở trong tay hội-nghị này. Trong khi tôi ở Nam-kinh, hội-nghị có truyền lệnh cho dân khắp trong thành-phố những giãu-hiệu-du cùng giấy yết-thị, lại có vẽ khôi-hải nữa, để cho quân lính vô-học cũng có thể hiểu được. Lối hiệu-thị ấy toàn là lời khuyến-khích người Tàu phải hết sức diệt đảng cộng-sản ở Hán-khẩu và đảng quân-phiệt ở Bắc-phương có cái tranh vẽ một con gấu Nga đương ăn thịt xác một người lính

Tàu, lại có cái vế BORODINE đốt cháy nhà cửa làng nước người ta rồi cầm đầu chạy. Sau một kỳ hội-dồng, có ông hội-viên kể chuyện lại cho tôi biết hội-ng nghị mới quyết-định những điều gì. Đại-khai nói rằng : « Chúng tôi cốt nhất là muốn giữ lấy cái lòng thân-thiện với nước Pháp. Ngày nay chúng tôi đã trừ-khử được bọn Nga rồi, thì chúng tôi sẵn lòng đón các nhà chuyên - môn ngoại-quốc làm cố - vấn. Chúng tôi không mong dùng cách bạo-dộng để thực-hành cái chương-trình ngoại-giao của chúng tôi. Chúng tôi một mực tôn-trọng sinh-mệnh tài-sản của các người ngoại-quốc ở Tàu và không bao giờ có cái ý muốn xâm-phạm đến các nơi tô-giới. Tuy-nhiên, mục-dịch của chúng tôi thủy-chung vẫn là hết sức thi-hành cho được khắp nước Tàu ba cái chủ-nghĩa của Tôn-tiên-sinh, là chủ-nghĩa Dân-tộc-bình-dẳng, chủ-nghĩa Xã-hội-bình-dẳng, và chủ - nghĩa Chính-trị-bình-dẳng. Còn cái thứ-tự trong công việc chúng tôi, thì chúng tôi chia ra làm ba thời-kỳ : thời-kỳ thứ nhất là thời-kỳ dụng-bình, thời-kỳ thứ nhì là thời-kỳ giáo-dục, thời-kỳ thứ ba là thời-kỳ lập-hiến. Nay còn đương là thời-kỳ dụng-bình, chúng tôi phải hết sức chiến-dấu cho cái chủ-nghĩa dân-chủ cộng-hòa được toàn-thắng. Xong rồi, chúng tôi mới chuyển về đường giáo-dục quốc-dân, theo gương các dân anh về phái tự-do ở các nước ; thời-kỳ thứ nhì đó chúng tôi ước phải ba năm, xong rồi mới đến thời-kỳ thứ ba, sẽ họp một hội lập-hiến để biên-chế ra hiến-pháp nhất-định về sau này. »

Ấy đại-khai cái chương-trình của chính-phủ Nam-kinh như thế, chương-trình ấy thực là chương-trình của đảng Quốc-dân thuần túy. Có thể đem ra bình - phẩm, bài - bác từ tôn-chỉ cho đến cách thực-hành, cho đến những người có trách-nhiệm thực-

hành, nhưng dù nghị-luận thế nào mặc lòng, chương-trình đã tuyên-bố rõ - ràng ra đó. Tôi là một nhà báo đi khảo-sát, cái nghĩa-vụ của tôi là phải nói cho bình-tĩnh, tôi không thể không công-nhận rằng Quốc-dân-đảng có một cái chương-trình phân-minh như thế, tức là có một cái sức mạnh vô-cùng ở đó, sức mạnh ấy lại thêm có cái động-lực như sau này làm cho tăng-gia lên nữa : là trong các quân-dội cũng như các tư-lão Nhà-nước, cứ mỗi buổi sáng tự tên lính thường hay viên hạ-lại trở lên, phải đọc ôn lại lời di-chức của Tôn-tiên-sinh cùng lời tuyên-ngôn của Quốc-dân-đảng, như người đọc kinh niệm Phật vậy,

Khi tôi ở Nam-kinh, tôi được trông thấy nhiều điều lạ, như cách tổ-chức các đội chiến-binh, nhưng có hai điều tôi lấy làm lạ hơn cả, là ngày lễ công-dân hôm thứ hai và cái lễ dâng ra để chôn di - hài Tôn-tiên - sinh. Mỗi tuần - lễ trước khi bắt đầu làm việc, ở các bộ-thực, các trường-doanh, các nha - môn, các trường học, v. v., quan đứng đầu họp cả các thuộc-hạ lại, cho tuyên-đọc lời di-chức của Tôn-tiên-sinh, rồi đứng lặng-lặng tâm-niệm trong hai phút đồng - hồ ; xong rồi, chúng đồng-thanh đọc lại từng điều một, như người tụng kinh, bấy giờ quan tướng-quân, quan bộ-trưởng, hay là quan-viên nào cao chức hơn ở đấy ươg-khẩu lược-thuật lại cho công-chúng nghe những sự kết-quả về chính-trị, và quân - sự, đã thu-hoạch được trong tuần - lễ trước, rồi phác-họa cái chương-trình các công việc phải làm trong tuần-lễ bắt đầu này, ai nấy nghe rồi cứ nhớ lấy mệnh-lệnh như thế mà thi-hành. Ở Nam-kinh tôi được mục-kích một buổi làm lễ công-dân như thế, chính Fướng tướng-quân đứng chủ-lễ, mà dự lễ có tới nghìn người vừa văn-quan, võ-quan, vừa dân ông dân bà Ấy cách truyền-bá

tư-tưởng như thế, cách ấy thật là có một cái sức mạnh thần-bí vô-cùng, khác nào như một cái đạo mới vậy, mà thật là cái đạo mới của Tôn tiên-sinh đã thay vào cái đạo cũ của Khổng phu-tử vậy.—Di-hải-Tôn-tiên-sinh hiện còn mới quàn tạm một nơi, định đến mùa xuân sang năm mới rước sang nơi lăng mới. Lăng này là một nền kiến-trúc vĩ-dại, hiện một vạn người thợ đương xây đắp đã hai năm nay ở sườn một trái núi về phía nam thành Nam-kinh. Qui-mô nơi lăng này cũng bằng đền kỷ-niệm *Panthéon* ở *Paris*, nhưng lại có cái vẻ nguy-nga hơn nữa, vì từ dưới đi lên có bậc đá bằng bạch-cương-thạch vừa một trăm bậc mà bề rộng tới 30 thước. Lăng cổ của các vua nhà Minh, lăng Lý-Ninh ở bên Nga sánh với lăng này cũng chưa thấm vào đâu.

Tôi đã bày rõ sở-dĩ làm sao mà Quốc-dân-dảng bị đảng Cộng-sản lung-lạc, rồi thoát-li mà đoạn-tuyệt hẳn với người Nga, khôi-phục được cái chủ-nghĩa cổ-hữu, khiến cho bọn cách-mệnh Nga không làm hại được cuộc hòa-bình thế-giới. Tôi

lại từng thuật lại những sự quan-sát ở trong phe An-quốc-quân và trong phe Quốc-dân-quân, chứng rõ rằng phe An-quốc-quân chỉ châu-tuần ở một vài người, còn phe Quốc-dân-quân là phụng-sự một cái chủ-nghĩa. Nay tôi cũng phải kết-luận một vài lời. Cứ như ý-kiến tôi, thời trù hai đảng điều-dinh với nhau không kè, còn Quốc-dân-quân sớm trưa tất phải thắng An-quốc-quân, vì cái sức chiến-đấu đã mạnh, lại được hơn bên kia cái sức tinh-thần nữa. Chắc cuộc nội-loạn Tàu cũng còn diễn-man ra lâu nữa, các nhân-vật Tàu còn kẻ thắng người trăm nhiều lần nữa, và các kiều-dân ngoại-quốc ở Tàu còn phải lắm hồi khủng-hoảng nữa. Nhưng tôi dám chắc rằng nếu các liệt-cường ngoại-quốc đừng coi nước Tàu là một cái trường-sở cạnh-tranh của mình nữa, đừng can-thiệp vào để ngăn-trở cho các phe các đảng không điều-hòa với nhau được, thời các phe các đảng ấy sẽ kết-liên với nhau ngay và không có cơ gì đánh nhau mãi vậy.

THƯỢNG-CHI dịch



LƯỢC-KÝ VỀ LỊCH-SỬ NƯỚC TÀU (1)

I

Nước Tàu dựng nước rất cổ, đầu tiên có Thiên-hoàng-thị 天皇氏, Địa-hoàng-thị 地皇氏, Nhân-hoàng-thị 人皇氏, Hữu-sào-thị 有巢氏, Toại-nhân-thị 燧人氏, những các đời ấy trải qua bao nhiêu năm và quốc-dô đóng ở đâu đều không thể khảo cho biết đích được. Họ Hữu-sào thì mới gây dựng ra làm tổ đề ở; họ Toại-nhân thì mới dùng cây lấy lửa để dạy dân nấu chín mà ăn. Đến đời Thái-hiệu Phục-hi-thị 太昊伏羲氏, mới đóng đô ở đất Trần, vạch ra tám quẻ, dựng ra thư-khế, kết lưới chài, dạy dân đi săn đi đánh cá, nuôi muông sinh-súc để cung dùng về việc bếp núc. Con cháu nối nghiệp được mười lăm đời, không biết đích là trải được bao nhiêu năm.

Đến đời Viêm-đế Thần-nông-thị 炎帝神農氏 thay lên nối ngôi, dùng vào khoảng trước Thần-vô Thiên-hoàng nước Nhật lên ngôi 2453 năm. Thần-nông-thị đóng đô ở đất Trần, sau dời đến đất Khúc-phụ, dạy dân gieo cấy làm bừa, uốn gỗ làm cây, để cây cấy các giống lúa, lại nếm xem mùi trăm thứ cỏ để dùng làm các vị thuốc chữa bệnh, truyền được 8 đời 500 năm.

Đến đời Hoàng-đế Hiên-viên-thị 黃帝軒轅氏 thay lên nối ngôi, đóng đô ở gò Trác-lộc, dạy dân làm thuyền làm xe, làm ra phép tính để làm lịch, đặt ra các quan văn võ, chế ra mười hai ống luật, dạy dân nuôi tằm, thiên-hạ khi ấy rất là trị-bình. Kể từ đời Phục-hi, Thần-nông đến đời Hoàng-đế ấy là đời Tam-hoàng 三皇.

Thứ đến đời vua Thiệu-hiệu Kim-thiên-thị 少昊金天氏, Chuyên-húc Cao-dương-thị 顓頊高陽氏, Đế-Cổ Cao-tân-thị 帝嚳高辛氏, Đế-Nghiêu Đào-dương-thị 帝堯陶唐氏, (2357-2256 trước Gia-tô), Đế-Thuấn Hữu-ngu-thị 帝舜有虞氏 (2255-2206 trước Gia-tô), năm đời ấy trải 400 năm; ấy là đời Ngũ-đế 五帝. Dòng-dối đời Ngũ-đế là ra từ vua Hoàng-đế. Đến đời vua Thiệu-hiệu, vua Chuyên-húc, cõi nước lớn dần mãi ra, phía bắc từ đất U-lăng 幽陵, phía nam đến đất Giao-chỉ 交趾, chia toàn-quốc ra làm chín châu. Đời vua Đế-Nghiêu thì đóng đô ở đất Bình-dương 平陽. Nhân-dức rộng như trời, trí-khôn sáng như thần, dân ngóng trông như mặt trời, nhà ở lợp bằng tranh, bậc thêm xây bằng đất, chia ra có ba bậc. Lê-dân đời ấy đều biến-hóa nên thói hay tục tốt mà hòa vui cả. Khi ấy có tai-nạn nước lớn, sai ông Côn 鯀 đi trị-thủy, chín năm không thành công. Vua Đế-Thuấn gặp phải cha ngoan-ngược, mẹ căn-ỉ, em kiêu-ngạo, thế mà vua Thuấn chí-hiếu làm cho mọi người biết sửa mình lại không đến hư-hỏng. Vua Nghiêu nghe biết là người hiếu, cử cho làm tướng, bèn truyền ngôi cho. Ông Thuấn lên làm vua đuổi người Hoan-Đầu, dấy người Cung công, giết người Côn, dẹp rợ Tam-miêu. Lại cử tám kẻ nguyên tám kẻ khảo, sai khiến chín chức quan, hỏi-han mười hai quan mục, trong bốn bề đều nhờ đội công-dức, xưa nay khen đạo-dức ấy đều suy-tôn đời Tam-hoàng đời Ngũ-đế làm bậc chí-thánh.

(1) Bài « Lược-ký » này cốt là chép qua những việc lớn trong lịch-sử nước Tàu, đối-chiếu với Tây-lịch, để tiện giúp cho nhà học sử.

Đời họ Hạ-hậu 夏后 (2205-1785) vua Đại-vũ 大禹 (2205-2198) vắng mệnh vua Thuấn đi trị-thủy, ở ngoài mười ba năm, ba lần đi qua cửa nhà mà không vào, mới trị-thủy được nên công. Vua Thuấn bèn mệnh cho làm tướng rổng-rả trăm quan, làm việc thiên-tử. Khi vua Thuấn mất mới lên ngôi vua, đóng đô ở đất An-ấp, quốc-hiệu là nhà Hạ 夏. Vua Vũ lấy thanh làm luật, thân làm đó, dễ làm phép cho mọi người, mỗi bữa cơm mười lần dừng dậy để ủy-lạo dân trong thiên-hạ. Thu lấy kim-khi chín châu đúc chín cái đỉnh, để hưởng-tế Thượng-đế quỷ-thần. Hội các tước hầu tước bá ở núi Đồi-sơn, đến hàng vạn vua các nước cầm ngọc lụa vào châu. Vua Vũ mất, con là Khải 啓 (2197-2189) thay lên nối ngôi, trong thiên-hạ đều qui-phục cả. Vua Khải đem quân đánh họ Hữu-hỗ ở đất Cam. Vua Khải mất rồi thì con là Thái-khang 太康 (2188-2160) lên nối ngôi, cứ đi giông chơi mãi không trở về. Người đất Hữu-cùng là Hậu-Nghệ mới lập em vua Thái-khang là Trọng-khang 仲康 (2159-2147) lên, mà chuyên giữ lấy triều-chính. Họ Hi-hòa có tội, vua Trọng-khang sai Dân-hầu đi đánh. Khi Trọng-khang mất thì con là Tương (2146-2120) lên nối ngôi, Nghệ đuổi đi mà tự-lập. Bày tội người Nghệ là Hàn-Súc 寒浞 (2119-2080) lại giết người Nghệ mà tự-lập. Con ông Tương là Thiệu-khang (2079-2058) mới cử-binh lên diệt người Súc mà trung-hưng nghiệp nhà Hạ. Trải qua các đời vua: Vương Trữ 杼 (2057-2041), Vương Hòe 槐 (2040-2015), Vương Mang 芒 (2014-1997), Vương Tiết 泄 (1996-1981), Vương Bất-Hàng 不降 (1980-1922), Vương Quynh 廑 (1921-1901), Vương Cần 廋 (1900-1880), đến đời Vương Khổng-Giáp 孔甲 (1879-1849) thì ham-mê việc quỷ-thần, đức nhà Hạ mới suy. Lại trải qua đời vua Vương Cao 皋 (1848-1838), Vương-Phát 發 (1837-1819),

Vương-Lý 履 đến đời Quí-tai hiệu là chúa Kiệt 桀 (1818-1766) yêu nằng Muội-Hỉ chỉ chăm việc dâm-ngược chơi-bời. Vua nhà Thương là Thiên Ất cùng với Y Doãn mưu đánh nhà Hạ, đuổi chúa Kiệt chạy ra Minh-diều rồi chết. Tự đời vua Vũ đến chúa Kiệt vừa 17 đời vua trải 458 năm.

Thiên Ất thay làm vua hiệu Thành-thang 成湯 (1785-1754) đóng đô ở đất Bạc 亳, quốc-hiệu là nhà Thương 商. Thành-thang đã đánh được nhà Hạ rồi, nhưng nghĩ thẹn mình nói rằng: « Chỉ sợ đời sau tạ-khẩu lấy việc mình đánh vua mà làm càn ». Thời ấy gặp đại-hạ, vua Thang lấy mình làm ruộng sinh tế đảo-vũ ở đồng Tang-lâm, trời bèn mưa xuống như trút. Khi mất thì cháu là Thái-giáp 太甲 (1753-1721) lên nối ngôi làm nghiêng đổ cả phép-tắc. Y Doãn mới đuổi Thái-giáp ra ở Đồng-cung, cư-tang ba năm, sau Thái-giáp biết hối-quá tự trách mình, lại đón về ở đất Bạc. Thái-giáp biết tu đức lại, các nước chư-hầu đều theo về cả. Trải qua đời vua: Ốc-dinh 沃丁 (1720-1692), Thái Canh 太庚 (1691-1667), Tiểu Giáp 小甲 (1666-1650), Ung Kỷ 雍己 (1649-1638), rồi đến Thái Mậu 太戊 (1637-1563) biết sửa lại chính-sự của đấng tiên-vương, ở ngôi 75 năm, đạo nhà Ân lại trung-hưng lên được, hiệu là Trung-tôn. Tự đời Thái Mậu trải qua Trọng Đỉnh 仲丁 (1562-1550), Ngoại-Nhâm 外壬 (1549-1535), đến đời vua Hà Đản-Giáp 河澣甲 (1534-1526) ở đất Bạc bị thủy-lai, phải thiên-dô đến đất Tững. Đến đời vua Tồ-Ất 祖乙 (1525-1507) thiên đến đất Canh, có Vu Hiên làm tướng, các nước chư-hầu đều châu phục cả. Trải qua đời vua Tồ Tân 祖辛 (1506-1491), Ốc-Giáp 沃甲 (1490-1466), Tồ Đỉnh 祖丁 (1465-1434), Nam-Canh 南庚 (1433-1408), Dương Giáp 陽甲 (1408-1402), đến đời vua Bàn-Canh 盤庚 (1401-1374) lại thiên đô đến đất Bạc, đổi quốc-hiệu gọi là

Ân 殷, nghiệp nhà Ân lại dấy lên, trải qua đời vua Tiều Tân 小辛 (1373-1353), Tiều Ất 小乙 (1352-1325), đến đời vua Võ Đinh 武丁 (1324-1266) lại được Phó Duyệt làm tướng giúp cho. Võ Đinh miếu-hiệu là vua Cao-tôn. Từ đời Võ Đinh trải qua đời vua Tồ Canh 祖庚 (1265-1257), Tồ Giáp 祖甲 (1238-1226), Lãm Tân 廩辛 (1225-1220), Canh Đinh 庚丁 (1219-1209) đến đời vua Võ Ất 武乙 (1198-1195) thì vô đạo lắm, làm người hình-nhân để bầy chơi gọi là bầy trời, sau bị phải sấm sét đánh chết. Trải qua đời vua Thái Đinh 太丁 (1194-1192), Đế Ất 帝乙 (1191-1155) đến Đế Tân 辛 tên là Thụ, tên hiệu là chúa (Trụ 紂 1154-1123). Chúa Trụ tay không đánh chết được thủ mạnh, say đắm nàng Đát-Kỷ, hung-dâm tàn, ngược, không thiếu điều gì. Vua nhà Châu 周 là Phát 發 đem các nước chư-hầu vào đánh. Chúa Trụ mặc áo bảo-ngọc tự đốt mà chết. Từ đời vua Thang đến chúa Trụ 28 đời. Những đời vua Thái Canh, Ung Kỷ, Hà Đản-Giáp, Bàn Canh, Tiều Tân, Tiều Ất, Tồ Giáp bảy đời vua ấy đều lấy em thay lên nối ngôi, thiên-hạ đều qui-phục cả, trải 644 năm.

Ông Phát thay lên làm vua gọi là Võ-vương 武王 (1134-1116), cha vua Võ là Xương 昌, cha ông Xương là Quý-Lich 季歷, cha ông Quý-Lich là Cồ-công Đản - phủ 古公望父, đời nào cũng có đức tốt nên mới sinh ông Xương ra có diễm thánh, làm quan Tây-bá 西伯 (1142), ba phần trong thiên-hạ có hai phần. Đến đời Võ-vương diệt nhà Thương, mới đặt ra thụy-pháp, truy - tôn ông Cồ - công gọi là Thái-vương 太王, ông Công - quý gọi là Vương quý 王季, ông Xương gọi là Văn-vương 文王 (1184-1135). Lại có được những ông Lã-công Thương, Châu-công Đản, Thiệu-công Thích cùng giúp giúp chính-sự. Ông Bá-Di ông Thúc-Tề thì xấu-hỗ thóc nhà Châu không thêm ăn, chết đói ở núi Thủ-dương,

người đời sau khen là cao-tiết. Võ-vương mất, Thành-vương 成王 (1115-1079) tên là Tụng lên nối ngôi, tuổi còn trẻ, Châu-công vào làm nhiếp-chính để giúp vua. Quân Thúc mới cùng với con chúa Trụ là Võ Canh, Lộc Phủ làm loạn. Châu-công đem quân sang bên đông để đánh dẹp yên. Vua Thành-vương lớn lên. Châu-công trao trả lại chính-sự. Thành-vương mất, Khang - vương 康王 (1078-1053) là Chiêu lên nối ngôi. Trong khoảng đời vua Thành Khang trong thiên-hạ yên-ôn, việc hình - phạt không phải dùng đến hơn 40 năm. Khang-vương mất, vua Chiêu - vương 昭王 (1052-1002) tên là Hà lên nối ngôi, đi tuần phía nam đến đất nước Sở, người Giang-tàn lấy thuyền gán kéo chở vua đi, kéo lỡ thuyền đắm vua chết đuối. Mục-vương 穆王 (1001-947) tên là Mãn lên nối ngôi, bắt được tám con tuần-mã đi du-hành khắp thiên-hạ; đánh rợ Khuyển-nhung bắt được bốn con bạch-lang, bốn con bạch lộc, từ bấy giờ những nước ngoài hoan-phúc không đến châu nữa, các nước chư - hầu không hòa với nhau. Trải qua các đời vua : Cung-vương 懿王 懿王 (946-935), Ý-vương 懿王 (934-910), Hiếu - vương 孝 湫-Phương (909-895), đến đời Di - vương 夷王 桀 (894-879) mới xuống bậc thềm mà tương-kiến với các nước chư-hầu, nước Sở tiếm xưng vương - hiệu. Di - vương mất, con là Lệ - vương 厲王 厲王 Hồ (878 - 842) lên nối ngôi, bạo - ngược xa-xỉ kiêu - ngạo, người nước đều làm phản vua, Lệ-vương phải chạy ra đất Trệ. Có hai quan tướng là Châu Thiệu cùng coi trị việc nước, cộng hòa được 14 năm (841-828). Tuyên-vương 宣王 宣王 tên là Tĩnh (827-782) lên nối ngôi, hay dùng người hiền kén kẻ tài, có Thiệu Mục-công, Phương Thúc, Doãn Cát-Phủ, Trọng Sơn-Phủ mọi người hiền giúp đỡ việc chính-trị trong

vương đến Noãn-vương là 37 đời vua, 872 năm.

Hạ 夏, Ân 殷, Châu 周 ba triều ấy là đời Tam-dại 三代, chính-trị cũng đều khen bằng đời Tam-hoàng, đời Ngũ-dế. Nhà Châu từ khi đời sang bên đông trở về sau, thì là đời Xuân-thu 春秋 điển-hình cũ vẫn còn. Từ đời Uy-Liệt-vương trở về sau thì là đời Chiến-quốc 戰國, các nước chư hầu chỉ khỏe đánh nhau, các người xử-sĩ thì đều hoạnh-nghị, thầy Mạnh Kha 孟軻, Tuân Khanh 荀卿 đều học đạo ông Khổng-tử mà không được dụng ra đời. Ở nước Tần có người Thương Ưởng 商鞅 nước Hàn, có Thân Bất-Hại 申不害, nước Ngụy có Ngô Khởi 吳起, Ngụy Vô-Kỵ 魏無忌, nước Triệu có Liêm Pha 廉頗, Lạn Tương-Như 蘭相如, Triệu Thắng 趙勝, nước Yên có Nhạc Nghị 樂毅, nước Tề có Tôn Tấn 孫臏, Điền Văn 田文, Điền Đan 田單, nước Sở có Hoàng Yết 黃歇, đều khen là người hào-khết cả. Tò Tần 蘇秦 làm tướng sáu nước hợp chước tung chèn nước Tần, Trương Nghi 張儀 làm tướng nước Tần liên chước hoạnh để phá chước tung, bèn gồm lấy cả sáu nước. Vua Tần Thủy-Hoàng 秦始皇 (246-210) dùng người Lý Tư 李斯 chia thiên-hạ làm quận-huyện, đốt sách-vở, chôn học-trò, làm trái hết đạo tiên-vương, uy-quyền vô-hạn, đắp tráng-thành, cầu thần-tiên. Đời vua Nhị-Thế 二世 nối ngôi (209-207) dụng người Triệu Cao, phép nghiêm hình dữ, thiên-hạ không thể chịu được. Trần Thắng, Ngô Quảng trước khởi lên làm phản, Lưu Bang, Hạng Vũ nổi khởi lên, vua Nhị-Thế bị phải Triệu Cao giết đi, Tử Anh nổi lập lên, chưa được bao lâu thì hàng về Lưu Bang, nhà Tần mất nước. Nhà Tần tự vua Thủy-Hoàng xưng - đế chỉ được 15 năm. Tự đời nhà Tần trở về trước thì nhiều vua hiền tướng giỏi trước sau nối nhau, đều hay lựa theo đư-luận đề thi-hành chính-trị, những

người tài-tri đều được tự phần-khởi lên, có cái thói độc-lập tự-chủ. Đến đời nhà Tần thì chỉ tôn người trên khinh kẻ dưới, quân dân thành ra cách-tuyệt, hạ-tinh bất-thông, đời sau mới nhân theo thể cũ giữ lấy cái quyền quân-chủ độc-doán, dân trong nước chỉ trông ngóng về ông vua, quen thói kiêu-hãnh. Nền người đời lại tôn chuộng kẻ sĩ chốn sơn-lâm mà biết tự-trọng, cũng là bởi cái thể nó xui nên thế vậy.

Vua Cao-tổ 高祖 nhà Hán 漢 (206-195) tên là Lưu Bang 劉邦, khởi tự chốn hàn-vi, mà là người khoáng-dạt đại-dộ. Khi đánh vào đất Hàm-dương không giết Tử-Anh là vua đã thụ-hàng, cùng dân ước pháp ba chương, dân đều yên nghiệp cả. Lại hay biết người khéo dùng được kẻ tam-kiệt là Trương Lương, Tiêu Hà, Hàn Tín giúp cho, năm năm diệt được Hạng Vũ, lên ngôi Thiên-tử, đóng đô đất Trường-an, qui-mô rộng-rãi, người đời sau ai cũng khen. Vua Huệ-đế tên là Doanh (194-188) chết non, Lã-hậu (187-180) ra dự việc triều-chính làm loạn bậy cả, muốn dời lấy ngôi nhà Hán, may có Trần Bình, Châu Bật dẹp yên, lại dựng con Cao-tổ là Văn-đế 文帝 (179-157) tên là Hằng lên nối ngôi. Văn-đế có tính cung-kiệm hiền-tử, lấy đức hóa dân, bỏ phép nhọc-hình, cho dân hoãn-tang, ba lần chống rợ Hung-nô, không phiên-nhiều đến trăm-họ, trong nước yên-ôn, nhà giàu người đủ, đời sau không đời nào bằng, đều khen là vua nhân. Vua Cảnh-đế 景帝 (156-141) tên là Khải lên nối nghiệp, lại tuân theo tiết-kiệm, khi ấy có bảy nước làm phản loạn, phải chém giết Tiêu Thố để tạ tội mới yên, Châu Á-Phu có công đánh giặc mà phải nhin dôi chết, đời sau lấy làm tức giận. Vua Võ-đế 武帝 (140-87) tên là Triệt lên nối ngôi, trọng việc văn, xét cổ-diễn, đầu cử các người

hiền-lương, kẻ hiền - tài rất nhiều, như là lũ Đổng Trọng - Thư, Tư - Mã Thiên, văn-chương rực-rỡ, mới đặt ra niên-hiệu. Võ-đế là người đa-dục hiếu-danh, thường đi tế phong-thiện cầu thần - tiên, thông đường sang đến Tây-Nam-di, mở đất về phía bắc đến rợ Hung-nô, trong nước hư-háo, trộm giặc dấy lên như ong. Chiêu-đế là Phất Lăng (86-74) nối ngôi, Hoắc Quang làm phụ - chính, dần phục lại cơ-nghiệp vua Văn vua Cảnh. Vua Hiếu-Tuyên (73-49) là Bình-Dĩ lấy là cháu tăng vua Võ-đế lên nối ngôi, cố gắng tinh-thần lo việc chính-trị, có người Bình Cát, Ngụy Tương giúp đỡ, vờ đón kẻ tài - tuấn, làm nên công-nghiệp sáng tỏ - tôn, để về đời sau. Nhưng lại phải Triệu Quang-Hán, Cáp Khoan-Nhiều, Hàn Diên-Thọ, Dương Hồn không có tội mà chết oan, người ta ai cũng lấy làm tiếc. Nguyên-đế (48-33) lên là Thích là người ưu-nhu tin kẻ hoạn-quan. Thành-đế (32-7) tên là Vũ thì hoang-dâm, phong-tước cho năm người cậu họ Vương để cho uy-quyền thịnh mãi lên. Đến đời Ai-đế (6-1) tên là Hán thì Vương Mãng chuyên quyền-chính. Ai-đế mất, Bình-đế (1-5 sau Gia-tô) tên là Diên nối ngôi, Diên là cháu vua Nguyên-đế, Vương Mãng giết đi lại lập cháu huyền vua Tuyên-đế lên nối ngôi, gọi là Nhụ-tử Anh (6-22). Vương Mãng tự xưng là Tân-hoàng-đế được mười lăm năm, kẻ hào - kiệt nổi lên như ong, lập họ tôn - thất là Lưu Huyền lên làm vua, cùng giết người Vương Mãng. Khi ấy lại có những giặc Vương Lang, Đổng - mã, Xích-mi nổi lên, trong nước cả loạn.

Vua Thế-tổ nhà Đông-Hán 東漢 là Quang - vũ 光武 tên là Lưu Tú khởi từ họ nhà vua, tính người lại cần-hậu nhân - dũng, được Đặng Vũ, Ngô Hán, Giả Phục mọi người giúp đỡ dẹp yên loạn nước, đóng đô ở đất Lạc-dương, đời nhà Hán lại trung-

hưng lên được (23-24). Quang-vũ (25-57) hay suy bụng ta ra bụng người, bảo-toàn cho kẻ công-thần, đầu dựng nhà học-hiệu, sửa-sang văn - giáo, phong chức cho Trác Mậu, tôn-trọng người Hầu-Há, lấy lễ-vật đón Nghiêm Quang, cái thói tiết-nghĩa đời Đông-Hán là gây ra từ đó. Song tin lời sấm-vĩ, đi tế phong-thiện làm lụy đến đức tốt. Vua Minh-đế (58-75) tên là Trang lên nối ngôi, sáng phép lệnh, theo cổ-diễn, thân ngự đến nhà Tích-ung để khuyên học trò, đặt ra ông thầy dạy ngũ-kinh, làm được nhiều việc tốt; lại sai người sang cầu kinh bên Thiên-trúc để truyền Phật-pháp là mới từ đó, kẻ hậu-nho lấy làm chê. Vua Chương - đế (76-88) tên là Huyền biết yêu dân trọng việc học, song lỗi tại giết người Lương Tùng mà dung cho Đậu Hiến. Vua Hòa-đế (89-105) tên là Triệu còn trẻ tuổi cùng với kẻ hoạn-quan là Trịnh Chủng mưu giết người Đậu Hiến, quyền kẻ hoạn-quan từ đấy lại thịnh lên. Vua Thương-đế (106) chết non, cháu vua Chương-đế là An-đế (107-125) lên nối ngôi, bà Đặng Thái-hậu ra ngự triều, mười sáu năm vua mới ra thân coi chính-sự, yêu dùng họ Diêm, kẻ nội-sủng mới dần thịnh lên, Dương Chấn vì can ngăn mà phải chết. Đến đời vua Thuận-đế (126-144) thì có lũ hoạn-quan là Tồn Trinh giết Diêm Hiến đi mà chuyên lấy quyền, khi ấy dần có Hoàng Quýnh, Lý Cổ là người hiền mà không thể cứu được. Suong-đế (145) lên nối ngôi, bà Lương-hậu ủy giao quyền-chính cho Lý Cổ, Lương Ký ghen-ghét tranh lấy quyền. Chất-đế (146) là cháu tăng Chương-đế đương mặt mặt người Kỳ là chuyên-quyền, rồi bị chết về tay người Kỳ. Lý Cổ và Đỗ Kiêu cùng chết oan. Hoàn-đế (147-167) là cháu tăng Chương-đế mới giết được Lương Ký, song lại phải năm tước hầu rỗng-rõ tàn-ngược, gây ra vạ đảng - cổ. Vua Linh - đế (168 - 189) là cháu huyền

Chương-đế lại gặp phải bọn hoạn-quan là Tào Tiệt, Vương Phủ làm độc-hại tể lâm. Đậu-Võ Hà-Tiến lấy là cậu họ nhà vua mưu giết bọn hoạn-quan cũng bị chết. Khi ấy có lũ Trần Phồn là bọn trung-hiền lên giúp, sau lại vờ đến Đồng Trác, thành ra bọn gian-tặc được lòng-quyền. Vua Linh-đế mất, Trác mới lập vua Hiến-đế (190-220) lại đốt mất cả cửa nhà, đào cả các tôn-lăng. Vương Doãn cùng với Lã Bố mưu giết Đồng Trác. Các tướng ngoài Sơn-dông đều nổi lên, mượn tiếng là vào đánh Đồng Trác. Khi ấy có giặc Hoàng-cân, thập-thể thịnh lâm. Tào Tháo đem quân đi đánh thắng được Viên Thiệu, rồi rông làm việc hung-nghịch, giết bà Phục-hậu và Thái-tử, tự lập mình làm Thừa-tướng, tức là Ngụy-vương. Lại có Tư-Mã Ý, Tuấn Hoắc mọi người giúp đỡ. Đến con Tào Tháo là Tào Phi mới cướp ngôi nhà Hán, lập quốc-hiệu xưng là nước Ngụy. Vua Chiêu-Liệt 昭烈 (221-222) nhà Thục-hán 蜀 漢 tên là Lưu Bị 劉 備 lấy là dòng-dõi nhà vua lên nối ngôi ở đất Thành-dô, cùng với nước Ngô nước Ngụy chia ba cõi nước. Sau Quan Vũ 關 羽 bị giết, Lưu Bị dựng nghiệp chưa được nửa chừng rồi cũng chết. Vua Hậu-chủ (223-263) tên là Thiệu lên nối ngôi, quan Thừa-tướng là Gia Cát-Lượng 諸 葛 亮 có tài vương-tá vâng tờ di-chiếu giúp Hậu-chủ, đem quân ra đánh đất Trung-nguyên, lúc-cung tận-tụy mười hai năm rồi chết ở trong quân. Sau lại có Tưởng Uyển, Đồng Doãn cùng nối làm tướng giúp đỡ, rồi cũng mất. Sau bị phải Hoàng Hiệ chuyên quyền, rồi nước Thục cũng phải nước Ngụy diệt mất. Gia-Cát Chiêm chết ở Miên-trúc, Vương Kham thì chết ở Thành-dô. Nhà Thục-Hán được hai đời vua, trải được 42 năm. Kể từ đời Cao-tổ đến đây là 469 năm.

Nhà Ngụy 魏 từ chúa Phi đến Hoàn phàm năm đời, Phi hiệu là Văn-đế

(220-226). Đến đời Minh-đế Tuấn (227) thì cơ-nghiệp đã không được vững, họ Tư-Mã nổi giữ quyền-chính, ba đời vua Thiệu-đế lập lên đều bị giết cả, nước Ngụy mất.

Nhà Ngô 吳 thì kể từ Tôn Kiên 孫 堅 có hai con là Tôn Sách 孫 策, Tôn Quyền 孫 權 là người minh-đạt tài giỏi. Tôn Quyền xưng là Đại-đế (222-252), thờ Chu Du 周 瑜 làm anh, trận đánh ở Xích-bích làm cho Tào Man mất vía, truyền được ba đời vua, đến Tôn Hiệ thì có tính hung-ngược, khi Bắc-quân kéo đến thì Tôn Hiệ phải tự trời mình ra đầu hàng.

Vua Võ-đế 武帝 (265-289) nhà Tấn 晉 tên là Tư-Mã Viêm cướp nước Ngụy gồm nước Ngô, lên ngôi vua đóng đô ở đất Lạc-dương. Lại có Dương Hổ 羊 祜 Đỗ Dự 杜 預 mọi người hiền giúp đỡ. Song tiếc cho sau khi bình được nước Ngô thì lại trở biếng hoang chơi, để cho năm rợ Hồ vào làm loạn đất Trung-nguyên. Nổi đến vua Huệ-đế (290-306) thì ngu tối, bà Giả-hậu ra làm loạn cả chính-sự, sáu tước vương là anh em cố-nhục cùng tàn-hại lẫn nhau. Khi ấy có Vương Nhung, Vương Diên thì chỉ thanh-dâm làm nhỡ cả việc nước. Vua Hoài-đế (307-312) là em Huệ-đế, vua Mẫn-đế (313-316) là cháu Võ-đế đều phải chết nhục ở trong đám giặc, thiên-hạ chia xé tan nát. Vua Nguyên-đế (317-322) là dòng Tư-Mã Ý lại trung-hưng lên ở đất Giang-dông, truyền đến vua Minh-đế (323-325), Thành-đế (326-342) đều khen là vua hiền. Trải đời vua Khang-đế (343-344) Mục-đế (345-361) đến đời vua Hiếu-võ (373-396) thì có Vương Đạo, Tạ An, Tỏ Dịch, Đào Khản, Ôn Kiện, Hoàn Sung, Tạ Huyền trước sau nối nhau cầm quyền nước, cho nên hay giết được Vương Đôn, cần được Hoàng Ôn, đánh được Bồ Kiện. Đến khi Hoàn Hyên mưu làm phản thì Lưu Dự lại thừa-gián mà khởi lên, vua An-đế

(397-418) và Cung-đế (419) đều bị phải Lưu Dụ giết cả. Nhà Tấn được 15 đời vua, 156 năm thì mất.

Khi ấy chiếm-cứ đất Trung-nguyên có mười sáu nước, mà năm rợ Hồ là lớn hơn cả. Lưu Uyên giữ ở Tấn-dương, Thạch Lặc giữ ở Thượng-dăng, họ Diêu giữ ở Phù-phong, họ Bồ giữ ở Lâm-vị, họ Mộ-Dung thì giữ ở Xương-lê, trước sau cùng ngang với đời nhà Tấn. Đến khi họ Ngụy Thát-Bạt khởi lên, thì toàn-quốc lại chia ra Nam Bắc: Nam-triều thì Tống Võ-đế (420-422) là Lưu Dụ cướp nhà Tấn truyền đến Thuận-đế (477) được 8 đời vua trải 60 năm. Tề Cao-đế (479-482) là Tiên Đạo-Thành lại cướp nhà Tống, truyền đến Hòa-đế (501) được 7 đời vua, trải 24 năm. Lương Võ-đế (502-549) là Tiêu Diễm lại cướp nhà Tề, truyền đến Kinh-đế (556) được 4 đời vua, trải 54 năm. Trần Võ-đế (557) là Trần Bá-Tiên lại cướp nhà Lương, truyền đến Trường-thành Dương-công (589) được 5 đời vua, trải 35 năm. Xét về chính-trị thì năm Nguyên-gia đời vua Tống Văn-đế hơn nhất cả Nam-triều, và năm Vĩnh-minh đời vua Tề Chương-đế thì chính-trị cũng có thể ví được năm Nguyên-gia. Vua Võ-đế nước Lương thì bỏ thân đi ở chùa rồi chết đói ở đất Đài-thành. Vua Võ-đế nhà Trần thì thường ra ngự chơi chùa làm cho Phật-giáo càng ngày càng thịnh lên. Kể từ đời Tống đến đời Trần, trải 173 năm, mà lúc nào cũng cướp giết lẫn nhau, loạn lạc luôn mãi, không được bằng đời Bắc-triều.

Đời Bắc-triều nhà Ngụy từ Thát-Bạt Khuê đóng đô ở Bình-thành, các đời vua như Minh, Nguyên, Đại-võ, Hiếu-văn cùng nối ngôi lên làm vua, lại có Cao Doãn, Thôi Hiếu làm nhạc, chế lễ, văn-hoa đẹp-dẽ khá khen, truyền được 12 đời vua, trải 149 năm, đến khi Nhĩ Chu-Vinh gây vạ, vua Hiếu-võ lại cùng với Cao Hoan có hiềm-khích, phải

chạy sang đất Trường-an, nương theo Vũ-Văn Thái, Cao Hoan với Vũ-Văn Thái hai người tranh-cạnh nhau, nước Ngụy bèn chia làm hai. Nước Đông-Ngụy thì Cao Hoan lập Hiếu-Tĩnh lên làm vua 17 năm thì mất. Nhà Bắc-Tề thì Văn Tuyên thay lên nối ngôi, truyền được 6 đời, trải 29 năm. Nhà Tây-Ngụy truyền được 4 đời, trải 24 năm. Nhà Bắc-Châu từ Hiếu-Mẫn tên là Vũ Văn-Giác lên nối ngôi, đến đời Võ-đế gồm được nhà Bắc-Tề, truyền được năm đời vua, trải 25 năm. Nhà Tùy từ đời Văn-đế (590-604) tên là Dương Kiên cướp nhà Ch�c gồm nhà Trần thống-nhất cả thiên-hạ, vua thân làm việc cần-kiệm, trong nước yên-đn, song phải cái tính ghen-ghét tàn-nhẫn, giết cả họ Vũ-Văn, lại tin lời gièm của Dương Tố, không biết dùng cái kế-sách của Vương Thông, bèn phải thái-tử tên là Quảng giết chết. Quảng tự-lập lên làm vua, hiệu là Dương-đế (605-616), thiên đô đến đất Lạc-dương, lại thường ngự chơi đất Giang-dô, khởi làm việc thổ-mộc rất nhiều, cùng-cực xa-xỉ, cử binh đi đánh nước Cao-li không được; có sai khoi đào sông Vạn-hà để bơi thuyền chơi, chứ bản-ý không phải là vì-dân, thế mà đời sau lại được nhờ. Sau Dương-đế bị phải Vũ-Văn Hóa-Cập giết chết. Đường-công là Lý Uyên lại lập Cung-đế (617-618) lên nối ngôi, song ảm-nhược quá. Lý Mật và Đậu Kiến-Đức đều khởi binh lên, những quân vong-mệnh đều hưởng-ứng theo hợp như mây, trong nước tan vỡ như đất lở. Nhà Tùy được ba đời vua, trải 37 năm thì mất, Lý Uyên lên nối ngôi thay. Từ cuối đời Hán đến cuối đời Tùy hơn 400 năm, đều loạn-lạc luôn mãi. Đến đời nhà Đường dấy lên, thì trong nước mới thống-nhất.

(Còn nữa)

ĐỒNG-CHUYÊN DỊCH

PENSÉES

L'homme est un animal politique, a dit Aristote. Il le faut bien, puisque la civilisation ne fleurit que dans la cité, laquelle ne subsiste que gouvernée. L'état sauvage se passe de politique, et c'est un grand charme. J'y suis très sensible, moins pourtant que Jean-Jacques, qui d'ailleurs politiquait à tour de bras. Je ne crois pas comme lui que les mœurs soient corrompues par les lettres et les arts que j'aime au point de vouloir les maintenir même, s'il le fallait, au prix de cette corruption. En fait, il m'a toujours paru que l'intellectualisme le plus exclusif engendrait une haute moralité, et que le moralisme érigé en premier principe démoralisait, tout en abêtissant. Bref, la politique est peut-être un mal, mais la rançon d'un grand bien, et tout compte fait, je m'y résigne, comme à la condition de la culture et dans l'intérêt supérieur de l'esprit.

Je désire seulement ne m'en point mêler et la laisser à d'autres par une sage division du travail. Non que je crie à la trahison des clercs qui s'en occupent, et c'est toujours leur droit, si cela les amuse, pourvu qu'ils continuent de servir la raison jusque dans l'hémicycle parlementaire; c'est même leur devoir, lorsque cette raison, seule de droit divin, disait Renan, traverse un péril grave; et sans entrer dans l'action, ils l'éclairent et la guident utilement par des considérations doctrinales, comme celles de Platon et d'Aristote, de Voltaire et de Montesquieu.

PAUL SOUDAY.

Cổ-triết Hi-lạp ARISTOTE nói rằng người ta là giống ham chính-trị. Tất phải thế, vì có xã-hội mới có văn-minh, mà có chính-trị mới có xã-hội. Tình-trạng dã-man thì không cần phải chính-trị, mà như thế kẻ cũng thú thật. Tôi đây cũng cảm cái thú ấy lắm, duy không bằng thầy Lư-thoa thôi, và chính thầy cũng hay nói về chính-trị hoài. Thầy cho rằng văn-học mỹ-thuật làm cho phong-hóa suy-dồi, tôi không đồng-ý với thầy câu đó, vì tôi rất mến văn-học mỹ-thuật, tưởng giá muốn bảo-tồn lấy văn-học mỹ-thuật mà đến phải để cho phong-hóa suy-dồi, cũng cam-tâm vậy. Cứ thực thời tôi xét ra cái chủ-nghĩa « duy-trị » dẫn đến cực-đoan cũng vẫn sản ra được đạo-đức cao, còn cái chủ-nghĩa « duy-đức » mà đem làm tuyệt-đối thì vừa làm cho người ta ngoan-mê, lại vừa làm cho đạo-đức suy-kém nữa. Nói tóm lại, chính-trị cũng có lẽ là một cái dở, nhưng là để làm đại-giá cho cái hay to, và xét cho cùng, tôi cũng cam-tâm chịu cái dở ấy, cho là một điều-kiện tất-yếu của sự văn-hóa, và là vì lẽ cao-thượng của tinh-thần mà phải chịu vậy.

Duy tôi không muốn can-thiệp đến chính-trị làm gì, lấy cái lẽ phản-công chuyên-nhiệm mà để cả cho kẻ khác làm. Không phải rằng thấy có nhà văn làm chính-trị mà tôi trách họ là phụ với nghề văn đâu, vì nếu họ lấy chính-trị làm thích thì họ cứ làm, họ có quyền được làm, miễn là đầu ra chốn nghị-trường cũng vẫn phải phụng-sự Chính-lý vậy. Ông RENAN nói rằng ở đời duy có lẽ phải là thánh-thần, vậy khi lẽ phải bị mờ-ám thì không những là quyền-lợi, mà lại là nghĩa-vụ con nhà văn phải ra hành-động nữa. Còn có người không vào trường hành-động, thời đem lý-thuyết ra cũng giúp soi-sáng và hướng-dạo cho sự hành-động được, như PLATON ARISTOTE, VOLTAIRE, MONTESQUIEU vậy.

戊辰新春

松雲道人文几

王者香



Ngài xuân
gởi viêng bạn Nam-phong.

Biên học dòng chia, mạch vẫn liên,
Dầu chưa mặt biết đã lòng quen.
Mây chiều băng bạc màu thanh khí,
Trắng xè lồi. hơi về biệt nghìn.
Nón nước đã cùng chung mối cảm,
Đo bèo hà dễ để tình riêng.
Viêng xuân sức nước mùi lan huệ,
Nho được thơm lây khóm cỏ hiền.

Đồng-hồ, Lâm Cầm-Phác
bài phụng.

東湖林進璞拜奉

VŨ-TRUNG TÙY-BÚT (1)

雨 中 隨 筆

V

Nguyễn Kinh

Khoảng đời Tiền-Lê, ở làng Dị-nậu huyện Thạch-thất có một người họ Nguyễn 阮 nghèo-cùng đi ăn xin, rồi xin làm một tên phu quét ngõ ở làng ấy, có dựng một cái nhà nhỏ ở ngoài đầu ngõ, nấu nước chè tươi bán để làm kế sinh-nhai. Sau nhà có một cái gò nhỏ, lại có một ngôi nước chảy vòng quanh, trên gò cây cối bùm-tum. Anh hàng nước ấy mới nói với người ấp-trưởng xin cho chỗ để làm củi, dần dần mãi chỗ trở hết cả, rồi làm nhà lên trên gò để ở, sinh được một người con tên là Kinh 敬, trong khoảng năm Quang-thiệu đời nhà Lê làm quan đến chức Đặc-tiến Phụ-quốc tướng-quân Cẩm-y-vệ Đô-chỉ-huy-sứ. Khi đời nhà Mạc khởi lên, có công giúp đỡ, nên được khai-phủ Tây-quốc-công, họ hàng thân-thích nhiều người làm quan to: Chúa Mạc vì thế sinh lòng ghen ghét. Nguyễn Kinh nên cùng với Tử-dương hầu Phạm Đồn 泗陽侯范 屯 phò Mạc Tông-vương, xưng hiệu là Chính-trung nguyên-niên, chiếm-cử thành Lạng-sơn, rồi đánh lấy châu Khâm châu Liêm của Tàu, lại đánh lấy cả các châu huyện tỉnh Quảng-dông, đường cống-hiến bị ngừng. Người nhà Minh trách hỏi, chúa Mạc sợ, sai người chiêu-dụ Nguyễn Kinh về hàng. Kinh lại về theo nhà Mạc, chúa Mạc mới từ-tính cho theo về Mạc-thị, phong làm Tây-kỳ-vương. Còn vua Chính-trung thì phải quân Minh đánh thua chạy về

Lạng-sơn. Quân Mạc lại đánh tan vỡ chạy về Hải-dương, Phạm Đồn bị chết, vua Chính-trung rồi cũng tuyệt-diệt. Mạc Kinh thì được thọ-chung, mộ táng ở núi thờ-sơn làng Cần-kiếm. Con là Ngọc-Liền 玉璉 lấy nàng Phúc-thành công-chúa làm quan đến Đặc-tiến tuyền-lực công-thần phụ-quốc thượng-tướng-quân Trung-quân đô-dốc-phủ Tả-dô-dốc chưởng-phủ-sự Tông-nhân-phủ Tông-nhân-linh Thái-phó Đà Quốc-công. Khi bấy giờ thế nhà Mạc càng ngày càng suy, Ngọc-Liền lấy là người huân-thích, ở ngôi trọng-nhậm, lo buồn không biết làm thế nào. Ở bên làng Dị-nậu có một cái cầu ngoài đồng trên lợp mái, nhân lúc rảnh, Ngọc Liễn thường cùng với người làng ra chơi đánh cờ ở đấy, Ngọc-Liền là tay quốc-thủ cao cờ, không mấy người đánh được. Một hôm cuộc cờ đương say, đối-thủ sắp nguy, chợt có một ông già đứng bên cạnh trở mách cho vài nước cờ, thành ra sắp thua lại hóa được, Ngọc-Liền biết là người dị-nhân, mời đón ông lão ấy về nhà, Lão không chịu về, Ngọc-Liền mới hỏi việc thiên-hạ. Lão cười mà rằng: Lão quê như tôi còn biết gì, song ngài có nhã-y chuân-cầu hỏi đến, thì tôi xin kính-tặng một vật này. Liễn giờ trong bọc ra đưa cho một cái vi bằng giấy, rồi cáo-từ ra đi, độ vài mươi bước thì không thấy đâu nữa. Ngọc-Liền mới gỡ cái vi ấy ra xem thì thấy có một cái kính vỡ làm đôi mảnh một bên viết chữ Lê 黎 một bên viết

chữ Mạc 莫, Ngọc-Liên không hiểu ra ý sao cả, cứ cầm lấy kính ngắm nghía mãi, thì thấy chữ Lê cứ đậm-dậm mà to dần ra, chữ Mạc thì nhàn-nhật mà nhỏ dần đi, mà bình cái kính cũng thế. Ngọc-Liên mới tỉnh-ngộ ra, bèn bỏ cả nhà cửa đem công làm chùa. rồi mang vợ con đi, vì thế không phải mắc tai-vạ. Sau có người con gái là Mạc-thị Ngọc-Đĩnh 莫氏玉璫 âm phong là quán-chủ có gả về quan Trấn-thủ Đại-dồng là Võ-quốc-công. Năm Dương-hóa có trùng-tu lại chùa Di-nậu và truy-tiến cha mẹ phụ-hương ở chùa ấy, hiện còn bia khắc truyền lại.

Xét quan Đại-học-sĩ nhà Thanh là Trương Ngọc-Như có phụng-sắc toàn-tu sách Minh-sử-liệt-truyện, có phụ-chép truyền người huyện Thạch-thất là Nguyễn Kinh, là kẻ cường-thần nhà Mạc giúp vua Chính-trung chiếm-cứ được nửa phần nước An-Nam, đánh sang cả châu Khâm châu Liêm, người Minh phải lo sợ. Truyện như thế mà Nam-sử ta không thấy chép thì sơ-lược quá.

Tỉnh Hải-dương về những mạn sông Hồng-giang, Kinh-giang có nhiều những cái miếu nhỏ thờ Tứ-dương-hầu. Truyền là thờ một vị chiến-tướng ngày xưa chết trôi ở dưới sông, thấy trôi đến đâu thì ở đấy sinh ra tật-dịch, dân-cư phải lập miếu thờ, tức là tướng nhà Mạc khi xưa tên là Phạm Đồn vậy.

Việc thi-cử

Năm Quang-hưng khoa thi nhâm-thìn lấy đỗ đại-khoa có ba người là: Trịnh-công Cảnh-thụy 鄭景瑞, Ngô-công Tri-Hòa 吳致和 cùng với cha là Ngô-công Tri-Tri 吳致知 mà thôi. Khi bấy giờ chưa khôi-phục được Trung-dó, còn phải mở thi-hội ở nơi Phò-lại hành-tại, sau khi bình-hòa nghiệp học-hành hoang-phổ, khi đầu bài thi yết ra, học-trò không mấy người

nhớ thuộc được hết. Ngô-công Tri-Tri khi bấy giờ đã năm mươi sáu tuổi cũng còn đi vào hội-thi. Con là Tri-Hòa vốn có tiếng là người học rộng hay chữ, lúc vào thi Tri-Hòa thuộc lòng cả cử viết ra từng câu đề đưa giúp cho cha, song lều của cha đóng cách xa, lại phải nhờ một cái lều giữa là Trịnh-công Cảnh-Thụy, Tri-Hòa cứ vãi qua lều ấy đề nhờ đưa cho cha, vì thế Trịnh-công với Tri-Tri đều được vào trúng-cách đỗ đại-khoa. Xem thế thì biết văn-văn thời bấy giờ, và cái định-số cũng đạt của đời người ta vậy.

Họ Ninh 寧 ở xã Khôi-tri tở-tiền trước vốn là người Ninh-xá huyện Chí-linh. Đường lúc Lê-triều khoảng năm Hồng-dức, vì sau khi loạn-lạc diên-thở bỏ hoang nhiều, mới có nghị cho mọi người chiếm-xa làm được bao nhiêu thì là của mình, các nhà thế-gia hào-hữu cứ tùy sức mình mà khai-khẩn hoang-diên, khi thành diên rồi, thì khai cái sổ ruộng đưa lên bộ Hộ, xin khất làm ruộng tư của mình, như thế gọi là phép chiếm-xa. Họ Ninh khi xưa khai-khẩn ở huyện An-mô, sau nhiều người đến tụ-hợp, mới phân tách ra làm xã Khôi-tri. Đời gần đây có Ninh-công Dịch 寧迪 đỗ Hội-nguyên vào trúng-cách cập-đề có tiếng hay chữ. Đến Ninh-công Tồn 寧濬 biệt-hiệu là Mãn-hiến là tụng-diệt Ninh-công Dịch, khi hai mươi tuổi đã đỗ Tường-sinh, rồi đỗ Hương-cống, văn-từ rất là cò-kính. Khoảng năm Cảnh-hưng, sĩ-tập suy kém, văn-thê hủ-lậu, Trịnh-lĩnh-vương muốn biến đổi đi mà chưa thể được. Một hôm Tĩnh-vương ngự chơi núi Dục-thủy, thấy khoảng vách chùa trên núi có đề một bài thơ, vương biết là thơ của Mãn-hiến, mới cho triệu ra cho vào làm Phiên-liên-thiền-phó rồi thăng chức tiến-triều thiêm-sai tri-phiên, được chùa Trịnh yêu mến. Trong tập thơ ông Bùi Huy-Bích có

câu rằng: « *Mẫn-hiến cư-sĩ kim tài tử* 軒敏居士今才子. *Chính - phủ thêm-sai cô liệt khanh* 政府添差右列卿». Nghĩa là: Ông Mẫn-hiến cư-sĩ là tài-tử đời nay, mà làm chính-phủ thêm-sai là chức liệt-khanh đời xưa, chính là trở vào Ninh-ông Tồn vậy.

Khoa hội-thi năm Mậu-ngọ kỷ đệ-tam ông Mẫn-hiến được vào trùng-cách, mà Phạm-công Nguyễn Du 范阮攸 người Thạch-dồng thì không được vào. Hai ông đều được chữa Trịnh yêu mến, mà chơi với nhau tình-hiếu cũng tương-đắc, khi đã yết bảng kỷ đệ-tam rồi, Thạch-dồng Phạm-công có đi vãng qua nơi ngụ sở nhà ông Mẫn-hiến, ông Mẫn-hiến biết rằng ông ấy đi vào hầu trong Trịnh-phủ đề ra đầu đề, ông Mẫn-hiến cứ đứng đón ở cửa. Đến khi trở về qua, Mẫn - hiến cứ trông theo vào vãng Phạm-công, hai ông không nói một câu gì cả, Phạm-công chỉ đọc bài tiên-chủ trong sách về đoạn: « *Tam trần cứu quái, chung ư tổn dĩ hành quyền* 三陳九卦終於巽以行權 ». Ông Mẫn-hiến biết ý, sớm hôm sau sắp vào kỳ đệ-tứ, ông bèn xé hai trang về đoạn sách: *Tam trần cứu quái* trong kinh *Dịch Hệ-từ* đem giắt luôn vào trường. Đến khi đầu bài văn sách yết ra, học trò không mấy người nhờ thuộc được hết. Khi chấm xong, được năm quyền dâng lên chúa Trịnh xem, thì quyền đầu là An-vĩ Nguyễn-công Lượng 安偉阮諒 cổ-văn đều hơn cả, đến đoạn kim-văn hỏi về việc khu-sử cõi Nam thì trong quyền Nguyễn-công Lượng có câu: « *Sái nhân tất v, ngô 蔡人必爲吾* ». Chúa Trịnh cười mà rằng: Quyền này học văn thì sung-thiệm, nhưng về thời-vụ thì không được am-hiểu, hãy đánh hỏng đi để cho lão-ký-tài. Còn bốn quyền được vào trùng-cách là: Phạm-công Trọng-Huyền 范仲烜. Chu-công Doãn-Lệ 朱允勵, Nguyễn-công Thời 阮時, đều lấy đỗ về kim-văn cả. Quyền

ông Ninh-công Tồn thì kim-văn am-luyện, cổ-văn thì duy có đoạn: « *Tam trần cứu quái* » rất là sung-thiệm, đến đoạn cuối lại sót mất quẻ *Kiến* không nói đến, thì không được tường thur-chỉ, đó là vì xé hai trang mà còn hụt mất đoạn dưới vậy. Sau Ninh-công Tồn được đỗ Hội-nguyên, Thạch-dồng Phạm-công có mừng câu thơ nôm bốn rằng: « *Sinh-đồ ba chuỗi nhờ hòn đất, Tiến-sĩ nửa câu cạy bằng trời* ». Là có ý ám-chỉ vậy.

Xét đời xưa thi-tuyển học trò ở trong nhà Hương-học, có kén lấy đức-hạnh với văn-ngệ, thi văn-ngệ vẫn ở về cuối. Đời nhà Hán có thi-tuyển người hiền-lương mới lấy văn-từ làm chủ. Nhưng chỉ ra văn thi hỏi về những đại-nghĩa trong Kinh Truyện và trị-đạo cổ-kim, cũng còn có ý sót đời cổ, vậy nên thời ấy có những người hiền là họ Đồng, họ Giả, họ Lưu, họ Dương đều lấy văn-học nổi tiếng. Từ đời Tùy đời Đường trở về sau bỏ sách luận mà thi bằng thơ phú, những học trò đời ấy nhiều người hàm châu nhả ngọc cũng có sở-trường cả. Nhưng đem ra dụng-thế thì văn-chương với chính-sự lại chia ra làm hai. Đến đời Tống khoảng năm Hi-ninh, ông Vương An-Thạch lại lấy sách luận thi học-trò, nhưng thời ấy sĩ-tập đã quen đi rồi, cho thi sách luận làm sảng-kiến, đều khỏi lên bài-bác, nhưng sau cũng phải theo, đã dần-dần khôi-phục lại được cái lối thi sách đời nhà Hán, ông Trần Đồng-Phủ khi vào đối sách chốn đại-dinh, vua Hiếu-tôn khen là có cái học kinh-tế, lấy lên cho làm chức Phán-quan đất Kiến-khang. Ông Văn Thiên-Tường có bài sách dinh-đối, các quan trường đã phải khen là văn ông cồng-nghị như qui-giám, trung-can như thiết-thạch, mừng là đặc-nhân. Vì lối văn sách luận phi người học quán-suyễn cả kinh-truyền, bao-hàm cả cổ-kim, thì không thể câu-tứ mà hạ-bút

viết di được. Từ khi thi-hành cái phép khoa-cử mà phảng-phất được cái ý cổ-nhân lấy học trò thì duy có một khoa ấy mà thôi.

Đời Lê năm Thuận-thiên định phép khoa-cử, cũng lấy thể văn sách luận đề thi học trò, từ năm: Thiên-bình trở về sau, đặc-nhân cũng nhiều lắm. Ta thường được xem những văn đình-đối của Võ-công Duệ 武睿, Lương-công Thế-Vinh 梁世榮, lời văn hoảng-bác uông-dương, không phải những kẻ sĩ nóng nổi đời sau hay bắt chước được. Từ đời Trung-hung trở về sau, phép thi càng thiên-lệch mãi đi, những đầu bài văn sách thi hội thi hương đều từ trong Sứ-phủ đưa ra. Nguyên trong Sứ-phủ phải mật-triệu vài quan văn-thần vào phụng-soạn gọi là ngự-đề, các quan soạn đề thi chỉ ra những câu hiểm-hóc để làm cho khó. Bài văn chế sách đình-đối thi lại sai quan Đồng-tiến - sĩ phụng-soạn, quan soạn - đề nguyên đã đỗ cuối hàng tam-giáp, thì lại không muốn cho ai hơn mình, cho nên ra đầu bài thi lại rất là hiểm-hóc, nên ba tên tam - khôi là Trạng - nguyên, Bảng-nhân, Thám-hoa thường không lấy được đủ, mà có khi chỉ lấy đỗ được đến nhị-giáp hoặc tam-giáp mà thôi. Ôi! Cái tệ khoa-cử đến thế là cùng, văn-vận với thể-đạo càng ngày càng kém, thực khá than thay!

Đời Lê có đặt ra khoa Đông-các 東閣, cứ lệ thi tự quan tam - phẩm trở xuống, có do chân đỗ đình-nguyên hội-nguyên, hương-nguyên thời mới được vào thi khoa Đông-các. Song hoặc không do chân đỗ tam-nguyên, mà người nào có thi đỗ đầu về khoa có ngự-đề tuyển-cử được đỗ đại-khoa rồi thì cũng được thi khoa Đông-các. Ấn-diễn lấy đỗ có phần gia-bội trọng hơn chế-khoa tiến-sĩ, thực là một khoa đặc-cách vậy.

Võ-công Trấn 武鎮 khi chưa đỗ thường mộng thấy ra xem yết bảng ở

Quảng-văn-dinh, thấy hàng trên có một tên nét chữ rậm quá không thể nhớ được, đến tên đỗ thứ hai là Võ-công Trấn, thứ ba Nguyễn-công Thê 阮公榮. Võ-công Trấn nghĩ rằng mình là một anh học-trò hồ-y, mà được đồng-bảng với người hiền-quí, tất là không có lẽ ấy, trong bụng nghĩ vợ nghĩ vẫn chỉ thờ dài mà bỏ qua đi thôi. Đến năm Bảo-thái giáp-thìn Võ-công Trấn thi đỗ đệ-tam giáp đồng Tiến-sĩ xuất-thần, ông mới cười cái mộng trước là vu-khoát. Đến năm Mậu-thân thứ chín chúa Trịnh Hi-tô (Trịnh Cương) có nghị mở khoa thi Đông-các, khi bấy giờ Nguyễn-công Thê đương làm quan đốc-thị ở Nghệ-an, Võ-công Trấn có đưa thư khuyên Nguyễn-công Thê về triều mà ứng-thi khoa Đông-các, và thuật lại cái mộng ngày trước để dự mừng, sau quả-nhiên khoa thi ấy lấy đỗ ba tên: Tên thứ nhất là: Phạm-công Khiêm-Ích 范謙益 lấy chức Lai-bộ Tả thị-lang Thuật quận-công được tứ-đệ. Tên thứ hai là Võ-công Trấn lấy chức Bình-bộ cấp-sự-trung Thự Hàn-lâm-viện hiệu - thảo được tứ-đệ. Và tên thứ hai nữa là Nguyễn-công Thê lấy chức Tự-khanh kiêm Tế-tử được tứ-đệ, xem thể thi biết khoa-giáp vốn có định-số vậy.

Lệ cũ ai đỗ khoa Đông-các khi vinh-quí thì cả dân bản-tổng phải đến phục-dịch làm nhà tư-thất bằng gỗ lim mà lợp ngói độ ba gian, tất cả dân-phu trong bản-tổng bản-huyện phải đến ứng-dịch. Khi Phạm-công Khiêm-Ích đỗ khoa Đông-các về vinh-quí thương hại người hàng tổng nghèo cùng, miễn cho không bắt phải chịu cại phi-tồn làm nhà ấy nữa, ai cũng lấy làm cảm ơn, sau tôn làm hậu - tuần, đệ-niên xuân - thu cúng tế, mổ trâu vào đám hát xướng để báo cái ơn-dức ấy. Sau khi nhà Lê đã mất rồi, hậu-thần các làng thường thường bỏ không cúng tế nữa, mà duy có giỗ hậu Phạm-công thì làng vẫn làm lợn thay trâu bò để

cúng tế, chớ không dám bỏ, xem thế thì biết cái ơn di-ái ở người ta vẫn nhớ mãi không quên.

Triều Lê đãi học-trò rất là hậu lắm, nào là trăm hốt hoa-bào, du-nhai tứ-yến, tại phong cho cha mẹ, ấm cho con cháu, lúc vinh-quì áo gấm về làng thực là vinh-diệu, hậu-dãi như thế là đủ rồi. Còn đến như bắt dân cung-ưng làm nhà tư-thất, phục-dịch việc gì cũng trách đến dân cả, thì dân làng tổng-mặc sao kham chịu được. Về lại người học-trò mới đỗ lên đại-khoa mà cả hàng tổng đến phục-dịch làm nhà cửa cho mình, thì lại phải mở ra yến-tiệc để khao-mừng, đãi dân làng hàng tổng để đền công-lao, thế tất phải xoay-xổ đi vay mượn cho xong việc. Thậm chí có kẻ chỉ dòm lấy con gái nhà giàu mà bỏ vợ tao - khang; hoặc chịu tiếng luồn lỏi đi vay lãi mà ký liễu văn-khế, cái thói quen ấy tích-tệ đã lâu, nên đã có cái tiếng ông Nghè đeo nợ, bà Nghè mua chồng, như thế mà muốn mong người ra làm quan phải giữ lấy liêm-tiết, chớ trái phép làm cần thì sao cho được.

Xét khoảng năm Cảnh-hưng cái tệ các bà Nghè mua chồng không thể kể xiết được. Khoa đình-sử Phạm-công-Tiến 范公進 đỗ, có người nhà giàu gả cho con gái, giao-ước xin chịu hết những tiền phí-tồn lúc vinh-quì. Lúc về vinh-quì, ở nhà giàu cứ tranh bà đích-phu-nhân đi trước. Bà vợ đích mới thừa vào trong triều. Triều-nghị bắt ông Nghè phải đình bảo-cử. Khoa nhâm-thìn. Võ-công Tôn-Diễm 武宗瑱, Nguyễn - công Bá - Tôn 阮伯宗 hai người cùng đỗ, Lê-công Qui-Đôn 黎貴惇 đều lấy cháu gái gả cho. Về sau Võ Tôn-Diễm vợ cả vợ lẽ không chịu nhường nhau, mới phân rẽ ra ở làm hai nhà. Còn người vợ cả Nguyễn Bá-Tôn vì không đánh đỗ được người vợ lẽ, tức-giận rồi thành chứng tâm-tật.

Cuối năm Cảnh-hưng có truyền-chỉ ra cấm-chấp, từ năm mậu-tuất trở về sau, cái tệ ấy mới bớt dần đi.

Quan huyện-thừa tên là Võ Độ người Yên-thái vốn là dòng nhà giàu, từ khi huyện-thừa mất đi rồi, nhà cũng sút kém, có sinh-hạ được một trai một gái. Bà nhụ-nhân là vợ ông huyện-thừa vốn là người cần - kiệm chắt-chiu, nên thế-mạo cũng không sa-sút mấy. Năm ất-mùi đời Cảnh-hưng, Nguyễn-công Quốc-Ngạn 阮國彦 đỗ đại-khoa mà chưa có vợ, bà nhụ-nhân trong bụng lấy làm hăm mộ, mới mua ơn cho vay mượn giúp đỡ, rồi mượn mụ mối buộc gả ngay người con gái cho Nguyễn-công, Nguyễn-công phải nhận lấy, bao-nhiều tiền phí-tồn lúc vinh-quì, đều do bà tân-phụ-nhân bỏ ra cả. Nguyễn-công lúc mới còn thực-chức khoa-cấp, việc quan nhàn rỗi không đủ tiêu. Bà tân-phụ-nhân mới về mưu tính với mẹ, đi vay giạt được tám trăm quan tiền để chạy chọt dứt lốt trong nội-phủ. Quan chính-phủ mới phụng-chỉ bỏ cho Nguyễn-công chức Đốc-đồng xứ Sơn-nam. Ở phủ-đường vừa mới xướng danh xong, thì Nguyễn-công phải bệnh chết, không được bao lâu bà nhụ-nhân cũng mất, gia-kế một ngày một kém. Sau khi nhà Lê mất rồi, bà Nghè vẫn còn mắc nợ dả-lụy mãi.

Y-học

Khoa Y-học Tàu khởi-thủy ra từ đời Viêm-dế 炎帝 Hoàng-dế 黃帝, lại có Lôi-công 雷公 Kỳ-bá 岐伯 phò-tá thêm vào, các đẳng thánh-nhân đời xưa lo-lắng về việc vệ-sinh cho nhân-quần rất là chu-chí. Tự đời trung-cổ trở xuống, các bậc danh-y xuất-hiện ra cũng nhiều, làm ra sách vở càng ngày càng nhiều mãi ra, nhưng đại-lược chẳng qua có tám kinh tám vĩ mà thôi. Tám kinh là: Châm 針, biêm 砭, chích 灸, thang 湯, hoàn 丸, tán 散, cao 膏

đồ 塗. Bệnh ở ngoài cơ-phu thì dùng thuốc cao, đồ; bệnh ở trong kinh-lạc tạng-phủ, thâm thì dùng phép *châm, biêm, chích*, thiên thì dùng thuốc *thang, hoãn, tán*. Trong tám kinh ấy khi dùng còn phải quyền-hành *châm-chuốc* cho khéo, thì phải có tám vĩ là: *vọng 望, vấn 問, thiết 切, công 攻, bổ 補, bình 平, tán 散*. *Vọng* là xét xem thần-thể diện-mạo; *vấn* là nghe xem tiếng nói hơi thở; *vấn* là hỏi kỹ xem cho tường nguyên-uỷ; *thiết* là ấn xem cho biết mạch lạc; *công* là công-kích cái bệnh chừng nó hăng quá; *bổ* là bồi-bổ cái khí-huyết nó yếu-kém; cái gì thiên-lệch thì *bình* lại cho ngay; chỗ nào uất-kết thì *tán* đi cho thông. Đó là tám kinh tám vĩ kể cả là mười sáu điều, không thể khuyết được điều nào, mới có thể làm lương-y được. Còn như phép *cắt da, nạo xương, tẩy dạ dày, rửa trong ruột*, những cách chữa như thế rất là quyền-biến, không phải bậc thần-y rất giỏi không thể bàn đến những phép ấy được.

Thầy thuốc nước ta ở đời cổ-giả có ông Đồng-tiên 董仙 ông Châu-y 鄒醫 là bậc danh-tiếng, về sau học-giả thất-truyền, phép *châm biêm* ở trong tám kinh, lối *vọng vấn* ở trong tám vĩ đều bỏ xao-nhãng không ai lưu-ý đến cả. Còn như phép *chích* thì không hiểu chính huyết ở chỗ nào; phép *thiết* thì không biết mạch lạc đi làm sao, thế ra 16 điều yếu-quyết về y-khoa mà đã bỏ đi mất sáu, lẽ thâm thì bỏ mất chỉ học được lẽ thiên, điều tinh thì quên mất chỉ biết được điều thô, học thuốc như thế mà dám cầm cái mệnh sinh-tử, chữa cái bệnh trầm-kha, tự-phụ là giỏi thuật dưỡng-sinh, như thế chắc đã giỏi chưa? Than ôi! dân-sinh ở sau đời tam-dại, phép giáo-dưỡng đã không ra gì, còn phép vệ-sinh cũng hỏng nốt, thế ra mệnh con người ta chỉ chắc về ông trời mà thôi, nào những dấng

hiền-nhân quân-tử ở đời, mình áo mũ mà miệng nhân-tử, có nghĩ đến điều ấy cho không? Thương thay!

Y-học bây giờ chia làm hai khoa: nội-khoa và ngoại-khoa. Trong ngoại-khoa lại chia làm ba phái: 1^o phái họ Nguyễn ở Bảo-tử; 2^o phái họ Nguyễn ở Phù-ninh; 3^o phái họ Nguyễn ở Văn-lũng; ba phái ấy đều giữ được dòng thuốc gia-truyền, thuốc cao thuốc đồ cũng hiệu-nghiệm lắm, chỉ thuốc nội-âm thời xưa nay vẫn quen thói dùng thuốc công-phạt tiêu-hao quá. Nhưng phép ngoại-khoa thì dùng thuốc cao đồ nhiều mà dùng nội-âm ít, đâu không được trúng bệnh lắm, song cũng không đến nỗi hại.

Nội-khoa thì chia làm hai phái: Người chủ mặt tư-bồ thời coi vị Đại-hoàng, Phác-tiểu như hân-thủ; giá gặp người hư-tồn thực là *bổ-ích*; rồi mà gặp bệnh sung-thực lại ngộ đầu thuốc *bổ* vào, thời khác gì lửa cháy lại tưới dầu thêm, gặp bệnh ngoại-cảm mà lăm cho thuốc *bổ* vào, thời khác gì nước nghẽn lại đem lấp cống; thế thì hại tính-mệnh con người ta thậm tệ hơn là thuốc độc. Thế mà thầy lang nào chỉ chuyên dùng mặt *bổ*, lại tự-đắc rằng thế mới là vương-đạo, không đến nỗi hại người. Nhưng không biết ăn mãi thì thà vào thì càng nuôi to cái khối chưng-hà ở trong bụng; cầm cái mũi dao mảnh-dẻ mà đâm vào xương đầu-chối, thời sao cho vỡ được; chẳng khác gì vua Yên-vương, vua Tương công lúc đánh giặc lại chấp-né sự nhân-nghĩa gần đỡ, không bắt người hai thứ tọc.

Người chủ mặt công-tán thì coi vị Nhân-sâm, Nhục-quế như thuốc độc, giá mà gặp bệnh sung-thực, bệnh ngoại-cảm, mà ngộ-dụng hàn-lương, thì khác gì đã rét lại thêm băng vào, hối-hận sao kịp được nữa. Nếu gặp bệnh hư-tồn, mà dụng lăm thuốc

công-tán, thì khác gì cầm đuốc ra trước gió, cứu vớt sao cho được nữa. Thế mà thầy lang nào chỉ chuyên mặt thuốc công-phật, lại tự-dắc rằng dĩ-độc công-độc, bênh-tác bênh-thụ có sợ gì. Không biết rằng đem búa rìu mà nện vào cây khô, đưa sóng gió mà xô vào thuyền nát; thì cứu sao cho được, có khác gì họ Thân, họ Hàn làm tướng chỉ chuyên dùng hình-phạt để giúp sự tàn-ngược.

Hai phái ở trên đó thường công-kích lẫn nhau, dẫu người cao-minh cũng không biết theo đường nào cho phải. Ta thường ngày đêm suy nghĩ lời cổ - nhân có nói rằng: « Làm lương - y cũng không khác gì làm lương - tướng ». Lương-y thì quan-hệ tính mệnh người ta, mà lương-tướng thì quan-hệ sự yên nguy trong nước, mỗi đảng một khác mà cũng là một đạo, trị nước có đức-hóa cũng phải có hình-phạt, mà làm thầy lang dùng thuốc bổ cũng có khi dùng thuốc công, không thể thiên-chấp được. Bệnh nào mà quả là hư thì mình dùng thuốc bổ, cũng như là làm tướng dùng nhân - đức, hà-tất phải dùng hình-phạt, khác - bác như họ Thân họ Hàn. Bệnh nào mà quả là thực thì mình dùng thuốc công, cũng như là làm tướng dùng uy-hình, hà-tất phải phi nhân-ơn để cho百姓 chur-hầu càng kêu-giọng mãi lên, sinh-trưởng sát-phật, đều tùy-thời cho phải, chớ có chấp-nệ sao được.

Hoặc có người bác rằng: « Ông nói vẫn là phải, nhưng biết phân-biệt kẻ nào là thiện mà mình thi-ân? kẻ nào là ác mà mình gia-phạt? »

Ta đáp lại rằng: Trước tôi đã nói tám kính, tám vĩ, không thể khuyết một điều nào được, phải học sách Nội-kinh cho tường, lại tham-bác các sách y-thư cho rộng, đừng có chấp-nệ sách Cảnh-nhạc 景岳, Phẫu-thị 馮氏 quá

mà ghét thuốc công-phật; đừng có chuyên-trị pho « Y-học hồi - xuân 醫學回春 » quá, mà không dùng thuốc tư-bổ; học biết cho tinh, làm cho phải đường, dẫu làm lương-tướng cũng được, nữa là làm lương-y!

Nước ta về đời Lê-qui có hai ông danh-y: Một là ông Lê Lãn-ông 黎懶翁, người làng Liêu-xá, ngụ-cư ở Nghệ-an, chúa Trịnh Tĩnh-vương 鄭森 thường đón về kinh-dô để chữa bệnh. Cụ có làm ra bộ sách Lãn-ông toàn-tập 懶翁全集, Mộng-trung-giác 夢中覺, và bộ sách Chân-dậu-chuẩn 疹痘準繩, học-lực thâm-thủy, nghị-luận xác - đáng, song cũng ít dùng thuốc công-tán, học-giả bây giờ vẫn tuân-phụng làm lời châu ngọc cách - ngôn. Tiếc rằng ta chưa được xem hết bộ sách của ông. Hoặc có người nói ông là con Lê-công Hữu Kiều 黎有喬. Song chữa xét được rõ.

Hai là quan thị-trà người Xuân-dục, tên là Nguyễn Quý 阮貴, do chân giám-sinh tri-huyện Tiên-minh, cụ học được y - thuật chính-truyền, ầu mạch rất tinh, chữa bệnh rất thần hiệu. Đời Trịnh Tĩnh-vương có thăng cho ông làm tham-nghị xứ An-quảng.

Ta thường thấy ông khi lên thọ bảy mươi, có dân câu đối rằng: « Nhân dục vô nhai, nhân khởi năng vi thiên tính giả; 人欲無涯。人豈能遠天性者。Thiên dữ hữu hạn, thiên quả tất lung nhân nguyên hồ. 天與有限。天果必從人願乎。 » Nghĩa là: Người lòng dục vô-cùng, người trái tích trời sao thể được; Trời phần cho có hạn, trời chiều ý người mãi thể chẳng? Lại câu rằng: « Trí thủy nhân sơn, thích ý nguyên hỉ quán-tử lạc; 智水仁山。適意願希君子樂。Thiên niên quốc lộc, tàng tâm nhân dưỡng thái-bình thân. 天年國祿。從心閒養太平身。 » Nghĩa là: Nước trí non nhân, thích ý đưa vui cùng bạn

khá ; tuổi trời lộc nước, thỏa lòng yên nghỉ cái thân nhân. Xem đó thì biết ông là người nhân tần phong-lưu, hẳn nói có lý-thú Lão Trang, tính rất vui vẻ.

Biên-huynh ta là Phạm Tôn-Kiệu, nhân vợ phải chứng sản-hậu đau bụng huyết-thống thành hòn, cụ bảo sắc một lạng Toàn-quỳ, mài ba đồng Nhục-quế, uống khôi liền. Học-trò hỏi cụ sao không lập ra thành bài. Cụ bảo rằng : Huyết ngổ hàn thì nó đọng lại, gặp nóng thì nó tan ra, chỉ hai vị là khỏi cần gì phải lập thành bài.

Trọng-huynh ta nhân vợ mắc bệnh uống lầm phải Đại-hoàng, bụng phát trướng khát nước, đại tiện cầu bế ; mời cụ án mạch, cụ bảo không cần chi, chỉ cho uống một lạng Dương-sâm, năm đồng Ngưu-tất, ba đồng Phụ-tử, uống xong hạ xuống khôi liền. Nho-sinh Nguyễn Viên phải chứng phù-thũng, đã phát mê sảng, cụ cho uống một thang « *Phụ-tử lý-trung* » gia Đại-hoàng, cũng khôi liền ngay. Còn như cụ xem mạch cho ông Giám-sinh Nguyễn Thăng biết rằng sang năm tất phải bệnh to ; xem mạch cho trọng-huynh ta biết rằng ba năm nữa thì chết, sau đều quả-nhiên như thế cả, Còn nhiều công-hiệu nữa không kể cho xiết được, xem đó thì biết cụ án-mạch rất tinh.

Xứ Hải-dương

Xứ Hải-dương đời cổ là Hồng-lộ 洪路 với Sách-giang-lộ 册江路. Khi thuộc đời Minh thì là một phủ Nam-sách 南策, đến đời trung-gian mới đặt ra bốn phủ là : Thượng-hồng 上洪, Hạ-hồng 下洪 và Kinh-môn 荆門 Nam-sách, tổng-cộng là mười tám huyện, đại-khai xưa nay duyên-cách là như thế. Ta thường xét bốn phủ Hải-dương đất rộng người nhiều, mà đời cổ chỉ phân làm hai lộ với một phủ, lớn nhỏ không đều nhau, xét mãi chưa

biết giải-thuyết ra thế nào. Hoặc có người nói rằng : Đời xưa chia ra các phần quận huyện rất lớn, như là làng Từ-liêm 慈廉 đời Hán tức là huyện Đan-phượng 丹鳳, huyện Từ-liêm, huyện Thọ-xương 壽昌, huyện Quảng-đức 廣德 huyện Thanh-trì 靑池, Thanh-oai 靑威 Thượng-phúc 上福 đời nay. Đời Trần đời Lý gọi là Uy-lộ 威路 tức là phủ Quốc-uy 國威 và một nửa phần phủ Thường-tín, phủ Ưng-thiên đời nay. Đời Minh gọi là phủ Thanh-hóa 淸化, tức là xứ Thanh-hoa thừa-tuyên bảy giờ, chia làm bốn phủ. Xem thế thì biết địa-thế cổ-kim phân hợp lớn nhỏ mỗi đời một khác, thế thì xứ Hải-dương ta khi xưa chỉ là hai lộ với một phủ cũng chẳng lấy gì làm ngờ vậy. Nhưng xét lại từ đời Lý khi xưa, còn một nửa phần từ Thuận-hóa trở vào chưa thuộc về nước ta. Đến đời Trần mới gồm lấy được đất Thuận-hóa. Còn các phủ về Quảng-nam đến đời Lê Hồng-đức mới chiếm đặt làm quận huyện. Xem thế thì bờ cõi đời Lý đời Trần so với đời nay độ vào bảy tám phần. Thế mà chia cả toàn-quốc làm hơn mười lộ, mà xứ Hải-dương ta chỉ là hai lộ mà thôi, là một điều khá ngờ. Lại như khi thuộc đời Minh cõi nước phía nam đến tận phủ Thăng-hoa, mà xét trong bản-đồ mười lăm xứ thừa-tuyên đời Hồng-đức, chỉ còn một nửa phần xứ Quảng-nam thừa-tuyên là chưa mở-mang đến mà thôi. Trương Phụ, Hoàng Phúc khi ấy lại chia nước ta làm mười bảy phủ, mà xứ Hải-dương ta chỉ là một phủ, đó là hai điều đáng ngờ. Huống-chỉ các đạo Sơn-tây, Kinh-bắc, Thanh-hoa, Nghệ-an, Thuận-hóa Quảng-nam, còn nhiều phần núi rừng lẫn lộn, ở đời cổ còn có chỗ là xóm mán mọi, hoặc còn là bờ cõi về phần nước khác, sau này mới dần dần mở-mang, mới thu vào bản-đồ. Tự-trung những nơi địa-thế

gọi là huyện Trường-tân 長津 (1), Hồng-lô khi xưa đóng li-sở ở Hồng-thị. Đời Lý có Đoàn Thượng 段尚 ra đánh giặc ở Hồng-châu, về sau chống nhau với nhà Trần thường đắp thành lũy ở Hồng-thị. Khoảng năm Quang - thiệu Thống-nguyên đời Lê, vua Lê phải chạy ra ngoài cũng lấy Hồng-thị làm nơi hành-tại. Vì nơi ấy đường thủy đường bộ châu cả vào, trên thông đến xứ Kinh-bắc, dưới tiếp đến xứ Sơn-nam, phía đông thì cùng với những phủ Nam-sách, Kinh-môn, Hải-dông hồ-hấp gần nhau, cũng là một nơi đô-hội về Hải-dương thượng-lộ vậy. Hồng - thị thì chữ hồng 洪 là thượng-thanh tiếng chắc, mà Hồng-châu 洪州 thì chữ hồng 洪, ấy thường đọc là bình-thanh tiếng bằng, xét trong thi-tập các nhà danh-gia đời Lê, và các bài biểu tạ đời cồ thì chữ hồng đều theo tiếng bằng, nhưng không biết cái tên Hồng-lô đời Lý, thì chữ hồng theo về tiếng nào.

Đất Thượng-hồng Hạ-hồng là nơi đô-hội vốn vẫn lấy huyện Trường-tân làm hơn. Nhưng ở đây là một nơi đất bằng-phẳng không có núi, không kiếm được đủ cả thủy-lục danh-thắng. Nói về cái hình-thể không-chế sơn-hà, thì không bằng huyện Chi-linh 至靈 thuộc phủ Nam-sách. Đời Tiên-Lê có đặt ra Hải-dương đô-dốc binh-sứ-ty cũng lấy nơi ấy làm trị-sở. Người nhà Minh tòa đô-ty cũng đóng ở Chi-linh, lấy một nơi cô-thành mà chống nhau với quân nhà Lê mãi đến hàng năm không hạ được, sau mãi đến khi tòa Tam-ty ở thành Đông-quan giảng-hòa xong, lại được toàn-quân đem về Tàu, xem thế thì địa-lợi cũng có phần hỗ-trợ được nhiều. Đời Lê trung-hưng cũng lấy nơi ấy làm nơi trấn-ty trị-sở, khoảng năm Long-đức, Vĩnh-hựu,

Nguyễn Tuyền có đem quân vào lửa bắt quan Trấn-tướng, rồi chiếm-cử lấy trấn-thành để làm phản Vương-cửu là Bình-quân-công phụng-mệnh đi đánh giặc, có đem bảy cơ binh, bảy con voi, mà vẫn trú-trù ở vùng An-nhân, An - phủ không dám tiến quân lên, đành bỏ nơi quê-hương Mi-thứ bị giặc đốt phá tàn-hại, mà không dám theo đuổi đánh. Rồi phải di nơi trấn-lỵ đến làng Mao-diễn thuộc huyện Cẩm-giang, cách nơi kinh-dô một ngày đường, phía nam đi đến trấn Hoa-dương, phía bắc đến trấn Thị-cầu, cũng đều đi độ một ngày đường, ý là muốn cho gần nơi thanh-viện, tiện việc chạy trạm cho nhanh chóng mà thôi. Nhưng người cầm quyền nước bấy giờ, lo tính như thế không phải là kế sâu xa. Mùa hạ năm binh-ngọ, quan trấn-thủ Hải-dương là Ngạn-thạc hầu, có đến năm sáu cơ binh, lại giữ được kho dựn lương-thực đủ cả, thế mà không hay báo-thủ được nơi trấn-thành, đến phải bỏ chạy, xin van còng thả nhờ mạ dôi áo cho dề mà trốn đi, người ta đều cười là khiếp sợ. Đến đời Trịnh-chùa là Yến-dô-vương chạy sang bắc, vua Chiêu-thống hai lần chạy sang Tàu, và đời Tây-sơn gần đây, các quan Trấn-tướng đều không hay một ngày giữ được nơi trấn-thành, đó tuy là tại vận nước suy-dối, các quan phương-diện không được người giỏi, nhưng cũng bởi tại nơi trấn-thành không phải là nơi cơ-hiêm chế-thắng vậy. Ta từ khi nhỏ phiến-bồng, chưa từng đến nơi trấn-thành, mùa mạnh - thu năm nhâm - tuất có quan Ngô-hầu người Thanh-chương làm hiệp-trấn ở đó, ta mới từ nơi kinh-dô về chơi yết-kiến, có đi lưu-lãm chung quanh trấn-thành, thì thấy đất liền đồng bằng, gần một con sông nhỏ, trông lên phía Bắc-giang thì địa-

(1) Nay là huyện Gia-lộc.

thể cao dần, không khác gì như trên
thềm trông xuống sân; mà phía Cầm-
giang thì trích-hiệp, không phải là
nơi buồm tàu tụ-hợp. Ôi! Định đó
đặt trấn mà chỉ lấy cho gần nơi thanh-
viện, tiện việc chạy trạm, mà không
cần gì nơi hình-thắng, thì sao hay
khổng-chế sơn-hải, hộ-vệ cho chốn
bang-kỳ được. Ta nhân cảm-hứng có
câu thơ rằng:

Hồng-lộ thượng-du Hải-dương trấn,
洪路上游海陽鎮。

Y y cổ thủ diêm hàn diêu;
依依古戍點寒刁。

Bế-kỳ vệ dục chiêm y cận,
帝畿衛翼瞻依近。

Hải-quốc quan hà khống ngự dao;
海國關河控御遙。

Lao-lạc thanh hàm Mao-bố nguyệt,
牢落清涵毛布月。

Hồi hoàn lục trường Cầm-giang kiều;
迴環綠漲錦江橋。

Sa bình dã khoát nhàn ngâm diêu,
沙平野闊閒吟眺。

Di thốc tàn qua tích vị tiêu,
遺鐵殘戈蹟未消。

Dịch nghĩa:

Trấn-sở Hải-dương trên Hồng-lộ,
Đồn canh vắng-vắng tiếng chuông pha;

Kinh vua vệ-dục đường gần gần,

Mặt bể quan-hà dặm thẳng xa;

Bóng nguyệt xóm Mao trong vạt đứng,

Dịp cầu sông Cầm thăm mù qua;

Cánh đồng man-mác khi nhàn ngóng,

Nợ cuộc can-qua dấu chừa lòa.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU DỊCH

NGHIÊN-CỨU VÀ PHÂN-ĐOÁN VỀ TRUYỆN KIỀU

I

Kể từ ba bốn mươi năm về trước,
bạn học-giá ta còn đang chui đầu vào
trong cái học khoa-cử bằng hán-văn,
quyển truyện *Kiều* thơ nam-âm, tác-
giả không chịu viết bài tự-tự; lịch-sử
của tác-giả cũng mai-một hay lơ-mơ
ít người biết, nên chỉ các nhà nệ cổ
thường cho là một quyển dâm-thư,
cấm không cho tử-dê được đọc, sợ
nhầm cái thói trăng hoa mà dăng mất
cái chí-khi thanh-niên — kể sự thể
cũng không phải là không có cớ, sau
này sẽ bàn đến. — Song ngoài trường
học ra, truyện *Kiều* vẫn được khắp
các hạng quốc-dân Việt-Nam hoan-
ghênh kính mến. Hồi ấy truyện *Kiều*
mà sở-dĩ đã được quốc-dân ta sùng-
chuộng như thế là chỉ nhờ ở cái sức

thần-lực của lời văn véo-von náo-nuột
bằng giọng nói tiếng mẹ đẻ nó trực-
tiếp cảm-xúc vào tâm-khảm mọi người
một cách bất-tự-tri đó mà thôi. Mỗi
đến mấy năm gần đây, hán-học suy đi,
quốc-học dần thịnh, tiếng quốc-âm
dần-dần có địa-vị trong học-giới,
người ta mới đem quyển truyện *Kiều*
nôm của ta so-sánh với các sách thi-
văn kiệt-tát trong thế-giới, mới biết
quyển truyện *Kiều* chính là một quyển
văn thơ đặc-sắc trên thi-dàn thế-giới
mà tiếng nước ta không phải là một
thứ tiếng tầm-thường.

Vì vậy các nhà văn-học đông tây xô
nhau bàn-bạc về truyện *Kiều*, người
thì khảo về lịch-sử của tác-giả, người
thì bàn về văn-thơ trong truyện, đại-

khái thì cũng đều có hiểu ít nhiều tâm-sự của tác-giả, đều có biết văn-pháp là rất tài. Song đến phán-đoán chỗ dụng-ý và phát-minh cái bút-pháp của tác-giả ra cho có căn-cứ rõ-ràng, thì chưa thấy ai vậy, cũng vì có thể, mà tôi lại còn muốn bàn đến truyện *Kiều* nữa.

Truyện *Kiều* là một sự-nghiệp lớn của tác-giả, cụ Nguyễn Du là một vị sao bắc-dầu trong văn-học-sử Việt-Nam, ai đọc mà không muốn phỏ cái kiến-giải của mình ra với thiên-hạ trước tôi đây đã nhiều người bàn, sau tôi đây chắc cũng còn nhiều người bàn nữa, bài nghiên-cứu và phán-đoán của tôi này, dẫu chưa phải là định-luận, song cũng không phải là rờm vậy. Vậy bài này chia làm ba phần : phần thứ nhất đoán về tâm-lý ; phần thứ hai xét về bút-pháp ; phần thứ ba bàn về cách hiệu-dụng của truyện *Kiều*.

1^o *Đoán về tâm-lý* — Muốn đoán cho trúng cái tâm-lý của cụ Nguyễn Du sở dĩ viết quyền truyện *Kiều* là có ý gì, thì chỉ tóm lại có một câu là cụ dụng-ý tự-trào đó mà thôi, tự-trào nghĩa là mình tự cười mình, cụ tự cười cụ là thất-tiết, là một con dĩ, nhưng là con dĩ không ngờ đến nỗi, con dĩ bất-dắc-dĩ đó mà thôi.

Đương cái khi Tây-sơn đuổi vua Lê diệt nước Đại-Việt, đóng đô Phú-xuân, thành Thăng-long là chốn kinh-đô hầu nghìn năm của tổ-quốc, đang xuống làm Bắc-thành-trấn, cụ là một vị thứ công-tử của quan cố Tham-tụng Nguyễn Nghiễm, đất Nghệ - an, mắt trông thấy cái thảm-trạng triều tan nước mất, khôn xiết đau lòng, bèn hợp đồng-chi mưu khôi-phục, song Tây-sơn mới nổi, khi-thể đang mạnh, mà vua tôi nhà Lê đều còn bỏ - bỏ sang Tàu, cụ liệu thể không đương nổi, phải về ẩn náu ở nhà quê, tự-hiệu là Lạp-phu, lấy sự săn bắn làm khuây, mà đợi chờ cơ-hội. Thăm-thoát hơn mười

năm, vua Gia-long là giòng - dõi chúa Nguyễn Nam - triều ở ngoài về, diệt nhà Tây-sơn, lại thống-nhất toàn-quốc, di-thần vua Lê ở Tàu cũng đưa về, thế là cái thù của cụ đối với Tây-sơn đến bấy giờ thì tan, mà cái hi - vọng của cụ đối với vua Lê nước Đại-Việt đến bấy giờ cũng tắt, cho nên cụ viết truyện *Kiều* sau này, có những câu:

— Bốn phương mây trắng một màn,
Trông về cố-quốc biết đâu là nhà.

— Bên lòng cố-quốc tha-hương,
Đường kia nổi nọ ngồn-ngang bời-bời.

— Rừng trong thánh-đế dời-dào,
Sỏi ra đã khắp thấm vào đã sâu.

— Binh khang công-đức bấy lâu,
Ai ai cũng đội trên đầu xiết bao.

Chính-sách vua Gia-long thu-phục nhân-tâm rất là khôn-khé. Ngài lên ngôi Đại-hoàng-đế rồi hạ chiếu-thư cho vời tất cả những cựu-thần nhà Lê, ai trước bắt-phục Tây-sơn mà trốn tránh vào rừng núi thì nay phải ra hết để ngài lục-dụng.

Cụ Nguyễn Du cũng dự vào số bị-triệu ấy, không ra không được. Đời ấy người ta đã có hai câu thơ giễu tất cả các cụ di-thần nhà Lê rằng:

一隊夷齊下首陽。自言微苦不堪嘗。

Dịch: Rau vi trong núi dâng ngóm,

Bọn Di Tề giả đói mồm bỏ ra.

Cụ Nguyễn Du dẫu không phải là vị « đói bụng đầu gối phải bò », song cũng không tránh khỏi cái miệng thể mỉa-mai ấy, nay xem cụ tả những nông-nổi lúc *Kiều* già nhà ra đi thì biết bấy giờ cụ khổ-tâm lắm.

Trăm nghìn gửi lại tình-quân,
Tóc-tơ ngăn-ngủ có ngăn ấy thôi.

Thân sao phận bạc như vôi,
Đã dành nước chảy hoa trôi lỡ-làng.

Ồi Kim-lang ! hỡi Kim-lang !
Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây !

Người tình-quân của *Kiều* không ai còn lạ, mà người tình-quân của cụ

Nguyễn Du há không phải là vua Lê với nước Đại-Việt của nhà Lê dư?

Lại những câu hỏi-hận :

— *Biết thân đến bước lạc loài,
Nhị đào thà bẽ cho người tình-chung.
Vị ai ngăn đón gió đông,
Thiệt lòng khi ở đau lòng khi đi.
— Thân này đã bỏ những ngày ra đi,
— Cái thân liêu những từ nhà liêu đi.*

Thậm-chỉ đến :

*Đã không biết sống làm vui,
Tắm thân nào biết thiệt-thời là thương !
Đối với đời người đến thế là cùng,
song còn nhiều nợ lắm.*

*Đã toan chốn nợ đoạn-tràng được sao!
Cái nợ gì mà nặng lắm thế, tức là
cái nợ đối với thiên-hạ đời sau, chưa
trả được một tơ-tóc gì, dù có muốn
sạch mình như Khuất Nguyên đối với
Sở thì cũng chưa được, thôi thì*

*Cũng liêu nhắm mắt đưa chân,
Mà xem con tạo xoay vần đến đâu !*

Câu ấy là cụ tự cho cụ là hèn, không tranh được với tạo-hóa mà phải chịu liêu cho cuộc thế-biến nó vắn-soay, há không phải là hèn lắm ru ?

Vua Gia-long thực có độ-lượng, khi ngài ra Thăng-long đã có câu : « *Tro Lê lạnh-lẽo đã lùn, đánh bên Tây-tặc biết hầu dễ ai* », cho nên ngài càng biết cái bụng cụ nhớ nhà Lê thì ngài càng trọng cái tài của cụ, ngài định đại-dụng cụ, song nỗi lòng ai ở trong lòng mà ra, biết ta họ bảo ta sấu, không biết họ bảo ta cẩu-cạnh chi. Các quan thượng-ti bấy giờ người thì cậy cái công mầu hối ngựa, kẻ thì cậy là người nam-bộ, sinh ra ghen-ghét cụ, hăng tủa-chiết cụ, cụ càng thêm uất, mấy lần cáo về không được.

*Mặt sao đầy gió dạn sương,
Thân sao bướm chán ong chường với
thân !*

Trong truyện Kiều những câu tự thân lấy làm ô-nhục như thế nhiều lắm.

Ít lâu, vua Gia-long cử cụ đi sứ Tàu cho ngài, từ ngày cụ hạ sơn, chỉ có một chuyến đi sứ ấy là có ích riêng cho tâm-thần, tầm con mắt thêm rộng, lịch-duyet thêm nhiều, trải khắp mấy vạn dặm, bao cuộc thế-biến của vũ-trụ và nhân-sinh, chắc cái thi-tình thi-tử của cụ, cũng nhân cuộc hào-du ấy mà thêm tài thêm hay ra vậy.

Cụ có cảm-tình với vua Gia-long, thì chắc cảm ở cuộc đi sứ ấy, cho nên có câu :

*Rằng Từ-công hậu-dãi ta,
Chút vì việc nước mà ra phụ lòng.*

Cái lòng hậu-dãi kia thì cũng có cảm, mà cái bụng nhớ nước cũ vua xưa thì đã khuây sao được.

*Bên trời góc bể bơ-vơ,
Tắm son gột rửa bao giờ cho phai.*

Ở Tàu cụ có xem được một quyển tiểu-thuyết về ái-tình, đề là « *Kim Vân Kiều tân - truyện* », truyện tả một người tuyệt - thế giai-nhân ở bắc-phương, đời Minh Gia-tĩnh, Trung-quốc, chỉ vì hiếu-nặng tình thâm, đến phải lưu-ly oan-khổ, thanh-lâu hai lượt, thanh-y hai lần, trải khắp phong-trần, gặp bước vinh-hoa, thì lại vì nhà vì nước mà đến mắc lừa, tự-thủ lấy bại-vong ; cụ xem lấy làm ý - hợp, đem một quyển về, rồi dịch ra nam-âm để tự-thác cái tâm-sự mình.

Tự-thác thế tức là tự-trào, tự - trào mình cũng như một con dế là có Kiều nợ, song cái dĩ ấy là không ngờ đến nỗi, là bất-dắc-dĩ, thân tuy phải dĩ mà bụng không dĩ.

*Tiểu thay trong giá trắng ngần,
Bên phong-trần cũng phong-trần
như ai !*

Bao giờ cũng tình kia hiếu-nợ, trung với cố-quốc, nhân với loài người, thì cái bụng dĩ cũng đáng thương mà cái tội dĩ cũng khả-nguyên vậy, dữ-kỳ đề đòi sau người ta nghị-luận, thà rằng mình

tự nhận lỗi và tự cười mình, một thiên tuyệt-bút gọi là đề sau, ai thương thì xét ai cười thì oan. Ấy cái thâm-ý cụ Nguyễn Du mà diễn truyện *Kiều* là thế, cụ có câu: «不知三百餘年後。天下誰人泣素如。Không biết ba trăm năm nữa có ai biết cho cái bụng của Tố-như này không». Cái thâm-ý ấy đến nay nhờ có các sách khảo về lịch-sử cụ tổ-tướng thì chúng ta mới hiểu, cụ cũng là may mà chúng ta cũng là may.

Tuy-nhiên, lời nói có bởi thực lòng mà ra thì thiên-hạ mới tin cụ Nguyễn Du từ ngày hạ-sơn trở đi, hết cách xin về không được, đối với tước-lộc, thủy chung lạnh nhạt, chung - thân không bàn một kế-hoạch gì, đến già ốm không uống thuốc cho chóng chết đi,

Trăm năm danh-tiết cũng về đêm nay, đề mà giải tỏ cái bụng bấy lâu nay :

— *Mặc ai gió Sờ mưa Tần,*
Những mình nào biết có xuân là gì.

— *Vui là vui gương kẻ mà*
Ai tri-âm đó mặt-mà với ai ?

Vì cụ thực tình thực dạ trước sau trọn vẹn như thế, nên lời văn do một khối trung-khúc nó bộc-bạch ra, bao nhiêu ai-oán nào-nùng, như khóc như than, mà cảm được lòng người đến mạnh như thế, chứ thiên-hạ cũng chán vạn dĩ, vánh ngoài bảy chữ vánh trong tám nghề, sáng đưa tối tìm, chẳng còn nghĩ gì là hiếu là tình là nghĩa là nhân, chỉ quý-hồ chơi cho liễu chán hoa chê, cho lẫn-lóc đá cho mê-mẩn đời, đem cái sống khuynh-thành làm cho quán cũng siêu đĩnh cũng đồ, rồi về già hết duyên, cũng nhạt-nhạnh vài câu gió trắng cửa miệng, làm văn tự-giải hay tự-trào, thì thiên-hạ tất cho là dĩ đại, là gái dĩ già mồm, hay là vừa làm dĩ vừa cáo làng, mà ai còn để tai nghe đến nữa !

20 *Xét về bút-pháp.* — Người ta dù có cái tư-tưởng, cái văn-tài thế nào mặc lòng, nếu tiếng quốc-âm mình nói chưa thành văn-thề, phải mượn văn-tự nước ngoài thì không thể nào diễn-giải cho thấu hết cái tư-tưởng của mình ra được. Vậy muốn định giá văn-chương truyện *Kiều* thế nào, trước phải xét cái trình-độ tiến-hóa của văn-nôm về thời ấy. Thời Hậu-Lê là thời-kỷ văn-học toàn-thịnh, nhất là về văn-nôm, tự người trên đôn-đốc, trong thì chúa Trịnh thường chuốc lấy những bài thi-ca mới để phả vào nhạc-phả, ngoài thì thi cử học-trò thường ra văn-nôm, mấy bài văn sách nôm, tinh-ngĩa nôm truyền lại còn hay lắm. Ngâm - khúc thì như hai quyền *Cung-oán*, *Chinh-phụ* đều là những áng văn-chương bất-hủ cả, về thể thơ lục-bát, bấy giờ tuy chưa có quyền nào kiệt-tác, nhưng những câu lục-bát gián-dụng vào trong hai quyền ấy thì đã đủ lỗi và hay lắm rồi.

Cụ Nguyễn Du là con nhà thư-hương, từ ngày còn nhỏ đã được nhuần thấm vào trong hai cái nguồn văn-học Hán-Việt ấy, lớn lên gặp thời buổi đại-biến-cách, tự mình phải nổi chìm vào trong cuộc, lịch-duyet nhiều, cái tư-trào càng bột-phát, văn-chương càng khảng-khái tiêu-tao. Cụ có soạn nhiều thơ văn bằng Hán-tự, mà truyền cái tâm-ấn về văn-chương thì chuyên-chú về quốc-âm, tức là quyền truyện *Kiều*. Xét như thế thì quyền truyện *Kiều* cũng là một cái kết-quả mỹ-mãn của văn-học-sử Việt-Nam ta về thế-kỷ thứ mười-tám, chứ không phải là ngẫu-nhiên vậy.

Nay xét về bút-pháp. Truyện *Kiều* tuy là một quyền sách cũ thật, song nguyên-thư là lỗi tản-văn, có nhiều bạch-thoại và nhiều tục-ngữ thô-bi, nay thay lời khác vào đề tiến lên làm thể thơ đã là một sự khó, quyền nguyên-thư chỗ nào bất-nhĩ thì phải thay đổi,

chỗ nào khiếm ý thì phải bổ thêm, thành ra chỉ nhân có cái đại-thể kết-cấu mà thôi, thế lại là một sự khó nữa. Đại-khái như những chỗ Mã Giám-sinh tính lợi hại ở trú-phương, Tú-bà dạy Kiều ra tiếp khách, đều vớ-vạc hơn nguyên-thư, mà không tục. Nay muốn biết bút-pháp của quyền truyện *Kiều* nôm khác với quyền truyện *Kiều* nguyên-thư thế nào, thì phải đem so-sánh từng chỗ, từ lập-luận đến tả người, tả cảnh, tả tình, hai bên đối-chiếu với nhau mà xem thì mới hiểu được.

Quyển nguyên-thư đề là « *Kim Vân Kiều tân-truyện* », tác-giả là Thanh-tâm tài-nhân. Sách chia làm bốn quyển, hai mươi hồi, đầu từ hồi đáp-thanh, cuối đến hồi tái-hồi. Kim Trọng, y như quyền *Kiều* nôm không khác gì, chỉ khác có những chỗ lập-luận, tả người, tả cảnh và tả tình mà thôi, vậy cũng nên nói qua về cách kết-cấu của quyền nguyên-thư. Đông-phương ta ngày xưa thiên-trọng cái học cổ-diễn, các danh-nho không hay làm tràng-thiên tiểu-thuyết, những nhà hàng sách có in ra mấy bộ, phi về truyện tranh-bá đồ-vương, đập dọt nhau lục-đọc trong một nước, thì về truyện hoang-đường quái-gở. Thế mà truyện *Kiều* của Tài-nhân sáng-lập ngay ra một phép-tắc mới, quan-sát hẳn ngay về phương-diện xã-hội, lấy bốn cái chủ-nghĩa « tình, hiếu, công, tư » xung-đột nhau làm trụ, rồi bành-cập đến các trạng-thái của xã-hội đương-thời, cứu-cánh hiếu trọng mà tình khinh, công thẳng mà tư bại, nhân mà tả ra biết bao nhiêu cái hay cái dở, cái tội-ác xấu-xa, nào xã-hội quan-lại, xã-hội phong-lưu, xã-hội chim-chuột, xã-hội bán thịt buôn người, xã-hội cả lẽ ghen tuông, xã-hội sãi-vãi, xã-hội giặc-cướp, xã-hội văn-thần; bao-quát hết thấy, vì muốn tả-chân, nên lời văn có kèm, song cách kết-cấu thì thực khởi-phát

ra cái xã-hội-quan-niệm cho Đông-phương ta.

Cụ Nguyễn Du muốn khiêu-tố cái nổi bất-bình với thiên-hạ đời sau, nhân được một cái kết-cấu mới-mẽ mà còn mộc-mạc sống-sượng ấy, đem cái tài thâm-mĩ mà phủ-chính lại, rồi lấy cái giọng tao-nhã hùng-tráng mà tô-diểm cho véo-von lên, là đủ hay lắm rồi, bất-tất phải kết-cấu khác ra nữa. Và về thời-dại còn chuyên-chế, không những chính-trị thì chuyên-chế về dư-luận mà văn-học cũng chuyên-chế cả về tư-tưởng trước-tác nữa. Cụ xử vào cái địa-vị hiềm-nghị, dù có tài sáng-lập cũng không bằng cứ sở-nhân là ổn hơn, cụ Nguyễn Du thực khéo chọn lọc.

Lập-luận — Lời khai-mào là cốt-tử của cả quyển sách. Ở nguyên-thư, Tài-nhân quan-niệm ngay đến khách mã hồng, rồi lấy cái nghĩa « phong bĩ sắc thữ » mà chứng-dẫn sơ-sơ và lối-thôi, không đủ làm trụ cho toàn - thiên. Nguyên-thư bắt đầu nói (*đọc ngang từ tả sang hữu*):

詞曰。薄命似桃花。悲
來泥與沙。縱美不足惜。
雖香何足誇。
呀呀。不索怨他。從來國色
招人妒。一聽天公斷送呵。
這一曲月兒高。單道
佳人命薄。紅粉淚乖...
昭君色奪三千。不免塞
外之塵。貴妃寵隆一國。
驪姬馬嵬之死。飛燕合
德。何曾令終。西子貂蟬。
徒貽笑柄。這正是造化
忌盈。豐彼蕭此。所以生
了一分顏色。便受十分
折磨。賦了一段才情。便
增一分孽障。即如楊州
的小青。才情色性無不
第一。嫁了恁般的狀元

夫也折得勾了又遇着
 耶。般。的。惡。妒。生。生。活
 活。直。逼。立。苦。了。不。可
 可。傷。可。痛。正。了。人
 痛。故。嘆。息。傳。了。刻
 文。士。第。令。小。青。奇。朽
 狼。若。女。平。青。留。般
 于。毒。屎。之。不。得。游
 雨。小。爲。雲。愁。怨
 能。化。傳。不。花。河
 不。磨。其。朽。玉
 然。凡。天。下。才。楚
 女。生。不。遇。良。爲
 類。也。亦。可。小。之
 不。朽。我。如。再。直
 子。似。貌。不。小
 折。似。曾。過。直
 青。燒。美。千。也
 京。有。一。王。外

Dịch bài từ trên đầu như sau này :

Mệnh bạc như hoa dưới bùn,
 Dù thơm dù đẹp ai còn tiếc dẫu.
 Thiên-công xử đoán mặc dầu,
 Đẹp là cái hại thâm sâu ích chi....

Bài hát ấy là chuyện nói về bao nhiêu khách hồng-phấn giai-nhân đều cùng phải mệnh bạc lỗi thời, như: Chiêu-quân, Qui-phi, Phi-Yến, Hợp-Đức, Tây-Thi, Diêu-Thuyền, sung-sướng bao nhiêu rồi kết-cục đến chẳng ra gì cả, thực là tạo-hóa ghét-ghen với cái sự thịnh-mãn, phong-bĩ sắc-thử, cho được một phần nhan-sắc thì lại tóa-chiết đến mười phần, cho được một chút tài-tình thì lại xử cay-nghiệt cho nhiều nỗi. Tức như nàng Tiểu-Thanh ở Dương-châu là người tài-sắc phần gì cũng đệ-nhất, mà lấy làm lẽ phải một anh chồng bèn tài, lại gặp một chị vợ cả ghen-tuông ác-nghiệt đến điều, làm cho Tiểu-Thanh đến phải bức-tử mà chết, cũng vì cái sự đáng

thương-hại cho nàng như thế, nên bao nhiêu kẻ văn-nhân mặc-khách đã đem xu-t-bản những văn-tập của nàng và làm truyện truyền-ký của nàng để lưu cái tiếng thơm lại đời sau. Nếu nàng Tiểu-Thanh không bị người vợ cả độc-địa kia mà an cái phận tiểu-tinh một đời, thì những cơn mưa sâu gió oán kia hóa ra làm những cuộc phong hoa tuyết nguyệt cả mà cái tiếng hay còn đâu đến giờ, chẳng qua là ngọc càng giũa càng rần, hương càng thấp càng thơm, không một gì Tiểu-Thanh, những người tài sắc mà bất-ngộ-thời, đều thế cả, đều cùng Tiểu-Thanh đáng lưu truyền cả. Nay ta lại kể truyện một cô con gái tài sắc chẳng kém gì Tiểu-Thanh mà còn bị tóa-chiết hơn, thực đáng cùng Tiểu-Thanh để thơm muôn đời. Nói về Bắc-kinh có một nhà Viên-ngoại họ Vương, văn văn.

Ấy lời lập-luận của nguyên-thư đại-dự mà cũ-kỹ như thế, cụ Nguyễn Du cũng nhặt lấy bốn chữ «bĩ-sắc tư-phong», trên bốn chữ ấy lại lấy hai chữ «tài mệnh» làm trụ, hai chữ tài mệnh tuy giống với hai chữ tài mệnh ở câu thơ Tỳ-viên, mà quan-niệm thì rộng xa ra nhiều lắm, xem tám câu thơ khai-mào truyện Kiều nôm sau này:

Trăm năm trong cõi người ta,
 Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.
 Trải qua một cuộc bể dâu,
 Những điều trông thấy mà đau-dớn lòng
 Lạ gì bĩ sắc tư-phong.
 Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen.
 Cảo thơm lần giở trước đèn,
 Phong-tinh cồ-lục còn truyền sử xanh.

Cứ bốn câu đầu thì nghĩa chữ «tài» phải là cái tài-lực của loài người, nghĩa chữ «mệnh» phải là cái mệnh-lệnh nghiêm-khắc của trời, suy xem cõi sinh-hoạt của loài người, suy xem cuộc biến-cải của vũ-trụ, bao giờ cũng

thấy tài người với mệnh trời ghen-ghét nhau, phần-dấu với nhau mà diễn ra biết bao cái kịch lớn - bồi hưng - phế đàng đau - dớn lòng, một đời thế, một nước thế, một xã-hội thế, một kẻ cá - nhân cũng thế, mà nhất là về khách mà hồng lại càng dễ thấy, cái thời trời xanh phủ-dũ, gia cho phần nọ lại giảm đi phần kia, xưa nay như thế là gì; tuy-nhiên, mệnh trời bao giờ cũng nghiêm-khắc thế cả, người ta phải đem cái tài-lực mà trời đã phú cho ấy, tranh cho kỳ được thì mới toàn vẹn mà lưu-phương thiên-cổ, chứ nếu cứ chịu mặc cho cuộc biến xoay vần, tự mình không có chủ-trương gì thì còn đâu là đời người, xem một bộ tình-sử sau này thì biết.

Ấy triết-lý trong truyện Kiều chỉ có một đoạn này là cụ Nguyễn Du có ý muốn cầu-tân, xét về nhân-sinh-quan, về vũ - trụ-quan, rồi thu-thúc về cá-nhân-dịch, hơi dòng - giống như thuyết thiên - diễn của Tây-nho gần đây; còn về sau những nghĩa nhân-quả của nhà Phật, số-mệnh của tập-lưu, cho đến cả hai chữ «tài mệnh» ở đoạn kết-luận, đều là nhân cái tư-tưởng thông-thường của xã-hội bấy giờ mà thôi.

Tả người Kiều với Vân. - Kiều là vai chủ-động, Vân là vai thế mệnh cho Kiều. Nguyễn-thư hết sức khen Kiều là người quốc - sắc thiên-hương, mà không chỗ nào nói rõ cái đẹp ấy nó đẹp ra thế nào, lúc mới dẫn ra chỉ nói:

長女翠翹。次女翠雲。
俱妙。始。翠翹生得綽約。
流。性喜。豪花。翠雲生得。
天嬌。艷倩。性甘。寧淡。
女俱通詩賦。翠翹又喜。
音樂。最善。胡琴。翠雲常。
諫道。音樂。非閨中事。
人聞之。不。然。常作。怨。
不。以。爲。然。常作。薄。
者。入。胡。琴。百。韻。涼。開。

Thúy-Kiều là chị, Thúy-Vân là em, đều còn niên - thiếu. Kiều là người mềm-mại phong-lưu, tính thích hào-hoa; Vân là người xinh-sắn dịu-dàng, tính ưa thanh-dạm. Hai chị em đều hay thơ phú. Kiều lại hay âm-nhạc, rất thích cây hồ - cầm, Vân thường can rằng: «Âm-nhạc không phải là việc chơi trong khuê-tử, e nữa mang điều.» Kiều không nghe, thường làm ra một khúc «Bạc-mệnh oán» phả vào đàn hồ-cầm, ai nghe cũng phải rơi châu.

Mãi đến lúc Kim Trọng gặp hai Kiều ở mộ Đạm - tiên thì mới chép thêm rằng:

但見翠翹眉細而長。眼光而潤。容如秋水。色似桃花。翠雲精神靜正。容貌端莊。別有丰彩。難以模擬。

Kim trông thấy Kiều thì mi nhỏ mà dài, mắt nhanh mà sáng-loáng, dáng như trăng thu, sắc như hoa đào. Vân thì tinh-thần tĩnh-chính, dong-mạo đoan-trang, tự có cái phong-độ riêng, không thể nói hết được.

Hợp cả hai chỗ lại cũng chỉ mới nói được có cái dong-nghi đức-tính, một người thì thận - thực, một người thì phong-tinh mà thối, còn cái đẹp là chỗ nổi dòn hơn cả thì chưa rõ. Cụ Nguyễn Du cũng tả đức-tính hai người khác nhau, nhưng đem đức - tính lẫn vào trong cái đẹp, tả cái đẹp của cô Vân trước rồi hội cái đẹp của cô Kiều lên, tả cô Vân từ khổ mặt, lông mày, miệng cười, tiếng nói, nước tóc, màu da, cái gì cũng đẹp nồn, thế mà cô Kiều lại còn đẹp hơn nhiều, hơn cả đôi mày cặp mắt, đến hoa phải ghen, liễu phải hờn, thì cô Kiều đẹp đến đâu, thế là đủ phán một dầy một mỏng mà chuyên-chủ vào người chủ-động rồi đó, tinh-thần khôn khéo khác với bản-thư là dường nào.

Nay lại so đến tả về tâm-lý. — Lúc hai Kiều đi tảo mộ về đến nhà, nguyên-thư nói :

翠翹與翠雲道。這金生得怕看然。僮翠意。妹我求。怎遇還那生之只妹謂我。當身。鴻身。姐不縛翹怎嫁走。倒也吊是喬。我羣。道。不鳳人姻必知你中止你承福對。尋正之白可也說縛我倒夫。睡。翹有淡吊翠看自姐贅光緣膠得。道的人端姐受德且奇遇則璧不忒得脚。是慇翠了。與趣仙。淡翹那是姐了。鳳前不今是姻主詳。姐他勝此計之。太青慎連一講正說。雲。怎麼。也道。是想光。俊得挈翹可尼同姻索論翰相我倍。見我入之係雲葉。姐篇。妹你一。金曉只來當個產。中小道。強球。你緣。聽此菴薄。看可你你之則終道。我便翠妹不紅。生得怕看然。僮翠意。妹我求。怎遇還那生之只妹謂我。當身。鴻身。姐不縛翹怎嫁走。

là người chứng-chạc khác thường, thực là một tay tái-tuần. » Vân nói : « Chị đã hũn-y với hắn, sao chị không lấy hắn đi, rồi dắt cả em vào có thú lắm không ? » Kiều nói : « Nhân-duyên là việc tiền-dịnh, không thể cưỡng-cầu được, duyên lành không phải như ngọc quý mà có thể chuốc được, hôm nay tôi với đi gặp hắn, vẫn biết là duyên tôi mà hóa ra duyên đi, thì cứ để mặc cho ông nguyệt se duyên, tôi xem cái cách cử-chỉ doan-trang của hắn ta, tôi chắc hắn ta là người hay chữ, tôi xét tôi kém đức, sợ không hưởng-thụ nổi, tôi xem di phúc-hậu hơn tôi nhiều, thực là tốt đời. Nay hắn ta đã trông thấy đi với tôi, chắc thế nào hắn cũng tìm mẹo mà gặp nhau, tôi với đi ta cứ lấy cái đạo chính mà dãi hắn, vì rằng làm thân con gái, trọng thì như núi Thái, khinh thì như lông bông, ngọc đá vàng thau, quan-hệ một đời, phải cần-thận mồi được. » Vân nói : « Chị vừa tung vừa hăng, rào trước đón sau, nói một thôi một hồi mà tôi không khe vào đâu được ». Kiều nói : « Tôi nói chính phải đấy chứ, có điều gì sai, thế dễ đi không đi lấy chồng hay sao ? » Vân đỏ mặt lên rồi chạy đi ngủ.

Kiều thấy em đi ngủ, nghĩ thầm rằng :

翠翹見妹子去睡了。暗想。這也不見冲撞你。就把金生配。你也不是。就玷辱你你這樣粧喬。怎麼。我還怕福薄緣慳。承受他不起。

Mình nói thế có phải là chồng ghẹo gì nó, còn như ghép Kim-sinh cho nó, cũng chẳng phải là bội-bạc gì nó, thế mà làm sao nó lại thẹn-thò như thế, mình thì chỉ sợ phạm hãm duyên hời, không xứng-đáng được với hắn thôi.

Đoạn này Tài-nhân tả Kiều tâm-thường lắm, không những tính nết

Kiều nói với Vân rằng : « Không hiểu cậu Kim-sinh có cái thú gì mà lại đến viếng mà Đạm-tiên ? » Vân nói : « Tôi tưởng chả phải cậu ấy đến viếng Đạm-tiên, chỉ đến xem mặt hai cô con gái đấy thôi. » Kiều nói : « Tôi cũng chắc thế, nhưng tôi xem hắn ta

lãng-lơ mà tư-tưởng cũng dần-dờ, mới thấy trai, mới ửng ý mà đã thốt ra với em, ghé đi dùn lại, gái đầu có gái lạ-lùng, người chủ-động đã không có tư-cách, thì sao còn khiến cho độc-giả phải cảm mà thương nữa.

Lại Kiều đi thanh-minh ngày hôm ấy, có hai cái cảm-tình : một là cảm về thân-thể Đạm-tiên mà thương chung cho khách má hồng ; một là cảm về phong-quang Kim Trọng mà chạnh đến duyên kỳ-ngộ. Kiều vốn đa-tình mà cũng đa-cảm, tới về nghĩ đến Kim Trọng tất phải nghĩ đến Đạm-tiên, thế mà nguyên-thư chỉ tả Kiều nghĩ đến Kim Trọng nói ra với em như trên ấy, chứ không nghĩ gì đến Đạm-tiên cả, rồi chép ngay Kiều cảm cảnh đêm thanh, tâm thơ rồi thiu-thiu ngủ mà mộng thấy Đạm-tiên, thế là khiếm-ý. Cu Nguyễn Du phải sửa lại, nói Kiều tới về đến nhà, ngồi ngắm trăng một mình và nghĩ-ngợi, trước nghĩ đến Đạm-tiên mà ngán cho đời :

*Người mà đến thế thì thôi,
Đời phiền-hoa cũng là đời bỏ đi.*

Sau nghĩ đến Kim Trọng mà chạnh đến duyên :

*Người đầu gặp gỡ làm chi,
Trăm năm biết có duyên gì hay không ?*

Sở kià duyên nợ, nghĩ thăm trong dạ, cảm riêng trong lòng, một mình mình biết một mình mình hay, thế mới chân-tình mà cao-thượng, nghĩ rồi thơ, thơ rồi mộng, thật là chân-cảnh như in.

Chỗ Kim trao của tin cho Kiều, nguyên-thư chép còn có năm lạng bạc nữa nói : « 因回房中取銀串一雙。白銀五兩。汗巾一條。Nhân về trong phòng, lấy đôi chuỗi hạt bạc năm lạng bạc và một cái khăn tay ». đến lúc đưa tặng : « 翹道釵敢領去。厚禮次不敢受。金生道：予表真意。卿何套辭。翹笑而受之。... Kiều nói : « Thoa nay xin lĩnh nhận, còn của này đầu

dám. » Kim nói : « Tôi gọi là tổ chút lòng thành, mình còn giữ kẻo làm gì. » Kiều cười mà nhạo lấy. » Cụ Nguyễn Du khừ cái lẽ bằng hơi đồng ấy cũng là phải lắm.

Lại lúc Hồ-công chiêu hàng, cho hai tên thề-nữ đưa thêm lễ-vật vào nói riêng với Kiều. Hồ-công đã biết tiếng Kiều nặng lòng hương-quốc, nên dõ hễ hàng thì phú quý phú vinh, về với cha mẹ, trước là hiếu-nữ, nay là trung-thần, về-vang lâu dài, nguyên-thư chép Kiều nghe nói rồi :

夫人低頭不語。暗道。朝廷爲大。生民爲重。報私恩爲小。負一人爲輕。且爲賊不順。從逆當誅。正費駢蹄。忽徐海退入後營。對夫人說起招降一事。

Phu-nhân cúi đầu lẳng-lặng không nói gì, nghĩ thầm rằng : triều-dinh là to, sinh-dân là trọng, báo cái ơn riêng là nhỏ, phụ một người là sự thường, vả làm giặc là kẻ bất-thuận, tùng-ngịch là kẻ có tội ; đang nghĩ quanh nghĩ quẩn thì chợt Từ Hải vào, bàn với phu-nhân về việc chiêu-hàng.

Tài-nhân tả tâm-lý Kiều chỗ ấy thì sai lắm, thử hỏi thân-phận Kiều đối với Từ bấy giờ mà dám nghĩ rằng phụ một người là sự thường thì có đáng không và có phải là khôn không ? đó chỉ là cái bút-nịnh mà không biết thiết-thân xử-dịa cho người ta đó thôi. Cụ Nguyễn Du phê cho Kiều bốn chữ « thực dạ tin người », rồi chuyển xuống tả ý nghĩ của Kiều, « chịu tiếng vương-thần, vì nước vì nhà, công tư vẹn cả », thế có rõ ra dễ-dàng là thói hồng-nhan không, mà hồng-nhan có dễ-dàng mới là tối. Vả Kiều chỉ khuyên chồng « chịu tiếng vương-thần », nghĩa là cứ đứng ở ngoài biên mà phụng mệnh triều-dinh, thế là khuyên hòa chứ có khuyên hàng đâu,

sao Từ không thiết bị, dể mắc lừa, là lỗi tại Từ, chứ Kiều thực dạ cô biết đau những sự biến-trã của nhà bình.

Nhân lại bàn đến hai câu trong truyện Kiều nôm mà bản quốc-ngữ vẫn in: « Nàng thời thực dạ tin người, lẽ nhiều nói ngọt nghe lời dể siêng ». Cũ hai chữ « thực dạ » ở câu trên thì câu dưới hạ hai chữ « lẽ nhiều » có lẽ sai,

vẫn biết cái lẽ chiều-hàng ấy nhiều gồm vóc bạc vàng thực, nhưng Kiều là tin ở lời dụ thế kia thế khác, — vì nước vì nhà — mà Từ thì nghe vợ nên bị thua, chớ hai người ấy không phải tham của mà chết.

(Còn nữa)

ĐỖ-NAM

BÔNG HOA ĐẦU MÙA (1)

(TẬP HỌC LÀM VĂN)

TẬP THƠ II

1. — Buổi tối trong nhà

Trong một ngày tôi chỉ thích buổi tối hơn cả, vì mấy buổi khác thì mỗi người ai nấy đều có công việc đi làm mỗi người mỗi chỗ, nên trong nhà không có ai cho lắm. Đến buổi tối thì cả nhà mới được cùng nhau đoàn-tụ dưới bóng đèn. Cha tôi ngồi đọc nhật-báo trên ghế dựa ở giữa, thỉnh-thoảng có đoạn nào hay thì đọc lớn lên cho cả nhà cùng nghe. Mẹ tôi và chị tôi ngồi may ở ván bên. Ba em tôi thì đứng vây xung quanh nghe ông tôi kể chuyện cổ-tích, có lúc nào thích thì cùng nhau cười ầm cả lên làm cho cả nhà ai nấy đều phải dể ý vào đó. Còn tôi và anh tôi thì làm bài ở bàn bên cạnh.

Thỉnh-thoảng tôi ngẩng đầu lên trông thấy cả nhà xum-hạp đông-dủ như vậy thì trong lòng tôi lấy làm vui sướng vô-cùng. Thực không có

cảnh nào vui-vẻ bằng cảnh đoàn-viêu trong gia-dinh vậy.

2. — Một trận mưa

Trong một ngày về đầu mùa thu, trời nắng chang-chang, cây cỏ im phăng-phắc, không có một chút gió nào. Bỗng có cơn gió lai-dại, rồi thấy dưới chân trời một cụm mây đen nghịt từ-từ kéo lên. Kể gió dần-dần thổi mạnh. Ngoài đường cát lăm-bị cuốn. Kể đi đường ai ai cũng mau chân đảo bước, tìm chỗ tránh mưa. Còn trên trời thì dần chìm xao-xác bay về tổ. Được một lúc thì có những hạt mưa lấm-tấm rơi xuống, rồi dần-dần đổ trận mưa rào. Khắp trời đầy những mây đen, thỉnh-thoảng có cái chớp sáng lóe như vạch đứt da trời.

Mưa đổ trong nửa giờ rồi dần-dần dứt hạt. Mây đen đã tan, bóng trời tỏ-rõ, đường-sá sạch-sẽ, cây cỏ xanh tươi, người vật đều có chiều mát-rơi.

(1) Tiếp theo tập thứ nhất, N.-P. số 15.

3. — Cảnh ly-biệt

Tôi từ lúc nhỏ vẫn được ở gần cha mẹ luôn, không mấy khi phải xa cách. Bây giờ tôi đã đến tuổi rồi, nên phải từ-biệt gia-hương mà đi học xa. Bữa trước ngày đi thi tôi từ-giã các bà con họ-hàng và lo thâu-xếp đồ-dạc vào rương tráp dâu đó tiêm-tất. Bữa khởi-hành tôi thức dậy thật sớm, rồi thi cả nhà đều tiễn tôi ra tận bến tàu.

Ngai-ngùng một bước một xa.

Xuống tàu rồi thì bạn tàu lấy neo cho tàu chạy. Tàu ra khỏi bến mà tôi vẫn còn đứng tựa lan-can tàu mà trông lên bờ. Tôi thấy các em tôi đưa thì lấy khăn vẩy, đưa thì đưa tay ngoắc, tỏ tình quyến-luyến làm cho trong lòng tôi buồn-bã vô-cùng.

Kẻ đi muốn dăm mốt mình xa-xôi.

Tình-cảnh ấy tưởng ai cũng không dễ cầm lòng cho được. Tàu chạy dần dần càng xa cho đến khi

Trông người đã khuất mấy ngàn cây
xanh.

không còn thấy gì nữa, bấy giờ tôi mới trở vào mà hai giọt lệ cứ từ-từ chảy, dầu muốn cầm cũng không được. Ôi! cảnh biêt-ly sao mà buồn vậy!

4. — Lời từ-huấn

Tôi thường khi hay ham chơi biếng học. Trong lớp vẫn phải thua kém chúng bạn luôn. Lúc vào cũng bị thầy quở phạt, chúng bạn chế cười. Mẹ tôi hay được việc ấy thì gọi tôi vào mà bảo rằng:

« Con sao cứ ham chơi lười biếng mãi, từ nay con phải chăm-chỉ siêng học để sau này làm được người con hiếu-thảo và người dân lương-thiện, con bây giờ được thầy mẹ nuôi-nấng cho đi học mà chẳng biết chăm lo, sau này thầy mẹ khuất rồi thì con chẳng có một nghề gì tự-lập để nuôi thân, thì ở đời chẳng là hư hèn lắm ru? Con hãy xem chuyện ông Mạnh-tử ngày xưa mà bắt chước ».

Mấy lời mẹ tôi dạy thế thì tôi vẫn thường nghe đến luôn, nhưng hôm nay trông cái nét mặt nghiêm-trang mà từ-hòa, nghe cái giọng nói thiết-tha mà êm-ai của mẹ tôi như đánh mồn-một vào trong con tim khối óc của tôi, bất-giác làm cho tôi phải cảm-dộng vô-cùng. Từ đó rồi tôi hết sức chăm-chi học-hành để làm được vui lòng mẹ tôi bấy giờ và để cho khỏi phụ lòng mẹ tôi về sau này.

5. — Chơi Thạch-động

Hôm thứ năm rồi tôi cùng mấy em tôi lên chơi Thạch-dộng. Chúng tôi đã biết đi sớm như thế là phải ăn buổi trưa trên ấy, nên có đem theo đủ vật-thực. Đầu đó xếp đặt an-bãi, chúng tôi khởi-hành. Dọc đường cũng có nhiều cảnh đẹp, khiến cho chúng tôi phải để ý đến mà

Tần-ngân lẳng ngắt giờ lâu,

Đến nơi, phải trèo lên mấy tầng cao mới vào được cửa động. Động toàn bằng một thứ đá xanh dột-ngọt ở giữa đất bình-nguyên. Trong động có chùa là « Tiên-sơn-tự ». Chúng tôi coi các chỗ kỳ-quan quái-thạch trong động rồi mới ra cửa bên ngoài mà trông xuống. Mênh-mông ruộng lúa xếp từng khoảng như bàn cờ chạy dài đến tận chân trời. Trông ra mặt biển, cách một dãy rừng, những cù-lao chín-chít mù-mù khởi-phục ở chỗ vô-cùng. Ngó về phía thành-thị thì không trông thấy gì nữa, vì đã phải dựng cây che khuất chỉ thấy những làn khói nung vôi, đục-đục phất-phơ bay tung lên đến tuyết mù xanh.

Hai bên vách đá thì nhan-nhãn phảng
thơ văn của khách đấng-sơn dễ-vịnh.
Già mình hay thơ thì trong lúc xúc-
cảnh sinh-tình này sao khỏi ngâm-dề.
Nhưng hiềm vì trong trí không sẵn
chữ. Thôi thì ngâm-tụng lại mấy bài
thơ cổ cũng đủ khiến cho tâm-hồn
được nhẹ-nhàng mà dịu dặt trong

chiều thanh cảnh thú. Những thơ vịnh cảnh Thạch-dòng thì duy có bài Hàn-luật của ông Mạc Thiên-Tịch là tài tình và đặc-sắc hơn cả.

*Quỉ trồ thần soi nổi một tòa,
Chòm cây khóm đá dấu tiên-gia;
Hang sâu thăm-thẳm mây vun lại,
Cửa rộng thênh-thênh gió thổi qua;
Trống-lồng bốn bề thấu thế-giới,
Chang-bang một dãy cửa yên-hà;
Chân trời mới biết kho trời đầy,
Cán-dải hèn chi bỏ ý-la.*

Xem chơi đã mĩ-mãn, mới cùng nhau trèo xuống núi ra về. Ngảnh đầu trông lại non kia bình như còn quyến-luyến với mình, xia tạ với non rằng : « Còn non còn nước, còn xin để chữ tương-phùng. »

Tôi thường nghe nói : « *dang Thái-sơn nhi tiêu thiên-hạ* » mà ước-ao cái thú dang-cao, cuộc đi chơi hôm nay làm cho tôi được thỏa-thích vô-cùng.

6 — Công việc trong ngày lễ

Hôm lễ rồi trường có nghỉ học mười ngày. Mười ngày ấy giúp tôi làm được nhiều việc hữu-ích. Mấy hôm đầu vì học lâu tinh-thần mệt nhọc, nên tôi chưa vội làm việc gì, vả lại ngày nghỉ là ngày để giải-trí. Mấy hôm ấy tôi được tha-hỗ mà giơng chơi phong-cảnh với chị em để tĩnh-dưỡng tinh-thần. Những cuộc đi chơi ấy thì có cái khi-vị phong-nhã hào-hoa của du-khách Đông-phương, không phải những cuộc đi chơi có cái ý-nghĩa vệ-sinh thể-thao của võ-sĩ Tây-phương. Văn-vơ thơ-thần cũng nhiều nơi ; hoặc cùng nhau lững-thững trên bờ hồ mà lặng ngắm gương Nga chênh-chếch, bóng vàng tha-thướt chiếu xuống mặt nước lăn-tăn như châu ném vàng gieo, hoặc cùng nhau vơ-vẩn trong ruộng lúa mà xa trông cánh đồng bát-ngát, gió chiều phảng-phất thổi qua bãi cỏ, mơn-man như nước xao sóng gợn ; hoặc cùng

nhau đi ngang qua dịp cầu nho-nhỏ, có nước chảy trong veo, hoặc cùng nhau leo lên trên đỉnh núi ghồ-ghề có cỏ thơm man-mác ; hoặc cùng nhau ngồi trên tảng đá bở chân ngâm dưới mặt nước mà đề cho sóng biển chấp-chờn ; hoặc cùng nhau lội xuống mạn ao, giang tay hái mấy cành sen mà ngửi lấy mùi hương ngào-ngát. Trong mấy ngày chỉ chơi là chơi. Khi cuộc chơi vui đã mãn - tinh-thần đã thấy khoan-khoái nhẹ-nhàng, trí - não đã thấy tỉnh-tao lạng-lẽ, thì tôi mới bắt đầu làm việc lại. Lúc thì giúp thầy mẹ tôi các công việc trong nhà, lúc thì làm các bài vở nhà trường. Học tập vài hôm, bài vở đâu đó đã xong. Bấy giờ tôi không đi chơi như trước nữa, tôi lại lợi-dụng mấy ngày sau này đi luyện-tập quốc-văn là môn học ở nhà trường chỉ để cho một giờ học rất ít, không có mấy khi được thông-thả học-tập, phần nhiều ai cũng cho đó không phải là môn học có quan-trọng gì, chớ biết đâu đó chính là một môn học rất bổ-ích cho trí-dức người mình.

Mười ngày nghỉ vừa rồi thực rất hữu-ích cho tôi nhiều, vừa là ngày để tĩnh-dưỡng tinh-thần, vừa là ngày để giúp đỡ thầy mẹ và lại là ngày để tôi được luyện-tập học-hành chữ quốc-ngữ là thứ chữ rất quý-báu của nước nhà.

7. — Tu-thân

Tu-thân là sửa mình. Sửa mình là sửa lấy thân mình. Sửa thân mình là mình phải tự mài tự giũa, sửa tâm rèn tính để nên được người có phẩm-hạnh. Muốn sửa cho người, trước phải tự sửa lấy mình. Dầu cho đáng thiên-tử là người chí-tôn chí-thánh cũng vẫn lấy đạo tu-thân làm trước. Không được lấy lễ rằng địa-vị đã cao-quí hơn mọi người, cho mình là đã được hoàn-toàn mà không nghĩ gì đến đức-tính hay hay dở, tốt hay xấu nữa. Người

trước không sửa mình thì làm sao mà tề được nhà; vua trước không sửa mình thì làm sao mà trị được nước. Đạo tu-thân là thấy người hay thì phải cố mà bắt-chước, thấy người dở thì phải tự xét để sửa mình. Trọng người chê mình mà chê phải, quý người khen mình mà khen phải, rất ghét người nịnh-hót mình. Người nịnh-hót mình tức là người làm cho mờ-ám lương-tâm mình, dấu có làm điều quấy, có phải chỗ làm, cũng không biết mà sửa đổi được. Thích điều phải mà không chân, nghe lời can mà biết răn. Như thế thì đâu muốn không hay cũng không được. Cho nên người quân - tử thường giữ đạo tu-thân làm trọng.

Sách có câu nói : « Trước sửa lấy mình », lại nói : « Từ đấy thiên-tử cho đến kẻ thứ-nhân, ai ai cũng lấy đạo tu-thân làm gốc ».

8. — Hoa sen

Trong đầm gì đẹp bằng sen.

Ca-dao có câu khen hoa sen là thế, nhưng theo ý riêng tôi thì hoa sen chẳng những là đẹp hơn cả trong đầm mà lại đẹp hơn cả trong các giống hoa. Hoa sen có hai thứ : một thứ trắng, một thứ đỏ, nhưng hoa trắng có phần thanh-tân khá-ái hơn nhiều.

Hoa nở về mùa hạ. Sắc hoa không sắc-sỡ, chỉ một màu thanh-bạch mà đủ làm cho tôn cái vẻ đẹp của hoa khác thường. Cánh hoa thẳng mà cao, lá hoa xanh mà chãi, có chiều siêu-việt, có vẻ thanh-cao.

Lúc hoa còn búp thì hình tròn mà nhọn, trông như ngòi bút lông của nhà nho ta, kịp đến lúc hoa nở thì mới thật đẹp sao ! Ai thử đứng trên bờ hồ mà trông, không phải cái đẹp rõ-ràng rực-rỡ như các giống hoa khác, mà đẹp một cách thâm-thấm kín-đáo như cái miệng mỉm-mỉm cười của người mỹ-nhân. Cánh hoa trắng trắng nằm bên tấm lá xanh

xanh, trên cái cọng mạnh-mãnh, trong làn nước biêng-biểu, ánh phản-chiếu tận đáy hồ, he-hé ngó vừa thấy được cái nhị vàng lấm-lấm.

Hoa khi đẹp về sáng sớm, khi đẹp về chiều hôm : mỗi hồi mỗi vẻ, mười phần vẹn mười. Hạt sương buổi sáng long-lánh trên cánh hoa như giọt thu-ba điểm-nhiêm trên vẩy băng-cơ. Ngọn gió đêm thanh làm lay động cánh hoa như đang giai - nhân nhón-nhờ dưới bóng tân-nguyệt.

Vì chưng gió thổi, hoa cười với trăng.

Hoa sở-dĩ quý là bởi cái tính - chất đậm-bạc, màu không sắc-sỡ chỉ nhàn-nhật mà giữ bền, mùi không nồng - nàn chỉ thoang-thoảng mà thơm lâu.

Hoa lại sở-dĩ quý là bởi cái phẩm-cách thanh-cao, thân sanh-trưởng ở nơi đất bùn ô-trọc nhưng :

Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

Tính-chất đậm-bạc thì giữ được cái phong-độ bình-tố ; phẩm-cách thanh-cao thì giữ được cái đức-tính cố-hữu ; gần nơi ô-trọc mà giữ được cái bản-sắc thanh-bạch, cái hương-vị thơm-tho, không để cho mọi mùi dơ-bẩn dả-dộng đến được mà riêng mình phiêu-nhiên trong cõi gió trong nước sạch.

Hoa sen lại có một tính-cách này còn đáng nên yêu quý biết bao nhiêu, là cái cảnh nọ mà bề làm mấy đoạn nữa, dễ yên thì người ngoài trông vào ai cũng tưởng là phân lìa rời-rạc cả rồi, nhưng đến khi cầm lên một đoạn thì những đoạn khác rầm-rập cũng theo.

Dẫu lìa ngó ý còn vương tơ lòng.

Tính-thần cố-kết biết chừng nào !

Màu không sắc-sỡ chỉ nhàn-nhật mà giữ bền, mùi không nồng-nàn chỉ thoang-thoảng mà thơm lâu, cái cảnh này có cái hoa kia thì cũng xứng đó thay mà ông Hóa-công há phải là vô-tính.

Bởi thế mà đã có người nhân cái đức-tình hoa mà tặng cho hoa cái danh-hiệu là « hoa quân-tử » thì tưởng hoa có thể nhận được mà không thẹn vậy.

9.—Cảm-tưởng khi sắp biệt Hà-tiên

Buổi học này là buổi học cuối cùng của tôi ở học-xá này, tôi chỉ còn học được một buổi học này nữa mà thôi ! Vì gia-tình bắt buộc mà nay mai đây tôi sẽ phải từ-biệt nhà học-xá, từ-biệt cả thầy yêu bạn quý, từ-biệt cả non sông đất nước này mà trở về nơi gốc tử dậm phần. Quê cha đất tổ là nơi căn-bản của người ta, lòng kính yêu mà trân-trọng biết chừng nào.

Hữu-tình xin chớ vô-tình,

Ái ới chim Việt đậu cành Nam-chí !

Lẽ lớn nhỏ tuy có khác nhau chớ cũng cùng một ý-nghĩa ấy, thì tôi nay được về chốn quê nhà là một việc đáng nên múa hát mà reo cười, chớ có gì mà phải ngậm-ngùi than-thở thế này. Đã đành rằng thế, nhưng Biên-hòa kia là chỗ quê cha đất tổ tôi mặc dầu, chớ Hà-tiên đây chính là nơi quê hương thứ hai của tôi, trong mười năm trời đã từng vui buồn cười khóc ở cõi đất này, đã từng sinh biết bao nhiêu cảm-tình với nước non này, đã từng có biết bao nhiêu tâm-sự với người đất nước này, thì tôi yêu mến Biên-hòa là lòng yêu - mến chỗ cũ, nay tôi phải xa cách Hà - tiên mà tôi phải ngậm-ngùi nhớ tiếc là cũng bởi lòng nhớ tiếc chốn người quen cảnh cũ mà thôi. Mà nói cho đáng thì Biên-hòa kia là nơi cổ - kết cái hồn thiêng-liêng của gia-quyến tôi, có cái khí-vị nghiêm-trang mà đầm-thấm thì tôi chỉ có lòng kính mà có lẽ chưa có lòng yêu là mấy, chớ Hà-tiên, Hà-tiên đây mới là nơi gây dựng cuộc đời tôi được vẻ-vang, là nơi nuôi cái hồn tôi được có tư-cách thanh-cao, có cái khí-vị nhẹ-nhàng tươi-linh mà khả-ái, thì Hà-tiên chính

là nơi tôi vừa yêu quý vừa kính mến biết bao nhiêu !

10.—Lời từ-biệt chớ người quen cảnh cũ

... Hai năm trước tôi phải biệt Hà-tiên một lần, khi nên trời cũng chiều người, năm ngoái không dè mà tôi lại được trở lại Hà-tiên bạn nữa. Khi ấy tôi có một đoạn văn cảm-tưởng rằng: « Cái chỗ mà tôi yêu mến nhất là Hà-tiên. Hà-tiên tuy không phải là quê-hương tôi nhưng là chỗ tôi ở học-hành từ thuở nhỏ, thế nên tôi yêu, năm ngoái tôi phải bỏ Hà-tiên ra đi thì tôi lấy làm đau-dớn lắm. Trong một năm trời ly-biệt thì nỗi buồn biết lấy chi cân, nào thầy dạy dỗ, nào bạn chuyện trò, nào chốn ở ăn, nào nơi học tập, đến những cuộc chơi đùa vui thú tôi đều để lại mà không đem theo được. Mỗi lần hồi-tưởng đến những cảnh êm-dềm vui-thú ấy mà lòng chững bâng-khuàng thồn-thức. » Trong lúc nọ tôi biết Hà-tiên là mới biết ở ngoài hình-thức, chớ nay tôi biết Hà-tiên mới thật là biết ở chỗ tinh-thần, tôi phải biệt Hà-tiên lần này là lần thứ hai mà bạn này thì trong bụng không có dự-tưởng là sẽ được đọc đoạn văn « trở về cảnh cũ » nữa ; so với cái tình-cảm năm xưa mà cũng đoán được lòng tôi bây giờ là cảm-dộng đến dường nào !

Nhưng mà thôi ! bèo nước hợp tan, cuộc đời thay đổi là một lẽ thông-thường tự cớ, dầu cho có nhiều ngậm-ngùi ta-thán cũng không vãn - hồi lại được nữa rồi, thì :

Dầu lia ngó ý còn vương tơ lòng !

Cái cảnh sen kia mà có phàn lia nhau chớ sợi tơ lòng nọ cũng vẫn còn vương-viu mãi, hình-thể dầu xa cách nhưng linh-thần vẫn cố-kết luôn.

Tôi nay dầu có phải xa học-xá, xa Hà-tiên, nhưng Hà-tiên chính là một cái vườn đầy những kỷ-hoa dị-thảo

mà tôi có khác nào một người đến thăm vườn, trong bấy lâu nay đã thưởng-thức được nhiều những hương thơm sắc đẹp trong vườn, lúc đi ra tuy không thể mang hết theo mình, chớ cũng đã có lựa hái được vài bốn cái bông hoa sở-thích mà cầm theo để ngửi lấy cái hương thừa. Bông hoa ấy cũng sẽ tàn héo đi, nhưng tôi sẽ gấp những cánh hoa tàn ấy vào trong những quyển sách tập bài, để sau này hoặc cũng có khi giở ra mà tụng đọc đến bài học trước, trông những cánh hoa tàn ấy thì sao khỏi có lòng nhớ đến cây cũ vườn xưa, mà cái hương thừa kia cũng vẫn còn tỏa-mát trong sách vở thoang-thoảng quanh mình mà đắm-thắm theo lời giáo-huấn.

*Còn non còn nước còn dài,
Còn về còn nhớ đến người hôm nay...*

11. — Cánh đồng nhà - quê về buổi chiều.

Trời về chiều đông ở trên ấp Tân-bà. Một cánh đồng rộng mênh-mông bát-ngát, gần một con sông nhỏ, nước chảy từ-từ, lúa xanh mơn-mởn. Trên đồng đều một vẻ lặng-lẽ tĩnh-mịch, diêm-nhiêm có tiếng kèn lá của lũ mục-dồng và tiếng thét trâu của bác nông-phu vắng-vắng từ đằng xa đâu đưa lại. Cảnh diu-hiu mà man-mác biết dường nào! Văng kim-ô từ-từ ngã, ánh tà-huy đỏ rực một góc trời tây:

Chim hóm thoi-thót về rừng.

Những người làm-lụng công việc ngoài đồng cũng vác cây, vác cuốc, lác-đác nối nhau ra về: người thì ngắt-nguống trên mình trâu, ca hát mấy câu véo-von êm-ái; người thì lưng-thưng bên bờ ruộng; kể-lẽ những câu chuyện mộc-mạc thật-thà. Nét mặt người nào người ấy đều có vẻ vui sướng vô-cùng, hình như những sự vất-vả khó-nhọc suốt ngày đã tan theo bóng quang-âm vừa hết.

Lúc bấy giờ nếu có một người biết thưởng-thức cái cảnh đẹp thiên-nhiên của Tạo-hóa đều đứng trên bờ sông mà xa trông bốn phía, thì mới biết rằng cái vẻ đẹp trong vũ-trụ không phải cần có lầu son gác tía mới là đẹp, không phải cần có núi cao sông rộng mới là đẹp, mà sẽ thấy cái vẻ đẹp của vài túp nhà tranh thấp-thoảng sau hàng tre biêng-biểu, và cái vẻ đẹp của một cánh đồng phẳng tận chân trời, ngọn lúa xanh rờn-rờn, mơn-man theo chiều gió như làn nước thủy-triều. Đứng trước bao nhiêu cái vẻ đẹp thiên-nhiên kia thì người ấy không thể sao cầm được cái lòng thơ náo-lãng ra ngoài mà làm cho sinh biết bao nhiêu mỗi tình-cảm nhẹ-nhàng thanh-thú.

Từ thuở lọt lòng đã theo thầy mẹ, rày đây mai đó bình-bồng, lần này mới được về đứng chân ở chốn cổ-hương, ra trông cánh đồng con sông, cảm được cái đẹp khác thường, cảnh-vật đâu đó hình như có chiều đưa đón mà có vẻ quyến-luyến vô-cùng, ấy là bởi cảnh đẹp thực hay là bởi cái lòng tôi quá yêu mến cái cảnh ở cổ-hương đã sẵn bụng để cảm lấy cái đẹp mà cảnh và người như đã ngụ sẵn một cái thanh-khi gì với nhau, tưởng hai lẽ cũng có cả.

12. — Hoa lan nguyệt-dạ

Trước nhà tôi ở trọ học có trồng một giống hoa lan gọi là lan "nguyệt-dạ". Tôi bình-sinh vẫn yêu thích giống hoa này lắm, vì là một giống hoa có chiều thanh-tản, có bề u-nhĩ khác thường, tưởng ít có giống hoa nào sánh được.

Xem sách thấy nói hoa lan có nhiều thứ, nhưng những giống quý thì như lan tổ-tâm đỏ là giống tổ-lan, lan ngọc-quế đỏ là giống kiến-lan, song đó chỉ nghe mà chưa từng thấy được khi nào. Giống lan này chắc cũng là một giống

lan qui mà mình chưa được biết trong phương-thò gọi tên là gì, chỉ thường gọi là lan nguyệt-dạ. Và hai chữ nguyệt-dạ ấy cũng đủ nhẽ, cũng đủ biểu được cái đức-tính của hoa, thì cứ nên gọi như thế mà khỏi mất công tìm kiếm gì nữa.

Lá lan xanh sậm, dài độ ba đến bốn tấc tây. Lan nở không hạn là mùa nào, nhưng về mùa nắng mà có nước tưới rội cho thường thì bông nở nhiều hơn mùa mưa. Khi nào hoa muốn đâm bông thì bụi nở, lá nhiều, mạnh-mẽ xanh tốt lắm, rồi thì chồi hoa dần dần lên. Một bụi chỉ độc có một cành mà thôi, cành tròn lớn hơn chiếc đũa, cao đến sáu bảy tấc, đến chín mười tấc tây là cùng. Hoa lên rất chậm và nở rất bền. Từ khi mới ở mặt đất chồi lên có độ hơn nửa tháng mới bắt đầu nở. Một cành ước được hơn vài chục bông, cứ lần lượt một ngày nở vài ba bông, cho đến khi nở hết cũng có ngoài hai mươi ngày.

Bông chưa nở thì như hình cái ngói bút lông mà dài, khi nở thì chia làm sáu cánh nhọn, trong có nhị vàng. Màu hoa chưa nở thì xanh xanh, khi nở rồi thì trắng. Hoa thoát trông thì rất đơn-sơ, chỉ có một chòm lá và một cành hoa, nhưng tế-nhận thì mới thấy có cái vẻ đẹp lạ. Đẹp từ cái lá cho đến cánh hoa, mỗi vẻ đều như biểu được cái nhược-chất siêu-nhiên, dịu-dàng khả-ái vô-cùng. Cái sắc hoa kia đẹp thì có đẹp thực, nhưng nếu chỉ có một cái vẻ đẹp không thì cũng chưa có gì là quý mà cũng chẳng thiếu gì giống hoa khác đẹp được như thế. Hoa sở dĩ quý là quý ở cái đức sinh hương; cái đức ấy mới là thắng-đoạt được cả các chị em trong hoa-uyên. Giống hoa nào thì cũng thế, thơm hay là không thơm, mà có thơm thì lúc nào cũng như lúc nào, đều giữ một mực mà thôi, phần nhiều có giống hoa thơm khi mới nở, đến lúc gần tàn thì mùi hương nhạt

dần. Đến bông hoa lan nguyệt-dạ này thì không thế. Hoa dẫu nở mà về ban ngày thì dẫu kẻ tận mũi người cũng tỉnh không có một mùi thơm nào. Ban ngày khi nắng gồm-ghe, ong bướm tấp-nập thì cái hương-vị vẫn tàng-ẩn phong kín mà giữ một cái thời-độ lãnh-dạm như không, chờ đêm đến, chiều viêm-nhiệt, tiếng huyền-náo đã hết, thì bấy giờ mới đem cái u-hương thanh-vị ra mà diu-dặt với trắng trong gió sạch, nắng nồng không dãi được, ong bướm không phá được. Cũng nhân cái đức-tính ấy mà người ta mới mệnh-danh là hoa nguyệt-dạ, có người lại gọi là « dạ-lý-hương », mà tưởng hai chữ nguyệt-dạ tuy không rõ là thơm về ban đêm bằng chữ dạ-lý-hương, chờ đủ gọi được cái đẹp và cả cái thần của hoa. Mà thực, còn gì đẹp bằng những lúc hoa nở mà gặp đêm có trăng, một cảnh tha-thuốt dịu-dàng nhơn-như dưới bóng trăng thanh-tĩnh; có bông trắng-sáng thì cái vẻ đẹp của hoa lại càng tồn, màu trắng như băng trong tuyết diêm, rồi thì ngào-ngạt u-hương phát-sản ra từng trận nhẹ-nhàng thanh-dạm vô-cùng.

Chỗ huyền-náo thì tàng-ẩn, khi thanh-tĩnh thì riêng mình tiêu-dao. Cái đức-tính ấy sao khá không phải là cái đức-tính trinh-tĩnh u-nhân của vị giai-nhân, sao khá không phải là cái đức-tính ẩn-dật diêm-dạm của kẻ cao-sĩ, lại sao khá không phải là cái đức-tính tao-nhã phong-lưu của người thi-nhân; muốn hồng nghìn tía, màu sắc rực-rỡ, hương-vị nồng-nàn, hồ-đề đã có mấy giống có được cái đức-tính ấy.

Tôi còn nhớ khi tôi còn ở Phương-thành, chủ-nhân Tri-Đức Học-xá rất yêu giống hoa ấy, trước sân học-xá trồng la-liệt, hoa nở kế-tiếp nhau, không mấy khi dứt; những đêm giờ học đã mãn, ở học-xá bước ra tiếp ngay cái cảnh trắng-sáng hoa thơm, những khi ấy thì

tôi cùng các chị em cùng nhau quanh-quần mãi dưới hoa mà huê-thủ đàm-tâm để thưởng-hứng lấy cái hương-vị thanh-u giữa khoảng đêm khuya tĩnh-mịch thì thân-hồn nhẹ-nhàng trong-trẻo vô-cùng.

Bây giờ tôi đã xa cách đất Phương-thành, về chốn cổ-hương, lên trọ học ở đây, chợt gặp được giống hoa lan nguyệt-dạ này, khiến cho tôi nhớ đến chuyện cũ tình xưa, mà phải bàng-

hoàng vô-cùng, cảm-khái vô-cùng. Có khi đêm đã khuya trăng đã lạnh, mà tôi vẫn còn vợ-vẫn bên khóm hoa mãi không nở rời, vì mỗi lần tôi tiếp-xúc được cái hương-vị của hoa thì hình như tôi tiếp-xúc được cái khí-vị đầm-ấm ở đất Phương - thành, những lúc ấy chính là những lúc tôi đang bồi-hồi ôn lại chuyện cũ vậy (1).

TUYẾT-MAI

THIÊN-NAM BẢO-LỤC ĐIỂN-CA

TỰA

Nay trên địa-cầu chính-sách văn-minh, chuyên dùng quốc-sử làm khoa dạy phổ-thông. Tôi nhân xem sử Nam, chép từ đời Hồng-bàng đến Bản-triều, nhà nào mấy đời, trải bao nhiêu năm, hiệu nước là gì, kinh-đô đóng dấu, cùng các quan văn-võ trung-thần nghĩa-sĩ, đến nay nhà nước Bảo-hộ chính-sách tinh-hoa; lại xem địa-dư chép cõi đất trong ba kỳ, núi sông vật sản, các phương nghề thợ nghiệp buôn, khí-hậu, thổ mản, chép làm bốn chữ, bốn câu hai vắn, giải tiếng chữ, diễn ca nôm, tiện cho trẻ học dễ nhớ, suốt hết mọi việc xưa nay trong nước, cũng là ích nhỏ. Ấy là tựa.

NGUYỄN ĐÌNH-CHI

I

文明政策。開化最先。
普通新學。國史宜專。

Chính-sách buổi văn-minh thời-dại,
Mở-mang đường giáo-hối phương-châm;

Phổ-thông tân-học nên chăm,
Chuyên dùng sử nước dò thăm tổ nhà.

堂堂炎邦。四千餘載。
世道變遷。幾經時代。

Lồng-lọng nước Nam ta truyền kể,
Trải bốn nghìn năm lẽ đến nay;

Đạo đời đời biến đổi thay,
Trải bao lịch-sử đến nay mấy đời.

初神農裔。曰涇陽王。
國稱赤鬼。世紀鴻龐。

Cháu Thần-nông xưa người Bắc-trước,

Vua Kinh-dương phong nước Nam tưng;
Vua đầu từ ấy đầy má,

Nước xưng Xích-quỷ đời ra Hồng-bàng.

傳貉龍君。配姬姪婦。
生百斯男。爲百粵祖。

Truyền Lạc-Long rõ-ràng long-chủng,
Sánh Âu-Cơ là giống liên lai;

Noãn-bào trăm trứng trăm trai,
Tổ trăm nước Việt tóm loài Man-dân.

(1) - Trở lên hai bài trích ở tập « Cảnh cổ-hương » của tác-giả, đã có gởi bản-thảo về Tri-Đức Học-xã ở Phương - thành nhuận-sắc. - T.-M.

長雄歸嗣。稱雄國王。
餘封國土。分鎮海疆。

Con trưởng ấy Hùng-Lân trị nước,
Hiệu vương là Hùng-quốc truyền nhà;
Còn phong đất nước gần xa,
Nửa lên sơn-linh, nửa ra hải-lân.

尊涇陽王。號雄陽祖。
稱貉龍君。爲雄賢父。
Hèm Kinh-dương tôn thần hiệu tổ,
Hiệu Hùng-vương là chúa đầu tiên;
Chữ hùng đặt đề thống truyền,
Lạc-long xưng hiệu Hùng-Hiền là cha.

文郎建國。峯州宅都。
分十五部。定一國圖。
Nước Văn-lang đặt ra hiệu mới,
Đất Phong-châu lại khởi thành đô;
Mười lăm bộ mới phân-khu,
Cối bờ sứa vạch bản-dồ định ra.

交趾興安。河內南定。
福祿朱雋。峯州山省。
Giao-chỉ bộ nay là Nam-dịnh,
Hà-nội gồm với tỉnh Hưng-an;
Phong-châu Phúc-lộc Châu-diên,
Nhận trong địa-chỉ về miền Sơn-tây.

武寧北省。陸海諒山。
陽泉東省。寧海廣安。
Bộ Vũ-ninh là nay tỉnh Bắc,
Bộ Dương-tuyền nay tức tỉnh Đông;
Lục-hải-bộ Lạng-sơn trung,
Xưa miền Ninh-hải nay vùng Quảng-yên.

新興興宜。武定高太。
九真今清。懷驩今義。
Tân-hưng cũ Hưng-Tuyên dịch-cải,
Vũ-dịnh xưa Cao Thái phân ban;
Cửu-chân Thanh-hóa khu hoàn,
Hoài-Hoan sau đổi Nghệ-an rõ-ràng.

越裳屬部。廣治廣平。
平文九德。疆域不明。
Lại liên bộ Việt-thường Việt-địa,
Sau phân ra Quảng-trị Quảng-bình;
Bình văn Cửu-đức còn danh,
Cổ-cương chẳng rõ địa-hình mất tra.

初置官名。貉侯相命。
貉將武班。有司蒲正。
Quan-danh mới đặt ra chức-chưởng,
Tướng Lạc-hầu là tướng văn-quan;
Phân hàng Lạc-tướng võ-ban,
Dụng lên Bồ chính nguyên hoàn hữu-lư.

世襲父道。王子官郎。
傳十八世。皆號雄王。
Con nối cha xưng vì phụ-đạo,
Vua sinh trai tập hiệu Quan-lang;
Ngôi truyền mười tám đời trưởng,
Chữ Hùng đặt hiệu ngôi vương trị vì.

雄曄雄曦。雄暉雄時。
雄定雄昭。雄晞雄毅。
Truyền Hùng-Việt Hùng-Hi tuế-trị,
Kể Hùng-Huy Hùng-Vĩ thống-minh;
Hùng-Chiếu Hùng-Tình thần-linh,
Hùng-Hi ngạn-thánh Hùng-Trình anh-hiền

雄楨雄武。雄越雄英。
雄朝雄造。雄璿篤生。
Hàng-Nghị kế quán quyền Hùng-Vũ,
Hùng-Việt truyền lệnh chủ Hùng-Anh;
Hùng-Triều Hùng-Tạo uy-linh,
Hậu-vương là cuối mĩ-danh Hùng-Tuyền.

水怪文身。蛟傷免者。
仰潮降升。墾田耕稼。
Dạy dân vẽ mực đen thủy-quái,
Loài thuồng-luồng khỏi hại ngư-nhân.

Nước triều lên xuống đôi tuần,
Theo thời vờ ruộng dạy dân cấy mùa.

前唐堯帝。後周成王。
通好中國。皆謂越裳。
Đời Đường trước đương vua Nghiêu-đế,
Thời Chu sau lịch thế Thành-vương;
Bắc Nam thông-hiệu đôi phương,
Đầu tiên ấy họ Việt-thường bang-giao.

獻唐神龜。獻周白雉。
龜曆堯修。駢車周賜。

Rùa thiêng trước dâng vào Nghiêu-

[diện,

Trì trắng sau đem tiến Chu-dường ;

Lịch qui Nghiêu sắp tinh-tường,

Xe biền Chu chế chỉ đường Nam-quì.

雄隼六世。扶董生兒。

三歲不語。竹輶臥之。

Đời thứ sáu Hùng-Huy kế-thống,

Thần-nhi làng Phù-đồng ra đời ;

Lên ba chỗ nói một lời,

Nằm tro trong trống rõ người dị-nhân.

殷舉兵侵。王求敵破。

兒邀使來。請一劍馬。

Nhà Ân bồng cất quân xâm-nhướng,

Vua Hùng sai cầu tướng xuất-chinh ;

Thần-nhi bảo sừ về trình,

Xin pho ngựa sắt cùng thanh kiếm
trường.

武寧洗甲。朔山解衣。

衛靈塑像。扶董立祠。

Quân Võ-ninh vớt vàng rửa sạch,

Núi Sóc-sơn áo sắt trút ra ;

Vệ-linh ló tượng nguy-nga,

Đền làng Phù-đồng huyện là Tiên-do.

七世仙容。舟遊海汛。

洛自然洲。遇椿童隱。

Chúa Tiên-Dung con vua Hùng-VI,

Thuyền bề chơi về nghỉ giang-biên ;

Tinh-cờ tắm bãi Tự-nhiên,

Váy màn rội nước gặp tiên Chữ-dồng.

笠筇得法。一夜昇天。

快州夜澤。靈蹟流傳。

Phép gậy nón linh thông rất lạ,

Vụt một đêm thoát hóa lên tiên ;

Dấu thiêng tiếng lạ lưu-truyền,

Hóa chằm Dạ-trạch nổi đền Khoái-châu.

季世媚娘。擇才以配。

山精水精。求親相會。

À Mị-nương rất mầu thanh-sắc,

Chọn sánh đôi cùng bậc tài-danh ;

Một Sơn-tinh một Thủy-tinh,

Làng ngày bãi-kiến trần tình cầu-thần.

王約來日。先聘與之。

山精早至。具禮迎歸。

Vua xuống lệnh chu-chuân đi h-ước,

Ài ngày mai đến trước gả cho ;

Sơn-tinh trán-bảo đủ đồ,

Sớm ngày tới trước xin vua rước về.

水精恨追。興雲作雨。

山精呼人。禦水射弩。

Thủy sau đến giận vì chậm bước,

Liên nổi mây dâng nước đuổi theo ;

Sơn-tinh thần hóa nhiệm sao,

Gọi vờ người thổ chẵn rào bắn tên.

慈廉鐵網。沱江竹籬。

此後潞至。常相攻之。

Sông Từ-liêm giăng liễn lưới sắt,

Dòng Đà-giang kết nhật phên tre ;

Đời đời thù oán góm ghé,

Thường năm lượt đến ấy kỹ đánh nhau.

後王德衰。不修武備。

安陽併之。文郎滅矣。

Vua Hậu-vương về sau sinh trễ,

Chẳng sửa-sang vũ-bị giữ-gàng ;

Mãi say cuộc rượu mê màng,

An-dương sang chiếm Văn-lang đổi đời.

上自鴻貉。下至旌瑯。

二千六百。二十二年。

Lịch-số khởi từ đời Hồng-Lạc,

Mỗi giòng xa đến bước Hùng-Tuyền ;

Hai nghìn lại sáu trăm niên,

Hai mươi hai lễ vũng-bền dài lâu.

蜀安陽王。螺城築作。

郡建封溪。國稱甌貉。

Vua An-dương ban đầu khởi-lập,

Thành Cồ-loa xây đắp bàn-hoàn ;

Khẩn cầu giang-sứ giúp nên,

Nước xưng Âu-lạc dô nền Phong-khé.

金龜授爪。神弩造機。

射輒却敵。張以示威。

Rùa trao móng từ về nhủ để,

Sai Cao-Thông chế máy móng vàng ;

Gọi là thần-nỏ linh-quang,

Bắn tan hồn giặc để giương oai

thần.

趙陀講和。平江分界。
仲始求婚。媚珠鍾愛。

Triều Đà biết hòa-thân hưu-tức,
Sống Bằng - giang nam-bắc phân-
[cương ;

Cầu hôn Triệu lại mưu sang,
Đề chàng Trọng Thủy sánh nàng Mi-
[châu.

鵝毛墜術。龜爪易機。
途窮南海。五十年衰。

Đem lông ngan dẫn nhau theo lối,
Mấy móng rùa dấu đổi đánh sang ;
Vì cơ cày nổ thị-thường.

Năm mươi năm phải cùng đường bề
[Nam.

時慈廉人。有李翁仲。
身二丈餘。威甚雄勇。

Từ-liêm đất làng Chém vượng-khi,
Ông Trọng người họ Lý đỉnh-sinh ;
Cao hai trượng hạo tửu-thực-linh,

Hình-thủ quái-dị oai-thanh hùng-hoàng.
仕秦校尉。聲震匈奴。
瑞香廟貌。咸陽像圖。

Thị Tần-dinh làm quan Hiệu-ủy,
Thủ Lâm-thao mất vía Hung-nô ;
Thụy-hương miếu-mạo thanh-u,

Tinh-linh Nam-quốc hình-dồ Bắc-
phương.

迨佗兼并。興漢稱制。
建番禹郡。稱南越帝。

Đến Triệu-ủy kiêm vương đặc-thê,
Cùng Hán-hoàng xưng chế đồng-ban ;
Nhà vàng cờ đạo râm-ran,

Xung Nam-Việt để đóng Phan-ngu-
[thành.

文明繼立。哀衡承傳。
歷更五世。九十九年。

Vua Văn đến vua Minh truyền kế,
Vua Ai cùng vua Vệ nhân nơi ;
Lịch truyền vừa được năm đời,

Chín mươi năm lại lẽ ngoài chín năm.

樓后宣淫。呂嘉構難。
博德兵來。地入於漢。

Bởi Cù-hậu thông-dâm trong điện,
Đề Lã Gia đẩy loạn ngoài triều ;
Lộ Bác-Hắc tiến quân theo,

Lấy phăng cõi Việt thu vào nước trong.

元封以後。九郡始分。
日南合浦。交趾九真。

Triều Tây-Hán Nguyễn phong trở lại,
Chín quận nay bèn mới chia ra ;
Nhật-nam Hợp-phố gần xa,

Nào là Giao-chỉ nào là Cửu-chân.

南海蒼梧。鬱林平地。
別在海中。珠崖儋耳。

Thương-ngô lại tiếp lân Nam-hải,
Uất-lâm cùng liền giải bình-nguyên ;
Riêng trong giữa bề một miền,

Đặt ra Đạm-nhĩ cùng miền Châu-nhai.

部列交趾。地析嶺南。
郡太守鎮。部刺史兼。

Bộ đều thuộc trong ngoài Giao-chỉ,
Đất chia tan trời bề Lĩnh-nam ;
Quận ban Thái-thủ giữ xem,

Bộ phong Thứ-sử quản kiểm quyền-hành

壬延敦耕。錫光導禮。
嶺南華風。自二守始。

Nhâm-Diên dạy nông-canh hôn-lễ,
Tích-Quang truyền lễ-nghĩa giáo-
[khoa ;

Lĩnh-nam hóa thói Trung-hoa,
Từ hai hiền-thủ mở ra đầu dòng.

逮乎建武。百五十載。
江山內屬。守牧彌權。

Đến Kiến-vũ về Đông Hán-kỷ,
Trăm năm mười năm lẽ là đây ;
Nước non thuộc Hán thừa này,

Đặt châu thú-mục đổi trao cương-quyền.

蘇定貪殘。徵王仇憤。
婦爲夫譴。妹爲姊奮。

Người Tô Định tham-tàn rất mực,
Bà Trưng-vương bức-tức ra uy ;
Phất cờ truyền hịch tức-thì,

Vợ vì chồng báo em vì chị lên.

嶺南略定。五十六城。
自王交趾。建都澠冷。

Ngoài lĩnh-biên một phen chiến-dấu,
Thu giệp năm mươi sáu thành liền ;
Cối Nam vang ứng sấm rền,

Dựng vua Giao-chỉ đóng nền Mi-linh.

獨立三年。別開新字。
 節義一門。江山萬古。
 Ba năm lập triều-dinh tự-tại,
 Một đời khai cội mới thành-thời;
 Cất lên việc nghĩa dậy trời,
 Một môn tiết-ngĩa muốn đời giang-sơn.
 金谿失險。銅柱高標。
 百四十載。再屬漢朝。
 Kim-khê thoái phàn-nân thất hiểm,
 Đồng-trụ lên chầm-chầm ngất lăm;
 Thuộc trong trăm bốn mươi năm,
 Ngâm-ngủ đất cách âm-thầm trời xa.
 李進舉賢。李琴奏殿。
 我越人才。中州同選。
 Lý Tiến sớ dặt ra hiền-kiệt,
 Lý Cầm tâu khấn thiết dền-dải;
 Nước Nam mấy kẻ nhân-tài,
 Mời cùng người Hán chen vai từ rầy.
 縣令州牧。校尉平章。
 表顯上國。平等官場。
 Huyện-lệnh khởi nối thay châu-mục,
 Hiền-úy thăng lên bậc bình-chương;
 Mân-tài trọng hiếu-liêm sang,
 Nước trên nêu rết quan-trưởng chen đua.
 吳時蒼梧。士王爲守。
 四十九年。營居羸墟。
 Thời Ngô có Thương-ngô hoa-tru,
 Sĩ-vương tiên làm thủ bản-châu;
 Bốn mươi liền chín năm thâu,
 Dựng nền khố-lũ phong hầu Long-
 [biên.
 謙虛下士。詩禮教民。
 南交學祖。稱士府君。
 Lấy khiêm-tốn thảo-hiền hạ-sĩ,
 Bেম thi-thư chữ nghĩa dạy dân;
 Nam-giao xưng Sĩ phủ-quân,
 Lâm văn-học tổ làm thần-minh-vương.
 趙嫗窈娘。乳長三尺。
 陸胤諭降。揭屣拒敵。
 Bà Triệu Âu ảo-nương thao-lược,
 Tướng và dài ba thước khác thường;
 Giận Ngô Lục-Dận dụ hàng,
 Minh đeo áo chuỗi chân giàng guốc rắng.

據象頭戰。幾復封疆。
 吳兵破胆。麗海名揚。
 Cưỡi voi đánh vang lừng quan-tái,
 Khua long hầu thu lại phong-cương;
 Quân Ngô khiếp phục kinh-hoàng,
 Xưng làm Lê-hải-bà-vương tiếng truyền.
 晉時朱肱。有杜慧度。
 歷三世傳。爲本州守。
 Thời Tấn có Châu-diên thuộc-bộ,
 Họ Đỗ là Tuệ-Độ danh-gia;
 Thù châu làm chính khoan-hòa,
 Bà đời trượng-liết muốn nhà qui-tâm.
 自吳黃武。至梁大同。
 歷該三百。十四年中。
 Nhà Ngô trước từ năm Hoàng-võ,
 Nhà Lương sau đến đó Đại-dồng;
 Ba trăm năm ấy liên-thông,
 Lại thêm mười bốn năm dòng trải bao.
 置廣分交。任人割境。
 吳吏晉官。強權迭逞。
 Nào châu Quảng châu Giao chia sấn,
 Nào quan Ngô quan Tấn chia làm;
 Mặc người cắt nát cội Nam,
 Quyền to rộng-rỡ lòng tham nông-nân.
 蕭咨失衆。兩帝起軍。
 紀元天德。建國萬春。
 Tiêu-Tư lại tham-tàn mất chúng,
 Nam-đế về hùng-dũng hưng-quá;
 Hiêu Nam-Việt đế xưng ra,
 Kỷ-nguyên Thiên-đức nước là Vạn-xuân.
 龍編宅都。牛書先兆。
 日附木來。陳伯先到。
 Long-biên đóng chính nhàn địa-
 thắng,
 Ngưu-thư diễm báo ứng thiên-tại;
 Nghiệm thư « nhật phụ mộc lai »,
 Bà-Tiên Trần-tĩnh đã đời bình sang.
 新昌跌宕。典澈飄船。
 崎嶇屈獠。纔得五年。
 Tân-xương-động xe ngang đường
 vấp,
 Điền-triệt-hồ thuyền rập nước xô;
 Gấp-gheñ Khuất-liệu thế cô,
 Năm năm đề Triệu tranh đồ cùng
 Lương.

初趙越王。前南帝將。
保夜澤屯。與梁將抗。

Triệu Việt dấy ngôi vương kế xướng,
Nam-đế phong bậc tướng có công ;

Giữ đồn Dạ-trạch vây-vùng,

Khẩn cầu thần trạch địch cùng tướng
Lương.

兜發神爪。獨木軍機。
澤王著譽。梁將潰歸。

Đâu-mâu-chảo ngậy thường chống
giặc,

Độc-mộc-thuyền sớm khắc ra quân ;

Trạch-vương lừng lẫy thời nhân,

Dương Sấn thua võ Lương-quân tan
liền.

說復龍編。義和佛子。
割界君臣。分王趙李。

Gác xe lại Long-biên ngự-trị,

Đoái ngĩa nghe Phật-tử giảng-hòa ;

Quân-thần giữa cõi chia ra,

Tây là Lý-đế, đông là Triệu-vương.

雅郎入贅。易瓜瓞焉。
大鷄路絕。二十二年。

Lý mưu cho Nhã-lang làm rể,

Đồi vuột máu dùng kế tập-xâm ;

Triệu vừa hai mươi hai năm,

Đại-nha đường dứt âm-thầm bề sáu.

佛子都峯。號稱後李。

三十二年。降隋北徙。

Phật-tử đóng Phong-châu được thề,

Hậu-Lý theo Nam-đế xưng tên ;

Ba mươi lễ có hai niên,

Hàng Tùy phải bắt dời miền bắc-
[phương.

隋唐內屬。三百四年。

唐初分國。十二州連。

Từ đây thuộc Tùy Đường lịch-kỷ,

Trải ba trăm ngoài lễ bốn niên ;

Đường xưa kinh-lý một phen,

Mười hai châu mới cải liền chia ra.

武安武峨。愛州福祿。

驪濱芝湯。長峯交陸。

Võ-an với Võ-nga hai bộ,

Ái-châu cùng Phúc-lộc đôi đường ;

Hoan cùng Diễn, Chi cùng Thang,

Nào Giao nào Lục nào Trường nào
Phong.

改都護府。統十二州。
置羈縻部。邊徼遐區。

An-Nam cải phủ tông đô-hộ,

Thống mười hai châu nọ kiểm-cai ;

Cơ-mi bộ ấy đất ngoài,

Riêng nơi ven ải những loài man-hoang.

時九真人。有姜公輔。
進士聯登。平章特授。

Cửu-chân-bộ có Khương-Công-Phụ,

Triều Đức-tôn tuần-tú danh-hiến ;

Tài cao liêu việc lạ tin,

Đỗ khoa Tiến-sĩ thăng quyền Bình-
chương.

唐官侵虐。叔鸞夷夏。
稱枚黑帝。雄據海南。

Buổi quận huyện nhà Đường xẻo hại,

Mai Thúc-Loan khảng-khái gan già ;

Hiệu cờ Hắc-đế mở ra,

Ngoài thông lân-quốc giữ tòa Hải-nam.

光楚客來。楊思勳進。
枚不暇謀。遜山退隱。

Sở Khách lại quyền kiểm đô-hộ,

Tự léc sang chức thụ tướng-quân ;

Mai chưa kịp lĩnh xa gần,

Hộn-sơn lui giữ ải thần đến già

正平重欽。偶興起軍。
昭居府治。自號都君。

Chinh-Bình nổi nghiêm-hà thuế nặng,

Phùng Hưng tài mạnh cứng dấy ra ;

Đem quân vây hãm Đại-la,

Đóng vào phủ-trị xưng là đô-quân.

布蓋大王。追尊諡號。
馮安繼之。趙昌降了。

Chưa mấy bỗng thừa vãn thiên-ngoại,

Theo tôn hèm Bồ-cái-đại-vương ;

Vận dời chưa có chủ-trương,

Phùng-An nổi nghiệp Triệu-Xương du
hàng.

洪州曲瀨。父業經營。
稱節度使。據大羅城。

Khúc Thừa-Hiệu họ sang Hồng-quân.

Nhờ nghiệp cha nhân vận kinh-doanh ;

Định ra thuế ruộng gạch đình.

Xưng quyền tiết-độ giữ thành Đại-la.

二十四年。三世仗節。
惟承美傳。爲南漢滅。

Hai mươi bốn năm đã danh-giá,

Trải ba đời truyền đã vinh-hoa ;

Bởi con Thừa-Mi nổi nhà,

Vị cầu cò tiết xảy ra Hán-tù.

受州楊藝。曲灝爪牙。

恩仇漢主。圖報曲家。

Dương Đình-Nghệ Ái-châu vong-tộc,

Nha-tướng nhà họ Khúc dựng nên ;

Giận vì Nam-Hàn tranh quyền,

Lo thù Hán-chúa báo đền Khúc-gia.

兩府殲仇。據州仗節。

領事八年。矯公美殺。

Đem quân hãm Đại-la vấy phủ,

Giết thù xưng tiết-dộ giữ châu ;

Cầm quyền vừa tám năm thâu,

Nghĩa-nhi Công-Tiến đương đầu hại
vây.

吳王權立。都古螺城。

官名創置。朝制修明。

Ngô Quyền dấy vì thầy báo-phục,

Thành Cổ-loa tu-trúc đóng vào ;

Sáu năm chinh ngự ngôi cao,

Chức quan mở đặt phép triều dựng
nghiêm.

后第三哥。受還轉弼。

平王僭稱。張楊降黜。

Dương Tam-Kha là em hoàng-hậu,

Chịu lời di giúp châu dương-đường ;

Sáu năm lần cướp quyền-cường,

Bình-vương xưng hiệu Trương-đương
giáng-liền.

昌文復起。僅整皇圖。

國稱南晉。世襲後吳。

Ngô Xương-Văn con hiền lại dấy,

Đồ hoàng-vương lại thấy nhứt ra ;

Nhân-tuần nối giữ nghiệp nhà,

Nước là Nam-tấn đời là Hậu-Ngô.

託范令公。迎吳昌岌。

稱天策王。兄弟並立。

Rước Xương-Ngáp lên vua Thiên-

[sách,

Nhờ Phạm-công giữ đất Trà-hương.

Cùng coi việc nước sửa-sang,

Anh em nối gót triều-đường sánh vai.

吳傳二世。二十九年。

使君競起。都長白權。

Ngô tiên-hậu truyền hai thế-kỷ,

Gồm hai mươi ngoài lẽ chín năm ;

Sứ-quân đua dấy âm-âm,

Cùng thi sức mạnh riêng cầm quyền cao.

昌煥平橋。阮寬三帶。

呂唐細江。公翠峯界。

Ngô Xương-Xí Bình-kiều một giải,

Nguyễn Khoan-công Tam-dải một

phương ;

Lã Đường riêng cỡi Tế-giang,

Triều Công-Hân giữ một đường châu

Phong.

景碩杜洞。嵇順回湖。

阮超扶烈。守捷仙遊。

Đỗ Cảnh-Thạc vào trong Đỗ-đồng,

Kiểu linh-công ra đóng Hồi-hồ ;

Nguyễn Siêu tây Phủ-liệt khu,

Nguyễn Thủ-Lệ cứ Tiên-du địa-dầu.

白虎藤州。李奎超類。

日慶唐林。陳覽布海。

Phạm Bạch-Hồ Đằng-châu một phái,

Lý Khuê-công Siêu-loại một vùng ;

Ngô Nhật-Khánh bường-lâm trung,

Cối Bó-hải mặc Trần-công làm ngoài.

凡十二使。割據二年。

亂離極矣。雄傑出焉。

Sau trước gồm mười hai vị sứ,

Hùng-cử ra từng chữa hai năm ;

Vận dơi gặp hội tởi-tăm,

Hùng-tài đột dấy thiên-lâm hô thành.

丁先皇興。虜旗進取。

號萬勝王。爲正統主。

Vua Tiên-hoàng họ Đinh ứng vận,

Cờ bồng lau tập trận mở-mang ;

Hiệu xưng là Vạn-thắng-vương,

Dựng ngôi chính-thống mở đường

nhất-gia.

建羅越國。都華間城。

象犀濱貢。虎鼎涇刑。

Đại-Cồ-Việt nước là khai-thống,

Đồ Hoa-lư thành đóng chỉnh-tề ;

Thái-bình niên-hiệu nêu đề,

Vạc hùm hình lam voi tể cống nhâm.

少帝初傳。衛王復廢。
凡十三年。纔方二世。

Thiếu-đế mới dựng làm ngôi đế,
Vệ-vương liền bỏ đề tước vương;
Mười ba năm đó đương đương,
Hai đời lại gặp phó-vương Lê Hoàn.

杜釋弑逆。識驗丁丁。
黎桓居攝。黎出聖明。

Phải Đỗ Thích giết càn hai vị,
Thực nghiệm câu «Đỗ thí đình đình»;
Lê Hoàn lên nhiếp ngôi linh,
Nghiem câu «Lê xuất thánh minh»
rành-rành.

大行興隆。巨倆輔弼。
黃袍加身。甄罷因室。

Vận-hội vua Đại-hành hưng-vượng,
Mưu-mô ông Cự-Lượng tôn-phù;
Tình riêng Dương-hậu giúp cho,
Áo vàng khoác cật chân cả êm lưng.

紀元天福。仍都華閩。
兩平占寇。北挫宋師。

Niên-hiệu dựng thịnh xưng Thiển-phúc,
Kinh-dô nhân sẵn cục Hoa-lư;

Văn-mô võ-lực kiêm tư,
Bắc lui quân Tống nam trừ giặc Chiêm.

中宗承傳。臥朝弑立。
刀劍刻深。水炮嚴急。

Trung-tôn ấy đệ tam thừa-thụ,
Ngọa-triều là đệ ngũ thí tranh;
Đạo-sơn kiếm-thu thẩm-hình,
Đau lòng pháo-lạc nã tinh thủy-lao.

荒淫成疾。大命以顛。
黎傳三帝。二十九年。

Hoang-dâm hóa mắc vào bệnh trĩ,
Tân-nhân nên sa lụy mệnh trời;
Lê truyền nghiệp đế ba đời,
Trải hai mươi chín năm thời kém thua.

臥朝不君。禾刀木落。
十八子成。李家代作。

Ngọa-triều chẳng ra vua mệnh bạc,
Câu «hòa đao mộc lạc» diêm trình;
Nghiem câu «thập bát tử thành»,
Ứng diêm nhà Lý thánh-minh ra đời.

太祖登極。甘沐翊扶。
順天紀號。昇龍徙都。

Vua Lý-tổ lòng người qui-phục,
Được lữ Đào Cam-Mộc phù lên;
Vốn từ Cồ-pháp xây nền,
Thăng-long thành mới Thuận-thiên
hiệu đầu.

田土稅分。宿車軍定。
仁厚保邦。占臘來聘。

Phân điền thổ chia thu lệ thuế,
Hiệu tú-xa định chế hiệu quân;
Chuyên dùng nhân-hậu giữ dân,
Nước Chiêm-thành phục nước Chân-lạp
châu.

太宗繼體。奉曉從征。
懷平藩服。金湧銀生。

Thái-tôn nối quyết lau nội-nạn,
Phụng-Hiếu theo đánh hồi tội-thần;
Quần thần tám chữ dâng tôn,
Nàng an phiên chịu vàng dân bạc tung.

世至聖宗。國稱大越。
昇龍廟修。占城地割。

Việc chinh đến Thánh-tôn thân quyết,
Hiệu nước xưng Đại-Việt dời tên;
Thăng-long văn-miếu dựng lên,
Chiêm-thành cắt đất dâng liền bạc châu.

仁宗御殿。后皇垂簾。
尊禮勳舊。惠化蒼黔。

Vua Nhân-tôn năm đầu nổi đầu,
Bá Ý-lan hoàng-hậu buông màn,
Tôn nhường huân-cự tướng
khánh;

甘露祥符。碑文御製。
天下太平。聖躬萬歲。

Mốc ngọc xuống bằng mưa lá-tả,
Vua đề ra tám chữ bi-văn;
Đời truyền khắc biên thờ thần,
Minh vua muốn tuổi nước dân thái-bình.

道成夾輔。致力清平。
邊籌規畫。朝政建明。

Thái-sư Lý Đạo-Thành đồng tính,
Chịu lời đi giúp chính cần-lao;
Miếu-đường hết sức dết thù,
Chước biên vưng chãi việc triều sáng
trong.

(Còn nữa) NGUYỄN ĐÌNH-CHI

HỒ CÁI GIÀ (1)

(Nhật-kỷ sợ vợ)

II

V - Câu chuyện điếm-trang

(Ngày 10 tháng 9)

Ngày tháng thoi đưa, bóng câu qua cửa, từ ngày kết-hôn đến nay, bất-giác đã vừa tròn một tuần rồi, cái cảnh-tượng ở chốn khuê-phòng trong một tuần ấy, mừng giận thương vui, y như trời mới sang thu, nắng rợp biển đồi, giấy phất khác nhau, cái tính-cách tôi cũng dần hóa như vợ tôi. (Người bấy giờ cười rồi mà không đồng-hóa với phụ-nhân thật là hiếm có). Thề-thao buổi sớm, cũng tập quen dần, áo tây giầy da, cũng ưa mặc lắm, chỉ còn một sự tắm gội nước lã, đương lúc khi trời thu lạnh, tôi lại là người hay ốm, khó chịu nổi được. Hôm nay dậy sớm, tập thể-thao vừa xong, vợ tôi liền sai con hầu múc nước đem vào trong buồng, đổ vào trong chậu, bắt tôi cởi áo vào tắm, tôi rụt-rè ra ý sợ, vợ tôi nói: « Chẳng không nghe lời tôi chỉ bảo chẳng? Tắm bằng nước lã, có ích cho sự vệ-sinh hơn tắm nước nóng kia, người Tây cứ sáng nào dậy, tập thể-thao rồi cũng tắm nước lã, hay khiến cho gân xương cứng-cáp, da - rẻ sần-sần, không đến nổi giãn-giảm nữa, anh nên tắm mau, để tôi lại muốn cho anh chết rét sao? » Tôi miễn-cưỡng cởi áo vào tắm, lạnh buốt đến xương, xanh xám cả mặt, mới gội qua loa, chân tay đã run như dế, mắt hết sức vận-dộng rồi, đang lúc xuýt-xoa, hốt-nhiên thấy nước lạnh chảy tràn vào lưng, không kịp phòng-bị, miệng cứng như sắt, nói không ra hơi,

quay cổ lại nhìn, thấy vợ tôi vừa buống thùng cười ngặt-ngheo, tôi không thể chịu được nữa, lồm-ngồm bò ra, lau-liếc xong, như người sốt rét, răng đánh cầm-cập, trùn đầu sủ tay, ngồi tựa vào đệm. Xiêm gấm vừa trút giải là, một dóa thiên-nhiên dần lộ, nhìn xem vợ tôi ra tắm, thờ da nhỏ-nhân, trong ngọc trắng ngà, đem sóng với bức tranh cô mỹ-nhân đời xưa là DươngThái-chân ra tắm hồ Hoa-thanh, thật cũng chẳng kém gì. Vợ tôi vào bồn tắm, không có đáng sợ hãi gì, lấy vải bông cọ khắp cả mình rồi bảo tôi rằng: « Làm thế này để giúp cho máu-dã nó tuần-hoàn đó. » Bấy giờ tôi hãy còn run chưa thôi, vợ tôi tắm ước chừng hai-mươi phút đồng-hồ mới đứng dậy ra ghế tre ngồi, tay cầm vải nhưng lau kỹ, không có đáng mỗi-một chút nào cả. Mặc áo xong, ngồi yên bảo tôi rằng: « Chẳng chỉ khen tôi là đẹp như tiên, mà không biết tôi đẹp là vì cái công tu-dưỡng của tôi; như Ưu-tát-lạp-bội-nhi phụ-nhân bên Thái-tây kia sở-dĩ giữ mãi được tiếng đẹp ở trên cõi đời, cũng là vì sáng nào cũng cố làm phép này, rét nóng không bỏ đó. » Trong lòng tôi tuy không cho là phải mà miệng thì vẫn phải vâng, vợ tôi mới hiện ra đáng vui, mặt biếc má hồng, bóng-bầy như là tiên...

Bóng mặt trời đến cửa, vợ tôi chải-chuốt xong, chẳng phấn son gấm vóc, mà thanh-thú thiên-nhiên, tôi đứng bên giá gương, ngắm kỹ một lúc, lòng riêng thù lạ. Vợ tôi không tết tóc mảy,

(1) Xem N.-P. số 124.

bảo tôi bụi hộp, tôi không quen tay, bụi ba lần vẫn xổ, vợ tôi gắt rằng: «Minh thật không thể bảo được, gọi con hầu ra bụi luôn.» Vợ tôi lại bảo tôi rằng: «Những các con gái bên Tây bên Đông, đầu tóc gọn đẹp, mặt trong-trẻo lạ, không phải là vì trang-sức mà được thể đó, cũng là của ông tạo-vật gây dựng nên đó; tóc họ mỡ, da họ nhuận, máu dãi họ đầy đủ, không phải là lấy nhân-công mà trang-sức được cái đẹp ấy đâu. Đàn bà con gái nước Tàu ta thích bôi son đánh phấn, ăn mặc xa-hoa, coi những thứ trang-sức như là bùa thủ-mệnh, thế thật chẳng khác gì pho tượng đẹp, không phải là cái đẹp thiên-nhiên; trút gấm buông vàng, bịt thành ra quý, tô son đánh phấn, cú hóa thành tiền, bỏ gốc chắm ngọn, thật là vô-vị quá. (Những lời *Sư-phu-nhân* nói đây, thật là tinh-thâm, thật là hiểu-thấu cái đẹp.) Duy tôi đây hết sức kiêu-chính cái tệ ấy đi, tu-dưỡng ngay cái căn-bản, chú-trọng thể-dục, giảng-cứu vệ-sinh, khiến cho không bị ốm đau mà sinh ra cái đẹp hoàn toàn đó, (ấy mới là hoàn-toàn trong thiên-hạ), chẳng nghĩ phải không?» Tôi chịu phục lời bàn ấy là rất phải, mới nói rằng: «Phu-nhân bàn cái đẹp như thế, thật là đáng lắm, tất như mặt mắt phu-nhân, mới có thể gọi là đẹp được, phu-nhân không cần son phấn mà tinh-thần sắc-sảo, ấy là cái đẹp ở cái răng trắng mắt trong, phu-nhân không cần phải quàng bít mà dáng-dấp dịu-dàng, ấy là cái đẹp ở tay sen lưng liễu.» Vợ tôi mỉm cười nói rằng: «Ừ! thế là vì tôi chăm vận-dộng và tắm nước lã mà được đó.» Tôi cũng ứng hão rằng: «Phải rồi.» Lòng vợ tôi càng vui-vẻ lắm.

Mưa đây gió thoảng, trường rủ rèm che, đang lúc tôi mơ-màng trên ghế, thoáng nghe thấy vợ tôi ôn lại Anh-văn; một lát tôi bừng mắt ra thấy vợ tôi tay cầm cái ấm sứ gọi con hầu pha chè, vừa lúc con hầu đi vắng, lòng vợ

tôi nổi giận bưng-bưng, quảng ẩm xuống đất đánh soảng một cái, vỡ tan-tành, tôi giật mình nhồm dấy, con hầu cũng nghe tiếng chạy đến, vợ tôi quát mắt nhìn con hầu và mắng rằng: «Để mày muốn bắt tao làm tôi-tớ, làm-lụng các việc hèn-bạ chẳng? Tao đang học ôn khát khô cả cổ, mày không chực sẵn ở bên, thoáng đã mất hút đi đâu thế?» Con hầu gục đầu xuống ngực, không còn nói sao được nữa, vợ tôi đứng phắt dậy, giơ chân đá luôn, trúng ngay vào đùi, máu chảy đến gót, (Gió nhỏ sóng cồn, phu-nhân hung-hăng gớm nhĩ!) Thật hiện hết cái thói kiêu-giông con gái). Tôi hết sức khuyên ngăn, con hầu đã hạ châu lã-chã, bành toang mắt mà chảy ra rồi, mà vợ tôi hãy còn giận tức chưa nguôi, mắng tôi rằng: «Anh cầm quyền trị nhà, để con hầu lười lẻo như vậy, không phục theo lời tôi sai khiến là nghĩa làm sao?» Tôi phân-trần qua loa rằng: «Nó vừa ở trong buồng ra, phu-nhân có khát, nên gọi to tên nó, hay là tự dóm lò mà pha lấy, tội gì mà miệt-mải sách vở lắm thế!» (Không trách lỗi đánh vỡ ấm, lại trách sự chăm học, thật là lời anh dõ hèn). Vợ tôi nghiêm nét mặt nói: «Anh trách tôi chẳng? Tiếng tôi nhỏ không quen gọi lo. (Để cổ họng con gái bé cả chẳng? Phu-nhân-thật là nói quàng cái cổ!). Dóm lửa pha chè, tay không quen tập. (Chê còn không biết pha, thì các công-phu học về khoa nấu nướng của phu-nhân thế nào, cũng thừa biết rồi, song xem hết các sách vở dạy về khoa-học nấu nướng tuyệt không có phép pha chè, cũng là một điều khuyết-hám, phu-nhân không quen, chẳng có lạ gì!) Cho nên lấy làm bức-tức». Tôi nói: «Pha chè nấu nước, trẻ con còn làm như chơi, có khó gì!» Vợ tôi nói: «Tôi ở nhà chỉ biết học thôi, ở trường tuy có học khoa nấu nướng, nhưng không học đến cách ấy, nên mới không quen, vì như con học

Tài mùa, bắt đi cây thì dành co cò, con rầu tài cây, bắt vào mùa thì cũng dờ chân. (Tài thí-dụ nhưng cũng là nói xằng cãi côi cã). Tính giống vật còn thế, huống chi là người, anh muốn cần cho biết cả à? Người ai có đủ muốn tài, tôi không biết, có xấu gì, mà lại cứ quai mồm mà lòi-thời mãi ư? » (Đại-nghĩ-luận một hồi, không sợ người ngoài rầy lạnh, ngon lưỡi khiếp thật!) Tôi tắc lưỡi không còn nói được câu gì nữa, mới nói rằng: «Tôi nói đùa đấy mà, xin phu-nhân thứ cho». Vợ tôi mới ra chiều nguôi-nguôi, nhìn ra con hầu cũng không dám khóc nữa, đã lấy cái ấm bạc khắc pha chè đem đến rồi. (Nghĩ-luận một hồi, nước nấu đã sôi, thật là phao-phí quang-âm, tiêu môn ngày tháng). Tôi vội-vàng rót một chén đưa cho vợ tôi, vợ tôi mới vui lòng. Trời gần mờ tối, vừng tịch - dương ngậm nầu gác non tây; đàn gỏi treo ngược dưới mái gianh, gió thổi cứng dờ, tiếng kêu chơe-chơe, trẻ con lảng giềng cầm gậy chọc xuống làm đồ chơi vui, vợ tôi trông thấy bảo tôi rằng: «Giống này cũng hay truyền-nhiễm bệnh dịch kia đấy, các nhà bác-vật nghiên-cứu, nhận dịch là chuột lỗ hóa ra, nếu nó làm tổ vào đầu, cũng có cái lo dịch-hạch đó, anh nên sang các nhà lảng-giềng kiểm lấy một con mèo ngay, không thì lòng tôi ghê sợ, suốt đêm không ngủ được đâu. Nếu không được, nhà mẹ tôi yên, tôi về ở ngay đó». Tôi phải bỏ năm hào ra mua mèo về, để ở trong buồng, ngoeo-ngoéo như bà già niệm Phật, chẳng có oai-vọng gì, đêm khuya chuột lại làm quen, lu-bù chẳng sợ, thế mà vợ tôi thấy mèo, lòng vui sướng lạ, mà tôi cũng được yên tâm.

LỜI PHÊ-BÌNH — *Tả chàng ở dưới đài gương bụi tóc ba lần không được,*

dốc hết lòng yêu mà trong vẫn sợ, duyệt-giả cừ xem kỹ thì biết.

Phu-nhân bàn về cách tu-dưỡng của mi-nhân có kiến-thức thật. Phu-nhân hết sức mỉa-mai bọn đàn bà con gái son phấn xa-hoa là cái tượng gỗ đẹp, rất là xác-dáng, rất là mới-mẻ, ấy là văn-chương mặt bên, cốt là muốn khoe cái đẹp thiên-nhiên không cần trang-điểm đó.

VI — Cuộc chơi mặt-nguyệt (1)

(Ngày 20 tháng 9)

Sáng sớm hôm nay, vợ tôi thốt-nhiên bảo tôi rằng: «Tôi tính dứt từ hôm định-linh đến nay, thăm-thoạt đã hai tuần rồi. Trong hai tuần ấy, tôi buồn-bã lạ-lùng, y như chim trong lồng, cá trong chậu, mất hết cả tự-do, không còn có cái gì là thú nữa. Bấm tay tính nhẩm cái kỷ đầy tháng, còn những một tuần nữa kia, nếu cứ như trước, chịu khổ qua ngày, thì tôi sẽ mắc phải bệnh sưng phổi mất, (Chưa đầy một tháng đã như thế, lâu sao được mà...) Cứ như ý tôi, sao bằng bắt-chước cái cuộc chơi giọng trong tháng mặt-nguyệt như vợ chồng mới nước văn-minh, thú-vị biết bao! Đang lúc khi thu mát-mẻ, cảnh-vật đẹp xinh này, ý mình thế nào?» Lòng tôi trước còn không thích, sau nghe nói nếu không thế thì sinh bệnh sưng phổi, người đẹp thế kia sao dễ thế được. (Hai câu này thật là ở dưới đan-diềm bật lên). Nếu ốm thật thì ôm bụng nhăn-nhó, ta nữ trông thấy không? Lập - tức vâng ngay và nói: «Sự đó cũng đi được, nhưng không biết rằng ý phu-nhân định đi đâu? Tôi nghe nói chốn Bạch-hạ là chỗ danh-thắng thiên-cổ, núi cao

(1) Tục bên Tây vợ chồng mới cưới, cùng nhau thân gần luôn trong một tháng, có ý ngạt-ngào liêu-dinh như mật, nên gọi là Mặt-nguyệt, nhà nào giàu có thì trong tháng mặt-nguyệt này đi chơi suốt tháng mà nghèo đến đâu cũng phải đi chơi mấy ngày. (Dịch-giã).

nước trong, đủ cho lòng ta vui thú, tôi cùng phu-nhân sớm chiều quanh-co ở hai cái hồ Tần-hoài Mạc-sầu, cái thú ấy thật chẳng khác gì thần-tiên, (một người ý-kiến như thế này), mình có biểu đồng-tinh không? » Vợ tôi lắc đầu nói: « Trong thành Thạch-tần, từ khi có việc chiến-tranh tới nay, cảnh-sắc tiêu-diêu, chả còn có gì, tôi nghe cái chỗ phồn-hoa nhất, văn-minh nhất của nước Tần ta, không đâu bằng xứ Thượng-hải, như là một khu đất Xuân-thân, mười triệu về hồng-trần cũng đủ chỗ cho chúng ta ngao-du trong kỷ mặt-nguyệt ». (Một người ý-kiến như thế kia). Tôi cho lời nói là rất phải. (Chẳng thế cũng chẳng xong). Vợ tôi liền nói: « Thế thì đi đi. » Tôi liền vào nhà trong từ-biệt mẹ tôi, mẹ tôi đang ngồi yên niệm Phật, thấy tôi vào dừng miệng hỏi tôi có việc gì. Tôi sợ cái tên chơi giọng tháng mặt-nguyệt, người tuổi-tác không hiểu, (hoài của, sao chả cho mắng tại nếm mùi mới), mới thưa rằng: « Con xin đi chơi Thượng-hải với nhà con. » Mẹ tôi hốt-nhiên đổi nét mặt buồn bảo rằng: « Già này nghe vợ chồng mới cưới, một tháng không dời buồng, trái lại ngờ không lành chẳng, con nên nghe lời mẹ bảo. » Tôi còn không dám trái lời mẹ dạy, bước ra nghĩ bụng, không có cách gì mà từ chối với vợ tôi được, (lời mẹ già dạy, lệnh phu-nhân truyền, hai bề khó nghĩ), còn đang tần-ngần, vợ tôi đã tay xách những đồ: va-ly, ô tây, (hành-trang của phu-nhân ở cả đây rồi), chạy vào sân trong nói rằng: « Đi mau lên, còi tàu đã rúc ba hồi rồi ». Tôi nháp-nhù đem lời mẹ dạy bảo vợ tôi, vợ tôi giận rộ quát rằng: « Mẹ già lẩn-cẩn nào! (Cái mắng hay). Chỉ khư-khư giữ lối cổ tin xằng, thật không có văn-minh học-thức, đi mau, đi mau, tháng mặt-nguyệt, còn tin nhảm, sự đề-phòng không sao! » Tôi không làm thế nào được, kiểm-diêm

tiền xong, (phi ba trăm lạng không xong), không kịp từ mẹ mà bước ra đi, (lệnh phu-nhân trọng hơn lời mẹ dạy, nên không từ mà đi), bánh xe sinh-sịch, còi tàu tu-tu, bỗng hai chúng tôi như gió cuốn mây đưa, chớp mắt đã đến ga, đường xe như mắc cửi rồi. Lầu cao trăm thước, đèn như sao sa, ở giữa Nam-kinh có một nhà trọ to nhất mới mở cửa hàng, khách-khứa tây tàu, chen nhau vào ở. Trong nhà choáng lộng, như chốn thần-tiên, tôi với vợ tôi ngồi ngang vai nhau, nghỉ ở buồng trong, nhách mếp đồ ăn uống đã bung lên, hầu hạ ăn-cần kính-cần. Vợ tôi ăn phi cơm tây không nò, uống phi sâm-banh không thích, tôi trả tiền cơm, bồi bàn không nhận, ý-giả là khách qua đường, chủ-nhân đãi không, không lấy tiền của mình chẳng? (Sau rồi sẽ biết). Cơm xong, vợ tôi có ý say bảo rằng đêm nay căng nghỉ, đề sáng mai sẽ đi chơi vung, mặt ngát mùi hương, mơ-màng ngủ tít. Sáng ngày 21 ngủ dậy, đã không thấy bóng vợ tôi đâu, (ở chỗ tập thể-thao hay tắm nước lã), vội-vàng mặc áo dậy, trèo thang gác xuống, thấy vợ tôi đang đánh quần với người khách trọ khác, đứng đợi đến nửa giờ mới nghỉ. (Tính nhân-nại tốt sao!). Dắt tay lại lên gác, vợ tôi mở va-ly, lấy quần áo dầm ra, trang-sức ít lâu, gọi con hầu nhà trọ búi tóc lối tự-do, kéo gương ngấm-nghĩa, lòng thêm-vui vầy, lưng ong uốn-oéo, bóng-bầy y như các bà dầm tây. Trang-sức xong, mặt trời đã đứng bóng, cơm xong xuống gác, sai bồi gọi chiếc ô-lô đến, dắt tay lên xe, chạy biển như bay, trước quanh vài ba vòng ở những con đường nhiệt-não, rồi mới đỗ ở trước cửa rạp làm trò mổ, xuống xe dắt tay nhau, vợ tôi ở bên tay trái, tôi ở bên tay phải, bước đều vào trong, thấy có những trò chớp bóng, hát tuồng, cho đến những trò quỷ-thuật, múa đối, cái gì cũng vui lòng sướng mắt, tôi y như

màn vào rừng, mắt nhìn không xiết, thấy cái gì cũng rù lên xem, nghĩ bụng ra cái gì cũng là mắt mình chưa trông thấy, tai mình chưa nghe thấy cả, sau cùng vào nhà khiêu-vũ. (đầu cái sớ-thích), vợ tôi vừa ngồi yên, thấy có hai người tây đang nhảy múa, cười nói xì-xò, tôi chả hiểu gì cả, một chốc họ mới nghỉ, vỗ tay như đánh nao-bạt, có một người liếc nhìn vợ tôi rồi cười, vợ tôi đứng phắt dậy ra bắt tay luôn, giở tiếng Anh nói chuyện một lúc, rồi thấy có tên bồi mang cà-phê và bánh vào, hai người ăn xong, tức-thì đứng dậy, cởi áo ngoài ra, sắc trắng nõn-nà, mùi thơm thoang-thoảng, cùng dắt nhau vào nhà khiêu-vũ, (nghe nghề-nghiep cũ, chim xênh lồng còn có kiếng chi!), đến ba mươi phút đồng-hồ mới thôi, (tình tốt nhìn thay!). Tôi đứng chờ người ra, như là phỗng đá. Lâu lâu mới thấy vợ tôi ra, khoác cánh tay tôi đi ra ngoài rạp, bấy giờ nhà nào nhà ấy đã đèn thấp như sao sa, ra đến cửa, ô-tô vẫn còn đợi đấy, nhảy tót lên xe chạy tít, vợ tôi bảo vận lái chạy đến nhà hàng cơm mỗ ở con đường Chúa Tĩnh-am, loáng mắt xe đỗ, tôi thấy nhà tây cao ngất, không dám vào thẳng, vợ tôi dắt tay tôi vào ngồi phòng mé tây, thấy khách ăn cơm phần nhiều là người tây, nghĩ bụng hàng cơm ở làng ta vẫn cho là thứ hàng nhỏ, sao mà đây thì rộng-rãi như thế, không biết những hàng ở Kinh lại to đến chừng nào! Một thoáng thấy dọn cơm lên, đồ ăn bày la-liệt, đầy dẫy la đường, ăn được nửa chừng, sự nghe thấy tiếng đàn diu-dặt, ở trong phòng lại mở tiệc khiêu-vũ, vợ tôi và lấy và đề, vội vàng vào ngay. (Sự phu-nhân tài nhảy lăm thay!) Một chốc, thấy thờ hồn-ha hồn-hèn ra bảo tôi rằng: «Mới rồi tôi cùng bà vợ ông quan mỗ múa cách Lan-na, may không sai - lăm gì cả.» Tôi chúc mừng luôn, lòng vợ

tôi càng vui-vẻ lắm, nói rằng: «Năm nọ tôi cùng với người đồng-chí là phu-nhân mỗ, ở trọ đất lổ nửa năm trời, bấy giờ đang đề-xương cầu cho con gái được tham-dự chính-quyền, mở hội đồng-minh ở nhà đấu-xảo mỗ, chả ngày nào là chả đến đây ăn uống, thế mà việc người bắt - thường, bấy giờ tới đây, đồng-chí đã mời người mỗi ngả, găm mà buồn tênh!» Cơm xong vợ tôi bảo tôi trả tiền cơm mất bốn mươi đồng, tôi bất-giác lè lưỡi dờ mắt, nghĩ bụng người đời xưa chọc đũa mất muốn tiền, hôm nay thật chẳng kém chi. Trả tiền cơm xong, lại lên ô-tô về nhà trọ cũ, bấy giờ đã tới nửa đêm, cởi áo đi ngủ. (Trong một ngày tiêu phí tới hơn trăm bạc, phu-nhân hào-phóng lắm sao!)

Ngày 22 vợ tôi lại cùng tôi đi chơi giông, đi xem hát tuồng, suốt ngày xe lầu giông ruổi, vợ tôi hào-hung càng nồng mà tôi thì đã thấy hơi mỗi-một, nhưng vẫn phải theo đi, đến hai giờ đêm, mới về đi ngủ, chả có điều gì đáng chép cả.

Ngày 23 các sự cũng như hôm qua, vợ tôi cũng có ý mệt, buổi sáng mãi đến tám giờ mới dậy được. (Không thể tập thể-thao được nữa hẳn). Hai bữa cơm đều là của ông chủ hàng cơm cho khách qua đường trọ cung-cấp cả. Buổi tối vợ tôi lại phần-chấn tinh-thần, một mình cưỡi xe ô-tô đi chơi, ước chừng hai giờ đồng-hồ mới về.

Ngày 24 sáng ngủ dậy đã tới mười giờ mà vợ tôi vẫn còn đang giấc, tôi xuống thang rửa mặt súc miệng xong, hốt-nhiên có bạn cùng học là Lý-quân lại thăm tôi, mời tôi ra ngoài thưởng chè, bấy giờ là giữa buổi trưa, Lý-quân với tôi là bạn thân khi trước, biệt lâu khao-khát, gặp nhau tình lại mặn-mà, mới mời tôi về nhà, tôi cố từ không được, mới cùng đi chơi, cơm trưa xong, kể lại chuyện cũ, vui câu chuyện mới,

bất-giác trời đã xế chiều, vội từ về nhà trọ, trèo thang gác lên, thấy vợ tôi đã đứng đợi sẵn, thấy tôi trừng mắt lườm tôi rồi nói rằng: «Anh đã say mê nhân-tình mới, định bỏ tôi ở đây chăng? đã vậy thì anh là anh, tôi là tôi, đi mau, đừng quấy rầy nữa!» (Oan thay, oan thay!). Tôi nghe nói giật lùi lại, vội nói rõ tình đầu, vợ tôi vẫn không tin, gắt mắng om-tỏi, bấy giờ tôi hơi tức nói rằng: «Tôi có phải trẻ con đâu mà cấm-đoán tẻ thế, mới rời ra có nửa ngày mà đã om-xòm mãi ư?» Tôi nói vừa dứt lời, vợ tôi trợn mắt lên, kể mất rạch ra, đứng dậy vỗ tay mắng rằng: «Đồ cầm-thú! (lạ lùng), tôi không cấm đoán anh thì còn có ai cấm-đoán anh nữa, anh đi từ sáng sớm, chiều tối mới về, người làm vợ anh dễ không đến nỗi sắp chết đói rồi ư? Thế mà anh lại còn nỏ mồm, tôi vẫn biết rằng anh tới đây, tất là như thế.» Vừa nói vừa vạch đầu giường mở va-li lấy một cái côn ra, (lạ lùng), to hơn cái ba-toong của các thầy đội sắp cầm, chuôi nhỏ đầu to nặng, ước chừng ngót bốn ki-lô, sơn dầu vàng chuôi, tức là kiểu côn của các tráng-thê-thao vầu dùng vậy. (Rút lại nhà đại-gia thế-dục vẫn thích dùng thứ ấy). Vợ tôi cầm côn phang vào chân tôi luôn ba bốn cái, đau không thể nhịn được, kêu to xin tha, người gác nhà trọ nghe tiếng chạy đến vạch cửa dòm vào, giật mình hỏi sự gì thế? Vợ tôi còn nói dối rằng: «Chúng tôi tung quả bóng chơi không may va vào đầu đấy mà.» Người gác tin là thật mới đi. (Việc gì đến các bác). Vợ tôi bảo tôi rằng: «Anh khỏe nhảy lồm, nên khào vào chân, tôi mang cái này đi, là để phòng những lúc nhỡ-nhàng đấy, từ nay trở đi anh đã biết tay gái già này chưa! hễ không kính giữ ở trong phạm-vi tôi, xin ném thử cái côn này.» (Vị lạ trong thánng mặt-nguyệt). Tôi cứ cúi đầu nín thít, mặc vợ tôi găm thét om-xòm. Một lát, vợ tôi lại

sắp đi chơi, để côn vào trong va-li khóa chặt lại, (dở chi-bảo đó), xách túi tiền, khóa chặt cửa rồi đi, bấy giờ tôi đang mỗi một quá, trộm chần nham một mình, tỉnh ra trời lại sáng rồi mà cũng chẳng biết đêm qua vợ tôi về lúc nào vậy.

Ngày 25 đây sớm, nhìn vợ tôi hầy còn ngáy như sấm. (Một bức tranh sư ngủ đẹp, sao!) Tự-nghĩ vợ chồng không có thù oán lâu, (lại tưởng như thế), sự hôm qua gác bỏ ra ngoài. (Mà đây!). Đợi đến lúc vợ tôi tỉnh dậy, bắt hơi luôn mãi, gọi bồi lấy chậu nước lên, vội vàng giấp ướt khăn mặt đưa cho vợ tôi trước đã, (hầu-hạ chu-dào sao!), nhìn vợ tôi má hồng gay đỏ, mắt lịm bừng quang, lau qua mặt rồi mặc áo dây chải chuốt tỉnh-tươi. Tôi ngồi yên nửa ngày, đã hơi khoan-khoái. Cơm trưa rồi vợ tôi lại định giam tôi, tôi sợ quá, kêu nài mãi mới được tự-do, song không cho cùng đi một mình lên ô-tô đi. Tôi một mình phòng không vô-võ, ngồi ro-ró trong nhà trọ, gần chiều có tên bồi cầm một cái giấy đỏ lên đưa cho tôi, tôi xem thử rằng: «Hôm nay tôi định mở tiệc uống rượu, cùng họp mặt nhau ở nhà thư-viện Lê-xuân phổ Thanh-hoa đường Tam-mã từ bảy giờ đến chín giờ, mời bác hạ-cổ cho». Dưới ký tên Lý-mỗ ước. Tôi nghĩ bụng Lý-quân mời mình uống rượu, nhân lúc nó không có dây, đi rồi về ngay, cũng chả hề gì, nhìn đồng hồ vừa đúng bảy giờ, tức-thì khóa cửa xuống gác đi, thuê một cái xe tay kéo, hỏi thăm đến chỗ họ mời. Thấy Lý-quân đã ở đấy rồi, khách-khưa nói rầm-rầm, mâm bát bày la-liệt, mắt phấn mày xanh, tiếng đàn giọng hát, âm cả cửa nhà, thật là nhìn no nghe thích, thế mà khách-khưa trong tiệc, còn đòi gọi hết chùm hoa chúc liêu, thích béo ưa gầy, tha-hồ đùa rỡn. Tôi mê tí, đến nỗi gọi cô đầu là chị đầu, để làm cái trò cười cho các khách-khưa

nữa. Bấy giờ Lý-quân chủ tiệc, vì tôi mà đặt bữa tiệc này, mới dâng chén chúc thọ, tôi uống đã ngà-ngà say, hốt-nhiên thấy một ông khách đường-đột lại hỏi thăm tôi, chặc người trai trẻ, áo tây giầy da. Tôi thoạt trông tựa-hồ quen luôn, đến lúc nhìn kỹ, giật mình thất sắc, toan bỏ tiệc chạy trốn, người tuổi trẻ ấy chẳng phải là ai, chính là vợ tôi cải-trang như thế vậy, thấy tôi hôn-hở hỏi rằng: «Tiên-sinh tới đây từ bao giờ thế?» Tôi không nói được một câu nào nữa, bọn khách vội mời vợ tôi vào tiệc, giót rượu đưa mời, vì rằng họ tưởng lầm là bạn thân tôi vậy. Vợ tôi cũng không từ chối, vui-vẻ uống luôn mấy chén, rồi mới cùng bọn khách kể họ kể tên, bọn khách thấy vợ tôi ôn-tồn nho-nhã, ai biết đâu là râu mày mà khăn yếm nữa. Có người hỏi đến tên vợ tôi, vợ tôi liền đáp là «*Vạn Phu-hùng*». Tôi sợ vợ tôi lỡ-lỡ, đề khách khứa mĩa-mại, đưa mắt bảo im, vợ tôi vẫn nghị-luận giang-giảng, chủ coi ai vào đâu, lại rút thẻ gọi nhà tư lại, trông ghẹo hôn đùa, kẻ dúi kẻ vẽ, mà chẳng ai hiểu là đồng-tính mến nhau! Bấy giờ tôi ngồi lì như ông sư cụ nhập-định, hốt-nhiên vợ tôi chế ghẹo tôi rằng: «Tiên-sinh ngồi lặng không vui, có tâm-sự gì thế? Để thường lo hùm tinh đến quắp mất bà đầm ở nhà chẳng?» Lòng tôi lấy làm xấu quá, định từ tiệc trở về, vợ tôi cũng đứng dậy, bảo bọn khách rằng: «Xin các ngài tha lỗi, tôi còn có việc cần, lần sau lại hội». Nói dứt lời bước ra, lại hỏi tôi rằng: «Tiên-sinh có đi cùng với tôi không?» Tôi không nói gì, cứ theo sau về. Vợ tôi lên gác, thay đổi quần áo, y-nhiên lại là cô ả mỹ-miền. Vợ tôi nói: «Cái ngón làng chơi của anh hôm nay thế nào? Như ta đây là một đứa con gái so với anh là bậc trưởng-phu cách thạo lại thế nào? Miệng anh đã nhập-như như gái cầm cung, chân anh lại rụt-rè như đồ quê kệch, thế mà cũng đòi bắt-chước

các làng chơi tìm hoa bẻ liễu, chẳng sợ người ngoài người ta tởm ư? Tôi bảo thật cho anh biết, phải có cái mặt đẹp như tôi, cách thạo như tôi rồi mới có thể nói đến sự đi hát được, không thể thì dẫu mỗi lần quảng từng nghìn vàng, cũng không sao thoát cái thân-phận «chết đầm» được». (*Vợ chồng bàn cách chơi gái rất là xác-đáng*). Tôi vội cãi rằng: «Lời phu-nhân dạy, thật là phải lắm, tôi có như ai, mà dám bàn đến trò chơi gái, mới rồi vì Lý-quân bỡn chơi, vào qua một lúc có hại gì.» Vợ tôi nói: «Ai bảo anh chả cứ ở lý nơi vui sướng, bỏ về cái nhà trọ vắng-vẻ này làm gì!» Vừa nói vừa có ý gay-gắt, tôi xem chừng không còn nói gì được nữa, cứ cúi đầu không dám so kè gì nữa. Bấy giờ đêm đã khuya lắm, đồng-hồ đã đánh hai tiếng, vợ tôi nói: «Cháu anh khỏe, sềnh một tý là nhẩy ngay, khó lòng giữ được, gậy còn nó cũng không thêm thân thừa với anh nữa. (*Nghe cũng lạ thay!*) Tôi mệt sắp đi ngủ đây, anh phải quì ở đầu giường này, hễ tôi không cho dậy, thì anh không được dậy đó, quì mau, quì mau!...» Tôi nghĩ bụng đêm khuya im-ả, nếu so-kè với nó, tất lại nổi cơn lòi-dinh, e làm mất sự yên-ôn của các láng-giềng bạn khách, trách móc thêm phiền, chỉ bằng khuất-tất đầu giường, khỏi sinh rắc rối. (*Quì lạy dưới bóng quần - hồng lần thứ hai*). Quì một lúc, thấy vợ tôi ngáy khê-khê, tôi vẫn không dám dậy, mình rết run cầm-cập, mãi đến lúc trời rạng đông, vợ tôi mới gỡ mình sực tỉnh, thấy tôi vẫn quì ở đầu giường, tha cho tôi dậy và bảo rằng: «Từ nay trở đi, còn dám ra ngoài tìm hoa bẻ liễu nữa thôi?» Tôi nói: «Tôi biết lỗi rồi, từ nay cứ theo mình mà làm, không dám rời cửa buồng một bước nữa.» Vợ tôi mới sẽ gật. Tôi đứng dậy, hai chân giá đồng, té đại như gỗ, ngã hai ba lần mới cố nhào vào giường nằm, không

biết đã thiêm-thiếp giấc mê từ lúc nào!...

Ngày 26, bừng mắt tỉnh dậy, đã quá trưa rồi, nhìn vợ tôi chẳng biết đi đâu, bụng đói như cào, gọi tên bồi mang đồ điểm-tâm lên, ăn một ít, ngồi yên trong phòng, đến lúc mặt trời sắp gác núi, mới xuống gác đứng xem, thấy cách xa ngoài cửa chừng mười bước có một cái xe vừa đỗ, một cô con gái ăn mặc lối mới ở trên nhảy xuống, dánh-dấp tinh-nhanh, tựa như vợ tôi, cái xe lại đi sang phía đông, trong xe có một chàng tuổi trẻ, mặc quần áo tây, đội mũ quả trám, miệng hút si-gà, mắt che kính, không biết rõ là ai, lòng tôi lấy làm ngờ lắm, song lại sợ vợ tôi về trách phạt nên phải lùi lên gác ngay, may quá, vợ tôi không kịp trông thấy, vợ tôi son son lên gác thấy tôi vẫn ngồi yên ở nhà, trong lòng mới yên. Tôi hỏi: « Mới rồi phu-nhân chơi ở đâu về thế? » Vợ tôi nói: « Cùng chàng mỗ ở nhà hội kia về, đánh súc-sắc nửa ngày, không ai được thua mấy, năm phút cuối cùng, tôi chỉ thua mất hai trăm, cũng là không may ». Tôi nghe nói lưỡi trật ra không thụt lại được nữa, nghĩ bụng số tiền mang đi, có ngót một trăm, đủ cho nó phung-phá sao được, mà nhìn vợ tôi thì chuỗi châu xuyên ngọc, đều đi dờn nhà ma cả rồi, lòng rồi beng, ngẫm-ngĩ thế này, khó lòng mà về nhà được, thế phải nói rõ cho vợ tôi biết rằng: « Lúc ra đi vội-vàng hấp-tấp, tôi chỉ mang được có một trăm bạc, mà phu-nhân phung-phá như vậy, đầu giường cạn túi, rồi đây bỏ-vơ dất khách, xa cách mẹ cha, làm thế nào được! » Vợ tôi nói: « Tôi cũng đã ruồng-tếch rồi, anh là chồng, phải cung-cấp cho tôi tiêu, vấn-dề kim-tiền, anh phải chịu hết trách-nhiệm, có lẽ nào chơi-giong mặt-nguyệt mà lại mang được một trăm bạc raahư? Việc anh phải liệu, tôi chẳng biết đâu ». Tôi

nghe nói rùng mình, mồ-hôi toát ra, tính dốt mới ở chơi dất Hồ này có sáu ngày mà trăm bạc hết sạch, tiền ăn đường cũng chẳng đủ tiền, giá thử về ngay sáng nay, cũng đủ khó liệu lắm rồi, cổ tróm vợ tôi, vợ tôi thấy kẹ, chỉ gắt bần-rằng: « Đồ trang-sức của tôi đã cầm cố hết rồi, còn lấy gì mà giúp anh được nữa, thôi anh về nhà lấy mau, ta sẽ đợi anh ở đây ». Lòng tôi bối-rối muôn phần, không làm thế nào được, tạm phải đến nhà bạn cùng học là Lý-quân giật hai trăm bạc, lòng mới yên.

Ngày 27, tôi thấy tiền lưng đã hết, bất-đắc-dĩ nài vợ tôi đi về, vợ tôi còn bậm-bực không thích, tôi cố nài về, tính tiền nhà trọ, mất một trăm rưỡi, trước tôi còn bảo rằng người chủ-sự tính lầm, họ nói rằng: « Đây là tính cả các món phụ nước chè xe hơi dùng trong hàng ngày nữa đấy; ngồi xe hơi một giờ mất bốn mươi quan tiền tây, một bữa cơm thường, cũng giá hai đồng bạc, quên quên có một trăm rưỡi bạc, có gì mà làm nữa! Tôi mới rùng mình, biết rằng ở trọ quê người, cái gì cũng là tiền hết, huống chi vợ tôi lại coi tiền như đất bần-ư! Trả xong tiền cơm cổ nài về nhà; đến cửa mẹ tôi đã tựa cửa ứa nước mắt, thấy tôi khóc nói rằng: « Hôm nay con mới về à, mẹ mong sốt ruột mấy hôm nay rồi đấy! ». (Sương khổ khác xa). Tôi dắt tay mẹ tôi vào, vợ tôi cũng ra ý bậm-bực đi vào, hăm-hăm chẳng nói một lời, không khác gì người đứng!

Lời Phê - bình. — Mệnh-lệnh khuê-phòng, trọng hơn lời cha mẹ dạy, người mới cưới đời này, mấy ai không thế!

Trong va-li để sẵn cái cón, để phu-nhân chỉ chuyên dùng vật ấy để phang vào chân đồ hèn nhất đấy ư!

Eội lốt trai vào nhà hát, gheo gái uống rượu, thật là một sự cũng kỳ! Minh đã như thế, lại còn trách chồng

lão biết chừng nào ! chàng quí dài suốt đêm oan lăm thay !

Đánh sức-sắc không được thua mấy mà còn mất những hai trăm bạc, đủ biết tính phung-phá là thế nào, không trách nghe mà trật lười. Lúc về thấy mẹ già tựa cửa roi lệ cùng với lúc vui

cười với phu-nhân ở trên xe hơi khác nhau thế nào ? tả người mẹ hiền, tả con vợ ác, tả anh chàng hèn, như in trên tờ giấy . . .

(Còn nữa)

Lạc-Khò dịch

TIỂU-THUYẾT

CHỒNG TÔI

Phong-lưu diễm-sử

(Tiểu-thuyết Tàu Dư chi phu 余之夫 của TỬ TRÂM-Á)

VII

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BA

Khách thương-tâm lập anh-vũ chửng, Người phúng-thế tác thuyên-học minh.

Tam-Cô tự sau khi Ấu-Cầm đi rồi, gieo mình nằm ở trên ghế, vừa giận vừa nghĩ, nghĩ rằng thân-thể mình là thân-thể lênh-đênh, không có nhà mà nương tựa. Nay anh mình là kẻ táng-tâm, đem bao nhiêu sản-nghiệp của tiên-tổ dành cho, phá-hoại đi hết sạch-sánh-sanh cả rồi, lại tính quanh đến cái thân mình nữa. Thế-gian có sự nào thiên-lý táng-tận như sự ấy, có người nào vận-mệnh cùng-khổ như thân mình không ? Tưởng khắp trong gầm trời, không còn có sự nào người nào thứ hai nữa. Thối thì sống một ngày nào, là thương-tâm một ngày ấy, chẳng tha rằng chết quách đi cho rảnh. Nghĩ đến khúc ấy, liền trần-trọc thồn-thức, khóc mãi chẳng thôi. Đứa thị-nhi là Minh-Thiền khuyên giải không được,

mới chạy đi tố báo Mộng-Tương. Mộng-Tương nghe tin, vội-vàng chạy lại, hỏi rõ sự đầu-duôi, chợt kinh-ngạc nói rằng : « quái-quái ! cái tên Dịch Đồng-Hầu nó là người nào ? » Nói xong, sực nghĩ, mới biết ra, liền nói rằng : « Ta biết rồi, người ấy chính là người ngày nọ vì cầu thư-họa của Giang Tiểu-Sơn không được, gây ra sự bạo-hoạn ở Tề-công-tử. Người ấy vốn bạn thiết với Ấu-Cầm, người ấy ý-thế làm can, thực là cái hung cái quái ở địa phương. Ấu-Cầm cùng hạng người ấy lai-vãng giao-du, chủ trách hành-vi cũng bất-chính được. » — Tam-Cô than-thở nói rằng : « Kể chi sự anh Ấu-Cầm tôi nữa, tóm lại là phúc-đức tổ-tiên họ Nhan nhà tôi kém-bạc, mới sinh ra hạng nhân-vật ấy, há những một mình tôi là bất-hạnh đó thay ! » — Mộng-Tương nói rằng : « Cái lời em cự-tuyệt Ấu-Cầm vừa rồi, tiếc thay cũng khi

kịch-liệt quá. Ấu-Cầm khi trở ra về, đã nói ra những lời cường-ngạnh như vậy, thì rút lại cũng phải dễ-phòng. » — Tam-Cô nói rằng: « Em không sợ anh Ấu-Cầm, anh Ấu-Cầm quả là cường-bách em, thì em chỉ cần một cái chết, thế là vạn-sự yên cả. » — Mộng-Tương nói rằng: « Em đừng nói thế! Nói cho đến cùng, Ấu-Cầm cũng không thể một mình tác-chủ được sự em. Chỉ sợ hẳn thắng-hoặc thua-sự ra thế nào, trước là phượng-hại ân-tình trong huynh-đệ, sau nữa là phượng-hại thế-diện chỗ đại gia đấy mà thôi. Vậy nên nghĩ đặt ra phượng-pháp đối-phó thế nào, để tiêu-diệt cái sự trở-ngại ấy về chốn vô-hình là hay hơn. » Mộng-Tương nói xong, ngẫm-ngĩ một hồi lâu, liền mừng nói rằng: « Chỉ có phượng-pháp rồi. Tên Dịch Đồng-Hầu vốn là hàng cháu bà Lý-phu-nhân bên họ Dịch; phu-nhân đã yêu em, tất là chủ-trương sự ấy cho em, chỉ bắt tên Đồng-Hầu nó phải nguội-lạnh cái tâm đi, thế là được, há chẳng phải là phượng-pháp tiêu-diệt về cách vô-hình đấy ru? » — Tam-Cô gật đầu nói rằng: « Nhờ chị đi mưu-tính sự ấy cho em, chị bảo thế nào em cũng xin vâng. »

Mộng-Tương quả-nhiên tức-khắc sai người đi mời bà Lý-phu-nhân sang chơi bên biệt-thử này, khi đi mời chỉ nói rằng Tam-Cô có tật-bệnh. Lý-phu-nhân nghe tin tức-khắc vội-vàng sang chơi. Mộng-Tương thay lời Tam-Cô mách-báo sự ấy với Lý-phu-nhân. Lý-phu-nhân nổi giận nói rằng: « Thắng Đồng-Hầu loài súc-vật kia sao chẳng chết đi cho rồi! Ông bố nói chỉ là kẻ hồ đồ, nhất vị nịch-ái, không biết con hư; để nó ở ngoài ý-thế hoà-hành, không biết răn con. Họ Dịch nhà ta trăm anh lũy-thế, thì-lẽ danh-môn, không lẽ để cho loài súc-vật ấy làm bại mặt gia-thanh đi được. Vô-luận mấy là nghĩa-nữ ta, bị nó lấn-láp. Vì bằng nó lấn-láp người khác chẳng nữa, ta cũng không dung.

Mấy ngày nay cũng dùng tức-tối nữa mà khổ, ta thì đi tìm đến tận ông bố nó, đem gia-pháp mà xử-tri nó. » Tam-Cô khi ấy chỉ giở nước mắt không nói gì. Lý-phu-nhân tức-khắc đứng dậy cáo-từ, liền đi đến tận nơi chỗ người bố Đồng-Hầu là D ch Phù-Khanh. Phù-Khanh chỉ nói rằng sự ấy tôi thật không biết, lập-tức gọi Đồng-Hầu đến trước mặt, có cả Lý-phu-nhân ngồi đó, hỏi rõ tình-tư duyên-do, răn-báo cho một hồi lâu. Đồng-Hầu khi ấy chỉ cúi mặt không dám ngang-trái, sự ấy may ra có thể tiêu-diệt đi được. Hay đâu, Đồng-Hầu đối với Ấu-Cầm, đã có cái mưu-kế âm-ngâm. Lại nổi Ấu-Cầm đã tiêu-dùng của Đồng-Hầu trăm lạng bạc, trong lòng chữa lấy làm mãn-túc, cho rằng sự ấy nếu mà thành-lựu, còn có thể được nhiều số tiền báo-dền của Đồng-Hầu nữa, trong lòng vẫn oán-giận Tam-Cô.

Tiểu-Son khi ấy cũng đã biết rõ thân thế Tam-Cô, tự nghĩ rằng cảnh-ngộ gia-dình mình, cũng giống như cảnh-ngộ Tam-Cô, mình mấy năm nay phiêu-lưu dạt khách, cũng giống như Tam-Cô khi nương thân ở nhà chị, khi gửi miệng ở nhà mẹ nuôi. Thương-ôi! danh-sĩ mĩ-nhân, cùng phượng-luân-lạc, biết nhau bao nhiêu, lại tiếc nhau bấy nhiêu, đã có tâm với người ấy, người ấy há không có tâm với ta.

*Cái thân hạc nội mây ngàn,
Chữ tình đã bị muốn vùn tơ vương.
Thương hơi thương bóng mà thương,
Thương nơi phiêu-diêu thương đường
hư-vô.*

*Chữ nhân chữ quả hồ-đồ,
Biết đầu ly-hợp mà dò bi-hoàn.*

Một hôm về buổi quá trưa, Tiểu-Son nhân đã lâu ngày không tiếp-kiến Tử-Dã, tự mình lại năn sự đi chơi, mới sai đưa Kiêm-nô đi đến Hạc-hầu-quán đem lời hỏi thăm Tử-Dã. Kiêm-nô đi rồi. Tiểu-Son một mình rồi

nhân vô-sự ở bên chỗ cửa sổ. Khi ấy ngày xuân dài-dạ, tiếng người vắng teo, tự mình thấy buồn-bã mỗi một, mới ngã lưng vào trên chiếc ghế chợp ngủ, hoảng-nhiên thành giấc chiêm-bao, thấy thân mình nhẹ-nhàng như con hồ-diệp, bay đến một nơi, dường như cùng kẻ ý-trung-nhân dải bày mọi mối tình thương đoan khổ. Chợt nghe ngoài bức màn-mành, sịch như có tiếng người, đặt mình một cái, mở-hỏi nhâm-nhấp chảy ra, thì giấc chiêm bao đã tỉnh. Nghe ở chỗ thượng-lương trên mái nhà, có đôi con chim yến đương riu-rít kêu mãi chẳng thôi. Tiêu-Sơn tức giận quá, ngánh mặt lên con yến mắng-mở vài lời. Con yến dường như hiểu được ý-từ Tiêu-Sơn, cũng ngánh mỏ xuống Tiêu-Sơn, mĩa-mai mấy tiếng, dường như làm ra cách-bộ mắng lại. Tiêu-Sơn khi ấy chỉ tự mình buồn cười một mình, liền tùy bút thảo ra một bài, gọi là Xất-yến-từ (lời mắng yến). Lời rằng :

Cánh song hồ ngày xuân mở khế,

Giấc Tranq-sinh hồn điệp mơ-màng.

Tiếng dẫu riu-rít trên lương,

Tuồng cha con yến nhờ-nhàng giấc
tiên.

Yến làm tờ sao nên ở đó,

Mày bay đi tới chỗ lâu-dài.

Nhà tao xử sĩ hẹp hòi,

Nhà quan Vương Tạ sẽ nơi công-hầu.

Tiêu-Sơn ngẫm xong, ngồi ngóng đợi Kiếm-nô. Kiếm-nô còn chưa thấy về, Tiêu-Sơn mới tự trong Âu-mộng-hiện một mình lầu-bộ đi ra, chẳng gặp một người nào, bất-giác đã đi qua chỗ Hồng-vũ-hiền mà chuyển sang bên tả. Đước độ hơn trăm bước, trông thấy một nấm mồ, đất đắp còn mới. Liền đi lên gần gần kỹ bốn bên, thì thấy xung-quanh tường bằng gạch đỏ, xây ra hình cái chuông, dằng trước mặt trồng mấy cây thông nho-nhỏ mà có vẻ trầm-uất, nghiêm-nhiên một cái mô-dạng chỗ thờ-phần, chỉ thiếu một phiến đá nhỏ

làm bi-chỉ mà thôi, không biết trong ấy chôn cái vật gì. Chính đương lúc quái-ngạc, chợt thấy ở đằng xa-xa có người đi lại, trông ra thì là hình-dạng một đứa nữ-tì, tay bưng một cái đồ, trong đựng những thức đậu, bánh, quả nọ quả kia. Đứa tiểu-tì tức là kẻ hầu gái của Nhan Tam-Cô, tên là Minh-Thiên. Minh - Thiên trông thấy Tiêu-Sơn, dừng chân lại một chút, hỏi rằng: «Giang tiên-sinh lại đây làm gì?» — Tiêu-Sơn đáp rằng: «Ta ngẫu - nhiên nhân-bộ đến đây.» «Mày tự chốn nào lại đây? Cái mã này đập tự bao giờ, mày hẳn hiểu rõ?» — Minh-Thiên đáp rằng: «Tôi tự chỗ Nham Tam-Cô lại đây. Tiên-sinh muốn hỏi lại - lịch cái mã này đây ư, nói ra thì cũng nực cười, mà cũng đáng thương». Minh-Thiên liền trở vào một hòn đá ở bên cạnh cái mã, mời Tiêu-Sơn ngồi, rồi nói rằng: «Cái mã nho-nhỏ ấy, là cái mã cô tôi chôn con chim anh-vũ chết đấy (anh-vũ chim iêng). Có tôi tình-tình ngọt - ngào, thân - thể tiêu-diêu, bình-nhật không có một người nào là tri-tâm hợp-ý, vậy cùng con anh-vũ ấy kết làm bạn thân-thiết trong thâm-khuê. Con anh-vũ ấy nguyên ba năm trước có người họ-hàng là Dương-lão tiên-sinh làm quan kinh, mua được ở Bắc-kinh, đem về làm quà cho cô tôi. Có tôi tự khi được con anh-vũ ấy, yêu-giấu như hòn ngọc. Con anh-vũ ấy cũng rất lạ, khéo bắt-chước tiếng cô tôi, có khi nó nghe cô tôi ngâm thơ, nó cũng ngâm theo, như giọng-diệu cô tôi đọc. Vì thế cô tôi càng yêu nó lắm, đem bao nhiêu những thơ-từ của mình làm ra nhất - nhất khâu-truyền dạy cho nó, tâm-huyết của cô tôi đều ở trong bụng nó. Có tôi thường nói rằng giống tri-kỹ thừa bình-sinh, bất-lất phải cầu trong nhân - loại mới có, chỉ con anh - vũ này, chính là một vị Chung-Kỷ giọng - điệu cao - sơn lưu - thủy của ta đó. Có tôi lại nói rằng ta tương

lại cái thân đã chết sau này, di-cảo mà tán-lạc nếu có người nào muốn in khắc tập thơ văn của ta, chỉ cốt con anh-vũ này chẳng chết, thì có thể bảo nó nhất-nhất đọc ra, liền đem in khắc được. Chẳng ngờ con vật yêu của cô tôi ấy, không biết nó gặp phải cái ác-vận gì, xảy ra một cái, không kịp đề-phòng, nó bị con ly-khuyên của nhà láng giềng vỗ chết. Cô tôi lấy làm thương xót vô-cùng. Sau bà Mộng-Tương phu-nhân có khuyên giải cô tôi rằng hạnh-phúc với thông-tuệ, hai đường ấy khó song-tu được, người với vật cùng một lẽ ấy. Hiện nay con anh-vũ đã chết, tuy vậy đáng tiếc, tóm lại chẳng qua là một cái vật, ngoạn-lòng mà thôi, vì nó thương-tâm làm gì cho quá lắm. Em đã yêu nó, thì có một sự cũng nên làm. Cô tôi hỏi rằng: « Sự thế nào? » Bà Mộng-Tương rằng: « Đời vua Đường Minh-hoàng có tên Lâm Nghị tiến con bạch-anh-vũ, thông-tuệ và lanh-lợi khác thường. Vua cùng nàng Quý-phi đều yêu nó, trang-sức cho nó cái lồng bằng vàng, đặt tên nó gọi là Tuyết-y-nương. Một hôm Tuyết-y-nương hốt-nhiên bay lên chỗ kính-dải của Quý-phi, nói rằng Tuyết-y-nương này đêm hôm qua chiêm-bao thấy bị con chỉ-diều nó đánh, sở con dễ tạn ở phen này. Vua sai Quý-phi đem dạy nó quyền Đa-tâm-kinh, nó ký-tụng được cũng khá tinh-thục, ngày đêm nó tụng-nhiệm luôn luôn, dường như nó sợ có tai-nạn mà nó kêu-cầu đó. Một hôm vua cùng Quý-phi đi ra chơi chỗ biệt-diện, để con Tuyết-y-nương ở trên ngọn cờ xe bộ-liễn cùng đi ra. Khi đã đến chỗ biệt-diện, vua sai các quan hầu thi nhau săn-bắn ở dưới chỗ rừng cây. Con Tuyết-y-nương đương hi-lộng ở trên diện, chợt có con chim cất ở đầu đến đánh mà chết. Vua cùng Quý-phi than-thở hồi lâu, rồi sai đem chôn nó ở trong vườn ngự-uỷên, lập ra mã anh-

vũ. Sự ấy chép ở sách *Minh-hoàng-tập-lục*, lẽ trước cũng nên theo. Ngày nay sao chẳng thu-thập lấy cái thẻ-xác nó, lập ra một cái mã nho nhỏ, để hết nghĩa với nó, có thể bớt được lòng bi-thương. » Cô tôi nghe nói lấy làm phải. Ấy lai-lịch cái mã nho-nhỏ này là thế. Sau này cô tôi vẫn không quên nó, lại làm ra mấy bài thơ viếng khóc con anh-vũ. Hàng ngày tất sai tôi lấy những đồ thực-phẩm lúc sinh-tiền con anh-vũ thường ăn, đem đến chỗ mã nó cùng nó. » — Tiểu-Sơn nghe nói, có nghĩ bụng rằng Nhan Tam-Cô vốn là một kẻ lênh-dềnh ở thế-gian, bình-nhất thương-tâm đến chốn cùng-cực, sở dĩ đối với con anh-vũ, nhân cái đề-mục nhỏ làm ra cái sự-thế to. Và chẳng chim anh-vũ là một giống linh-tâm và tuệ-thiết, xưa nay vẫn cùng với những kẻ mi-nhân kết cái duyên bất-giải. Nhan Tam-Cô đối với con anh-vũ ngày nay, chẳng giống như Dương Ngọc-Hoàn đối với con Tuyết-y-nương ngày xưa dấy dư. Tóm lại thì Tam-Cô cũng không khỏi là người si. Sách *Thạch-dầu-ký* có câu rằng: « Tôi nay chôn hoa người cười si, ngày khác chôn tôi ai đó nhỉ ». Chính cũng một hạng tư-tưởng, một lối giải-ngộ. Tiểu-Sơn đương nghĩ-ngợi, chợt nghe ở đằng sau lưng có tiếng người gọi chị Minh-Thiên ơi! ngảnh đầu lại trông, thì là một đứa thị-nhi của ả Oản-Quyên tên là Dung-Tiên. Dung-Tiên thấy Tiểu-Sơn, liền nói rằng: « Giang tiên-sinh cũng ở chốn này ư? » — Tiểu-Sơn khi ấy lấy làm ngỡ-ngờ-ngùng, nhưng cũng phải cứ thật đáp rằng tôi nhân ngẫu-nhiên tản-bộ đến đây, thấy chị Minh-Thiên cùng vài, không hiểu lai-lịch cái mã này thế nào, nhân hỏi-han kỹ-cận chút lâu. — Dung-Tiên lại đối với Minh-Thiên nói rằng: « Nhan Tam-Cô bên chị đương gọi chị đấy, chị cùng khăn mau đi, để cùng tôi cùng về. » — Tiểu-Sơn liền cáo-biệt với hai người đi về trước.

Tiểu-Sơn về đến Âu-mộng-hiền, được một chốc, Kiểm-nô đã từ chốn Tử-Dã đi về, nói rằng : «Thầy Tử-Dã mời thầy sang chơi, có sự bút-mặc gì muốn phiên thầy đây.» Ngày hôm sau ăn cơm xong, Tiểu-Sơn bộ-hành tiến vào thành, đến Hạc-hồn quán tiếp-kiến Tử-Dã, hỏi rằng : «bác có việc gì gọi đến tôi ?» — Tử-Dã nói rằng : «Tôi thực chẳng có việc gì, nhân lâu nay không được tiếp-kiến bác, tự mình lại bị bận-bịu về điểm-vụ, không thể lại tiếp-kiến bác được, mời bác lại chơi để tiếp chuyện đây thôi. Chỗ hậu-viện của tôi có nuôi hai con hạc tốt, hai con hạc ấy là khi tôi vẫn-niên, có một người bạn tự Dương-châu đem về cho tôi, lấy nghĩa vợ mai con hạc, bắc-chước như ý-tử cụ Lâm-Bô, để yên-ủi cái cảnh lão tôi. Tôi đem nó tôi nuôi, để chút giải-muộn trong khi tịch-mịch. Hai con hạc ấy được một con có đức thanh-cao, xứng-dáng là phẩm hạc. Phải một con hề thấy người thì mỡ càn, mà thấy thức ăn thì tất cạnh-tranh, không xứng-dáng là phẩm thanh-cao, con hạc ấy chỉ có danh hạc, mà không có đức hạc. Vừa mấy hôm nay có đứa đồng-tử nhà lang-giềng sang chơi đùa ở sân, bị con hạc ấy mỡ sứt đuôi, đứa đồng-tử tức-giận quá, cầm cái cần trúc gior đánh con hạc, khéo-keo đánh ngay vào mỡ, vì thế con hạc không ăn uống được nữa, rồi đói mà chết, tôi nhân nghĩ rằng con hạc ấy tai-vạ tự nó gây nên, nó cũng chẳng đủ tiếc. Song-le tôi nuôi nó mấy năm, chưa có thể vong-tình được, nên chỉ tôi đem nó chôn vùi hẳn-hoại. Tôi lại tưởng đến ngày xưa vị Hoa-dương-đạo-sĩ từng có một bài minh, là Thuyền-hạc-minh, lang văn vẫn phụng làm chi-bảo. Đêm hôm qua tôi vô-sự, nhân cũng làm một bài minh chôn con hạc, tuy thuộc về sự văn-chương du-hí, nhưng cũng có chút ý-tử ở đó. Chỉ muốn nhờ đại-bút của bác, giúp tôi

viết cho, để tôi giao cho thợ đem khắc vào một mảnh đá, lập ở chỗ chôn nó, để kỷ-niệm nó. Tương-lai bài văn vụng-về của tôi, hoặc-giả nhân có nét chữ xinh-tốt của bác, mà có thể lưu-truyền ra đời được chẳng.» Tử-Dã nói xong, liền đem cái thảo-cảo ra đưa cho Tiểu-sơn xem, và nói rằng : «Bác xem có chữ gì nên sửa-dổi, thì nhờ bác sửa đổi cho ; tuy là văn du-hí, cũng không nên cầu-thả.» Văn rằng :

Có người khách tự bắc-phương cho ta đôi con hạc.

Nguyên loài hạc, thanh-cầm là giống, tiên-khách là tên.

Song hay sao ! một con thì chân cao cánh trắng, trán đỏ đuôi đen, đứng xa mà trông, xa cách siêu-nhiên,

Một con thì mỡ dài cánh cộc, chân đoan đầu thiên, lèn mây xanh, vượt bề rộng, tài vốn hèn vụng ; tim lỗ đục, bới lỗ kiến, thói vốn quen vụng ; thấy ngô thóc thì tất tranh ăn, chẳng khác gì loài kê-vụ ; thấy người thì mỡ càn, chẳng khác gì loài ưng-chiến.

Hạc ơi là hạc, hạc như thế sao gọi là loài tiên.

Đứa đồng-tử giận mây, lấy cần trúc đánh vào mỡ, mây không tham-lam được nữa mà mây chết liền.

Ô-hồ hạc ơi, mây chết cũng là nên ; ta chôn mây ở góc tường, vùi đắp cho một phen.

Xưa Hoa-dương đạo-sĩ có bài minh Thuyền-hạc, ta với mây há lại không nói gì mà nhớ quên.

Lời minh.

Hạc hề, hạc hề, hạc là loài tiên-cầm.

Một quái cho mây hề, sao hạc là hiệu mà phi hạc là tâm.

Thấy thức ăn thì cúi đầu tranh-cạnh hề, thấy kẻ yếu thì giương mỏ lẩn tăm.

Trời mượn tay kẻ đồng-tử để răn mây hề, mây bị đau là đáng, mây bị chết cũng không phải là lầm.

Than ôi ! Con người ta hễ, thấy kẻ yếu chớ có lán, thấy điều lợi chớ có tham.

Tiểu - Sơn xem xong, nói rằng : « Ngày nọ từng qua mà anh-vũ, ngày nay lại xem văn Thuyền-hạc, khéo-khéo cũng là một sự quái-kỳ. » Tử-Dã hỏi mà anh-vũ thế nào ? Tiểu-Sơn thuật lại cho nghe, và nói rằng người kia đáp mà anh-vũ chỉ là si-tâm, bác làm văn Thuyền-hạc thực có ngụ-ý. — Tử-Dã cười nói rằng : « Bài văn Thuyền-hạc của tôi, cũng chẳng qua là sự du - hi đấy thôi. » — Tiểu-Sơn nói rằng : « Không phải thế, trong văn-chương du-hi, tự có ý cảnh-thế châm-ngôn, bài văn này thực khá truyền, tôi xin giúp bác viết ra. Duy ở đây thợ khắc, chưa tất có tay diêu-thủ, tôi lại xin giúp bác đem khắc ra nữa. » — Tử-Dã nói rằng : « Bác giúp tôi cả viết cả khắc, thì lại càng hay lắm ». Tử-Dã liền đem ra một phiến thanh - hoa-thạch cao độ mấy gang tay giao cho Tiểu-Sơn. Hai người lại trò-truyện ít lâu, trông ra sắc trời đã chiều. Tử-Dã muốn lưu Tiểu-Sơn ở lại tiêu ẩm. Tiểu-Sơn cáo-từ liền tự trong thành trở ra về.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BỐN

*Chôn nhàn-hiền tiểu-nô thuật bí-sử,
Nơi khúc-tạ thẳng-hữu thưởng kỳ-hoa.*

Tiểu-Sơn về Âu-mộng - hiên, chưa đầy hai ngày, đem bài minh Thuyền-hạc, chạm khắc hoàn-toàn, sai Kiêm-nô đem đi đưa cho Tử-Dã. Kiêm-nô khi về, thấy bắt đầu trình lên một cánh thiệp, trên đề mấy chữ rằng : « Thuyền-hạc - minh nhuận-bút. » Lại xem các đồ tặng, thì mục tốt hai hộp, nghiên là một chiếc, và một cuốn sách vẽ. Cuốn vẽ thấy trang-sức bao-bọc tinh-vi, mới trông biết ngay là phẩm quý, mở ra xem, thì là nét vẽ của người danh-họa đời Kiền-long là Nam-diên lão-nhân; trong cuốn vẽ mười tám giống kỳ-hoa ở hải-ngoại, quang-quái

ly-kỳ, mắt chưa từng thấy. Tiểu-Sơn nói rằng : « Cuốn vẽ thật là của danh-quì ở trên đời, không biết bác Tử-Dã lấy được tự đâu đem huệ-tặng cho, là nên trân-báu thu cất kỹ-càng. »

Nhan Tam-Cô tự khi cùng người anh là Âu-Cầm miệng lưỡi nặng nề một phen, lại gặp sự con chim anh-vũ là cái vật tâm-ái của mình chết mất, trong lòng phiền-não khác thường, tuy có Mộng-Lương thời-thường khuyên giải, song vẫn mây chau mặt ủ, uất-ức không vui. Qua mấy ngày, đã tới kỳ Thiên-trung-giai-tiết. Tam - Cô vì không muốn về nhà tiếp-kiến Âu-Cầm, vậy ở trong Kiền-hương-viện, có đặt ra một mâm cơm, đề cúng-khẩn vong-linh hai vị phụ-mẫu. Tam-Cô khi ấy đã chú-ý về Tiểu-Sơn, song còn có một đôi chút hồ-dở. Mới dặn-bảo đưa thị-ly là Minh-Thiền khi nào thừa-cơ thì sẽ lần-la hỏi đưa Kiêm-nô về thân - thế của Tiểu - Sơn cho tường - tận. Một hôm Minh-Thiền lần-la đi đến ven chỗ Âu-mộng-hiền, gặp Kiêm-nô, nhân khi vắng-vẽ, làm ra điều xuông-xã cợt-bổn, bảo Kiêm-nô rằng : « Tôi có một điều này hỏi anh, anh đừng nói dối tôi nhé. » — Kiêm-nô vâng lời. Minh-Thiền bắt đầu đem cảnh-ngộ và tính-tình của Tam-Cô lược-thuật ra một hồi, rồi hỏi rằng : « Nghe nói Giang-tiên-sinh quê-quán ở Quảng-lãng, anh đi hầu người ấy tự bao giờ, trong nhà người ấy có những người nào, anh hẳn biết rõ chứ ? » — Kiêm-nô nói rằng : « Kề ra dài lắm cô a. » — Minh-Thiền nói rằng : « Anh cứ nói tôi nghe, tôi với anh còn giấu gì nữa. » — Kiêm-nô nói rằng : « Nhà tôi lũy-thế làm nó-bộc nhà thầy tôi, số-dĩ tôi tự lúc bé đã ở trong nhà thầy tôi. Quan cụ thân-sinh ra thầy tôi tên là Tôn-Hải, do hàn-lâm xuất-thân, từng nhiệm chức Hà-nam tuần-phủ, hiện đã cáo-lão về nhà. Sinh hạ được ba ông, ông con trưởng là thầy tôi, ông thứ hai là

Mộng-Chi ông thứ ba là Học-Uyên. Trong ba ông chỉ ông thứ ba là Học-Uyên đồ sớ nhất, mười-tám tuổi đồ cử-nhân, năm sau liên-tiếp đồ tiến-sĩ, hiện làm chức Bảo-khánh tri-huyện ở Hồ-nam. — Minh-Thiền kinh-ngạc nói rằng : « Quái-quái ! Giang tiên-sinh nhà anh, là con nhà danh-hoan, bấy nhiêu tuổi đầu, chẳng nghĩ về đường thành-gia lập-nghiệp, lại bỏ bỏ nhường em, từ mình ở ngoài đồng phiêu tây-dông, ấy là cớ gì ? » — Kiêm-nô thở dài nói rằng : « Có biết đầu tình-cảnh thầy tôi. Thầy tôi với hai vị công-tử Mộng-Chi Học-Uyên, nguyên là anh em khác mẹ. Bà thân-sinh ra thầy tôi là bà chính, thì đã tạ-thế từ thừa thầy tôi còn nhỏ kia rồi. Bà thân-sinh ra hai vị công-tử là bà kế, là em gái quan Chu-ngự-sử ở trấn-giang. Bà ấy cay-nghệt khác thường coi dãi thầy tôi như cái danh ở trước mắt, thường ở trước mặt quan cụ tôi trách-móc đập-dánh thầy tôi luôn-luôn. Quan cụ tôi cũng nghe bà ấy gièm-pha, không khỏi có điều thiên-ố thiên-ái. Đa-dĩ quan cụ tôi thì nhiệt-tâm về đường phú-quí công-danh, thầy tôi thì hay đóng-dã bè-bạn, uống rượu ngâm thơ, bất-chước cổ-nhân, làm ra vân-sự danh-sĩ. Một khi quan cụ tôi phát-nộ trách mắng thầy tôi rằng : « Mày là hạng phế-vật, nhà tao lũy-thế trăm-anh, từ-đế chưa từng có đứa nào là kẻ bạch-dinh. Mày là đứa quái-gở, ăn phải bữa Đông-Tân phải bả Vãn - Đường, làm bại-hoại mất gia - thanh, mày mà còn thế mãi, thì tao không nhận mày là con, cũng không khiến mày nhận tao là bố nữa, mày đi phương nào thì đi, mặc sức cho mày làm kẻ danh-sĩ. » Thầy tôi khi ấy chỉ cúi đầu nằm rạp xuống đất khóc to lên mà kêu rằng : « lạy cha, xin cha xét lại cho con. » Quan cụ tôi quá giận nói rằng : « Mày không phải là con tao, mày chết đâu thì chết, không khiến mày lại được trông thấy tao nữa. »

Liền ra lệnh đuổi thầy tôi đi. Thầy tôi khi ấy không còn dám lại nói một lời gì nữa, chỉ thu-thập đồ kim-thạch thư-họa mọi đồ tám-ái của mình, ngậm nước mắt từ-tạ quan cụ ra đi. Khi ấy người thân-phụ tôi cũng hầu-hạ quan cụ ở đấy, thương thầy tôi quá, bảo tôi đi theo hầu thầy tôi. Từ đấy tôi với thầy tôi đường-trường dặm thẳng, ăn gió năm sương, hiện nay đông tây lưu-lạc, tính ra đã đến sáu năm. » Kiêm-nô nói đến đấy. Minh-Thiền lại nói rằng : « Người ấy quả là kỳ-quái ! người ấy khi bước chân đi, thì đã bao nhiêu tuổi ? » — Kiêm-nô tinh dốt tay nói rằng : « Thầy tôi năm nay ba mươi tư tuổi, năm ấy là năm ông ba Học-Uyên tôi đồ tiến-sĩ, thì thầy tôi hai-mươi-tám tuổi. » — Minh-Thiền nói rằng : « Người đã hai mươi tám tuổi, lại sinh-trưởng họ nhà quan, có lẽ đâu lại chữa lấy vợ ! » — Kiêm-nô nói rằng : « Thầy tôi vốn có tính lạ, bình-nhật không nói đến sự con gái, cứ kén vợ mãi, nơi nào cũng không ưng-ý. Quan cụ tôi vốn ghét thầy tôi, rồi cũng phò-mặc thầy tôi. Sau này thầy tôi vắng-lai trong kỹ-viện, có cùng một ả hồng-lầu tên là Oanh-Nương, tâm-dầu ý-hợp, đã toan lấy làm vợ chính-thất. Khéo-khéo đồng-thời lại có một người lái buôn muối, cũng định lấy Oanh-Nương làm thiếp. Người lái buôn thế-lực họ lớn, kim-tiền họ nhiều, rồi Oanh-Nương bị người lái buôn họ cướp đi mất. Quan cụ tôi biết có sự ấy, lại thống-mạ thầy tôi một hồi. Thầy tôi từ đấy tâm thì nguội, khí thì đoán, như người túy, như người si, liền tuyệt-tích không vắng-lai trong kỹ-viện, cả đến sự bách-niên gia - thất, cũng không đề - khởi đến nữa. » — Minh-Thiền nói rằng : « Người như thế đích là người gàn, thật có một không hai. » Hai người đương nói chuyện thì thảo, chợt Tiểu-Sơn đi ra, Minh-Thiền liền chuyện-thân lánh chạy.

Tiểu-Sơn liền hỏi Kiêm - nó rằng : « Mày vừa rồi với con Minh-Thiền nói những chuyện gì, » — Kiêm-nó thưa rằng : « Họ cãi-vấn tôi về sự gia - thế của thầy. » — Tiểu-Sơn hỏi rằng : « Mày nói thế nào ? » — Kiêm-nó nói rằng : « Tôi cứ đem sự thực của thầy ra tôi nói, tôi chẳng nói dối câu nào » — Tiểu - Sơn cười nói rằng : « Mày là kẻ thật-thà, không hề nói dối. Nhưng cũng chẳng phượng-hại gì. Một đoạn lịch-sử ta, người khác nghe thấy, tất-nhiên kinh - dị quái hãi, cho là sự hoang - đường. Nếu Nhan Tam - Cô nghe thấy, tất hiểu biết được lòng ta thì-hiểu những điều mặt-chất chưa - cay, khác với thói tục. » — Kiêm-nó nói rằng : « Thầy nay tuổi đã nhiều, cứ ngao-du mãi, thì cũng không phải là liễu-cục. Mày mà trời đem lại cho, có Nhan Tam - Cô với thầy phẩm - giá xứng-dáng, kia nọ khuynh-tâm, còn sự gì hảo hơn nữa. Cứ ý-tử tiểu-bộc tôi, thì thầy sao chẳng nhờ họ Chung họ Tề hai vị tiên-sinh kíp làm mối cho, để thành nghĩa quyến-thuộc, tương-lai tiểu-bộc tôi cũng được dự-phần chén rượu mừng. » — Tiểu-Sơn cười nói rằng : « Mày nói được dễ - dàng đấy ư ! ta xem phượng-diện họ Nhan, còn lắm điều trở-lực ; vả lại ta ở trong đất khách, sự ấy còn khó lắm. » Rồi hai thầy trò nhân-thoại với nhau một chút lâu.

Minh-Thiền trở về, thấy phu-nhân Mộng - Tương với tân - nương Oản-Quyên đều ở trong phòng Tam-Cô cười-cười nói-nói. Nhân vì cái rò sen mới trồng ở trong ao chỗ Lăng-ba-tạ, đặc-biệt nở ra một đóa hoa. Khi ấy là thượng-tuần tháng năm, ao sen chỗ khác chỉ lá xanh-tốt, mà không có hoa; duy một chỗ ấy nở ra một cái hoa, rất là kỳ-quái. Mộng - Tương Oản-Quyên rủ Tam-Cô cùng đi xem. Ba người đến chỗ Lăng - ba - tạ, trông ra giữa ao, quả-nhiên có một đóa hoa sen, mọc

cao lên mặt nước, to hơn cái bát, mà lớn gần bằng cái chậu, cánh đỏ tầng-tầng lớp lớp, tươi đẹp lạ thường, thoang-thoảng có một trận thanh-hương, theo gió đưa lại. Ba người thần-thưởng một hồi lâu. Tam-Cô nói rằng : « Giống sen tháng năm nở hoa, vậy cũng là thường. Duy cái hoa ấy nở ra to lớn kỳ-quái, hoặc-giả cái yêu-thần trong hoa-quốc hiện ra đấy dư. » Mộng-Tương trông Tam-Cô, lại trông hoa, mỉm cười không nói gì. Sau Mộng-Tương nói riêng với Oản-Quyên rằng : « Cái hoa sen ấy hoặc-giả ứng về thân Tam-Cô, sự cầu-thần của Nhan Giang hai họ, ta nên phát-dộng ». Oản-Quyên biết ý gật đầu.

Trúc-sĩ khi ấy mới đi chơi vắng về, biết có sự hoa sen, cũng lấy làm kỳ. Đến ngày hôm sau, liền sai tên Tảo-Hoa đi mời Mi-quân Tử-Dã cùng Tiểu-Sơn, ở Lăng-ba-tạ đặt tiệc tiễn-yến thưởng hoa. Mi-quân trả lời bận việc không đến. Chỉ Tử - Dã đặc - hững-vội-vàng chạy lại. Trúc-sĩ mới đón Tử-Dã cùng Tiểu-Sơn đến chỗ thủy-dinh xem hoa. Tử-Dã đem con mắt lão-dại, đối với cái hoa thanh-tân, bất-giác đọc lên câu thơ của Thiệu Nghiêu-Phu rằng : « Hoa thấy đầu bạc chớ cười già, người già sẽ thấy nhiều cảnh hoa. » Vả nói rằng : « Tôi bấy nhiêu tuổi đầu, chưa từng thấy cái hoa nào lạ như cái hoa này, ngày nay thật là con mắt lão-dại, thưởng mùi thanh-tân ». Lại đối với Trúc-sĩ nói rằng : « Cảnh viên-dinh này, là cảnh hai vợ chồng nhà bác quản-lĩnh, thần hoa có ý hoan-hỉ, vậy đặc-biệt nở ra cái hoa này, để hiển-mị với chủ-nhân. » — Trúc-sĩ cười nói rằng : « Tôi dám có phúc-phận nào, hưởng-thụ cái ơn đặc-tử của thần hoa. » Khi đương nói chuyện, thì trời vừa gần trưa, tên Tảo-Hoa đã đem đồ rau đồ rượu bài-tri tinh-vi. Trúc-sĩ liền mời hai người vào tiệc uống rượu. Trúc-sĩ nói rằng : « Ngày nay

cuộc tiêu-yến, tuy không có món gì lạ, duy có dĩa hoa kia cả hương lẫn sắc đủ làm đồ đưa rượu, xin các bác cứ phóng-quá tửu-lượng mà uống cho thật nhiều. » Ba người cả uống, cả cười nói một trận lâu, người nào người ấy đều đã có bảy tám phần chuẩn-choáng, mới gọi lấy cơm ăn. Lúc ấy, duy Tử-Dã niên-kỷ đã cao, lại uống rượu nhiều, không chiến-thắng được với sức rượu, đứng dậy lão-đảo, dường như muốn ngã, liền ngã xuống ở trên một cái dương trúc, mà kêu lên rằng phải để cho tôi ngủ một giấc. Trúc-sĩ liền đứng lên mời Tử-Dã nằm nghỉ, lại sợ có khí lạnh, sai tên Tảo-Hoa đem một cái chăn gấm, tự mình lấy tay sê-sàng đắp cho Tử-Dã. Rồi Trúc-sĩ tự mình với Tiểu-Sơn cùng dắt tay ra chỗ thủy-dinh, tản-bộ đi vòng quanh trên bờ ao, hai người vừa đi vừa nói chuyện. Trúc-sĩ bảo với Tiểu-Sơn rằng: « Hôm qua Mộng-Tương nhà tôi có nói với tôi cái hoa sen ở trên ao này, nhất-định là cái hi-triệu của Nhan Tam-Cô với bác. » — Tiểu-Sơn than rằng: « Tôi thân-thể phiêu-dã, không dám nghĩ đến sự thất-gia đã lâu, tôi niên-hoa đã thành hạng lão-dại, mà gia-thể tôi cũng tựa cỗi điều-

manh; những sự lương-duyên hảo-hợp, tưởng cũng là sự nói trong giấc mộng. » — Trúc-sĩ nói rằng: « Tôi với Mộng-Tương nhà tôi thuyết-cập sự ấy đã lâu, quyết-định loát-hợp cho hai người. Tôi với bác Mi-quân hoặc bác Tử-Dã có thể làm được tay nguyệt-lão chắc-chắn, chỉ ngăn-trở về nỗi người anh Tam-Cô là Ấu-Cầm, là hơi khó một chút đấy thôi. Tôi bắt-giải ông trời già kia sinh ra người, như Tam-Cô với Ấu-Cầm cùng một mẹ đẻ ra, mà anh với em tính-tình phẩm-hạnh khác nhau, lại đến như thế. » Tiểu-Sơn cũng than-tức một hồi. Khi hai người quanh về chỗ Lăng-ba-ta, thì Tử-Dã rượu đã tỉnh dậy; ba người lại pha nước trà ngồi nhàn-dâm mãi cho đến buổi chiều. Trúc-sĩ xem chừng Tử-Dã ý rượu thật tỉnh, muốn mời Tử-Dã nghỉ lại trong biệt-thư. Tử-Dã không nghe, cố mượn Trúc-sĩ một con lừa, đeo bộ-dụng người say rượu, khất-khưởng trên mình lừa. Trúc-sĩ gọi tên Tảo-Hoa đi đường hộ-vệ Tử-Dã, đưa Tử-Dã về thành.

(Còn nữa)

TÙNG-VÂN dịch



VĂN - UYÊN

THƠ VĂN CỎ

XUYẾN-NGỌC-HẦU THI-VĂN TẬP (1)

VII

XIV — Văn tế cha

(Nghĩ hộ người nhà buôn lán Cầm-cơ)

Than rằng: Xuân qua đông tới, gấm thay cơ huyền-tạo phút xui; sinh gửi tử về, buồn nhĩ giấc hoàng-lương sức tỉnh.

Biệt li là truyện cũ thế-gian; tu đoản vốn lâu xưa tiền-dịnh.

Nhớ thừa vun đồng sỏi liễu, bốn cù-lao ân bề rộng thênh; chung khi xẻ sửa xan hồ, năm hữu-nhượng khuôn nhà tròn vạnh.

Bốn phương dâu lá, giông-ruồi chỉ trai; mười dặm cỏ cây, vẽ vờ mặt cảnh.

Bạn tứ-hải xum-vầy sân Yến-tử, cửa hồng thơm-nức tiếng chi-lan; thuyền ngũ-hồ dừng-dính lái Đào-công, sóng lợi sạch-lãng hơi thị-tĩnh.

Những chắc vững nền phúc-thọ, đôi qui-trù mà được chữ diên-linh, nào ngờ khép cửa âm-dương, diêm mã-xi mới vừa tuần tri-mệnh.

Cửa thần-hôn rảy giọt tuyết-linh-lung; non chiêm hồ rú hàng châu lông-lánh.

Thương một nỗi bổ-kính khi ấy, chiếc bóng sương hiu gió quanh, vẽ gương ngọc kính hồng pha-phôi; xót hai cành bồ-liễu ngày xưa, nửa chừng nước chảy hoa trôi, cái phận hồng-nhan sao mỏng-mảnh.

Ồi Bóng tà cửa hẹp, ngựa thoát ruồi chân; đất rộng đường dài, xe mau thoát bánh.

Doanh Nhị-thủy cánh bướm xuôi ngược, mất hình qua lại dạ ngùi-ngùi;

cõi Bồng-hồ con yến chung-bưng tưởng lối đi về lòng cạnh-cạch.

Nay, theo lẽ tổng-chung; đặt tuần chí-kính.

Vốn nghĩ gia-dinh còn nếp cũ, lễ ấy cũng mong như lễ trước, dám kể đâu là dị là xa; nài sao thủy hạn gặp phen này, lòng người không hiệp với lòng trời, chẳng lọ nói rằng bần rằng bệnh.

Cảm đội ân non nghĩa bề, hận muôn thu không thấu xuống tuyền-dải; nhặt suông rau giã nước hoàng, nôm một bức ngô dâng lên tôn-thỉnh.

XV. — Văn tế cha.

(Nghĩ hộ người ở Thủy-cơ Vạn-Tăng)

Than rằng: Mông-mệnh bề giác, bề từ xuôi ngược biết đâu lường; lãng-dăng nước triều, cuộc thế nổi chìm khôn xiết nghĩ.

Trời xuân rảy tuyết thấm treo ngành; cây tử dinh rêu sâu bám rễ.

Nhớ nghiêm-phụ thuở phất roi danh lợi, bốn phương hồ-thỉ chi ngang-tàng; nhờ thượng-ân khi lĩnh giấy tiễn-nghi (2), một dải non sông tay xử-trí.

Trong gia-dinh trên thuận dưới hòa; ngoài phùng vận kẻ vì người nề.

Bạn tứ-hải xum-vầy sân Yến-tử, theo dòng ruồi sóng mở lòng hào; thuyền ngũ-hồ dừng-dính lái Đào-công, đứng mũi chịu sào vui nước trí.

Giấc trăm năm những da mồi tóc bạc, thanh-thời bến nguyệt đôi thanh-xuân; bỗng bảy tuần mà tuyết lạnh

(1) Xem N. P. từ số 117.

(2) Tiễn-hi cũng như lý-trưởng bây giờ.

sương pha, giống ruồi lang tiên tìm xích-thủy.

Nghĩ cơn khế - khoát mà đau, giờ chuyện gia-đình lại tẻ.

Tình cảm sắt đá ba phen đứt nối, hai kẻ nữ phụ-phàng tơ thắm, một hỡi còn mà duyên hời phận hẩm thương thay ! diễm quế lan vừa bấy độ vun trồng, ba trời đã hiu-hắt lá xanh, bốn ở lại nhà bạc cửa thừa ngán nhĩ !

Tướng cũ-lao đà chua xót lòng con ; nói báo đáp lại bề-bàng mặt rề.

Đoàn cháu chắt lấy ai chia quả, bóng cây thấp-thoảng luống mong người ; lũ cháu con không tiếng dạy siêng, mặt nước lênh-dênh thêm nhớ kẻ.

Nay ; hầu rước linh-xa ; trước bày hương lễ.

Cám cảnh nương dân bãi bể, ngựa trông non Hồ đứng nghìn thu, ít-ỏi lòng cá dạ chim, gọi chút nước Hoàng dâng một lễ.

XVI. — Văn tế cha

Than rằng : Đường cái cỏ kim, đi sinh về tử, nghĩ thời buồn-bã kiếp nhân-hoàn ; cửa con tạo-hóa, khép tịch mở triều, tưởng lại chấp-chờn cơ mộng-thế.

Ba xuân tắc cỏ ngậm-ngùi thay, một phút nghìn thu ngao-ngán nhĩ.

Nhớ thuở đeo tên cấp lá, gót long-sa nghìn dặm bước chông gai ; trải phen sỏi liễu vun lan, tay yên-dực muôn thu công núi bể.

Vững nền phúc-thọ hỡi còn lắm ; đóng cửa âm dương sao kịp nhĩ.

Hai cục-dục bỗng lá xanh hiu-hắt, chợt lúc nâng niu giá ngọc, đứt dây ân-ái thắm dây vơi ; một cù-lao vừa nước biếc xa-xăm, thoát nay trùng chấp mùi lam, nhắc gánh cương-thường sầu nặng nhẹ.

Hợp tan thế-cục biết bao căm, cay đắng gia-tình khôn xiết kẻ.

Hàng qua-diệt khát-khao Phong-thủy, nghe tan đàn, khuya sớm luống bản-khoản ; mảnh khâm-trừ lạnh-lẽo đông-tinh, chìm lạc tổ, ra vào thêm lẻ-thế.

Đầu thêm ghẹo nhỡ giục hồi ve ; bên sồi khêu buồn ray khúc rề.

Hau dớn phận nhung - trường bé mọn, việc thi-ung vắng-vẻ biết nhờ ai ; xót xa tình bão-huyết thơ ngây, lời giao-trích xăn-xiu khôn cây kẻ.

Chinh-phụ hoài ngâm (1)

Mái Đông-lân có nàng ngơ ngẩn,
Vẻ thoa-quần, nhà vẫn khó-khẩn.

Mười lăm mười tám đang xuân,
Sánh chàng công-tử mười phần phong-lưu.

Chàng công-tử sang giàu nếp sẵn,
Chốn hương khuê, son phấn lá-lời.

Biết mình xấu chẳng bằng ai,
Dám mong âu yếm như người được sao.
Phúc gặp buổi ba-đào gặp khúc,
Lũ vô-loại đạo-dục mái Tây.

Nào ngờ nông-nổi nước này,
Chàng vừa đi khỏi, cửa rầy sạch tan !
Chị em vốn diễm-trang quên nết,
Ngại dăng cay quên hết ái-ân.

Theo người sửa túi nâng khăn,
Nhặt tình khâm trầm, mặt phần nguyệt hoa.

Nàng nghĩ đến xót-xa khúc ruột,
Đường khi-khu một bước một đau.

Rằng long tóc rối thêm đau,
Dao hàn cắt ruột lửa sầu đốt gan.
Phường cán-xa mấy nàng bạn cũ,
Tình chị em khuyên nhủ mọi đường :

Tội gì chấp nệ kinh thường,
Tìm nơi tựa ngọc nương vàng thì thôi,
Nàng nghe hết khúc nhồi thêm giận,
Rằng : « Chồng ta là dăng nam-nhĩ ;

Chẳng may gặp buổi loạn-ly,
Dẫu rằng tẩn-khởi, có kỷ vinh-hoa.

(1) Bài này truyền là của một vị trung-thần về Nguyễn-triều, không chịu ra làm quan.

Nhớ thừa trước mẹ cha dạy bảo,
Đạo chính-chuyên là đạo làm dâu.
Ơn chàng non thắm bề sâu,
Dầu trong nguy-hiểm dám dầu quên
tình.
Cớ họa phúc phân-minh báo ứng,
Của phù-vân đã vững bền du.
Liều mình vì chút ấm no,
Ấm no chưa chắc, mặt mo thêm càng !
Nghĩa báo phục kia nàng Trưng Trắc,
Miếu Đồng-nhân thơm nức ngàn thu.
Thiếp thân chưa chút đền bù,

Ngắm người xưa chẳng thẹn thờ lẫm ru?
Lại như vợ chàng Chu thừa nọ,
Tình khinh bần trọng phú gồm thay!
Nước nghiêng簸 lại sao đây?
Trăm năm tiếng xấu dễ lây mà hồng !
Ơn chị em, có lòng vị nể,
Chuyện bướm ong gác để ngoài tai.
Ngu si biết phận thế thôi,
Mong sao được thấy chồng tôi sớm về.

N. H. Q. sao-lục

DỊCH CỔ-VĂN

Phạm Thù nói với vua Tần(1)

Phạm Thù mới đến nước Tần vào hầu vua, vua Tần đuổi cả kẻ tá hữu ra ngoài, trong cung không có ai cả. Vua Tần mới quì xuống mà hỏi rằng : « Tiên - sinh có điều gì để dạy bảo cho quả-nhân không ? » Phạm Thù thưa rằng : « Dạ dạ . » Một lúc lâu Tần - vương lại hỏi. Phạm Thù lại thưa : « Dạ dạ ». Như thế đến ba lần. Tần-vương quì mà hỏi rằng : « Tiên-sinh định không dạy bảo quả-nhân hay sao. » Phạm Thù tạ rằng : « Không dám thế, tôi nghe rằng xưa kia Lã Thượng gặp vua Văn-vương, bấy giờ Lã Thượng là một anh ngư-phủ câu cá ở bên sông Vị, như thế là giao sơ lẫm, thế mà một lần gặp nói chuyện đã lập ngay làm thái-sur, chở xe cùng đưa về, là vì một lời nói quan-hệ thâm lẫm. Vậy nên Văn - vương quả thu-công về Lã Thượng, mà làm

vua cả thiên-hạ. Vì phỏng Văn-vương sơ Lã Thượng mà chẳng cùng ngôn-luân cho thâm, thì nhà Châu không có đức làm thiên-tử, mà vua Văn vua Võ không cùng ai làm thành được vương-nghiệp. Nay thần là người bày tôi mới đến ký-ngu, giao với vua sơ lẫm, nếu chỉ bày nói những việc thuận theo nhà vua thì không sao, song đối với những kẻ cốt-nhục là người thân với vua, mà mình muốn hết lòng ngu-trung trần-thuyết với vua, mà lại chưa biết được bụng vua ra làm sao, vậy nên nhà vua ba lần hỏi mà tôi chưa dám thưa.

« Tôi không phải có sợ gì mà không dám nói, tôi biết rằng ngày nay nói ra trước, ngày mai bị giết ở sau, nhưng tôi cũng không dám tránh. Nếu nhà vua tin theo lời nói của tôi, thì dầu chết cũng chẳng đủ làm cho tôi lo, mất cũng chẳng đủ làm cho tôi sợ, sơn mình làm hủi, quần tóc làm cuồng, cũng chẳng đủ

(1) Phạm Thù tên tự là Thúc-quí, trước thờ vua nước Ngụy, sang sứ nước Tề, vua Tề Ai-vương cho Thù một nghìn cân vàng. Tu Giã nói gièm với quan tướng nước Ngụy là Ngụy Tề. Tề giã đánh Thù, Thù bị đòn giã cách chết, đem bỏ vào trong chuồng sỉ. Các tân-khách uống rượu say ra dúi củ vào Thù. May gặp người nước Ngụy là Trịnh An-Bình cứu cho thoát. Thù mới đổi tên là Trương-Lộc, theo sứ nước Tần là Vương Kế sang nước Tần. Khi bấy giờ ở nước Tần có Trương-hầu đương chuyên quyền. Thù mới nói với vua Tần đuổi Trương-hầu, phong Phạm Thù làm Ưng-hầu. Sau Tu Giã lại sang sứ nước Tần, Thù gặp trách mắng. Ngụy Tề ở nước Ngụy phải bỏ trốn chạy sang nước Triệu rồi tự vẫn mà chết. Thù sau lại tiến Sái Trạch lên thay mình.

làm cho tôi xấu hổ. Vả lại thánh như vua Ngũ-dế mà chết, nhân như đời Tam-vương mà chết, hiền như đời Ngũ-bá mà cũng chết, sức khỏe như Ô Hoạch, Nhâm Bĩ mà chết, mạnh tựa như Thành Kinh, Mạnh Bôn, Khánh Kỵ, Hạ Dục mà cũng chết, cái chết là ai cũng không thể tránh được, nếu xử vào cái thế tất-nhiên phải chết, mà có thiếu-bổ cho nước Tần một chút, thì thực là lòng sỗ-nguyên của tôi, tôi có sợ gì chết. Xưa kia Ngũ Tử-Tư phải ăn mình nằm trong túi chớ đi trốn ra cửa Chiêu-quan, đêm đi ngày lại ăn một chỗ, đi mãi đến đất Lật-thủy, không còn có lương để hồ-khẩu nữa, phải khúm-núm quì chân mà đi, rạp đầu trần tay áo, vỗ bụng thối ống tiêu, ăn mày ở chợ nước Ngô. Nhưng sau được vua Ngô nghe theo mưu-kế, nên mới trung-hưng được nước Ngô, mà giúp cho vua Ngô là Hạp Lư thành được đế-nghiệp. Nếu thần mà được tận-mưu như Ngũ Tử-Tư, thì dẫu đem u-tù bắt tội suốt đời không cho trông thấy gì nữa, song cái thuyết của thần đã dắc-dụng, thì thần có lo gì sự nguy-vong. Cờ - tử, Tiếp - Dư phải sơn mình làm giả dại, xóa tóc làm trắng rõ, mà không ích gì cho nước Ân với nước Sở. Nếu thần mà được cùng giống như nết Cờ - tử, Tiếp - Dư, mà có thể bỏ-ích cho vua hiền của mình, thì là một điều vinh lớn cho thần, thần có xấu-hổ gì. Thần mà lấy làm sợ, chỉ sợ rằng sau khi thần chết, những người trong thiên-hạ thấy thần tận-trung mà thần phải chết, vì thế ai cũng phải nín miệng đưng chân không dám đi bước tới nước Tần nữa. Tác-hạ trên thì sợ uy-nghiêm bà Thái-hậu, dưới thì hoặc về thói kẻ gian-thần, cứ ở trong thâm-cung không dời tay những kẻ át-bảo, suốt đời mê-hoặc không cùng ai mà soi xét được kẻ gian-tà. Vả

lớn ra thì đến diệt mất cả tôn-miếu, nhỏ thì thân mình phải có-nguy, ấy tôi chỉ sợ thế mà thôi. Còn như cái sự khổn-nhục, cái lo tử-vong, thì tôi không dám sợ. Nếu tôi chết mà nước Tần được thịnh-trị, thì tôi chết còn hơn sống. »

Tần - vương quí mà thưa rằng : « Tiên-sinh sao nói thế. Ôi! Nước Tần xa lánh một nơi, quả - nhân lại ngu và bất-tiểu. May mà tiên-sinh đến đây, ấy là trời đem tiên-sinh lại để cho quả - nhân nhục đến tiên-sinh, mà giữ lấy tôn-miếu của đấng tiên-vương vậy. Quả-nhân mà được thụ-mệnh ở tiên-sinh, ấy là trời run-rủi tiên-sinh không bỏ kẻ có-nguy này vậy, sao tiên-sinh lại nói như thế. Từ đây không cứ gì việc lớn việc nhỏ, trên từ bà Thái-hậu dưới đến các quan đại-thần, việc gì nên nói xin tiên-sinh cứ hết đem dạy bảo quả - nhân, chớ có ngờ quả - nhân nữa. »

LỜI BÀN CỦA QUÁ-THƯƠNG-HẦU. — Nước Tần khi ấy bà Thái-hậu chuyên-chính, Tương-hầu lộng-quyền, Thụ nghị rằng không bài-kích những kẻ cốt-nhục ấy đi, thì mình không thể dụng ở được nước Tần. Nhưng lại sợ rằng giao-sơ mà ngôn-thâm, không cầm giữ cho vững, nếu vạn-nhất vua không tin-dụng, thì vạ đến ngay sau lưng. Vậy nên mới cố-ý làm ra cái bộ muốn nói mà không nói vội, để dò cái ý vua Chiêu-vương, Chiêu-vương không biết không ngờ tự-nhiên là mắc phải Phạm Thụ mại-lộng. Bài văn này mô-lả đích-xác rõ về ra cái tâm-sự kẻ gian hùng, ngàn năm còn như trông thấy.

ĐỒNG-CHÂU dịch

THI-CA MỚI

Tôi ở đâu ?

(Chuyện ông Viên-Hộ)

Tôi biết ông Viên-Hộ,
 Người ở đất Văn-lỗ.
 Thuở nhỏ vốn học trò,
 Lớn lên thi không đỗ.
 Sau ông đi đá gà,
 Vời tôi thường lại qua.
 Thuở ấy tôi còn bé,
 Bạn với ông hơi già.
 Ông người rất hào-hiệp.
 Ban ngày mỗi mỗi tiếp.
 Đá gà mà phong-lưu,
 Rộn-ràng thế với thiếp.
 Rảnh việc lại ngâm thơ,
 Uống rượu hay đánh cờ.
 Bề nào ông cũng thích,
 Thôi đưa mặc ngày giờ.
 Tôi lớn phải đi học,
 Toán làm với sách đọc.
 Lúc ấy ông già khom,
 Mồi da mà trắng tóc.
 Sau thôi học tôi về,
 Tìm bạn cũ năm tề.
 Hỏi đến ông Viên-Hộ,
 Ông chết rằng chừ kia.
 Tôi lấy làm thương nhớ,
 Nhớ bạn già than thở.
 Bèn đến nhà ông thăm,
 Nhà ông khách lạ ở.
 Tôi hỏi gia-quyến ông,
 Còn ở ở đâu không ?
 Vợ ông đi đâu mất !
 Hầu ông đi lấy chồng.
 Tôi trở về chân ngắt,
 Buồn cho thân kẻ khuất.
 Ông sống nhiều người thương,
 Ông chết không ai nhắc !
 Than ơi ! cái cuộc đời,
 Sống còn đến chết thôi.
 Người thương nói « tội-nghiệp ! »
 Thế là xong chuyện rồi.
 Xong rồi ! Xong rồi thật !
 Không ! còn ! còn nằm đất !
 Gió thổi nằm đất bằng,

Thế là còn hay mất .
 Đời làm ông Viên-Hộ,
 Có đó không chỉ đó.
 Nghĩ thương cái hình-hài,
 Thoảng qua như chiều gió.
 Thử ngày sau ông Viên,
 Sống lại nhờ phép tiên.
 Trở về nơi đất cũ,
 Hỏi thăm kẻ láng-giềng.
 Còn ai nhớ đến ông ?
 Ai ai cũng rằng không !
 Thì ông cười hay khóc ?
 Ông về thật luống công.
 Ngó lại trên trời cao,
 Cảnh trời có khác sao ?
 Mây đen đuổi mây trắng,
 Khi nào như khi nào.
 Cổ hoa sao hững-hờ ?
 Chào mãi vẫn làm lơ,
 Ôi ! Khách là khách cũ !
 Hoa này phải hoa xưa ?
 Bước vào nhà thăm hỏi,
 Cửa nhà lâu đã rui.
 Thợ thầy đang xây nền,
 Chực làm cái nhà mới.
 Chủ nhà đặc-ý lắm !
 Tôi nhắm rồi lui nhắm.
 Cười reo vênh-vào râu,
 Nhà này xét không thăm !
 Ông Viên tắt bật cười,
 Cười mà thương cho ai.
 Tưởng một mình ông đại,
 Ngủ mà cũng có đôi !
 Người đời còn mãi thế,
 Được oa mà muốn bề.
 Múa gậy giữa vườn hoang,
 Cũng rung đùi rung vế !
 Ai bảo người khôn dần,
 Khôn về rần thêm chân,
 Hai nhau khôn kẻ quỉ,
 Cướp của khôn mưu thần.
 Người khôn là thế đó,
 Nực cười ông Viên-Hộ,
 Chống gậy về núi than :
 « Có khôn chi mô có ! »

PHAN HOÀI-DẬT

I — Tự thán

Trời xanh kia rộng, đất kia dày,
 Trời đất vì đâu ghét bỏ đây;
 Giả cách mua vui vui vẫn gượng,
 Mượn điều bán bức bức nhưng đây;
 Không ngờ bốn bề duyên duyên hão,
 Có lẽ ba sinh nợ nợ chầy;
 Chắc hẳn kêu lâu rồi cũng thấu,
 Phen này may lại lắm đêm hay.

II — Dạ tứ

Hỡi sao hôm, hỡi sao mai!
 Đêm có đêm này bởi tự ai?
 Miệng quốc áo-sầu cơ dĩ-vãng,
 Ruột tâm vợ-vần cuộc tương-lai;
 Đèn khêu một ngọn đêm hiềm vãn,
 Chuông điểm năm canh hận vãn dài;
 Gió Mĩ mưa Âu cơn tể-ngộ,
 Sao cho khỏi thẹn dấng làm trai.

III — Thế-tình cảm-tác

Đem khinh làm trọng trọng làm khinh,
 Lắm lối dơ cho cái thế-tình!
 Tuổi xác không nhìn chi thực-nghiệp,
 Giáp đầu vồ lấy mãi hư-danh!
 Bất-nhân ở bạc thêm nhiều chi,
 Bỏ nghĩa tham vàng cũng lắm anh!
 Ngán nhĩ vì đâu cơ-cuộc thế?
 Khen ai ngán mặt khéo làm thinh.

IV — Đánh cờ

(dẫn đủ quân cờ)

Tiêu-khiển đua nhau mấy cuộc cờ,
 Tướng và sĩ tốt đặt lơ-thơ;
 Khua voi đập dí phượng xa xỉ,
 Võ ngựa giầy tạc lũ pháo phơ;
 Giở ngón Châu-vương dăm nước thắng,
 Dải lòng Lý-tử mấy câu thơ;
 Cuộc đời thay đổi đầu chẳng tá,
 Khéo cũng lảng-những cũng thế-ở.

V. — Chùa bài lá

(Mỗi câu có tên quân bài)

Tôm-tép phu-phê có ích gì,
 Ham vào nào được cái *chỉ chỉ*!

Thập-thành quen thói hai tay bốc,
 Văn-vẽ nào đâu mấy nước đi;
 Sử Sách không chứa câu tục-nhiêm,
 Thuốc Thang sao khỏi khỏi tình-xi;
 Phen này Lão phải nghe lời lão,
 Có vận tiền nong cũng dểch đi.

VI. — Vịnh con cá

(Mỗi câu có tên cá)

Chơi voi trời bề bốn đầu vây,
 Ngắm nghĩ khen cho cá khéo *chầy*;
 Tắm giữa lòng sông mồm dớp nguyệt,
 Trồi trên dòng nước vẩy lồng mây;
 Đã từng chớp chớp cùng mưa móc,
 Lại muốn ho he với cỏ cây;
 Xảy lũ chim muông chen chóc đại,
 Một mình dầy dớt nước dòng tây.

VII. — Con tằm

Hóa-hóa sinh-sinh khéo hỡi nàng ⁽¹⁾,
 Cuộc đời lẩn-lóc với tang-thương;
 Bốn lần mơ-diệp năm canh vãn,
 Chín khúc tơ-thù một mối vương;
 Gấm-vóc miệng phòn hơi cụ Bạch ⁽²⁾,
 Áo xiêm mình đủ vẽ vua Hoàng ⁽³⁾.
 Trăm năm văn-hiến còn mãi mãi,
 Chắc cũng dai xanh cũng mũ vàng.

VIII. — Cái điều sử

Da rõ da ngà ruột rõ que,
 Đi đâu cũng guốc cũng phu-xe;
 Uy rên như sấm kinh muôn dậm,
 Miệng thổi thành mây liệng bốn bề;
 Chẳng nọ tiêu-nhân đà choáng-hoảng,
 Đến như quán-tử cũng tề-mê;
 Mặc dầu vận nước thay cùng đời,
 Lung vẫn tròn xoay bụng vẫn phê.

IX. — Cái đèn tọa-dăng

Bóng nhật chênh - chênh đã gác đời,
 Đèn kia ai đốt hỡi ai ơi!
 Phật-phờ một ngọn khi mờ dật,
 Sáng sửa muôn dân lúc tối trời;
 Giữ mực duy-trung đà thẳng đứng,
 Đem lòng phổ-chiếu chẳng riêng soi

(1) Tục truyền đời cổ có nàng công-chúa tự-tử hóa làm con tằm, sau con ngựa của công-chúa thấy vậy thương quá, cũng tự-tử hóa ra cây dâu, để phụng-đường công-chúa.

(2) Đường-sử: Lý Thái-Bạch cầm-tâm tú-khẩu.

(3) Dịch kinh: Hoàng-đế cũng-thủ thủy y-thường nhi thiên-hạ trị.

Ấy ai chen chúc đường mê-muội,
Ngánh lại mà trông kéo lạc rồi.

X. — Chùa Cỗ-Lễ

(Thuận-ngịch đề)

Độc thuận,

Long-lanh bóng tượng một trời tây,
Mẫu-mực ai nay hỡi khéo bày;
Vùng-vẫy cá di nếu rêu nước,
Ngọt-ngào hương tỏa bệ liền mây,
Chung kinh tiếng gọi hồn tan-hợp;
Kệ-hạc hồi khua mộng tỉnh say,
Sùng bái khách đi đường bóng rợp,
Long-xà (1) đất nổi tiếng là đây.

Độc nghịch

Đây là đất nổi tiếng xà-long,
Rợp bóng đường đi khách bái-sùng;
Say-tỉnh mộng khua hồi hạc-kệ,
Hợp-tan hồn gọi tiếng kinh-chung;
Mây liền bệ tỏa hương ngào-ngát,
Nước rêu nền đi cá vẫy-vùng;
Bày khéo hỡi nay ai mực mẫu,
Tây trời một tượng bóng lanh-long.

TRẦN DUY-VĂN

I — Đề ảnh

Người đầu cũng giống da-tinh,
Nhác trông diện-mạo rõ mình hết ta.

Cõi đời mình mới bước ra,
Hai mươi năm lẻ cũng ta với mình.
Vòng « nhân-thế » cùng vinh cùng nhục,
Giữa « trần-ai » cùng dọc cùng ngang.

Cùng nhau chí-khi ngan-tàng,
Cùng đem gan óc ra mang việc đời.

Cũng lắm lúc ta cười ta nói,
Lại nhiều khi sớm tối cùng nhau.

Mình sao liễu ử hoa rầu ?
Hay trông sự thế mà đau lòng mình ?

Ta với mình chung hình chung ảnh,
Mình với ta ai tỉnh ai say.

Nam-nhi cùng tiếng rầu mây,
Tang-bồng cùng nợ trả vay chưa già.

Cùng một giống con nhà Hồng-Lạc,

Cùng màu da cùng tóc cùng xương,
Đầu xanh cùng kiếp văn-chương.

Bút nghiên cùng nợ, đoạn-trường
chung nhau.

Tuổi niên-thiếu bề đầu cùng trái,
Buổi ba-lan cùng rã tuyết sương.

Tháng ngày mình đứng trong gương,
Không lo không sợ không thương

không cầu.

Ta với mình sang giàu một phận,
Thú thanh-nhân mình vẫn hơn ta.

Trăm năm tóc bạc ta già,
Nghìn năm mình cũng không xa cõi trần.

Đứng xem cuộc thế xoay vần,
Như in vào giấy tinh-thần khôn phai.

2 — Tranh sơn-thủy

Khen ai khéo vẽ cảnh non sông,
Nước biếc non xanh diễm bóng hồng;

Lá phủ cành cây không gió gợn,
Núi phôi chồi đá chẳng rêu phong;

Thuyền lan lơ-lửng bóng chèo quế,
Văng thỏ chênh-vênh rã ngọn tùng;

Bao cuộc tang-thương lay chẳng chuyển,
Trơ-trơ như đá vững như đồng.

3 — Nghĩa-địa cảm đề

Trước bãi tha-ma bóng xế tà,
Ngồn-ngang cao thấp dãy hìn-gia;

Anh-hùng bốn bề hòn bia đá,
Sự-nghiệp trăm năm nắm cổ gà;

Phủ-quí phong-lưu cơn gió thoảng,
Công-hầu khanh-tướng giọt mưa sa;

Mảnh gương soi khắp người kim cò,
Trước cửa song hồ bóng tỏ qua!

4 — Thức đêm

Đêm sao đặng-đặng trống canh dài,
Non nước u-tình cảnh sắc phai;

Bóng nguyệt thướt-tha soi trường gấm,
Còi sương rón-riếp rúc lâu mai;

Hắt-hiu ngọn gió phòng văn lạnh,
Eo-óc bên tường tiếng dế kêu;

Bốn mặt anh em chưa tỉnh giấc,
Đêm trường nổi ấy biết cùng ai?

(1) Chùa Cỗ-Lễ nguyên thờ đức Khổng Lộ ngày xưa ngài tìm được ngôi đất chùa, ngài có nói rằng:
Trạch đắc long xà địa khả cư.

Ăn-ăn góc núi hồi sủng lệnh (1),
 Văng-văng bên sông tiếng trống «xoè» (2);
 Ai đó chủ-trương xuân đấy nhỉ?
 Khí thiêng u-uất gọi xuân về.

Ngày xuân tặng bạn

«Bái niên» chào chùa Đông-quán,
 Lại đưa xuân tới một lần mà chơi.
 Khi êm-ái thanh-thời xuân nhật,
 Khuôn trong xanh nhuộm sắc xuân-thiên.

Vui xuân hồng tía đua chen,
 Xuân phong phơi-phới, xuân san đậm-
 Xuân có mời vẫn là xuân ấy, [đà,
 Nước non xưa trải mấy lần xuân?
 Gặp xuân tưởng chuyện xa gần,
 Cầm xuân ngân kiếp phong - trần lệnh-
 dênh.

Chót giắt nhau lên ghềnh danh lợi,
 Gặp nhau đây cùng hội cùng thuyền;
 Mừng xuân tạm dãi lòng phiến,
 Chờ bao non nước tới miền Đường Ngai
 Ao vọng hầy chan hoà mấy chén,
 Gượng vui xuân kéo thẹn cùng xuân,
 «Tân niên» mừng chùa Đông-quán.

Ngô Huy-QUYNH

Bài phú khuyên người ta nên yêu nhau

Bất Viêt trời Nam; da vàng sắc đỏ.
 Trong họ ngoài làng; quê cha đất tổ.
 Bốn nghìn năm một góc giang-san;
 hai trăm triệu con người lớn nhỏ.

Vốn xưa nay cảnh chung một gốc,
 tre già măng mọc, dùm bọc lấy nhau;
 dẫu bắc nam nước chảy đôi dòng, suối
 dọc ngòi ngang, đổ dồn một chỗ.

Nghề văn-học lấy mở-mang nền vũ-
 trụ, cha truyền con nối, dốc một lòng
 chung một đạo, trải bao phen hun đúc,
 mới có ngày rày; hội cạnh-tranh lai-

láng cõi hoàn-cầu, trống ngược kèn
 xuôi, kẻ thế họ người thế kia, mới dăm
 kỷ lệnh-chénh, kẻ lừ thừa họ.

Mẹ gà con vịt, kẻ bắc người đông;
 cá nước chim trời, heo trời sóng vỗ.

Thế mà: qua cầu cắt díp, nich-ních
 dò dầy, nhờ gió bề măng, trơ-trơ mặt gò.
 Thốt trên đề thốt dưới, bóp nặn ruột
 gan; cá lớn nuốt cá con, tranh giành
 đầu sỏ.

Ông nói gà bà nói vịt, lợn lành chữa
 lợn toi; Thanh cây thế, Nghê cây thần,
 ma mới nạt ma cũ.

Uống nước không chứa cặn, quen lên
 đầu thấy bờ thời đào; theo dóm chực
 ăn tàn, thấy người sang bắc quàng làm
 họ.

Gà đẻ gà cục tác, quai nhĩ cá vàng
 bụng bọ, ăn sống nuốt tươi; rồi trong
 xương ròi ra, ghè thay mặt sứa gan
 lim, đổ lòng xanh vỏ.

Chẳng vét cánh khô thì lá hèo, ăn
 quả đào cây; lại còn dạ cá với lòng
 chim, thả lờ dơm đó.

Vung tay quá trán, trống bỏi đập
 lưng; khoác áo qua đầu, lấy trông đeo cò.

Vũ-thần lừa nhau miếng mồi, đục
 nước béo cò; gà què ăn quần cối xay,
 bới bèo ra bọ.

Máu loãng còn hơn nước lã, nào có
 biết môi hở răng lạnh, gàn toét trông
 chàng; lửa cháy lại đổ dầu thêm, má
 cam lòng giục bị xui nguyên, dăm pha
 chầy củ.

Ăn cây bói gốc chỉ nằm thăm; vạch
 lá tìm sâu không biết hồ.

Vỏ đậu nấu đậu nghĩ mà thương,
 là khoai che khoai nên phải rõ.

Em nâng chi ngã, chớ cậy ốc mang
 mình ốc nổi, nhắm mắt bước qua; cò
 có vò mùng, đừng tưởng trâu buộc tức
 trâu ăn, ra tình ghét bỏ.

Ngán ngẫm thay, trâu ngựa lắm kẻ

(1) Thổ-quan được phép bán sủng lệnh trong mấy ngày tết.

(2) Phong thái người Thổ: trai gái tay cầm tay, chiếc khăn hồng trao đi trao lại, nhảy nhót
 tựa lúi, theo nhịp đàn trống, tức gọi là «xoè». Khi yến tiệc, con gái Thổ thường «xoè» với
 khách quan

muốn cầm dao ; nào có biết ngựa đau
cả tàu không ngon cỏ.

Ra chỉ tưởng ăn xôi ở thì ; ra chỉ lữ
đồi không làm có.

Ăn mấm ngấm về sau, chú khi nì,
mì khi khác, đắp đồi lần hồi ; làm nhân
phân chẳng khổn, đông có mây tây có
sao, đỡ dần nghèo khổ.

Con chị cồng con em, kín trên thò
bên dưới, gìn giữ trước sau ; của anh
như của chú, xây vai xuống cánh tay,
đi đâu thiệt lổ.

Đất có tuần nhân có vận, tuần-hoàn
kẻ trước người sau ; trên trông xuống
dưới trông lên, xan xẻ kẻ bần người phú.

Làm giàu sao bằng làm phúc, nên
theo dõi những cách tân-trào ; thương
người như thể thương thân, chớ bắt
chước những phường cự-hủ.

Trăm đời cũng chung một lẽ, tứ hải
giai huynh đệ, chớ tưởng xa xôi ; một
cây hà để nên rừng, cứu-đại hơn ngoại-
nhân, vài lời gần bó.

PHẠM NGỌC - ĐƯƠNG

DỊCH THƠ TÂY

Le cœur d'une mère.

Y avait une fois un pauvre gas,

Et lon lan laire,

Et lon lan la.

Y avait une fois un pauvre gas,

Qu'aimait celle qui ne l'aimait pas.

Elle lui dit : Apporte-moi demain,

Et lon lan laire,

Et lon lan la.

Elle lui dit : Apporte-moi demain,

Le cœur de ta mère pour mon chien.

Va chez sa mère et la tue,

Et lon lan laire,

Et lon lan la.

Va chez sa mère et la tue,

Lui prit le cœur et s'en courut.

Comme il courait, il tomba,

Et lon lan laire,

Et lon lan la.

Comme il courait, il tomba,

Et par terre le cœur roula.

Et pendant que le cœur roulait,

Et lon lan laire,

Et lon lan la.

Et pendant que le cœur roulait,

Entendit le cœur qui parlait.

Et le cœur disait en pleurant,

Et lon lan laire,

Et lon lan la.

Et le cœur disait en pleurant :

T'es-tu fait mal, mon enfant ?

JEAN RICHPIN (La Glu)

Lòng mẹ thương con

Truyện khi xưa có một chàng,

Lòng riêng yêu-giấu một nàng tiểu-thơ.

Nhưng mà trắc-trở đường tơ,

Yêu người, người lại thờ-ơ ghét mình.

Tiểu-thơ bèn giở giọng oanh,

Rằng : Chàng có thực chung-linh cùng

Mai về giết mẹ lấy tim, [em.

Đem cho con chó, nó thềm tìm non.

Nhân-tâm nghĩ đã nên buồn,

Anh chàng một mạch chạy bon về nhà.

Liều tay giết chết mẹ già,

Lấy tim rồi, sắp đem ra cho nàng.

Vừa đi, vừa chạy, vội-vàng,

Vương chân chàng đã bên đàong ngã

[quay.

Quả tim cầm ở trong tay,

Rơi lẩn dưới đất, chỗ ngay cạnh người.

Tim đã lẩn xuống đất rồi,

Anh chàng gượng dậy còn ngồi xoa chân.

Thời nghe có tiếng khóc-than,

Trông ra tim mẹ chứa-chan giọt hồng ;

Hỏi con ngã có đau không ?

Lương diễm NGUYỄN LÊ-BÔNG dịch

THỜI - ĐÀ M

Việc thế-giới

Tổng-thuật về tình-hình quốc-tế trong năm 1927. — Năm 1927 mới qua, về đường quốc-tế hay dở thế nào? Cho là một năm tốt cả thì khi quá, mà cho là một năm xấu cũng không phải. Có thành-công được mấy điều hi-vọng, nhưng cũng lại phải mấy điều thất-vọng. Tính sổ cuối năm không lấy gì làm đặc-lợi cho lắm, nhưng xét cho kỹ thì cũng có sự tấn - tới về đường tinh-thần, không phải không có giá-trị.

Năm 1927 có nhiều chuyện bất-ngờ, lại có nhiều hồi khủng-hoảng. Cái đặc-sắc về đường quốc-tế, là chi-nhuyên của Liệt-cường muốn cố giữ lấy cuộc hòa-bình, không để cho trong cõi Âu-châu có chỗ nào xảy ra một việc gì vì Liệt-cường không kịp hiệp-lực ngăn-ngừa mở thành đến sự xung-đột to. Cuộc đại-chiến mười năm trước đã làm điên-đảo cả thế-giới, khiến cho các nước vẫn còn ngờ-vực nhau mà chưa thể lấy công-lý gây thành được một cuộc hòa-bình chắc-chắn, vậy mà chỉ nhờ có mấy nhà chính-trị có cái quan-niệm cao-thượng về trách-nhiệm mình, gia công gắng sức duy-trì, đủ ngăn được các mối cạnh-tranh như thế, thật cũng là một điều đáng khen và đáng mừng vậy. Nếu nhà ngoại-giao Pháp và nhà ngoại-giao Anh không đem con mắt sáng-suốt về thời-thế, thời-thường ra sức điều-hòa giảng-giải cho nhân-tâm được yên-đàn, cho những kẻ quả-quyết ngăn-trở đến phải thúc-thủ mà dừng yên, thì chưa biết năm ngoái xảy ra những sự xung-đột đến thế nào.

Như sau khi nước Italie và nước Albanie ký xong điều-uớc Tirana thì nước Italie và Yougoslavie hai nước bất-bình nhau thế nào; lại Albanie và

Yougoslavie cũng có việc phân-tranh nhau, thành ra lồi-thôi biết thế nào; lại Pháp và Yougoslavie ký điều-uớc thân-thiện với nhau, khiến cho Italie có bụng ngờ, các báo tranh-luận nhau mãi không cùng, và trái lại thì điều-uớc của Italie và Albanie cũng làm cho Pháp ngờ về cái dã-tâm của Ý hai bên ngờ vực nhau hoài, thật là một cái tình-thế dễ sinh ra xung-đột lắm. Bấy nhiêu việc rồi êm dần đi cả. Vẫn biết rằng các vấn-đề chưa giải-quyết xong, nhưng lâu ngày đã có ý nhạt đi, không cấp-thiết như trước nữa, không thành cái hiểm-tượng cho cuộc hòa-bình vậy. Được như thế là thứ nhất nhờ ở cuộc thân-thiện nước Pháp và nước Anh, cuộc thân-thiện này lại nhân quan Giám-quốc Pháp mời sang chơi với vua GEORGE V nước Anh, lại càng được mật-thiết hơn lên nữa, khiến cho hai nước thường đồng-tâm hiệp-lực hể đâu có mối phân-tranh thì liền ra tay hòa-giải ngay được. Kết-quả đã hiển-nhiên đó: Việc xung-đột hai nước Italie và Yougoslavie đã dần dần giải được xuôi, hiện nay hai nước có thể trực-tiếp thương-thuyết với nhau được, không cần đến mối-giới nữa; lại việc nước Albanie và Yougoslavie cũng nhờ nước Pháp điều-dinh được xong cả, hai bên không có lộn-hại gì đến quốc-thế; còn việc giao-thiệp nước Pháp và nước Ý thì ngoại-tướng Pháp BRIAND và thủ-tướng Ý MUSSOLINI hai người đã diễn-thuyết tỏ ý thân-thiện lắm, thì tất cả lòng ngờ-vực nhau sẽ dần dần giải-tán hết vậy.

Cái phương-pháp hòa-giải dùng ở bán-đảo Balkans đã có kết-quả tốt như thế, đem dùng về mặt đông-bắc Âu-châu

cũng có công-hiệu : Nước Pologne và nước Lithuanie vì vấn-đề hạt Wilna hai bên tranh nhau chưa xong, nên việc giao-thiệp hai nước rất là khó-khăn. nước Lithuanie đã từ 5 năm nay chỉ hực-hắc muốn gây sự đánh nhau, vậy mà việc cũng giải được êm. Được như thế là nhờ sự hành động riêng của ba ông ngoại-tướng Pháp, Anh và Đức, thật đã có công ngăn cho Âu-châu khỏi một cái chiến-họa lớn

Một cái kết-quả hay nữa về đường quốc-tế trong năm 1927, là xem ra nước Đức đã cảm-nhiệm sâu cái tinh-thần hòa-bình của Hội Vạn-quốc. Vẫn biết rằng có nhiều người còn ngờ cái lòng thành-thực của nước Đức. Ở Đức còn các đảng bảo-thủ, đảng quốc-gia vẫn mạnh lắm, các đảng dân-chủ chưa đủ sức át đi hẳn được. Tuy-nhiên, nước Đức ngày nay đã hiểu rõ rằng cứ thành-thực theo cái chính-sách Locarno và Genève, thì có lợi cho mình nhiều (như số quân Đồng-minh đóng ở Đức đã giảm bớt đi, cái chế-độ đặc-biệt của Đồng-minh đặt ra ở địa-hạt sông Rhin cũng sửa đổi lại nhẹ bớt đi cho Đức nhiều, lại ủy-hội của Đồng-minh đặt ra để kiểm-tra quân-bị của Đức cũng bãi bỏ đi rồi), nước Đức cũng hiểu rằng nếu không theo cái chính-sách ấy thì tốt phương-hại đến mọi sự chấn-chỉnh trong nước. Nước Đức sợ dĩ quả quyết giữ được cái thái-độ đó là phần nhiều nhờ công ông ngoại-tướng STRESEMANN đã có sức cương-ngहि chống lại với các đảng bảo-thủ và đảng quốc-gia, khiến cho không ngăn-trở được nữa. Còn muốn biết rằng có cái đã-tâm gì nữa hay không, thì phải đợi đến kỳ tổng-tuyên-cử năm nay xem cái phương-châm chính-trị xoay hẳn về bên tả hay bên hữu vậy.

Muốn cho sự hòa-bình được lâu bền, thời phải gây lấy một cái quốc-tế tinh-thần cho mạnh, muốn gây lấy cái quốc-tế tinh-thần cho mạnh thời các nước

phải thành-thực hiệp-lực cộng-tác với nhau ở Hội Vạn-quốc. Lại muốn cho cái tinh-thần ấy ứng-dụng được ra các phạm-vi về thực-tế, thời cũng phải nhiều thi-giới, nhiều công-phu lắm mới được. Như vấn-đề :tai-giảm binh bị nghiến-cứu ở Hội Vạn-quốc khó-khăn biết thế nào, lại Hội-nghị hải-quân của ba nước Anh, Mĩ, Nhật bàn-bạc mãi mà không giải-quyết được điều gì, xem thế thì biết rằng một việc quan-trọng như thế không thể làm-thời tức-tịch mà giải-quyết ngay được, không thể đem mấy câu diễn-thuyết hùng-hồn mà khám-phá được. Tuy-nhiên Hội Vạn-quốc vẫn cứ phải hành-động theo một phương-châm đó, duy phải tiêm-tiêm mà tiến lên, chứ không thể lờ ngay mục-dịch vậy. Nhưng cho dầu Liệt-cường giải-quyết được vấn-đề giảm-binh, mà ở Âu-châu còn có một nước Nga cộng-sản như cái ách ở bên mình, thì vẫn còn phải lo, chứ chưa phải đã yên-đàn hẳn được. Vẫn biết rằng Nga gần đây đã không « đề-chế » Hội Vạn-quốc nữa, và mới rồi lại phái một viên đặc-sứ là LITVINOF để tham-dự hội-đồng bảo-hóa, ông LITVINOF này nhất diện diễn-thuyết xin với Hội Vạn-quốc không những giảm-binh các nước mà thôi, mà lại bãi-binh đi hết cả nữa — như thế thì cũng quá, — nhất-diện giao-tiếp với đại-biêu các nước ở Hội Vạn-quốc; nhưng cái cách hành-động đó, liệt-cường còn lấy làm ngờ lắm, chưa cho là có thể bằng-cứ gì được. Xét ra thì đảng Cộng-sản ở Nga hiện nay đương qua một buổi khó-khăn, sự hành-động ở Tàu đã bị thất-bại, việc tái-chính trong nước cũng đương quân-bách, lại thêm những chuyện cạnh-tranh trong đảng kịch-liệt vô-cùng; tuy vậy mà đảng Cộng-sản Nga vẫn chưa chịu bỏ cái mơ-mộng cách-mệnh thế-giới, cái mơ-mộng ấy mà thành thời phạm sự-nghiệp văn-minh sẽ bị tuyệt-diệt hết, điều đó ai cũng đã ở vậy.

Cho nên cái hiềm-tượng trong năm 1927 vẫn là cái hiềm-tượng Cộng-sản, vì cái hiềm-tượng ấy mà cuộc hòa-bình chưa thể tổ-chức được hoàn-toàn. Cái hiềm-tượng ấy đã làm cho các nhà chính-trị ngoại-giao trong các nước năm ngoài nhiều phen phải lo-lắng sợ-hãi, và năm nay có lẽ cũng còn phải lo-lắng sợ-hãi nữa. Đó là cái trở-lực rất mạnh cho sự hòa-bình trong thế-giới vậy.

Nước Thổ-nhĩ-kỳ mới. — Nước Thổ-nhĩ-kỳ được nhà chí-sĩ MUSTAPHA KEMAL hết sức chủ-trương, càng ngày càng tấn-lối theo về đường văn-minh mới. Người Thổ ngày nay đã hiểu cái chức-vụ mình làm dân một nước tân-tiến. Cừ xem cuộc tổng-tuyên-cử vừa rồi thì biết sự tiến-hóa đã rõ-ràng lắm. Đảng đã chiếm được đại-da-số ở Nghị-viện là « đảng bình-dân », đảng này chính được Giám-quốc MUSTAPHA KEMAL công-nhiên đứng lãnh-tụ. Chủ-nghĩa của đảng này, theo như chính lời Giám-quốc đã tuyên-bố, là « phải hết sức giữ cho nước Thổ theo về chính-thể dân-quốc và giữ được hoàn-toàn độc-lập, đoạn-tuyệt quan-hệ với Giáo-hội Hồi-hồi, và không để cho một nước ngoài nào được ảnh-hưởng hay được can-thiệp đến. » Về đường ngoại-giao thì cái chương-trình của đảng đa-số cũng rõ-ràng lắm, đã từng tuyên-bố ra nhiều lần và được quan Giám-quốc ưng-thuận. Như nói rằng: « Cái chương-trình ngoại-giao của chúng tôi là cốt lấy ngay-thẳng, thành-thực, hòa-bình, gốc ở cái lòng tự-tin, muốn quyết làm một quốc-dân hoàn-toàn địch-đáng, hiện nay cũng như sau này, không để cho có cái trở-lực nào làm ngăn được sự phát-đạt các sức mạnh trong nước ».

Muốn cho được hoàn-toàn phát-đạt, nước Thổ phải chăm mở-mang về đường kinh-tế, đường xã-hội. Về đường chính-trị thời đã cải-cách được thành-công rồi, duy cải-cách về kinh-tế

trong nước thời còn khó-khăn nặng-nề lắm. Chính-phủ Angora mới bắt đầu sửa-đổi lại các thuế-ngạch, vì còn khuyết-diếm nhiều lắm. Về tài-chính nước Thổ phải khoản ngoại-trái cũng nặng-nề lắm. Ở hội-nghị Lausanne, Chính-phủ Dân-quốc mới đã cam-doan nhận cả các nợ của Chính-phủ quân-chủ trước đối với ngoại-quốc, cho nên người dân ngày nay phải đóng góp với Nhà nước nặng lắm. Ở Angora hiện nay lại đang bàn đặt giá nhất-định cho tiền-tệ Thổ mà không phải nhờ đến tư-bản ngoại-quốc, nhưng việc này là quan-hệ cả ở cái tình-hình kinh-tế trong nước. Tình-hình kinh-tế nước Thổ ngày nay thế nào? Xem số thống-kê về năm 1926 thời thấy tổng-số giao-dịch của nước Thổ với ngoại-quốc là 320 triệu livres (mỗi livre giá ước 30 phật-lăng) trong số đó thời về phần xuất-cảng là 130 triệu. Các món xuất-cảng nhiều nhất là thuốc-lá, quả, lông-chiên, thảm. Nước Ý là nước mua đồ của Thổ nhiều nhất, tới 65 triệu livres. Nước Pháp thời đứng vào bậc ba mà thôi. Bức thời xem ra buôn bán với Thổ càng ngày càng tấn-lối, có lẽ muốn hơn cả Pháp. Rồi đến Anh, Nga, Ti. Kể về đường kinh-tế ở nước Thổ, thời còn phải chỉnh-đốn nhiều lắm mới được hợp cách kinh-tế đời nay. Ông MUSTAPHA KEMAL chủ-ý chấn-chỉnh nhất về nông-nghiệp, và điều cốt-yếu cho nông-nghiệp ở nước Thổ là vấn-đề dẫn-thủy nhập-điền. Hiện các ruộng đất ở Anatolie, nếu có đủ nước mà làm, thời có thể sản-xuất được gấp ba bảy giờ. Chính-phủ lại chủ-trương một cái chương-trình lâm-chính, để giữ các rừng không cho phá-hoại, và chỗ nào đã bị phá thời bắt trồng cây lại, cũng là cái chính-sách phòng-bị sự hạn hán cho nông-dân vậy. — Về đường công-nghệ, Chính-phủ Thổ cũng chủ-ý lắm: hiện đang tru-tình đề-khai các mỏ than ở Eregli. Việc mở-mang công-nghệ ở nước Thổ, không

những cần về đường kinh-lẽ, lại cần về đường xã-hội nữa, vì hiện nay số người dân không có công việc làm nhiều lắm, phải dặt ra công-nghề cho họ có việc mà kiếm ăn.

Nói tóm lại thời nước Thổ ngày nay đương chăm về đường duy-tân lắm, nếu cải cách được hoàn-toàn thời có thể ví như một cái giải của Âu-châu liên sang đất Á-châu vậy. Nay mai đây sắp dặt một cái cầu bắc qua eo biển Bosphore thời đường xe lửa Orient-Express có thể đi luôn từ Paris đến Angora, rồi qua Alep, Damas và Bagdad sang đến Ấn-độ được. Thế là Đông-phương với Tây-phương sẽ nối liền nhau, mà nước Thổ tức là cái cầu để nối hai vãn-minh Đông Tây vậy.

Việc nước Tàu — Cứ theo như điện-tín hằng ngày gần đây, thì Tướng Giỏi-Thạch lại tuyên-bố ra nhận chức Tổng-tư-lệnh cầm quân Bắc-phạt. Lúc mới thì nhiều người thấy Tướng khoan-dung cho bọn ủy-viên Quảng-dông a-phụ với đảng cộng-sản, thì nhiều người còn trách-bị riết lắm, nào các đảng-bộ Quảng đông thì cảnh-cáo Tướng, các tướng-linh hai phái Giang-ninh và Hán-khẩu thì ra ý phản-kháng Tướng. Tướng cũng biết thế, nên không dợi kỳ Chấp-giám khai-hội, lúc- thì ra phục-chức và tuyên-ngôn kế-tục bắc-phạt ngay, để cho phá tan hết thảy những điều ngộ-hội.

Tướng trước định quét trừ nội-bộ miền Nam đã, rồi mới đem quân lên đánh miền Bắc. Song Trương Tinh-Giang, Lý Liệt-Quân và Thái Nguyên-Bồi thì bảo rằng miền Nam không cần phải đánh nhau, nếu đánh nhau thì bị phá bọn quân-phiệt miền Bắc họ lợi dụng cái cơ-hội ấy làm cho đảng quốc-dân lìa nhau. Vậy nên Tướng nghe lời liền đình ngay cái việc đuổi đánh Trương Phát-Khuê, Hoàng Kỳ-Tướng,

(hai tướng phương Nam, nghi có a-phụ với bọn cộng-sản. Sau có tin Trương Phát-Khuê đã bị thua chạy) mà thi hành ngay cái chính-sách « đánh Bắc hòa Nam ».

Tướng đã thân đến Từ-châu ra mặt trận để xếp dặt quân-số và đã cùng với Phùng Ngọc-Tường, Diêm Tích-Sơn hội-nghị ở Khai-phong (Hà-nam) quyết-định tổ-chức lại quân Cách-mệnh, chia ra làm bốn tập đoàn-quân, tổng-tư-lệnh tập đoàn-quân thứ nhất là Tướng Giỏi-Thạch, tổng-tư-lệnh tập đoàn-quân thứ hai là Phùng Ngọc-Tường, tổng-tư-lệnh tập đoàn-quân thứ ba là Diêm Tích-Sơn, tổng-tư-lệnh tập đoàn-quân thứ tư là Đàm Diên-Khải. Cái kế-hoạch bắc-phạt, hiện đã bàn tính xong cả rồi, quyết trong ba tháng sẽ làm xong. Đường Kinh-Tân do tập đoàn-quân thứ nhất chịu trách-nhiệm, đường Kinh-Hàn do tập đoàn-quân thứ hai chịu trách-nhiệm, đường Kinh-Tuy do tập đoàn-quân thứ ba chịu trách-nhiệm. Phương-diện Tề-ninh giao cho Phương Chấn-Vũ, phương-diện Đại-dinh giao cho Lưu Trấn-Hoa.

Tướng Giỏi-Thạch, Phùng Ngọc-Tường và Diêm Tích-Sơn đã quyết định cùng đánh quân liên-minh của Trương Tác-Lâm và Tôn Truyền-Phương, 300.000 lính quốc-dân sẽ dự vào trận ấy. An-quốc-quân định giữ thế thủ ở mặt nam và đánh Sơn-tây.

Cuộc hội-nghị Chấp-giám. — Cuộc hội-nghị chấp-giám gần đây mới khai-mạc, các ủy-viên đến đủ số như buổi hội dự-bị đã định là 29 người, ủy-viên chấp-hành có 21 người, ủy-viên giám-sát có 8 người, Tướng Giỏi-Thạch đọc lời khai-hội, đại-lược nói rằng : Nay là sau khi đã trừ đảng cộng-sản mở cuộc hội-nghị chấp-giám lần thứ tư, thực là hội trung-hưng của bản-đảng, vậy mong các đảng-viên trung-ương nên theo như di-chức của tiền-tổng-lý mở

cuộc đại-hội toàn-quốc và cuộc hội-ngộ quốc-dân lần thứ ba và mong rằng sẽ theo hai cái mục-dịch lớn sau này mà làm :

10) Hết thảy đều nên phân-đổi đảng cộng-sản và bài-trừ cái lý-luận của đảng ấy, thực-hành việc quốc-dân cách-mệnh ;

20) Nên theo như chủ-nghĩa tam-dân và đại-cương kiến-quốc của tiền tổng-lý mà thi-hành, lần này tự-hội là sự đoàn-kết về tinh-thần của các bạn đồng-chi trong đảng, có thể khiến cho dân-chúng cả nước và người nước ngoài biết rằng đảng quốc-dân không bao giờ liêu-diệt, ngày nay vẫn còn, vẫn chỉ dẫn dân-chúng để thực-hành chủ-nghĩa tam-dân.

Cuộc chấp-giám hội-ngộ ở Giang-ninh trên này độ vài ngày thì bế-mạc, nghe đâu các ủy-viên phái Vũ-hán và phái Quảng-dông, đều chưa có ai đến dự hội cả, coi chừng như hai phái ấy không chịu thừa-nhận cuộc đại-hội ấy.

Tò-chức lại Chính-phủ Quốc-dân. — Tướng Giới-Thạch lại cùng bọn Vu Hữu Nhiệm, Chu Bồi-Dức, Trần Thu-Nhân, Trần Quả-Phu có mở cuộc hội-ngộ tò-chức lại Chính-phủ Quốc-dân. Quyết định rằng :

10) Ủy-viên của Chính-phủ định là 35 người ;

20) Ủy-viên thường-vụ định từ 5 người cho đến 7 người, trong cử một người làm chủ-tịch ;

30) Chính-phủ Quốc-dân sẽ đặt ra tám bộ : ngoại-giao, nội-vụ, tài-chính, tư-pháp, nông-lâm khoáng-vụ, công-thương, giao-thông, giáo-dục ; và đặt ra ba viện giám-sát, thẩm-kế và khảo-thí ; lại đặt ra hai cục Móng Tàng và kiều-vụ cùng hai hội ủy-viên kiến-thiết và quân-sự.

40) Hội ủy-viên thường-vụ đặt ra hai nơi bí-thư và phó-quan, hai cục án-chủ

và pháp-chế, cùng sở tham-sự, đều chịu quyền chỉ-huy của viên chủ-tịch.

Quyết-nghị rồi, sẽ do cuộc đại-hội toàn-thể thông-quá rồi thi-hành ngay.

Hoàng Phu đã từ Thượng-hải đến Nam-kinh để nhận chức ngoại-giao tổng-trưởng thay Ngũ Triều-Khu, còn Quách Thát-Kỳ quyền-nhiếp chức ấy, từ khi Ngũ bỏ đi, nay lại về làm giao-thiệp thư-viên tại Thượng-hải.

Còn bọn Tôn Khoa cùng Ngũ Triều-Khu, Hồ Hán-Dân, Hứa Sùng-Trí, thì cùng nhau xuất-dương đi du-lịch các nước Âu Mỹ, định chia mỗi người đi khảo-sát một nơi, rồi sau họp nhau ở Thôn-nhĩ-kỳ.

Tin Hồ-nam. — Đạo quân tây-chinh do tướng Bạch Sùng-Hy, Trình Tiềm đốc-suất, đã chiếm được Trương-sa và Hành-châu. Các tướng Hồ-nam là Lý Phẩm-Tiên, Hà Kiện, Lưu Hưng đã đầu hàng. Tỉnh Hồ-nam đã khôi-phục được trật-tự.

Chính-phủ Quốc-dân có hạ lệnh cho đạo quân tây-chinh rằng nếu việc chiến-tranh đã kết-thúc xong, thì nên lập-tức chỉnh-bị quân-đội theo đạo quân đường Kinh-Hán dự vào việc Bắc-phạt.

Chính-phủ đã cử Lý Tôn-Nhân đến Hồ-nam và Hồ-bắc để bàn với Trình Tiềm và Bạch Sùng-Hi về việc ấy.

Tin Vân-nam. — Quân của Chính-phủ Vân-nam đã chiếm được Tào-dông là thành-phố ở phía cực-bắc Vân-nam, như vậy thì chính-phủ do Long-Vân chủ-trương đã thu-phục được hết đóng-bộ Vân-nam cho mãi đến chỗ Quý-châu và Từ-xuyên giáp-giới với nhau.

Chính-phủ Vân-nam đã gửi điện lên đến quan Chủ-tỉnh Quý-châu, nhắc lại tình thân-ái của hai tỉnh, và xin giao trả các tướng khởi nghịch là Hồ Như-Ngu, và Trương Như-Kỳ để trị tội.

Tướng Giới-Thạch đã công-bố cho khắp hạt Trung-hoa về việc Long Vân được cử vào chức chủ tọa hội-đồng ủy-viên và chương-binh các đạo quân thứ 3 và 39.

Chiến-lược của quân Phụng-thiên. — Trương Tác-Lâm vì thấy Tướng Giới-Thạch và Phùng Ngọc-Tường hội-nghị ở Khai-phong lập thành một cái hình-thế liên-hợp mới, nên có triệu các tướng để mở cuộc quân-sự hội-nghị.

Quyết-nghị rằng : 1º) đối với cái kế-hoạch bắc-tiến của quân Phùng, thì nên cố giữ lấy Đại-danh và thêm binh phòng giữ phía tây và hạ: đường Kinh-Hán và Tân-phổ ; 2º) Đối với Sơn-tây dầu có thể mong hòa được, nhưng đến lúc cần ra phải có cách ứng-phó.

Tôn Truyền Phụng nóng muốn lấy lại Từ-châu, Trương Tác Lâm đã bằng lòng liếp-tế khi-giới cho, nhưng đối với đường Tân-phổ hãy giữ thế thủ.

Việc trong nước

Nói về tài-chính và công-chính Đông-Pháp — Xét sổ dự-toán chung Đông-Pháp năm 1928 thời biết tài-chính của Đông-Pháp có tiến-tới hơn trước nhiều, từ nay có thể đủ mà thi hành dần được cái chương-trình lớn mở-mang kinh-tế trong bản-xứ.

Từ 1922 đến 1925, nhờ được cái tình-thế đặc-biệt (giá bạc cao, hối-đoái lợi), tài-chính được dự-dự, không cần phải đặt ra thứ thuế mới gì. Nhưng lệ thường, những khoản đặc-biệt chỉ được nhất-thời mà thôi, khi hết dần đi thời số thu-nhập thường cũng sụt dần mãi xuống: năm 1922, 53 triệu đồng, năm 1925, 48 triệu, còn thiếu bao nhiêu lấy vào kho trữ-bị cả. Năm 1927 thời phải đặt ra mấy thứ thuế mới, tuy Bộ duyệt chậm, mãi đến tháng bảy mới bắt đầu thu, nhưng đã không phải cần đến kho trữ-bị giúp nữa. Sổ dự-toán năm 1927, thời cứ các số thu-nhập thường đủ tương-đương với các khoản chi-xuất, mà cuối năm trực lại còn được thừa 3 triệu đồng. Các khoản thuế mới (như thuế 2 phần xuất-cảng) của quan Toàn-quyền VARENNE đặt ra năm 1927, đến năm 1928 này thời thi hành được hoàn-toàn, nên sổ dự-toán năm 1928 định là 91.500.000 đồng, số thường-thu tính xác là 72.000.000 đồng. Sổ dự-toán năm 1928 lập ra là chủ ba điều như sau này: một là không phải

cần đến kho trữ-bị; hai là trừ lấy số tiền đủ rộng để vừa chi các việc thường, lại vừa làm-thời chi được các khoản bất-thường phải thêm ra hay phải tăng lên; ba là dành ra mấy trọng-khoản để làm các việc công-chính mới, những khoản ấy làm-thời có thể dùng làm đảm-bảo cho một cuộc công-thải về công-chính. — Ba điều đó đã theo được đúng cả. Như mục công-chính, có một khoản mới gọi là « đại-công-trình » (*grands travaux*), dự 5 triệu đồng. Có điều nên chú-ý, là trước kia thời các việc công-chính thường bị hạn-chế vì số tiền ít, nay tiền kinh-phí có thể đủ được, chỉ lo số nhân-công với số kỹ-sư không đủ mà thôi. Ngay trong mục công-chính đã bắt đầu sắp - đặt lại chỉnh-đốn hơn trước, cái suất-số kinh-phí về tiền lương các quan-viên có kém đi mà cái suất-số về các công-trình tu-bổ và tạo-tác thì tăng lên nhiều lắm.

Các công-trình tạo-tác ấy, ở Đông-Pháp ngày nay là cần lắm, cũng vì cái trình-độ liên-hóa, cái trình-độ kinh-tế đã cao hơn trước, cần phải mỗi ngày một mở-mạng to-tát mãi ra.

Cứ xét sự giao-dịch buôn-bán thì đủ biết mỗi năm cõi Đông-Pháp một ngày một thịnh - vượng thêm ra biết dường nào và cần phải mở - mang ra bao nhiêu. So-sánh ngay mấy số

kinh-phí về công-chính như sau này. Năm 1925 các sổ dự-toán Đông-Pháp trừ về khoản công-chính tổng-cộng là 30 triệu đồng; năm 1926, cũng sấm-si một số đó; năm 1927 tăng lên 34 triệu, năm 1928 tăng lên 36 triệu. Sổ dự-toán chung, về mục công chính năm 1927 có 11 triệu, năm 1928 tăng lên 13.390.000 đồng.

Các khoản đó cốt dùng để mở đường cho tiện sự giao-thông, tiện sự khai-khẩn. Như đường sông Cửu-long trước kia bị những đá chẵn ngang sông ở Sambor, ngăn-trở tàu bè đi lại, nay đã bấn đa di, được tiện-lợi hơn trước. Ở Bắc-kỳ thời thường bị cái nạn vỡ đê ngập lụt, nên đã trừ tới 3.500.000 để sửa đê, một năm 1927 đắp tới 7 triệu thước đứng đất. Đường xe-lửa Vinh—Đông-hà đã làm xong. Đường xe-lửa răng-cưa từ Krongpha lên Dalat đã chạy được đến Bellevue; chẳng bao lâu nữa thì đi đến nơi «Cây bẹp» (*Arbre broyé*), bấy giờ thời Dalat mới thật thành một nơi nghỉ mát tiện-lợi. Trong cái đại-chương-trình tạo-tác ở Đông-Pháp thời các đường xe-lửa trừ vào số 85 triệu, các công-trình dẫn-thủy-nhập-diện vào số 37 triệu: xem những số đó thì biết cái cơ thịnh-vượng sau này thế nào. Hiện nay đã dự tính làm ba đường xe lửa mới, và đã trừ cách thi-hành rồi. Đường xe lửa từ Pnom-Penh đến Battambang và Lộc-ninh, Chính-phủ đã ký giao-kèo với công-ti thầu-khoán rồi. Đường Tân-ấp — Thakkek cũng đã thương-thuyết gần xong. Những đường xe-lửa ấy, các công-ti nhận khoán mà làm, nên đối với tài-chính Đông-Pháp không sợ phiền gì về sau.

Như trên kia đã nói, hiện nay về việc công-chính, không phải bị số tiền hạn-chế, mà chỉ bị số nhân-công, số kỹ-sư hạn-chế mà thôi. Cho nên đặt ra khoản « đại-công-trình », tức cũng

như một khoản trừ-bị, hễ số nhân-công, số kỹ-sư thêm ra bao nhiêu, thời cứ đem khoản trừ-bị đó ra mà thi-hành bấy nhiêu, cho kỳ đến mãn-số thời bấy giờ sẽ tính mở một cuộc công-thải về công chính, mà lấy khoản đó làm đảm-bảo vậy.

Cứ hiện nay thời mỗi năm có thể về về mục công-chính một thường-số là 7 triệu đồng, lấy ở tiền thu-nhập hàng năm thừa đủ, và một số phi-thường là 16 triệu đồng lấy vào tiền công-thải sau này để làm các đại-công-trình tạo-tác mới. Những số đó thiết - tưởng đã quá cái sức thực-hành của Đông-Pháp rồi, nếu nhiều hơn nữa thời cũng không có người đầu mà làm nổi được. Vậy về đường tài - chính thời không ngại là thiếu tiền; duy về đường công-chính thời phải chia ra việc gì là cần hơn phải làm trước cho vừa với cái sức thực hành của bản-xứ vậy.

Nhà học-sinh Đông Pháp ở Paris.

— Kỳ trước bản-chí đã nói ông A. R. FONTAINE hiện đương cõ - động đề lập ở xóm Học-sinh Paris một cái nhà cho học-sinh Đông-Pháp. Kỳ này in cái kiểu nhà đã vẽ xong. Nhà định làm một trăm buồng, có thể dung được một trăm người học-sinh. Kinh-phí phải tới ngót 5 triệu quan. Nên hội-dồng khởi-xương việc này định mở một cuộc đánh số và một cuộc lạc-quyên. Cuộc đánh số đã mở ở Sài-gòn do hội S. A. M. I. P. I. C. (*Société pour l'Amélioration morale, intellectuelle et physique des indigènes de Cochinchine*) chủ-trương, đương lục-lục gửi vé bán khắp mọi nơi; cuộc lạc-quyên thời hiện đương tổ-chức, sắp in sổ gửi đi quyên nay mai. Việc công-ích, chắc đồng-bào ta ai cũng hoan-ngheh. — Nguyên-xóm Học-sinh ở Paris, các nước đều có nhà học-sinh riêng cả, (Anh, Ti, Nhật, Gia-

nã-dại, v. v.); nếu cuộc cò-động này mà mau thành kết-quả thì Đông-Pháp ta cũng sẽ có một cái nhà riêng cho các học-sinh An-Nam, Cao-niên, Ai-lao, ở giữa xóm học-sinh, tức là một cái Hội Vạn-quốc nhỏ đó, kể thanh-niên du-học ở đây thật là hằng ngày được sánh vai giao-tiếp với người khắp các nước vậy.

Lược thuật việc trong tháng. — Trung-tuần tháng hai, tổng-dốc Tân-gia-ba (*Singapour*) là SIR HUGH CLIFFORD và Công-sứ Anh ở Xiêm, là WATERLOW, có sang du-lich ở Đông-Pháp, qua Cao-miên và Nam-kỳ.

Tự ngày mồng 3 đến ngày mồng 10 tháng ba, ở kinh-dô Nam-vang Cao-miên có làm lễ thiêu tử-thi ông cố-vương SISOWATH mất năm ngoái. Chính lễ thiêu là vào 5 giờ chiều ngày mồng 9, vua MONIVONG chủ lễ, quan quyền Toàn-quyền MONGUILLLOT bận việc ở Hà-nội không vào dự lễ được, có cử quan Đồng-lý Văn-phòng ngài là ông TRILLAT đi thay mặt.

Ngày mồng 6 tháng 3, quan Nguyên-sứ ANDLAUER, tổng-thống Đông-Pháp quân-vụ hết hạn cầm quân, xuống tàu về Pháp. Ngày mồng 7, quan tổng-thống mới là Nguyên-sứ LUBERT ở Pháp sang tới Sài-gòn.

Ngày mồng 7 tháng 3, 2 giờ chiều ở Thanh-hóa làm lễ khánh-thành sở máy điện mới. Sở máy điện này là do một nhà điện-học kỹ-sư An-Nam, ông Hoàng Văn-Ngọc chủ-trương, và một

công-ti Pháp (*Compagnie d'Équipement industriel*, là một tiểu-chi của công-ti Denis frères) cấp vốn, thật là một cuộc Pháp-Việt hiệp-tác, hợp với cái chính-sách đề-huê văn cò-động bấy lâu nay. Bởi thế nên quan Toàn-quyền MONGUILLLOT tuy bận nhiều công việc mà cũng thân-bhành tự Hà-nội về Thanh-hóa để chủ lễ khánh-thành đó. Ngài có diễn-thuyết mừng cho cuộc đề-huê và khen ông Hoàng Văn-Ngọc. — Ông Hoàng Văn-Ngọc chính là con quan nguyên án-sát Hoàng Văn-Chính; năm trước ông đã làm kỹ-sư ở Nam-dịnh, và đã có công đặt sở máy điện ở tỉnh ấy. — Bản-chi có lời mừng ông kỹ-sư Hoàng và chúc cho sở Điện Thanh-hóa được phát-dạt.

Giới-thiệu sách mới

— *L'Idéal du Sage dans la Philosophie confucéenne* (Cải quan - niệm người quân - tử trong triết-học đạo Khổng). Vừa Pháp-văn, vừa quốc-văn. Của ông PHẠM QUỲNH soạn. Mới xuất-bản trong « *Nam-Phong Tùng-Thư* » (hạng « đặc-biệt trước-tác »). Giá 4 hào một quyển. Bán ở Đông-kinh ấn-quân.

— Xin nhắc rằng *Nam-Phong Tùng-Thư* trước đã ra được ba quyển rồi: I. Văn-minh luận; II. Ba tháng ở Paris; III. Văn-học nước Pháp.

Quyển thứ IV. Chính-trị nước Pháp, đương in gần xong.



ART ET CINÉMA

Ce sont toujours les artistes qui nous apprennent à voir la nature ; je n'avais pas compris la beauté de Londres avant d'avoir vu certains Turners, mais, depuis que je les connais, je vois des Turner à chaque pas en me promenant le long de la Tamise. Certains aspects de la banlieue de Paris nous étaient absolument intelligibles avant Utrillo. La Nuit des Six Jours n'était pas belle avant que Morand l'eût décrite, ni les baignoires de l'Opéra avant Proust, ni un hall d'hôtel avant le *Dernier des Hommes*. Ce que l'artiste nous a montré, nous le retrouvons ensuite nous-mêmes. Ainsi l'artiste cinématographique crée pour nous la vie du mouvement qui existe et que nous négligions. Depuis que je vais beaucoup au cinéma, certains moments de la vie qui, auparavant m'ennuyaient parce qu'on n'y disait rien, sont devenus au contraire les plus riches et les plus divertissants. En attendant hier dans une banque, j'observais deux dactylographes et un caissier. Chacune des dactylographes exprimait merveilleusement son caractère par sa façon de frapper sur les touches. L'une, qui était laide et grasse, tapait avec fureur et semblait maudire la vie et les hommes. L'autre, qui était jolie, tapait deux lettres, puis s'arrêtait et souriait à des pensées lointaines et charmantes. Le caissier, lui, comptait les billets en remuant les rides de son front. Et tout cela, pour un Tolstoï du cinéma, aurait été amusant et vrai.

Dans une maison où l'on faisait de la musique, j'étais hier placé de telle façon que je ne voyais d'un gros homme que sa main, une main courte, épaisse, placée sur son genou et avec laquelle il battait la mesure. Et cette main était si vulgaire, si sottie, elle

pianotait si bien à contretemps, rythmant de la façon la plus insupportable la moins rythmée des mélodies que, tout de suite, on pouvait imaginer le caractère de l'homme auquel elle appartenait, sa mesquinerie, sa méchanceté et le malheur de sa femme. Il est certain que, dans un film, la simple projection de cette main et le regard anxieux d'une femme qui l'eût observée, aurait fait une scène excellente.

Donc, non seulement un art peut prendre comme matière des images en mouvement mais, en le faisant il nous enseigne à voir un univers nouveau et nous aide peut-être à éliminer doucement ce qu'il pouvait y avoir de trop verbal dans notre civilisation. Sans doute une longue rééducation nous rendra-t-elle en partie le pouvoir d'observation du primitif. Un Swift pourrait s'amuser à imaginer une humanité qui, dressée par le cinéma, redeviendrait entièrement silencieuse et où les hommes se comprendraient par de minuscules différences d'expression. Alors naîtraient des Proust de l'écran qui nous montreraient les imperceptibles mouvements des coins de bouche d'un ambitieux. On verrait des films qui auraient pour titre : « On apprend à un ministre sa chute », et où tous les détails du visage du ministre, projetés au ralenti, occuperaient une demi-heure. Mais si même on ne va pas aussi loin, je crois qu'un juste équilibre s'établira et que la naissance d'une imagination motrice nous ramènera plus près du réel. Si elle nous délivre de l'éloquence, elle nous aura rendu un grand service.

André MAUROIS,
(*L'art cinématographique*)